

ĐẶC SAN
BÌNH ĐỊNH



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

KÍNH BIẾU

VỚI SỰ CÔNG TÁC



Trường An	Đỗ Thị Thu Ba
Đặng Đức Bích	Vũ Ngọc Bích
Đỗ Hồng Châu	Đào Đức Chương
Nhất Dạ	Nguyễn Diêu
Nguyễn Quý Đại	Đắc Đăng
TS Trần Văn Đạt	Thục Diêm
Đường Anh Đồng	Nguyễn Thế Giác
Phan Văn Hàm	Nguyễn Công Hoàng
Chu Hà	Võ Bá Hà
Nhật Hạnh	BS Nguyễn Trác Hiếu KĐ
Đỗ Hùng	Hà Thúc Hùng
Hạo Nhiên	Thanh Hư
Nguyễn Tấn Ích	Huyền Vũ Lê Văn Huyên
Hoài Hương NTT	Đinh Thành Hưng
Bùi Thúc Khán	Đặng Hiếu Kính
Hà Quế Linh	Nguyễn Công Lượng
Nguyễn Tâm Linh	KL Nguyễn công Luận
Hữu Lê	Lê Phượng Nguyên
Phan Tưởng Niệm	Từ Lê Ngô
Hoa Trang Nguyên	Trác Như
TD Nguyễn Việt Nho	Cù Hoà Phong
Đặng Phú Phong	Ngô Đinh Phùng
Trúc Nhi	Tạ Chí Thân
Lê Tấn Phước	Bùi Thế Trường
Trần Minh Triết	Tiểu Sơn
Thiên Tâm	Uyên Thông
Nguyễn Thế Thiệu	Thư Trang Nguyễn Bá Thư
Thái Tấu	Lê Công Thành
Uyên Thông	Tạ Chương Trí
Nguyễn Thị Thọ	Tony Đinh
Phan Tấn Thiện	Lư Trung Tử
Quách Tứ	Linh Vang
Võ Ngọc Uyển	Nguyễn Vũ
Mỹ Vân	Trang Xuyên
Vĩnh Xuyên	

Cung Chúc Tân Xuân

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

KÍNH CHÚC
QUÍ ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU
QUÍ VĂN THI HỮU
QUÍ MẠNH THƯỜNG QUÂN

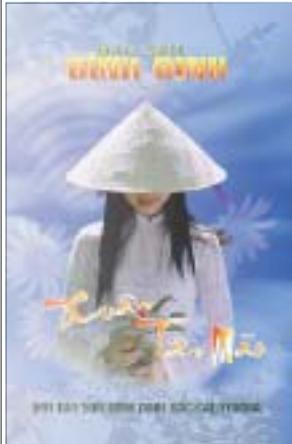
Một Năm Mới Tân Mão 2011

An Khang và Thành Võng



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI XUÂN TÂN MÃO**BÌA TRƯỚC****Nón Lá Gò Găng**

Gò Găng là một địa danh nổi tiếng thuộc địa phận xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, Tỉnh Bình Định. Nón lá Gò Găng mang nét văn hoá đặc thù của người dân Bình Định, từ bà mẹ quê mộc mạc, đến cô gái tinh thành duyên dáng cười trong nón, đều có một chiếc nón lá trên đầu. Trong ca dao Bình Định có những câu thơ tình tứ, lãng mạn của nón lá Gò Găng:



*Chàng đi đường dẫu gặp khó khăn
Cũng sao ghé lại Gò Găng quê mình
Vào đây ta tặng nón chung tình,
Hình chàng bóng thiếp in hình đôi ta.*

BÌA SAU**Tình Cha**

Bài thơ Tình Cha của anh Đặng Đức Bích đã được anh Thục Diêm họa lại và Nhạc Sĩ Đắc Đăng phổ nhạc, cả ba đều là đồng hương Bình Định.

Bản nhạc Tình Cha là một cảm xúc đồng điệu giữa Thơ và Nhạc của những người con hiếu thảo khi nhớ đến công ơn dưỡng dục sinh thành. Trong ca dao Việt Nam cũng có những câu thơ đầy cảm xúc như sau:



*Đêm đêm con thắp đèn trời
Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con*

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA 95121

Tel: (408) 224-7100 Fax: (408) 226-2782

Giấy phép hoạt động số: 254047 ngày 19-6-2003-Cali

BAN CỔ VĂN

Hoà Thượng Thích Giác Lượng, Bác Sĩ Cai Văn Dung,

Ô. Đinh Thành Bài, Ông Quách Tứ

Ông Trương Toại, Ô. Trần Trọng Khiêm,

Ô. Đàm Đức Chương, Ô. Đặng Đức Bích

BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng: Ông Tony Đinh

Hội Phó Nội Vụ: Ông Đoàn Hữu Đức

Hội Phó Ngoại Vụ: Ông Phan Thanh Hùng

Tổng Thư Ký: Ông Đường Anh Đồng

Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Mỹ

BAN GIÁM SÁT

Ông Nguyễn Bá Thư, Ông Nguyễn Diêu, Ông Cao văn Phổ

BAN KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN

Ông Nguyễn Cẩm Mậu

BAN THÔNG TIN BÁO CHÍ

Trưởng Ban Biên Tập: Đặng Đức Bích

Phó Ban Biên Tập: Quách Tứ

Ban Biên Tập: Trương Toại, Nguyễn Bá Thư, Đàm Đức Chương

Trình bày: Đường Anh Đồng

BAN VĂN NGHỆ VÀ TIẾP TÂN

Ông Bảo Tố, Ông Phan Thái

BAN GIAO TẾ XÃ HỘI

BS Trương thế Phiệt, Ông Nguyễn Mai, Ô. Đỗ Hữu Hạnh

BAN THANH THIẾU NIÊN

Ông Võ Hân



Lá Thư Xuân

■ Tony Dinh

Kính thưa Các bậc Trưởng Thượng

Kính thưa Quý Đọc Giả

Kính thưa Quý Đồng Hương và Thân Hữu

Năm Canh Dần đã qua đi, một năm mà nền kinh tế Hoa Kỳ dẫn đến suy thoái trầm trọng hơn so với những năm 2008 và 2009. Mặc dù Quỹ dự trữ Liên Bang tung ra gần 1,000 tỷ dollars để yểm trợ và cứu nguy cho nền kinh tế trong hơn 1 năm qua.

Kính thư Quý vị, trước thêm năm mới-năm Tân Mão 2011- chúng ta hy vọng và tin rằng nền kinh tế Hoa Kỳ sẽ có cơ phục hồi và phát triển trong thời gian ngắn sắp tới. Vì chu kỳ suy thoái lần này đã kéo dài suốt 4 năm qua từ 2007 cho đến cuối năm 2010. Đây cũng là chu kỳ kinh tế “down turn” lâu dài nhất, tệ hại nhất của Hoa Kỳ trong vòng hơn 7 thập niên qua. Có thể so sánh chu kỳ đại suy thoái trong lịch sử Hoa Kỳ từ năm 1929 đến năm 1933 “Great Depression”. Chúng ta hy vọng và tin rằng chính phủ Hoa Kỳ cũng như Ông Ben Bernanke - Chủ tịch Quỹ dự trữ Liên Bang “Federal Reserve Board” với đầy quyền lực và khéo léo sẽ tránh được tình trạng suy thoái trong những ngày tháng sắp tới.

Kính thưa Quý Vị, trong những ngày đầu xuân Tân Mão này có ai trong chúng ta lại không bồi hồi nhớ về Quê Hương xứ sở, có ai trong chúng ta lại không nhớ về gia đình những người thân thương ruột thịt còn ở lại quê nhà như Ông Bà, Cha Mẹ,

anh em, họ hàng. Có ai trong chúng ta lại không bồi hồi tưởng nhớ và xót thương cho những nấm mồ , những ngôi mộ của giòng họ, gia đình đã thiêu hoặc không có người thăm viếng, chăm nom?. Và có ai trong chúng ta từ những người trẻ cho đến lão thành không đau lòng khi biết được đảng Cộng Sản đã dâng hiến những vùng đất ở biên giới, những hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa cho Trung Cộng trong những thập niên qua. Có ai trong chúng ta lại không đau lòng khi biết được rằng ở quê nhà nhiều nhà thờ, nhiều chùa chiền và đất đai của người dân đã bị cướp đoạt, và nhiều nhà đấu tranh vì tự do và nhân quyền cho đồng bào đã bị đàn áp dã man hoặc bị cầm tù.

Năm Tân Mão sẽ là năm của Niềm Tin và Hy Vọng:

“ Hy vọng và tin rằng: Nền Kinh Tế Hoa Kỳ sẽ phục hồi để mọi người tìm được việc làm.”

“ Hy vọng và tin rằng: toàn dân Việt Nam sẽ đứng lên đòi tự do, giành lại quyền sinh sống của con người đã bị Cộng Sản tước đoạt trong nhiều thập niên qua.”

Kính thưa quý vị, nhân dịp đầu năm Tân Mão, thay mặt Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California, Tôi xin kính chúc quý vị và gia quyến một năm mới An Khang, Thịnh Vượng và Hạnh Phúc. Đồng thời, tôi cũng xin chân thành cảm ơn quý vị trong Ban Biên Tập, Quý Văn Thi Hữu , Thân Hữu xa gần, Quý Mạnh Thường Quân đã quan tâm và yểm trợ ấn phí để thực hiện Đặc San Xuân Tân Mão năm nay.

Hy vọng và mong rằng Đặc San Bình Định sẽ được quý vị quan tâm và chiếu cố để duy trì và phát huy những nét đặc thù của Quê Hương Bình Định nhằm tạo cơ hội cho thế hệ trẻ nhớ về Cội Nguồn thân thương ở quê nhà.

Một lần nữa, trong niềm hân hoan của những ngày đầu Xuân Tân Mão 2011, tôi xin chân thành kính chúc quý vị và gia quyến một năm mới được dồi dào Sức Khoẻ, An Lành và Hạnh Phúc.

Trân Trọng kính chào,

Tony Dinh

MỤC LỤC



Lá Thư Xuân.....	<i>Tony Đinh</i>	2
Thay lời tựa.....	<i>Đặng Đức Bích</i>	9
Thơ Xuân Tân Mão.....	<i>Đặng Đức Bích</i>	12
Sớ Táo Quân.....	<i>Nguyễn Thế Giác</i>	13
Mèo trong khoa học.....	<i>Nguyễn Quý Đại</i>	21
Những năm Tân Mão.....	<i>Trác Như</i>	30
Thơ_Gọi Nắng	<i>Chu Hà</i>	44
Viết cho một người...	<i>Nguyễn Thế Thiệu</i>	45
Tiếng Hát Đêm Xuân	<i>Đắc Đặng</i>	48
Hai Thành Phố	<i>Bùi Thúc Khán</i>	49
Điếc Văn Anh Giuse.....	<i>Nguyễn Bá Thư</i>	50
Chùa Thập Tháp	<i>Cù Hoà Phong</i>	52
Quê Hương Tang Tóc.....	<i>Ngô Đình Phùng</i>	61
Trang sử giữ nước..	<i>Đào Đức Chương</i>	62
Xuân Chiến Thắng.....	<i>Mỹ Vân</i>	84
Bài Học Năm Xưa.....	<i>Nguyễn Diêu</i>	84
Bạn Tôi	<i>Thanh Hu</i>	85
Nhớ về Tam Quan.....	<i>Trần Minh Triết</i>	99
Một Cánh Thư Tình.....	<i>Huyền Vũ Lê V. Huyền</i>	100
Lữ Khách và Cố Hương	<i>Vĩnh Xuyên</i>	108
Thử tìm hiểu cuộc CM.....	<i>Tiến Sĩ Trần V Đạt</i>	109
Nợ Văn Chương	<i>Tạ Chương Trí</i>	125
Chuyện Tình Đơn Phương.....	<i>Thái Tẩu</i>	126
Máy nén đường quê	<i>Phan Tấn Thiện</i>	131
Canh Khổ Qua Ngày Tết	<i>Hoa Trạng Nguyễn</i>	136
Lên núi nghe chuông ngân	<i>Không Đạt</i>	143
Thơ Xướng Hoạ.....	<i>Đặng Đức Bích</i>	144
Chuyện các pho tượng	<i>Trang Xuyên</i>	152
Rừng vàng biển bạc	<i>Đỗ Hùng</i>	160
Quê Hương của mình	<i>Quách Tú</i>	162
Một đời vì thơ.....	<i>Bùi Thúc Khán</i>	168

Hoài Thu đất khách.....	<i>Lê Công Thành</i>	175
Báo cáo sinh hoạt Hội.....	<i>Đường Anh Đồng</i>	176
Chung trà tái ngộ	<i>Đặng Phú Phong</i>	194
Mời Bạn đi thăm quê tôi	<i>Từ Lê Ngô</i>	197
Nỗi niềm cảm tác	<i>Lê Công Thành</i>	200
Cầu sông Vân	<i>Trúc Nhi</i>	201
Bãi Biển Đại Lãnh	<i>Không Đạt</i>	208
Một câu kệ quan trọng.....	<i>Bùi Thế Trường</i>	209
Mãi nhớ em một thời	<i>Phan Tưởng Niệm</i>	216
Đọc sách người xưa	<i>Tiểu Sơn</i>	217
Má ơi con biết làm sao?	<i>Thiên Tâm</i>	225
Khai bút đầu Xuân	<i>Thiên Tâm</i>	226
Mẫu người văn hoá Việt	<i>TD Nguyễn Việt Nho</i>	227
Ánh Xuân_Nhạc	<i>Nhật Hạnh</i>	237
Những cánh thư gửi vợ	<i>Lê Tân Phước</i>	238
Em xin tạ lỗi cùng người	<i>Linh Vang</i>	245
Chớm Thu	<i>Uyên Thông</i>	257
Hàng Xóm	<i>Trường An</i>	258
Tháng Tư mùa thao thức	<i>Hao Nhiên Ng T. Ich</i>	274
Thư Nhà	<i>Lê Phương Nguyên</i>	276
Kỷ Niệm	<i>Vũ Ngọc Bích</i>	279
Thơ Tình	<i>Đỗ Hồng Châu</i>	283
Notradamus và những.....	<i>Hà Thúc Hùng</i>	284
Tình vương xóm nại.....	<i>Võ Bá Hà</i>	292
Khái niệm về bát trạch.....	<i>Lư Trung Tử</i>	293
Thương nhớ bốn mùa.....	<i>Hoài Hương NTT</i>	300
Hận thù làm chi.....	<i>Nguyễn Tâm Linh</i>	301
Tự Thủ	<i>Võ Ngọc Uyển</i>	304
Bình Khê_Trận đánh.....	<i>Hà Quế Linh</i>	305
Mùa Xuân vàng áo em bay	<i>Đỗ Thị Thu Ba</i>	315
Làng Xuân Hoà	<i>Nguyễn Diêu</i>	317
Trang sưu tầm và	<i>Quách Tú</i>	321
Chúc Mừng		324
Phân ưu		326
Danh Sách Đồng Hương.....		330
Thư Cảm Tạ		336
Nội Quy của Hội TSBD Bắc Cali		339



Thay Lời Tựa



Cứ mỗi lần Xuân về lại gợi cho chúng ta nhớ thêm về quê hương xứ sở, về quê cha đất tổ mà tiền nhân đã dày công dựng nước và giữ nước. Sự giao cảm giữa trời đất và con người trong các lễ tế giao, để cầu xin cho thiên hạ được thái bình, bá tánh an vui, đã có từ ngàn xưa. Mùa Xuân là mùa của hy vọng, của sự đổi mới sau cái lạnh lẽo khắc nghiệt, u ám của mùa Đông. Đó cũng là ý nghĩa của sự biến hóa đổi thay của vũ trụ, luật tuân hoàn của tạo hóa.

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California hằng năm phát hành tập Đặc san Bình Định Bắc Cali, gởi biếu Quan khách và Đồng hương Việt Nam trong buổi tiệc Tất niên hoặc Tân niên. Năm nay năm thứ 11, cuốn Đặc san ra mắt quý vị trong không khí vui tươi và nhộn nhịp của những ngày xuân Tân Mão 2011 tại San Jose, California.

Chúng tôi xin cảm ơn quý Văn, Thi hữu, quý Đồng hương tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác, đóng góp bài vở, truyện ngắn, tùy bút, dịch thuật, biên khảo, di tích lịch sử, thắng cảnh quê hương, sô táo quân, nhạc, thơ đủ loạiChúng tôi cũng xin cảm ơn anh Đường Anh Đồng, Tổng Thư Ký Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã bỏ thì giờ và công sức đánh máy các bài viết tay layout bài vở và hình ảnh, làm cho tờ báo càng thêm khởi sắc. Hình bìa Đặc san năm nay do anh Hồ Hiệp, một cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt trình bày, anh Hiệp đã bỏ nhiều tâm huyết vào một tác phẩm hình bìa rất nghệ thuật với đề tài: “Nón lá Gò Găng”, một địa danh nổi tiếng của quê hương Bình Định.

*Bình Định nón Gò Găng
Bún song thần An Thái
Lụa đậu tư Nhân Ngãi
Xoài tượng chín Hưng Long
Mặc ai mơ táo ước hồng
Tình quê em giữ một lòng trước sau*

Đặc san Tây Sơn Bình Định Bắc California là linh hồn của Hội. Chúng ta là những người Việt ở hải ngoại, vì quốc nạn phải bỏ nước ra đi, mang theo tấm lòng yêu nước, lúc nào cũng hướng về đất Mẹ mến yêu, muốn bảo tồn nền văn hóa dân tộc Việt.

Chúng tôi ước mong các bạn trẻ đóng góp bài vở nhiều hơn nữa trong các số báo kế tiếp, để tờ Đặc san thêm màu sắc mới. Vì khuôn khổ trang báo có hạn, rất tiếc một số bài gửi đến, không đăng được trong lần này, xin cáo lỗi và sẽ đăng trong những kỳ tiếp.

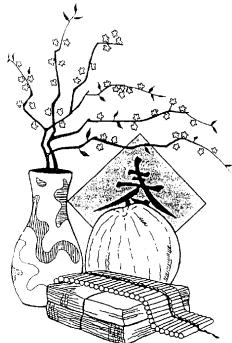
Trước thềm năm mới, chúng tôi kính chúc Quý vị cùng Bửu quyến, năm mới Tân Mão 2011 dồi dào sức khỏe, thịnh vượng an vui, tràn đầy hạnh phúc..

Trân trọng,

Chủ Biên

Triều Phong Đặng Đức Bích

Xuân Tân Mão



Tân Mão kết đoàn khách viễn phương
Quê hương xa cách vạn niềm thương
Xuân về nắng ấm tươi cành trúc
Hạ đến trăng thanh mát cánh hương
Nhè nhẹ đồi cao mây quyện khói
Lăn tăn hồ rộng nước vờn gương
Xuân lai Xuân khứ Xuân hy vọng
Đất nước hồi sinh ngập ánh dương

Triều Phong Đặng Đức Bích

Số Táo Luân

Thần Táo Quân Nguyễn Thế Giác
phụng soạn



Muôn tâu Thánh Thượng.
Thần dập đầu dưới trướng.
Xin lượng trời phân minh.
Cho Thần được trân tình.
Không về chầu năm trước.
Đời mấy ai biết được.
Sinh, lão, bệnh, tử đâu!
Thần sống cũng nhiệm mầu.
Nhờ ân đức Thánh Thượng.
Cả năm rồi vất vưởng.
Sợ Ngài buồn thế gian.
Nên giấy bút vội vàng
Ráp bo năm Đinh Mão.
Táo: Quang Trung chi bảo!
Thần tốc như Tây Sơn.
Việc năm qua thiệt, hơ.
Cùng Minh Niệm đầy đủ.
Ngài sê nghe chuyện cũ.
Lý thú biết chừng nào.
Rồi dùng ngọn đà đao.

Trị tội loài phản tặc.
Để những con dúc dắc.
Bớt hoạt đầu dương gian..
Cho thế giới khang an.
Hoà bình và thịnh vượng.
Thần hanh diện dưới trướng.
Một mình quân đèn trời.
Chiếu sáng cả giống nòi.
Khắp năm châu bốn bể
Năm Đinh Mão thậm tệ.
Sẽ lần lượt tấu trình.
Xin Thánh Thượng phân minh.
Trời kêu ai nấy dạ!
Thần bắt đầu Châu Á.
Diễn hình nước Việt Nam.
Cả một bọn tham quan.
Toàn những phuơng ô lại.
Không chịu lo canh cải.
Chuyên đớp hít thảng tay.
Cả nước vốn ăn mày
Bắc- Trung- Nam bị gậy.
Nhà Nước cứ nguây nguẩy.
Tiến tới cõi Đại Đồng.
Mở mắt thấy tay không.

Mới hay... à ra thế!	Dân Tàu từng kinh đởm.
Ái Nam Quan ngạo nghẽ.	Loài kình ngư Đông Phương.
Đã về chú Tàu phù.	Những bài học máu xương.
Biển Đông còn mịt mù.	Còn sờ sờ ra đó!
Dân tình muối khóc thét.	Sầm Nghi Đống sốt vó.
Bọn quan lại mặt mèt.	Tôn Sĩ Nghị hoảng hôn.
Có dám nói gì đâu.	Vạn quân Thanh mồ chôn.
Sợ ngọn gai yết hầu.	Ngọc, Hà Hồi nấm nợ.
Đâm sâu vào cổ họng.	Lịch sử đâu là gió?
Thế là dân đớp sóng.	Chỉ thoáng qua mà thôi!
Nuốt gió chử sao hơn.	Dám đội đá vá trời.
Nhin Trưởng Sa căm hồn.	Làm tiền nhận khóc thét.
Chẳng biết làm gì hết.	Lý Công Uẩn muối hé.
Vỡ lẽ ra chú Chệt.	Cho vỡ tung mộ lên.
Mua thời Phạm Văn Đồng.	Đám chăn dân đã quên.
Cụ Hồ còn biếu không	Truyền thống một dân tộc.
Cả giòng thác Bản Giốc.	E nước nhà thảm khốc.
Bắc Bộ Phủ công cốc.	Thực Dân Mới rồi đây.
Triều cống luôn Tây Nguyên.	Chúng xâm nhập từng ngày.
Tròn chúc thư vô duyên.	Trước sau thành đại Hán.
Cửa- Bác- Hồ- Vĩ- Đại. (sic)	Khi châm ngòi cách mạng.
Con dân Việt ái ngại.	Chợ lớn là Hậu Càn
Đất là của ông cha.	Cao Nguyên đường chuyển quân.
Ai đem cõi sơn hà.	Trường Sa chốt hải tặc.
Đi bán rao chào khách.	Ái Nam Quan lũ giặc.
Lời Thân tuy bộc bạch	Tuần tự tiến xa hơn.
Nhưng không dám đổi lòng.	Hà Nội sốt lên cơn.
Chuyện ngàn năm Thăng Long.	Chỉ gục đầu dâng sớ.
Chỉ toàn là điếu dóm.	Thấy hoạ đồ rộng mở.

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

Bọn thảo khấu cường son.	Chị Công Nhân rã rời.
Đại kiệt dành ngậm hờn.	Mấy năm găm cùi sắt.
Đã tiếc công mở nước.	Để những tên dốt đặc.
Giữ vững ngàn năm trước.	Tựa cán mai gỗ ghè.
Giờ cổng hổ sao đây?	Lên lớp... hết chõ chê!
Làm vừa lòng quan thầy.	Ba bồ ngu chiếm cả.
Khỏi môi hở răng lạnh.	Đạo pháp thật vất vả.
Việt Nam thân khó tránh.	Sư, Cha nhìn cảnh đời.
Một hiểm họa da vàng.	Quốc Doanh lộng như rươi
Bắc Phương bợn lòng lang.	Toàn oái oăm miệt thị.
Còn hơn loài dã thú.	Nay hăm doạ chiếu chỉ.
Hỡi Người Việt ưu tú.	Mối Công An thanh trừng.
Dành chịu vong quốc nô?	Táo Thần thấy dửng dưng.
Dù lực kiệt, thế cô.	Xách tráp chuồn khỏi nước.
Bài học xưa châu chấu.	Ngán ngẩm loài bạo ngược.
Trình Ngọc Hoàng thẩm thấu.	Xách nhiễu mụ Táo bà.
Cho dân bớt điêu linh.	Rồi làm chuyện xấu xa.
Hết Côn Dâu hôn kinh.	Đòi thêm tiền mãi lộ.
Đến Thái Hà bạt vía.	Nhờ lượng trời đức độ.
Nghe kinh thiên động địa.	Bay đến xứ Nam Hàn.
Bất đồng chánh kiến thôi!	Mở hồ sơ ngàn trang.
Cũng bó gối kêu trời	Vụ tàu chìm trên biển.
Rồi vào tù xộ khám.	Kim- Dong- Iêu lớn tiếng.
Cả nước còn ai dám.	Mọi chuyện đều nơ pa.
Dù là tiếng dân oan.	Đảng tiếp tục nói gà.
Sẽ cũng bị ốm đòn.	Mong người ta tưởng vẹt.
Đừng hòng là nguyễn vọng.	Ngõ thế giới mù tịt.
Người cầm bút cầm họng.	Đầy chứng cứ rành rành.
Thầy cãi lột lịch chơi.	Thủy lôi của các anh.

Còn sờ sờ ra đấy.	Người Việt đều sung sướng.
Bình Nhuõng muốn ô chấy.	Khỏi vấn nạn an sinh.
Nhưng làm sao phi tang.	Cả xứ sở thanh bình.
Liên Hiệp Quốc đăng đàn.	Dân miên trường hạnh phúc.
Chờ đồng minh luận tội.	Nhưng rồi Thần lục đục.
Thần thấy cứ đôi chối.	Lên tàu sang Âu Châu.
E thân già vạ lây.	Đi một dọc Liên Âu.
Về Trung Quốc cùng ngày.	Nghe ngóng thêm đại sự.
Lưu Hữu Ba nhận giải (Nobel).	Những Quốc Gia tình tự.
Trung Cộng còn tranh cãi.	Năm san sát bên nhau.
Hình sự là phạm nhân.	Quen sống nhờ xã giao.
Có gì được đặc ân?	Thấy không gì bất ổn.
Dám phát bồng phát biếc.	Tuy kinh tế thiếu thốn.
Đảng mồm to tai điếc.	Vấn nạn chung toàn cầu.
Mặc ai ôm song tù.	Nhưng sinh hoạt đâu đâu.
Dù nhứt nhụt thiêng thu.	Cũng không gì thay đổi.
Chẳng quan tâm sai trái.	Chỉ nước Pháp rắc rối.
Kẻ Khôi Nguyên bạc đãi.	Cả thợ thuyền đình công.
Vẫn dài lưng đợi thời.	Ngặc vì ngài tông tông.
Chờ công lý gọi mời.	Muốn tăng tuổi hưu trí.
Khi đèn trời thấp sáng.	Dân thì cũng có lý.
Thần loay hoay chờ sáng.	Chính Quyền chẳng hô bao.
Lên tàu thẳng Đông Phương.	Tương lai còn lao dao.
Nước Úc vốn xa đường.	Đất nước sẽ lận đận.
Nhưng Thần không quản ngại.	Thế mà hai tuần lận.
Dân tình sống thoải mái.	Cứ đả đảo hoan hô.
Một nước là một Châu.	Rác ngập lụt Thủ Đô.
Không ai dám dứt đâu.	Làm dân đen chờ đợi.
Vào tranh giành ảnh hưởng.	Thần bay qua Chí Lợi.

<i>Thăm thợ mỏ nước này.</i>	<i>Ngày World Cup ra đời.</i>
<i>Sống hơn sáu mươi ngày.</i>	<i>Phi Châu dám đăng ký.</i>
<i>Giữa độ quay lòng đất.</i>	<i>Thần tập trung ý chí.</i>
<i>Tưởng mồ chôn sâu nhất.</i>	<i>Bay qua xứ Trung Đông.</i>
<i>Vĩnh biệt cõi dương trần.</i>	<i>Khối Ả Rập bất đồng.</i>
<i>Thần bùn rùn châu thân.</i>	<i>Về giống dân Do Thái.</i>
<i>Những chuyện không thành có!</i> Ai Rân không ngần ngại.	
<i>Sợi tóc đều giao phó.</i>	<i>Xoá bản đồ nước này.</i>
<i>Đến các đấng quyền năng.</i>	<i>Nhớ thằng ngổ vung tay.</i>
<i>Việc gì dẫu khó khăn.</i>	<i>Diễn đàn Liên Hiệp Quốc.</i>
<i>Đấng vô hình định đoạt.</i>	<i>Làm thần muốn ngày ngật.</i>
<i>Những linh hồn cứu thoát</i>	<i>Xứ ngàn lẻ một đêm.</i>
<i>Mọi người được an toàn.</i>	<i>Chuyện ít xít nhiều thêm.</i>
<i>Đoàn tụ với vợ con.</i>	<i>Nóng còn hơn sa mạc.</i>
<i>Nghe dãy đầy kinh ngạc.</i>	<i>Được Ngọc Hoàng ủy thác.</i>
<i>Chắc Ngọc Hoàng ủy thác.</i>	<i>Thần mạo muội thân chinh.</i>
<i>Chưa giũ sổ Nam Tào.</i>	<i>Xin bớt giận lôi đình.</i>
<i>Nên có chuyện nhìn nhau.</i>	<i>Doạ chế bom nguyên tử.</i>
<i>Người về từ cõi chết.</i>	<i>Đồ bồ hung cổ dữ.</i>
<i>Thần cơ hồ mỏi mệt.</i>	<i>Chẳng ai muốn đón chào.</i>
<i>Bay qua tận Phi Châu.</i>	<i>Hủy hoại không gươm đao.</i>
<i>Xứ vàng đen cơ cầu.</i>	<i>Tự giết mình chẳng khác.</i>
<i>Dám tổ chức bóng đá.</i>	<i>Ai Rắc nghèo xơ xác.</i>
<i>Chẳng bao giờ mặc cả.</i>	<i>Tái thiết cũng còn lâu.</i>
<i>Làm thế giới nghiêng mình.</i>	<i>Nội chiến đã hết đâu!</i>
<i>Anh, Pháp, Mỹ hôn kinh.</i>	<i>Lòng người luôn ly tán.</i>
<i>Thẳng điếc không sợ súng.</i>	<i>Khủng bố lập băng đảng.</i>
<i>Chẳng ngọt lời chúc tụng</i>	<i>Chuyên bắt cóc thủ tiêu.</i>
<i>Cột- Nhà- Cháy chịu chơi.</i>	<i>Ma- Li- Ki buồn thiu.</i>

<i>Gặp Hồng Y xin lỗi.</i>	<i>Không khéo hai năm nưa.</i>
<i>Thú thật không giữ nổi.</i>	<i>Thượng Viện lại đi đóng.</i>
<i>Al- qui- đa lộng hành.</i>	<i>Thế là ngọn cuồng phong.</i>
<i>Hoà bình quá mong manh.</i>	<i>Đã cáo chung Dân Chủ.</i>
<i>Trung Đông lò thuốc nổ.</i>	<i>Ô- Ba- Ma tự thú.</i>
<i>Hồi Giáo muốn củng cố.</i>	<i>Mất cả chì lấn chài.</i>
<i>Một triều đại Saddam.</i>	<i>Tiền beo- ao cung khai.</i>
<i>Nên chẳng chịu hòa đàm.</i>	<i>Còn dài hơn sớ Táo.</i>
<i>Sau bao năm súng đạn.</i>	<i>Cho những phuờng bát nháo.</i> (CEO)
<i>Mỹ đến A Phú Hãn.</i>	<i>Tha hồ làm cá tra.</i>
<i>Cả lực lượng Na- Tô.</i>	<i>Quỹ Liên Bang Quốc Gia.</i>
<i>Kiểm soát từ thành đô.</i>	<i>Còn hơn tiền âm phủ.</i>
<i>Đến núi non hùng hậu.</i>	<i>Hai năm trời thức ngũ.</i>
<i>Phá vỡ rừng trồng thấu.</i>	<i>Dân thất nghiệp dài người.</i>
<i>Xuất cảng sang Tây Phương.</i>	<i>Mỗi mắt chờ job thôi!</i>
<i>Làm vũ trụ nhiều nhương.</i>	<i>Mòn con ngươi không có.</i>
<i>Cũng vì nạn hút xách.</i>	<i>Nhà bank đồ phải gió.</i>
<i>Thần lên tàu một mạch.</i>	<i>Cứ kéo nhà khơi khơi.</i>
<i>Về lại xứ cờ hoa.</i>	<i>Đem đấu giá chợ trời.</i>
<i>Thắng tắp lên Thủ Đô</i>	<i>Dân chết nào ai biết.</i>
<i>Ráp bo thật đầy đủ.</i>	<i>Ông Đen có thương tiếc.</i>
<i>Tổng Thống đảng Dân Chủ.</i>	<i>Cũng chẳng giúp được gì.</i>
<i>Đã xuống dốc không phanh.</i>	<i>Vài tháng lương cu ki.</i>
<i>Cố xe lao thật nhanh.</i>	<i>Rồi cũng lại meo mõm.</i>
<i>Mất toi cả Hạ Việt.</i>	<i>Giới tiểu thương kinh doanh.</i>
<i>Bảy mươi năm sĩ diện.</i>	<i>Cả vốn liếng sạch tay.</i>
<i>Đã đến lúc đây này.</i>	<i>Đếm nhiệm kỳ từng ngày.</i>
<i>Thôi rồi hết múa may.</i>	<i>May ra còn làm lại.</i>

<i>Đại công ty sợ hãi.</i>	<i>Tòa Hắc Óc dãu giờ.</i>
<i>Chẳng ai muốn ra quân.</i>	<i>Cũng đổi màu trở lại.</i>
<i>Sợ heo- ke quá chừng.</i>	<i>Chẳng còn ai chối cãi.</i>
<i>Quốc Gia thành vỡ nợ.</i>	<i>Lịch sử không nữa đâu!</i>
<i>Thuế không đóng đã chờ.</i>	<i>Tái diễn chỉ nhiệm màu.</i>
<i>Hôm- lết đi đầy đường.</i>	<i>Do bàn tay Thượng Đế.</i>
<i>Chỉ hai năm ma vương.</i>	<i>Thần dập đầu đầu đánh lẽ.</i>
<i>Đã ưng ùng nổi dậy.</i>	<i>Trình Ngọc Hoàng thứ tha.</i>
<i>Ô- Ba- Ma cũng thấy.</i>	<i>Tội lỗi cõi ta bà.</i>
<i>Ý dân là ý trời.</i>	<i>Thật hăng hà sa số.</i>
<i>Chẳng dám nói khơi khơi.</i>	<i>Năm Đinh Mão thương lộ.</i>
<i>Mà làm thì không có.</i>	<i>Thần về lại thế gian.</i>
<i>Hai năm nữa lắp ló.</i>	<i>Chúc Thánh Thượng an khang.</i>
<i>Thấy cũng chẳng được chi.</i>	<i>Cầu phước như Đông Hải.</i>

*Táo Thân của Quang Trung đại đế
Đòi ai còn ai mất?*

MÈO TRONG KHOA HỌC- ĐỜI SỐNG -THI CA

■ Nguyễn Quý Đại

Theo Âm lịch Tết cổ truyền Việt Nam năm nay là ngày thứ Năm 03.02.2011 thuộc chi Mão, mèo đứng thứ 4 trong 12 con giáp. Mười hai con giáp xuất hiện trong Bát quái của Kinh dịch, lịch Tàu họ chọn Thỏ, nhưng người Việt chọn mèo vì nó gần với đời sống Văn hóa Việt Nam. Mèo dịu dàng dễ thương như chó, nhưng mèo được thuần hóa sau cùng.

Những nhà Khảo cổ học nghiên cứu dòng họ nhà mèo có từ thời tiền sử hàng triệu năm, đã hóa thạch từng tìm thấy ở các Châu lục. Mèo rừng (Wildkatze/ Forest cat) ở Phi Châu tên khoa học (*Felis Silestris lybica*), được thuần hóa trở nên mèo nhà (*Hauskatze*) tên khoa học (*Felis Silestris Catus*). Thời cổ đại người Ai Cập (*Agypten*) thuần hóa mèo khoảng 6000 năm trước Công nguyên (viết tắt TCN), tuy nhiên người ta cũng tìm thấy răng xương mèo khoảng 9000 năm TCN trong ngôi mộ cổ ở Jericho Isarel, ở đảo Zypern 5000 năm TCN và thung lũng Indus Harppa 4000 năm TCN. Thời cổ đại thuần hóa mèo vì chuột cắn phá mùa màng, mèo bắt chuột bảo vệ thực phẩm và săn các loại rắn độc nguy hiểm như Kobras và Vipern, từ đó mèo gắn liền với đời sống con người.

Nguồn gốc của mèo.

Mèo thuộc bộ ăn thịt (carnivore) cùng họ Felidea, các thành viên cùng họ với mèo to lớn (Pantherinae) như: Leopard (*Panthera pardus*); Gepard (*Acinonyx jubatus*); Lưwe (*Panthera leo*) đều ở Phi Châu. Jaguar (*Panthera onca*) ở Nam Mỹ; Nebelparder (*Neofelis nebulosa*) sống ở Nepal và Tiger (*Panthera tigris*) sống vùng nhiệt đới.

Các loại mèo nhỏ (*Felinae*) ở Mỹ Châu (kleinkatzen Ameri-

kas): Rotluchs/ Bobcat (*Felis lynx rufus*) và Ozelot/Ocelot (*Felis pardalis*) thường ngủ ngày ở Nam Mỹ; Kanadischer Luchs/ Canadian lynx (*Felis lynx canadensis*) và Puma (*Felis concolor*) sống ở miền Nam Canada; Baumzelot (*Felis wiedii*) loại đuôi dài ở Mexiko đến Argentinien; Bergkatze (*Felis jacobita*) sống ở Nam Mỹ trên núi cao 5000m. Tiegerkatze (*Felis tigrinus*) ở Costa Rica và Kleinfleckkatze (*Felis geoffroyi*) ở Brasilien, Bolivien; Chilenische Waldkatze (*Felis guigna*)

Loại mèo ở Âu Châu và Á Châu. Schottische Wildkatze (*Felis silvestris grampia*) loại đuôi ngắn ở Anh Quốc, Spanische Wildkatze (*felis silvestris iberica*) và europische Wildkatze (*felis silvestris europaea*); Ở Ấn Độ Indische Steppenkatze (*Felis silvestris ornata*), Rostkatze (*Felis prionailurus rubiginosus*), Iromote Katze (*Felis prionailurus iromotensis*) bắt chim cua ở các đảo của Nhật, Fischkatze (*Felis prionailurus vierrimus*) ở Sri Lanka và Trung Hoa bắt cá và rắn, Luchs (*Felis lynx*) tai dài ở Sibirien, Manul (*Felis manul*) tai nhỏ phủ đầy lông ở Iran...

Mèo nhà

Chúng ta có thể phân biệt được mèo nhà và mèo rừng, mèo nhà bộ lông thay đổi nhiều màu sắc, mèo rừng không giấu phân, nhưng mèo nhà thường tìm chỗ kín để phóng uế, nên tục ngữ có câu “giấu như mèo giấu cút”. Các nhà khoa học khám phá ruột của mèo nhà dài hơn mèo rừng, bộ óc nhỏ hơn 30% vì



ánh hưởng đời sống và thực phẩm mèo nhà nhỏ con, xương mặt rộng và mõm ngắn, cấu tạo răng cũng khác.

Mèo nhà có thể phân biệt hai nhóm: mèo lông ngắn và lông dài có lẽ nguồn gốc từ mèo rừng Châu Phi người Ai Cập đã thuần hóa đầu tiên. Từ đó du nhập đến các quốc gia đầu tiên Hy Lạp, La Mã, các thuỷ thủ mang về Ấn Độ khoảng 500 TCN; Trung Hoa 400 sau CN, Nhật 999 năm SCN; Norwegen; Byzanz (Istanbul) 400 năm SCN; Pháp và Quebec thế kỷ thứ 16, Mỹ 1620... Vùng Đông Nam Á có mèo Xiêm (Thái Lan), thông minh, dễ dạy, bắt chuột giỏi. Có giả thuyết

cho rằng mèo Xiêm cũng bắt nguồn từ mèo Siam.

Những thế kỷ qua mèo được lai giống đẹp, được nhiều gia đình yêu thích nuôi dưỡng khắp nơi trên thế giới như: Mèo Iran (Ba Tư) lông dài mặt tịt (Persian); Mèo Main Coon, Mèo Exotic (gần giống mèo Iran khuôn mặt tròn tịt dễ thong nên tạm gọi là Iran lông ngắn) Abyssinian; Mèo Siamese; Mèo Ragdoll; Mèo Sphynx không lông; Mèo Miến Điện (Birman); Mèo Mỹ lông ngắn (American Shorthair); Mèo Oriental; Mèo Tonkinese; Mèo Norwegian Forest Cat; Mèo Cornish Rex lông xoăn thanh mảnh; ngộ nghĩnh; Mèo British Shorthair; Mèo Devon Rex lông xoăn, Mèo Burmese; Mèo tai cụp (Scottish Fold) Mèo Ocicat; Mèo xanh Russian Blue; Gấu mèo Mau Ai Cập (Egyptian Mau); Mèo Somali Cute; Mèo thou Manx không đuôi; Mèo Siberian cute; Mèo Nhật đuôi cụt (Japanese Bobtail); Mèo lông xoăn Selkirk Rex; Mèo Pháp Chartreux; Mèo Thổ Nhĩ Kỳ Turkish Angola; Mèo Mỹ tai vểnh (American Curl); Mèo Colorpoint Short Hair; Mèo European Burmese; Mèo mun Ấn Độ (Bombay); Mèo Mã Lai Singapura; Mèo Mỹ đuôi cụt (American Bobtail); Mèo Korat; Mèo Bali (Balinese); Mèo Havan Brown; Mèo “hổ ưa nước” Turkish Van; Mèo Javanese; Mèo Ragamuffin; Mèo Mỹ lông dâ (American Wirehair); Mèo lông xoăn dài LaPerm...

Mèo lông dài (Langhärkatzen/longhair) có bộ lông xù tuyệt đẹp được lai giống thuần dưỡng các loại mèo: Balinese, Persian



katze từ 1620 ở Perien nhập cảng sang Ý rồi đến Anh Quốc từ thế kỷ 19, nặng từ 3,5-7kilo, Mũi ngắn, rộng, tai nhỏ nhọn lông phủ kín, mắt to tròn, chân ngắn mập.

Norwegische Walkatze khoảng 1000 năm sau công nguyên (SCN) từ Byzanz nhập cảng sang Norwegen, nặng từ 3-9 kilo. Đầu tròn cổ ngắn, chân trước ngắn hơn chân sau, đặc biệt loại này không có đuôi (schwanzlos)

Mèo tai nhỏ Scottish Fold nặng 2,4-6 kilo chân dài thon



nhỏ, mắt to đầu tròn, tai nhỏ, vành tai cùp vào đầu như mèo bị cắt tai, thích sống yên tĩnh.

Mèo Turkisch Van: có trước thế kỷ 18, nặng từ 3-8.5 kilo, tai lớn cao, mắt to hình oval, chân dài trung bình, đuôi dài nhiều lông

Mèo Turkisch Angora từ thế kỷ thứ 15, nặng từ 2-5 kilo thông minh nhanh nhẹn đầu nhô cổ thon, tai lớn dài, mắt hình oval, đuôi dài nhiều lông như một cái chổi, đẹp nhất loại lông màu tam thể. Từ thế kỷ thứ 17 nhập sang Anh-Pháp tới thế kỷ thứ 20 nhập cảng sang các quốc gia khác.

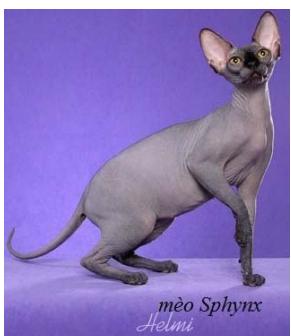
Mèo Nga (Russian cat) có lông xù dài, màu trắng, mắt xanh lơ chân to,

giống như mèo Iran, nhưng mèo Iran có bộ lông 2 lớp với lớp lông dài phía ngoài và lớp lông ngắn dày ở bên trong. Đuôi của chúng luôn xù rất nhiều màu lông khác nhau, giống mèo này mũi nhỏ và mắt to

Mèo Mỹ lông ngắn được xem là mèo đến đất Mỹ đầu tiên năm 1620 trong con tàu Mayflower/ Hoa Tháng Năm. Thủy thủ của đoàn Pilgerýter/Pilgrims nuôi mèo bắt chuột phá phách hàng trên tàu đến vùng Plymouth/ Massachusetts (nguồn gốc Thanksgiving). Thời gian trôi qua, giống mèo sinh sản tại Bắc Mỹ được lai giống với các loại mèo lông dài, lông ngắn, để tạo ra một loạt các mèo con xinh xắn đủ chủng loại, thân dài hay mập, những bộ lông màu sắc đẹp, tính tình dịu dàng nhu mì và thân thiện. Năm 1906, hiệp hội CFA đã chính thức công nhận các giống mèo đáng yêu này.

Mèo Anh, loại lông ngắn phổ biến và được yêu thích. Hội đồng quản lý mèo Anh (UK's Governing Concil of the cat fancy) công nhận từ năm 1944, khi nó vượt qua giống mèo Thái.

Mèo không lông theo tên của Ai cập cổ "Sphinx" (hay



là loài mèo Canada) “haarlos/ Hairless”. Nặng 3,5-7 kilo, tai lớn đầu dài và rộng là giống mèo hiếm thấy trong họ hàng nhà mèo. Được tìm thấy từ năm 1966 khi tại Toronto, Canada có một chú mèo con không lông có tên Prune từ lúc sinh ra đến khi trưởng thành chỉ có những sợi lông tơ! toàn thân là những nếp da nhăn nheo, nên thân nhiệt cao hơn mèo có lông. Mèo Sphynx rất thân thiện và quý hiếm.

Con mèo này sau đó còn giao phối với mẹ của nó và sinh ra thêm nhiều chú mèo không lông khác. Và đây được coi là tổ tiên của loài mèo không lông ngày nay.

Tập tính của Mèo

Mèo không có các xương đòn cứng, xương sống của mèo có nhiều đốt di chuyển dễ dàng, có thể chui qua những lỗ nhỏ leo trèo nhanh, mèo đi trên các ngón chân có lớp đệm, Xương đuôi dài để giữ thẳng bằng, thân thể mèo cấu tạo 7 đốt sống cổ, 13 đốt sống ngực, 7 lưng và 3 hông, tùy theo đuôi dài hay ngắn mèo có từ 14 đến 28 đốt sống đuôi. Thân mèo mềm mại nằm ngủ có thể cuộn tròn cơ thể, chân có vuốt nhọn , các vuốt chân trước sắc hơn chân sau đều thu lại nằm trong da và lông bao quanh đệm ngón chân, nên đi rất nhẹ. Từ trên cao rơi xuống mèo có phản xạ tự xoay thân tới vị trí thích hợp và rơi chân xuống trước.

Mèo cái tìm mèo đực trong mùa động tình, thường tiết ra mùi và tiếng kêu đặc biệt hấp dẫn ... Mèo mang thai từ 57 đến 70 ngày, khi sanh mèo thường tìm chỗ kín, đẻ mèo con trong bọc mèo mẹ liếm sạch bao cho mèo con chào đời, đôi khi sinh một đòn 2 đến 6 con nhỏ khoảng 100gr, bú sữa mẹ một tuần sau mở mắt. Từ một tháng tuổi trở đi chạy nhảy leo trèo và bắt mồi nhỏ, lúc nhỏ mèo mẹ ngậm cổ mèo con mang đi, từ 4 tháng mèo trưởng thành có thể bắt mồi. Mèo sống lâu trên 10 năm, không thích tắm nước nhưng có thói quen thè lưỡi tiết nước bọt vào chân của nó bôi lên toàn thân để làm sạch cơ thể, chải chuốt lông. Ban ngày mèo thích ở chỗ kín yên tĩnh ngủ

nhiều giờ, hoạt động vào buổi sáng sớm hay về đêm, mắt mèo có tầm nhìn tốt nhất vì bóng tối tạo ra một màng lưỡi thị giác sáng hơn. Sự biến đổi màu sắc của mắt mèo giữa ánh sáng và màng trạch, ban ngày nơi trời sáng tròng đèn của mèo khép lại để khỏi bị lóa mắt. Mèo nhìn rộng từ 200 • bis 220 • . Mắt mèo có 9 màu khác nhau: Braun/brown, Kupferfarbe /copper color, Golden, Babyblau, Siamblau, Birmablau, Meergřn/ Sea Green, Reines Gřn/ Pure Green, Haselnussfarbe. Mèo uống nước rất nhanh lưỡi chạm nhẹ mặt nước kéo theo một lượng lớn nước, một tốc độ quá nhanh khó có thể nhìn thấy bằng mắt thường, mèo không nhận được vị ngọt của đường, nhưng xúc giác của mèo rất nhạy bén và tai mèo rất thính. Mèo ăn thịt cá nhưng đôi khi cũng nhai cỏ tươi để giúp cho sự tiêu hóa.



Mèo Trong Tín Nguõng

Mèo gần đời sống con người, nên có nhiều truyền thuyết, thần thoại, tranh, tượng...được thần thánh hoá. Tuy

nhiên, mèo thỉnh thoảng bị coi là ma quỷ, ví dụ như nó không mang lại may mắn hay thường đi liền với những mụ Phù thuỷ trong thời Trung cổ. Đặc điểm nền Văn hóa Ai Cập cổ đại về nông nghiệp, họ theo tôn giáo đa thần thờ nhiều thần linh. Biểu hiện nữ thần Bastet/ Pasht (Bastet được coi là vợ của thần mặt trời Re, mẹ của sứ tử thần Mahes. Bastet mình sứ tử đầu mèo là sức mạnh của mặt trời, bảo trợ cho sự phì nhiêu và tình Mẫu tử. Nữ thần Bastet được thờ ở thành phố Bubastis, cách Cairo khoảng 50 dặm, thuộc phía đông vùng đồng bằng sông Nile. Di tích còn sót lại của ngôi đền 2.200 năm tuổi tôn thờ một nữ thần mèo Ai Cập, được tìm thấy gần ga tàu điện ở Alexandria). Mèo sinh trưởng nhanh biểu tượng cho hạnh phúc và tình yêu. Theo nhà sử học người Hy Lạp Herodot (484-424 TCN) thời ấy nếu con mèo trong nhà chết, cả chủ nhà lẫn tôi tớ phải cạo lông mày và làm lễ tang long trọng. Nếu mèo nuôi trong các đền thờ thì cả xóm làng, thành phố đó phải để tang. Sau khi chết, mèo

được ướp xác và chôn riêng ở một nghĩa trang, chọn nơi rất cao quý. Địa vị cao quý của loài mèo có lẽ bắt nguồn từ khả năng bắt chuột tài tình ở các vựa lúa của Ai Cập. Sự sùng kính quá độ này đã gây không ít tai họa, ai vô tình làm chết mèo bị kết tội tử hình.

Một số huyền thoại về mèo: con mèo của tiên tri Hồi giáo Mohammed, xe của nữ thần Freya luôn luôn vẽ hai con mèo, cầu Devil về mèo. Các ngôi đền đứng ở Tokyo Go-To-Ku-Ji, vinh danh mèo “Neko Maneki”. Ở Trung Quốc và Thái Lan vẫn còn thờ mèo như vị thần, ở Đông Timor ai giết một con mèo bị nguyền rủa cho tới bảy đời.... Ngày nay các nước Tây phương có Hội bảo vệ súc vật, nếu ai đánh hay giết chó mèo cũng bị phạt.

Văn chương, chuyện cổ tích, Phim và tác phẩm nghệ thuật

Các chuyện cổ tích của nhà văn sop thế kỷ thứ 6 trước CN, đến nhà thơ La Fontain (1621-1695), Carlo Collodie (1826-1890), Rudyard Kipling (1865-1936), Beatrix Potter (1866-1943), Kathleen Hale (1898), Humorist Edward Lear (1812-1888), Lewis Carroll (1832-1898), Theodor Suess Geisel (1904-1991) và nhiều tác giả viết về mèo hấp dẫn làm độc giả say mê. Truyện cổ Nước Nam sự tích con chuột và con mèo. Nhật có sự

tích mèo Kitty không miệng..



Phim với hình ảnh mèo một thời nổi tiếng như: Batman (1966); Batman Return (1992); Fřhsřck bei Tiffany (1961) do nữ tài tử Audrey Hepburn đóng được giải thưởng PATSY (Picture Animal Top Star Awards of the Year).

Die unglaubliche reise (1963); Harry und Tonto (1973); Die schne und das Tier (1945); Cat & Dogs (2001); Rosenkrieg (1989) Die Nacht der tausend Katzen (1972); Katzenmenschen (1942); Die Schwarze Katze (1985); Superman (1978); Die katze aus dem Weltraum/ The Cat from Outer Space (1978) ...

Phim hoạt hình hiện đại, mèo là nhân vật chính: Họ Mèo tội

phạm (1993), phim Walt Disney, mèo quý tộc (1970), Fritz the Cat (1972), Disney Chip und Chap . Những cuộc phiêu lưu của Al Katzone, những kẻ thù vĩnh cửu của chuột Mickey và Goofy, Pat Sullivan (1917), các nhân vật hoạt hình Felix the Cat, trong đó một con mèo đen được trình bày như là một diễn viên hài dẽ thương. Các loạt phim hoạt hình Tom & Jerry (1939) mèo nhà Tom chơi với những con chuột Jerry thông minh, Alice in Wunderland, Petersburger Nacht.. Felidae (1994) Babe (1995), Stuart Little (2000)...

Mèo trong nghệ thuật, danh họa Pablo Picasso (1881-1973) rất yêu thích vẽ tranh mèo, tác phẩm nổi tiếng là “*Cubist cat/ Kubistische Katze*”; Francesco Bassano (1549-1529) với tranh “*Das letzte Abendmahl/ bữa ăn tối cuối cùng*” có mèo và chó nằm dưới bàn; Joseph Wright (1734-1797) tranh “*Das Ankleinden der Katze*”; Hsuan Tsung ở thế kỷ 18 “*vườn xuân mèo trên cây*” trong bảo tàng viện New York. Các danh họa Nhật của thế kỷ 18 & 19 Utamaro (1753-1806) Kokusai những tác phẩm “*beginnings of racial breeding/anfang der Rassezucht*”; M&dchen, das eine diebische Katze bestraft/Girl who punished their impish cat”

Hí họa quảng cáo khắp mọi nơi đều gấp mèo, họa sĩ Nga Zar Peter d.Gr “đám tang mèo”; Jean Cocteau (1889-1963) tranh “*Club des amis des chats*”; Louis Wain tác phẩm “*dạo phố/ Stadtbummel*”; Hiroshi Fujimoto (1934-1996) tác phẩm “*Dorae-mon*” ... Nhiều huy hiệu, tượng mèo bằng sứ, đồng, nhựa nổi tiếng qua nhiều thời đại...



Ngành Y Khoa, mèo được xem là mẫu thí nghiệm rất tốt. Schrueger đưa thí nghiệm mèo về “Hiện tượng cơ học lượng tử”. Việc phân tích trình tự genome của mèo có thể giúp dẫn đến những khám phá mới, tạp chí “Nghiên cứu bản đồ gen” các nhà khoa học Mỹ đã giải mã bản đồ gen hoàn chỉnh đầu tiên của mèo hy vọng tìm ra nguyên nhân và cách chữa trị nhiều căn bệnh hiếm nghèo ở người. Tuy nhiên nuôi mèo phải cẩn thận tránh

bệnh truyền nhiễm do Toxocara Cati (giun đũa mèo), người bị bệnh có thể bị sốt, xanh xao, gầy ốm, ho khò khè kéo dài. Phải tắm mèo để tránh mồ hôi mèo gây nên bệnh dị ứng, nuôi mèo ở Tây phương tốn kém phải có bác sỹ Thú y khám sức khỏe định kỳ, chải lông, xỉa răng cho mèo...

Hà Nội “đổi mới” có nghĩa trang, Hotel, Chùa cho mèo chó có tên “Tề đồng vật ngã” nghĩa là vật và người cũng giống nhau, nhưng cũng lăm hàng quán bán thịt mèo “tiểu hổ”, mèo chó không dám thả ra ngoài sợ bắt ăn thịt...Bệnh viện “Pet Health” chữa bệnh cho mèo chó, trong khi trẻ em Việt Nam còn thiếu ăn không đủ tiền đi học. Các “đại gia-cán bộ” thích nuôi “mèo hai chân”.

Thực vật có loại cây Râu mèo/ Orthosiphon có được tính dùng trị bệnh thận, phù thủng, tiểu đường. Loại Táo mèo gọi là Sơn tra trị áp huyết, an thần...

Mèo qua thi ca

Từ nồng thôn đến thành thị, người ta đều nuôi mèo để bắt chuột, trong dân gian có nhiều tranh như: mèo tha con cá, tranh mèo chuột, chuyện Trạng Quỳnh ăn cắp mèo của vua. Bài quyền “Miêu tẩy điện” (mèo rửa mặt) nổi tiếng khắp làng võ Bình Định mô phỏng theo thế đánh nhu nhuyễn, linh hoạt của mèo..

Qua ca dao truyền khẩu rực rỡ tinh hoa của thi ca bình dân, diễn tả đơn sơ trong sáng nhẹ nhàng. *Mèo già khóc chi chuột chết*, ý nói người đạo đức giả không thực lòng *mấy khi mèo chê thịt chuột*, *mèo nào chẳng ăn vụng*, *như mèo thấy mỡ*, chỉ sự thèm khát danh lợi chạy chọt mua bangle giả để có địa vị, uy thế trong xã hội dễ ăn hối lộ, tham nhũng như cán bộ CS thấy nơi nào có đất bán được thì bán để vinh thân phì gia, đúng là loại *mèo mù vớ cá rán*. *Rình như mèo rình chuột*, *Mèo đằng gấp chó hoang* là những kẻ vô loại kết bè tựu đảng với nhau.

Con mèo làm bể nỗi rang, *Con chó chạy lại phải mang lấy* đòn những việc oan ức, *Mèo tha miếng thịt thì đòi*, *Kênh tha con lợn mất coi chừng chừng* Ám chỉ đời sống xã hội bất công, kẻ có quyền hành ăn hối lộ, cướp đất của dân làm việc sai trái thì được bao che, ngược lại kẻ dưới sai sót trưởng phạt nặng. *Dánh*

giặc mà đánh bằng tay, Thà về xó bếp giương cung bắn mèo.
Trường hợp nay rất giống hiện tình Việt Nam để tống tiền, đánh đập dã man, nhưng nhà cầm quyền đánh cá trên biển tranh chấp, bảo vệ chủ quyền và ngư dân trên biển đảo mà cha ông chúng ta bỏ xương máu giữ vững hàng ngàn năm qua.

Mèo yếu đuối hơn chó, thường bị chó rượt cắn uy hiếp, nhưng đôi lúc mèo cũng tự hào ta ở trên cao để chọc tức con chó đang hầm hừ dưới gốc cây

*Con mèo trèo lên cây vông
Con chó đứng dưới, ngó mông con mèo
Mèo răng sao chó chẳng theo
Lên dây mèo sẽ dạy leo cho mà.*

Những câu ca dao ngụ ngôn là những bức tranh nhỏ có tính cách tâm lý, mèo chuột là hai địch thủ, không thể sống với nhau.

*Con mèo trèo lên cây cau
Hồi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đường xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo*



Qua bốn câu ca dao hài hước trên, nói mèo đạo đức giả, vồ vĩnh của phuơng nham hiểm, con chuột cũng không vừa, thông minh biết mắng xéo chú mèo. Ca dao tuy mang hình thức trào lộng về mèo, nhưng có nhiều ngụ ý khuyên răn ở đời dù ai có địa vị, có tài năng cũng phải kh-iêm tốn đừng tự cao, huyễn hoang như *mèo khen mèo dài đuôi*.

Năm mèo nói chuyện mèo, dù không đầy đủ mong độc giả đóng góp thêm cho đề tài phong phú hấp dẫn hơn. Kính chú quý vị một mùa Xuân anh bình, khoẻ mạnh và may mắn.

Tài liệu tham khảo

Katzen Die neue Enzyklopädie tác giả Dr. Bruce Fogle
NXB Dorling Kinderley 2002

Hình trên Internet

NHỮNG NĂM TÂN MÃO



Trong Lịch Sử Nước Ta

■ Trác Như

HỌ HỒNG BÀNG (2879-258 trước Tây lịch)

Vua Đế Minh đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau sanh một người con trai tên là Lộc Tục. Vua Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ lúc bấy giờ, phía Bắc giáp Đông Đình Hồ (tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc), phía Đông giáp biển Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây lịch) và lấy Long Nữ là con gái Đông Đình Quân sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con gái vua Đế Lai, sinh một trăm người con trai. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: "Ta là giống Rồng, nhà ngươi là giống Tiên, ăn ở với nhau không được. Nay ngươi đem 50 đứa lên núi, còn ta đem 50 đứa xuống biển Nam Hải".

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương, đóng đô Phong Châu (vùng huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây ngày nay)

Nước Văn Lang chia làm 15 bộ:

Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Hoan, Cửu Đức, Việt Thường và Bình Văn.

1.Năm Tân Mão (1109 tr. Tây lịch; Chu Thành Vương)

Nước Việt Thường ở phía Nam nước Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống. Nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn, và ông Chu Công Đán lại chế ra xe chỉ nam để đưa sứ Việt Thường về nước.

Họ Hồng Bàng, từ Kinh Dương Vương (cùng thời với Đế Nghi) truyền đến đời Hùng Vương (ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57, 258 tr. TL) là hết.

NHÀ THỰC (257-207 TR.TL)

Thục Phán chiếm được nước Văn Lang rồi, cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông Anh).

Xây thành Cổ Loa.

NHÀ TRIỆU (207-111 Tr. TL)

NƯỚC TA BI TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ NHẤT(111 tr.TL-39 sau TL)

Nhà Tây Hán:

TRƯNG NỮ VƯƠNG KHOẢI NGHĨA(40tr.TL-04sau TL)

NƯỚC TA BI TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ HAI (43-544)

Nhà Đông Hán:

Đời Tam Quốc(220-265), nước Tàu chia làm 3: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô(222-280).

BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ CHINH) KHỎI NGHĨA NĂM MẬU THÌN(248)

Nhà Tấn (265-420)

2. Năm Tân Mão (271, Tấn Thái Thủy năm thứ 7; Ngô Kiến Hành năm thứ 3)

Vua Ngô giao cho Đào Hoàng làm Thủ Sứ đất Giao Châu.

NHÀ TIỀN LÝ (544-602)

Lý Nam Đế (544-548)

Lý Bôn là người tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng nghĩa dũng nổi lên đánh đuổi Thủ Sứ Giao Châu là Tiêu Tư về Tàu, rồi chiếm giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức.

Sau, nhà Lương sai Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Nam Đế thua bèn giao binh quyền cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục chống nhau với nhà Lương rồi trở về đóng ở động Khuất Liêu và mất ở đấy.

Triệu Việt Vương (549-571)

Triệu Quang Phục theo Lý Nam Đế lập được nhiều chiến công, nay đem quân chống cự với nhà Lương ít lâu, thấy thế lực quân Tàu còn mạnh bèn rút về chố đầm lầy Dạ Trạch. Khi hay tin Lý Nam Đế mất mới xưng là Việt Vương và đánh lấy lại thành Long Biên.

Lúc Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu thì người anh họ là Lý Thiên Bảo và người cùng họ là Lý Phật Tử chạy sang Lào. Đến năm thứ 7(555) đời Triệu Việt Vương, Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Phật Tử. Năm Đinh Sửu (557) Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật Tử xin chia đất giảng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng chia đất cho, lại gả con gái cho Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau, nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính.

3. Năm Tân Mão(571)

Lý Phật Tử thình lình đem quân đánh Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương thua chạy đến sông Đại Nha (nay ở huyện Đại An, Nam Định) nhảy xuống sông tự tận.

HẬU LÝ NAM ĐẾ (571-602)

Lý Phật Tử lấy được Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên).

Thế rồi, năm Nhâm Tuất Tùy Văn Đế sai tướng Lưu Phương sang đánh Nam Việt. Lý Phật Tử xin hàng.

Từ đấy nước ta lại bị người Tàu cai trị 336 năm nữa.

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ BA (603-939)

Nhà Tùy (589-617)

Nhà Đường(618-907)

MAI HẮC ĐẾ khôi nghĩa(722)

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG khôi nghĩa(791)

THỜI KỲ TỰ CHỦ

NHÀ NGÔ (939-965)

Thập nhị Sứ Quân (945-967)

NHÀ ĐINH (968-980)

NHÀ TIỀN LÊ (980-1009)

Lê Đại Hành:

Các niên hiệu

Thiên Phúc (980-9880), Hưng Thống (989-993) và Ứng Thiên (994-1009)

4. Năm Tân Mão (991, Niên hiệu Hưng Thống thứ 3; Tống, Thuần Hóa năm thứ 2).

Vua sai Đào Cầm sang nhà Tống đáp lễ việc mang chẽ sách sang phong năm rồi.

NHÀ LÝ (1010-1125)

Lý Thái Tổ(1010-1028)

Lý Thái Tôn (1028-1054)

Các niên hiệu: Thiên Thành(1028-1033), Thông Thụy(1034-1038), Càn Phù Hữu Đạo(1039-1041), Minh Đạo(1042-1043) Thiên Cảm Thánh Vũ(1044-1048), Sùng Hưng Đại Bảo(1049-1054).

5. Năm Tân Mão(1051, niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 3; Tống, Hoàng Hựu năm thứ 3).

Định cho các quan làm việc lâu năm không có lỗi được thăng theo cấp bậc khác nhau.

Lý Thánh Tôn(1054-1072)

Lý Nhân Tôn(1072-1127)

Các niên hiệu: Thái Ninh(1072-1075), Anh Vũ Chiêu Thắng(1076-1084), Quảng Hữu(1085-1091), Hội Phong(1092-1100), Long Phù(1101-1109), Hội Tường Đại Khánh(1110-1119), Thiên Phù Duệ Vũ(1120-1126), Thiên Phù Khánh Thọ(1127).

6. Năm Tân Mão(1111, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2; Tống, Chính Hoà năm thứ nhất). Thanh Hoá dâng cây cau mít gốc 9 thân.

Lý Thần Tôn(1128-1138)

Lý Anh Tôn(1138-1175)

Các niên hiệu: Thiệu Minh(1138-1139), Đại Định(1140-1162), Chính Long Bảo Ứng(1163-1173), Thiên Cẩm Chí Bảo(1174-1175).

7 Năm Tân Mão(1171, niên hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 9; Tống, Càn Đạo năm thứ 7)

. Mùa Xuân, tháng Hai, điện Vĩnh Nguyên vô cớ rung động.

. Vua đi tuần các hải đảo, xem khắp hình thể núi sông, muốn biết dân tình khổ sướng và đường đi xa gần như thế nào.

Lý Cao Tôn(1176-1210)

Lý Huệ Tôn(1211-1225)

Lý Chiêu Hoàng(1225)

NHÀ TRẦN (1225-1400)

Trần Thái Tôn(1226-1277)

Các niên hiệu: Kiến Trung(1225-1237), Thiên Ứng Chính

Bình(1238-1350), Nguyên Phong(1251-1258)

8. Năm Tân Mão (1231, niên hiệu Kiến Trung năm thứ 7; Tống, Thiệu Định thứ 4).

. Tháng Giêng, vua sai hoạn quan là Nguyễn Bang Cốc đem binh lính trong phủ của mình đào vét các kênh trâm và hào từ phủ Thanh Hoa đến địa giới Nam Diễn Châu. Việc xong, thăng Bang Cốc làm Phụ Quốc Thượng Hầu.

. Thượng Hoàng xuống chiếu hễ nơi nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ.

Trần Thánh Tôn(1258-1278)

Trần Nhân Tôn(1279-1293), ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm.

Các niên hiệu: Thiệu Bảo(1279-1284), Trùng Hưng(1285-1293)

9. Năm Tân Mão (1291, niên hiệu Trùng Hưng thứ 7; Nguyên, Chí Nguyên thứ 28).

Nhà Nguyên sai Lê Bộ Thượng Thư là Trương Lập Đạo sang dụ vua qua châu. Năm sau vua sai Nguyễn Đại Pháp sang Nguyên từ chối, lấy cớ là nhà vua đang chịu tang.

Trần Anh Tôn(1293-1314)

Trần Minh Tôn(1314-1329)

Trần Hiến Tôn(1329-1341)

Trần Dụ Tôn(1341-1369)

Các niên hiệu: Thiệu Phong(1341-1357), Đại Tri(1358-1369)

10. Năm Tân Mão (1351, niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 11; Nguyên, Chí Chính năm thứ 11).

. Có người con gái ở Thiên Cương, Nghệ An biến đổi thành con trai.

. Trâu Canh bị tội đáng tội chết. Trâu Canh con Trâu Tôn. Tôn là thầy thuốc đi theo quân Nguyên vào cướp nước ta khoảng năm Thiệu Bảo. Đến khi quân Nguyên thua trận

thì Tôn bị bắt. Tôn xin ở lại nước ta chữa bệnh cho các vương hầu, phần nhiều rất công hiệu và trở nên giàu có. Canh nổi nghiệp trở thành danh y. Canh được ngày đêm ở trong hậu cung hầu hạ thuốc thang. Canh lại thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, Thượng Hoàng (Minh Tôn) định bắt Canh chết, nhưng vì Canh có công chữa khỏi bệnh liệt dương cho nhà vua (Dụ Tôn) nên tha cho. Sau đó, Canh lại được phục hồi chức vị.

Trần Nghệ Tôn(1370-1372)

Trần Duệ Tôn(1372-1377)

Trần Phế Đế(1377-1388)

Trần Thuận Tôn(1388-1398)

Trần Thiếu Đế(1398-1400)

NHÀ HÔ(1400-1407)

Hô Hán Thương(1401-1407)

NHÀ HẬU TRẦN(1407-1413)

11. Năm Tân Mão(1411, Hậu Trần Trùng Quang thứ 3; Tống, Vĩnh Lạc thứ 9).

Nhà Minh xuống chiêu dụ quan dân là nay Giao Chỉ đã thuộc về nhà Minh và bắt giam viên Tham Nghị Tàu là Giải Tấn. Giải Tấn đỗ Tiến Sĩ, được bổ làm Hàn Lâm Học Sĩ. Vì nói trái ý vua Minh, bị đuổi ra làm Tham Nghị Giao Chỉ; vì bài bác việc xâm chiếm Giao Chỉ của nhà Minh nên bị giam rồi chết trong ngục.

NHÀ LÊ(1428-1788)

Lê Thái Tổ(1428-1433)

Lê Thái Tôn(1434-1442)

Lê Nhân Tôn(1443-1459)

Lê Thánh Tôn(1460-1497)

Các niên hiệu: Quang Thuận(1460-1497), Hồng Đức(1470-1497)

12. Năm Tân Mão (1471, Hồng Đức năm thứ 2; Minh,

Thành Hóa năm thứ 7).

Vua thân chinh đánh Chiêm Thành, từ ngày Mồng Hai tháng Giêng, quân nhà vua sắp vào đất địch. Ngày 27 tháng 2 vua tự mình đem đại quân phá thành Thi Nại.

Ngày 28 tháng 2 vua tiến quân vây thành Chà Bàn, bắt được vua Chiêm là Trà Toàn.

Ngày 1 tháng 3 vua xuống chiếu mang quân về.

Tháng 6, lấy đất Chiêm Thành đặt thành thửa tuyên Quảng Nam là thửa tuyên thứ 13.

Lê Hiến Tôn(1497-1504)

Lê Túc Tôn(1504)

Lê Uy Mục(1505-1509)

Lê Tương Dực(1510-1516)

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng(1516-1527)

NHÀ MẠC

Thái Tổ Mạc Đăng Dung

13. Năm Tân Mão(1531, Mạc, Đại Chính năm thứ 2; Minh, Gia Tính 10).

Tháng Giêng Mạc Đăng Dung tiếm ngôi nhà Lê đổi niên hiệu là Đại Chính. Cựu thần nhà Lê nổi lên chống lại nhưng đều bị Mạc Đăng Dung đánh dẹp.

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG(1533-1788)

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê, khi Mạc Đăng Dung tiếm nghịch ông dẫn con em trốn sang Ai Lao.

Năm 1533 Nguyễn Kim lập con thứ vua Lê Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao tức là Lê Trang Tôn.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con. Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trù là anh ruột

Lê Thái Tổ.

Năm 1570 Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng là con thứ Nguyễn Kim, kiêm lĩnh 2 xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con thứ là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua tức là Lê Thế Tôn.

Năm 1593, Đoan Quốc Công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hóa vào châu được phong là Thái Uý Đoan Quốc Công cầm quân đánh giặc miền Đông Nam. Tám năm sau Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hóa.

Lê Thế Tôn (1573-1619)

14. Năm Tân Mão(1591).

Tiết Chế Trịnh Tùng tung quân vây đánh Mạc Mậu Hợp.
Hợp sợ hãi bỏ thành Thăng Long chạy trốn đúng ngày Ba Mươi Tết. Đêm hôm ấy, già trẻ trai gái trong thành ngoài thành tranh nhau xuống thuyền qua sông; thuyền đắm, chết đuối hơn nghìn người.

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi, tức là vua Thần Tôn.

Lê Thần Tôn(1644-1643)

Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là Lê Chân Tôn.

Lê Chân Tôn(1644-1662)

15. Năm Tân Mão(1651).

Đàng Ngoài:

Mùa Đông, tháng 10, nhà Minh sai sứ sang phong Trịnh Tráng làm AN NAM PHÓ QUỐC VƯƠNG.

Đàng Trong:

Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần đổi phủ Hoài Nhơn thành phủ Qui Ninh.

Lê Huyền Tôn(1663-1672)

Lê Gia Tôn(1672-1675)

Lê Hy Tôn (1676-1705)

Lê Dụ Tôn(1706-1734)

16. Năm Tân Mão (1711, Vĩnh Thịnh thứ 7; Thanh, Khang Hy thứ 50)

Đàng Ngoài:

Trịnh Căn mất năm Đinh Sửu, chắt của Căn là Trịnh Cương nối ngôi tự phong làm Nguyên Soái Tổng Quốc Chính An Đô Vương.

Lê Ý Tôn(1735-1739)

Lê Hiển Tôn(1740-1786)

Đàng Trong:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng(1558-1613)

Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên(1613-1635)

Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan(1635-1648)

Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần(1648-1687)

Chúa Nghĩa Phước Trăn(1687-1691)

Chúa Nguyễn Phước Chu(1691-1725)

.Tổng Bình trấn Hà Tiên là Mạc Cửu đến cửa khuyết tạ ơn. Chúa Nguyễn Phước Chu hậu thường.

(Mạc Cửu người Lôi Châu, Quảng Đông. Nhà Minh mất, Cửu chạy sang phương Nam đến nước Chân Lạp làm chức Ốc Nha; thấy phủ Sài Mạt nước ấy có nhiều người ngoại quốc tụ họp mua bán, bèn mở sòng bài gá bạc để thu thuế gọi là hoa chi. Cửu lại bắt được một hố bạc chôn, trở nên giàu có. Nhân đó, Cửu chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Cần Bột, Gia Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau lập thành 7 xã thôn. Thấy đất ấy tương truyền có vị tiên thường hiện ra ở trên sông nhân thế mới đặt tên là Hà Tiên.

Thế rồi Mạc Cửu dâng thư xin thuộc về Chúa Nguyễn. Năm Đinh Hợi(1707), Chúa Nguyễn Phước Chu phong cho Cửu chức Tổng Bình giữ đất Hà Tiên. Năm Ất Mão(1735) Mạc Cửu mất, chúa Nguyễn phong cho con Cửu là Mạc Thiên Tứ làm chức Đô Đốc, trấn ở Hà Tiên.

.Chúa Nguyễn sai đo đạc đảo Trường Sa.

Chúa Nguyễn Phước Chú(172-1738)

Chúa Nguyễn Phuoc Khoát(1738-1765). Chúa Nguyễn Phuoc Khoát bắt đầu xưng Vương năm 1765.

Nguyễn Phuoc Thuân(1765-1777)

17. Năm Tân Mão(1771, Lê Cảnh Hưng thứ 32; Thanh, Càn Long thứ 36)

Tháng 10, quân Tiêm La đem binh thuyền sang vây thành Hà Tiên. Đô Đốc Mạc Thiên Tứ chống không lại, bỏ thành mà chạy.

NHÀ TÂY SƠN(1788-1802)

NHÀ NGUYỄN(1802-19450

Niên hiệu Gia Long(1802-1819)

Niên hiệu Minh Mệnh(1820-1840)

18. Năm Tân Mão(1831, Minh Mệnh thứ 12; Thanh, Quang Đạo thứ 10).

Hữu Tham Tri bộ Hình là Trương Minh Giảng, phái đi Bình Định tra bắt những con cháu dòng dõi Tây Sơn còn sót lại và những kẻ chấp chứa hơn 100 người, nay được lệnh áp giải về kinh đợi chỉ. Lại sai đình thần xét lại án của dòng dõi Tây Sơn là Nguyễn Văn Lương, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Đâu đều chém ngang lưng, ném thây xuống biển; thân thuộc và con gái cùng đồng đảng của Tây Sơn là Trần Quang Tồn (con Thiếu Phó Trần Quang Diệu) cùng kẻ phạm tội chứa chấp là Nguyễn Văn Thể cộng là 15 người đều bị trảm quyết.

Niên hiệu Thiệu Trị(1841-1848)

Năm 1847 hai tàu chiến của Pháp đến bắn chìm 2 tàu của ta ở cửa biển Đà Nẵng rồi bỏ đi.

Niên hiệu Tự Đức (1848-1883)

Năm 1856 là năm Tự Đức thứ 9, quân Pháp mang tàu tên Catinat vào cửa Đà Nẵng bắn phá rồi bỏ đi

Năm 1858(Tự Đức thứ 11), Liên quân Pháp- Y Pha Nho chở

quân đến cửa Đà Nẵng.

Năm 1859(Tự Đức thứ 12) quân Pháp đánh phá Gia Định.

Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) nước ta phải nhường đất 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho Pháp.

Năm 1867, quân Pháp kéo quân đến định đánh lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tổng đốc Phan Thanh Giản biết thế không chống nổi, bèn giao nộp thành trì cho Pháp rồi uống thuốc độc mà tự tận.

Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874)

Niên hiệu Hiệpp Hòa(1883)

Niên hiệu Kiến Phước(1884)

Niên hiệu Hàm Nghi(1664-1888)

Niên hiệu Đồng Khánh((1885-1889)

Niên hiệu Thành Thái(1889-1907)

19. Năm Tân Mão(1891, Thành Thái thứ 3).

Ở Nam Kỳ:

.Pháp bắt đầu đo đạc và phân loại ruộng đất toàn Nam Kỳ.

.Cho phép khai thác các mỏ đá, hầm đá ở Nam Kỳ.

.Bác Sĩ Albert Calmette thành lập Viện Vi Trùng Học ở Sài Gòn.

Ở Bắc Kỳ:

.Thành lập tỉnh Hòa Bình gồm 6 châu: Lương Sơn, Kỳ Sơn, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Mai và Đà Bắc.

.Thành lập các Đạo Quan Bình (Territoire militaire) và bắc bỏ các Quân Khu (Région militaire). Mỗi Đạo Quan Bình chia thành những đơn vị nhỏ gọi là Tiểu Quân Khu (Cercle militaire). Đứng đầu mỗi Tiểu Quân Khu là một viên quan có quyền hành tương đương với viên Công Trú Sứ đầu tỉnh bên dân sự, và chịu sự chỉ huy trực tiếp của viên tư lệnh Đạo Quan Bình ngang với Thống Sứ Bắc Kỳ.

Niên hiệu Duy Tân(1907-1916)

Niên hiệu Khải Định(1916-1925)

Niên hiệu Bảo Đại(1926-1945)

SAU NĂM 1945...

20. Năm Tân Mão (1951).

Cuối năm Canh Dần đầu năm Tân Mão có tín đồn âm ĩ rǎng: Bộ đội Việt Minh sẽ phản công và ông Hồ sẽ về Hà Nội ăn Tết. Và Việt Minh đã thực sự mở 3 chiến dịch lớn đánh xuống Trung du và đồng bằng Bắc Việt:

Chiến Dịch Trần Hưng Đạo:

Việt Minh dùng 2 Đại Đoàn 308, 312 tấn công vào thị xã Vĩnh Yên, cách Hà Nội 40 cây số về phía bắc ngày 13/1/1951. Pháp phản công kịch liệt dưới sự chỉ huy của tướng De Lattre de Tassigny, đánh bại cuộc tấn công của Việt Minh dưới sự chỉ huy của tướng Võ Nguyên Giáp.

Tướng Giáp không những thua trận đánh giàn quân đầu tiên, mà còn mất đại bộ phận 2 Đại Đoàn thiện chiến nhất: từ 6000 đến 9000 tử trận, hơn 6000 bị thương, 500 bị bắt làm tù binh.

Nhưng Pháp thiệt hại cũng khá nặng nề: Thương vong của Pháp nặng đến mức lực lượng của Pháp không còn đủ khả năng khai thác thắng lợi của mình.

.Chiến dịch Hoàng Hoa Thám:

Từ ngày 20/3 đến 7/4 năm 1951, Võ Nguyên Giáp mở chiến dịch lấy tên là Hoàng Hoa Thám(cũng gọi là Chiến Dịch Đường 18) bằng cách dùng 2 Đại Đoàn 308, 312 vừa mới chỉnh bị lại sau trận Vĩnh Yên, hỗ trợ cho Đại Đoàn 316 làm nhiệm vụ chủ công đánh vào Mạo Khê, cách Hải Phòng 30 cây số về phía Bắc, theo chiến thuật công đồn đả viện. Nhưng thất bại, Việt Minh phải rút lui để lại chiến trường 1500 xác chết, 483 bị bắt làm tù binh. Phía Pháp thất bại cũng không nhỏ: 3 trong số các Tiểu Đoàn lâm trận, số thương vong lên quá 25%.

. Chiến dịch Quang Trung:

Ngày 28/5/1951, Việt Minh mở chiến dịch Quang Trung đánh vào vùng Hà-Nam-Ninh gồm các Đại Đoàn 304, 308 và

320, mà hướng chính là Ninh Bình: Đại Đoàn 308 tiến chiếm thị xã Ninh Bình, cách Hà Nội 60 cây số về hướng Nam. Đại Đoàn 320 tấn công vào các đồn bót ở các khu Phát Diệm, Bùi Chu, phía Nam thị xã Ninh Bình.

Đại Đoàn 304: - Một thành phần phối hợp hoạt động với Đại Đoàn 308; - Một thành phần đánh vào các đồn bót ở Hà Nam. Những ngày đầu của chiến dịch, Pháp bị tổn thất khá nặng. Trung úy Bernard là con trai duy nhất của tướng De Lattre đã thiệt mạng.

Sau đó tướng De Lattre điều động vào chiến trường:

3 Liên Đoàn Lưu Động,

1 Liên Đoàn Thiết Giáp,

1 Tiểu Đoàn Nhảy Dù,

4 Pháo Đoàn(mỗi Pháo Đoàn tương đương với một Tiểu Đoàn Pháo Bin),

1 Hải Đoàn Xung Phong.

Và, một trận kịch chiến diễn ra.....

Viết Minh lần lượt rút bỏ hết những địa điểm đã chiếm được và trở về phía bên kia sông Đáy.

Ngày 20/6/1951 Chiến Dịch Quang Trung kết thúc: Việt Minh thương vong ước lượng 10 ngàn người, 1 ngàn người bị bắt.

Sau 3 chiến dịch vận động chiến quy mô bị thất bại, Việt Minh lặng lẽ đổi khẩu hiệu

CHUẨN BỊ PHẢN CÔNG thành khẩu hiệu **TÍCH CỰC CẨM CỰ ĐỂ CHUẨN BỊ PHẢN CÔNG.**

21. Năm Tân Mão 2011:

Chờ xem!

TRÁC NHỦ

Gọi Nắng

CHU HÀ

Ươm nỗi nhớ ngồi đây ta gọi nắng
Chiều dần trôi mây tủ phía hiên ngoài
Âm nước reo chí, bếp hồng tắt vội
Gói mì vô tội, trách chợ đường xa
Ngày đã sang sông, đêm chậm ghé nhà
Bầy vịt đói nghênh mồm đang gọi cửa
Thu đã úa còn đây dầm ba bữa
Mới gọi cho con sóc chẳng thèm tha
Thương nỗi nhớ đậm chồi đầy vất vả
Gọi nắng về... ôi nắng! nắng ở đâu?
Ngày lại ngày trời vẫn mãi mưa ngâu
Lá gục chết, vàng che bao mắt đỏ

Nghe giọt đắng lòng đau thương kẻ khó
Mùa nước to đập vỡ cuốn trôi sông
Xác dân oan trôi dạt vướng ven đồng
Bầy kên kên đậu chờ chia rìa thịt
Những vành khăn tang trên đầu trẻ nít
Ánh mắt lạc thần, bàn chân run rẩy
Nước lên cao, nhà trôi... đâu còn thấy
Bàn tay đưa cố với níu trời cao
Ai nghe chăng... cứu tôi với đồng bào!
Hòa giọng bão nước gào theo gió thét

Đâu phải trời kia ít thương nhiều ghét
Bối đời là bể khổ hố lầm than
Từ kẻ khó cho đến cửa nhà quan
Rồi kết cuộc xuôi tay đều sê hết

Ươm nỗi nhớ ngồi đây nghe giá rét
Chiều dần trôi mây tủ phía hiên ngoài...

Chu Hà

Viết Cho Một Người Tên Trinh



■ Nguyễn Thế Thiệu

Rồi thì chúng mình bắt chuyện làm quen. Em là con của một ông Trưởng-Ty Ngân Khố tỉnh Bình-Định. Kinh hoàng về những bất ổn sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, Ba em xin chuyên chuyển vào Saigon. Trên chuyến bay này, em đi trước một mình, lo việc học. Em kể cho anh nghe về bãi biển Qui-Nhon, về trường Cường-Để nơi em đã theo học, về kỷ-niệm tại thành-phố nhỏ bé này ... Em nuối tiếc nơi này lắm! Giọng rõ ràng, trong trẻo, em đúng thực là một cô gái Bắc Kỳ chính cống! Em thực sự giản-dị, thành-thật, và cởi-mở. Chiếc áo dài màu xanh nhạt hợp với nước da trắng trẻo!

Chuyến bay hơn một giờ đồng hồ thoảng qua nhanh. Rồi thì cả hai chia tay. Anh trao em địa chỉ của anh và anh nhận địa chỉ em - một địa chỉ chưa thực đầy đủ chi-tiết vì lẽ gia-đình đang sắp-xếp nhà cửa..

Sao hồi đó anh bận-rộn quá đi! Chỉ lo nghĩ đến công việc nơi sở làm. Thời giờ nghỉ ngơi, lo chuyện cho riêng mình thật quá ít! Nhiều lần anh chyện nghĩ đến em. Hình ảnh người con gái dễ thương nhiều lúc thoáng đến với anh rồi lại biến đi! Cho tới một ngày, anh nhớ là mình có tìm đến khu Khánh-Hội, nhưng không kiếm ra nhà em.

Một hôm đi đâu đó về nhà, cô em anh chạy ra nói: “Anh, có cô nào đó tên Trinh đến tìm anh”. Anh giật mình nghe tiếp: “Bố chạy ra mắng cô ta là con gái nhà lành không có thể đi tìm trai .. Có thể ông cụ còn nặng lời thêm nữa! Mặc dù buồn vô hạn, anh không nói một lời. Thú thực, anh cảm thấy thương Ba anh.

Ra đời làm quan, gia-đình bề-thế, ông cụ chỉ lấy sự thanh-liêm, siêng nǎng, và đạo-đức làm gương cho các con. Nhưng, những quan-niệm cổ-hủ và thành-kiến cố-chấp của thời phong-kiến đã khó đi ra khỏi tim óc ông. Ông vẫn nghĩ con trai mình sáng giá lắm! Và, gái trai không thể gặp nhau mà không qua phép tắc gia-đình. Sau này, khi các con lớn lên, ông cụ lại sốt ruột, lo nghĩ, thúc đẩy các con lập gia-đình! Tính tình ông trở nên dễ-dàng hơn. Qua cuộc sống, anh rõ được là những người trở về già thường thay đổi tâm tính. Có người trở nên khó khăn, cố chấp hơn, còn người khác thì dễ-dàng, cởi-mở và thân thiện hơn với mọi người. Ba anh thuộc loại người sau.

Anh bình-thản lo làm việc. Mặc dù có xung-đột trong nội-tâm, trong mọi sự, anh luôn giữ được trầm-tĩnh, an-bình. Thành-thật mà nói thì giữa anh và em chưa có một ràng buộc, liên-hệ chặt chẽ gì! Cũng thành-thật mà nói thì trước ngày em tìm đến nhà anh, anh có tưởng nhớ đến em, có phút nằm mơ là sẽ tìm đến với em, trở thành cặp tình-nhân thân thiết với những hẹn hò gặp gỡ và nêu duyên vợ chồng. Dáng dấp em, giọng nói cười hồn nhiên của em thường hiện trong óc anh. Ngồi chung nhau trên một chuyến bay chỉ có hơn một tiếng đồng hồ cũng đã mang lại sự ấm-lòng, niềm vui, và hy-vọng cho anh.

Một lần khác, anh lại tìm đến khu Khánh-Hội, nhưng vẫn chẳng bao giờ kiểm được nhà em. Thực sự nếu được gặp em, anh sẽ xin lỗi em để bỏ qua chuyện buồn đã xảy ra. Anh thông cảm được cái đau khổ của bất cứ người con gái nào khi nghe Ba anh với những lời đã nói. Ở tuổi học trò, em còn trong trắng, ngây thơ với nhiều ước vọng, mộng mơ! Có thể em cũng đã có cảm-tình và tìm cách đến với anh. Em thực vô tội! Vừa chập chững vào đời, chắc hẳn em đã ngỡ ngàng, buồn tủi khi va chạm với thực tế đau thương, phũ phàng!

Rồi thì anh lập gia-đình với một người con gái khác chính gốc Bình-Định. Trên chuyến bay đến Qui-Nhơn làm lễ hỏi, anh có nghĩ đến em. Nhớ lại hàng ghế anh và em đã ngồi! Anh hiểu rõ thế nào là định-mệnh, duyên nợ. Chẳng ai tránh được những gì đã và sẽ xảy đến cho mình. Ngay cả cái chết, chỉ đến khi nằm xuống, buông xuôi mọi sự mình mới thực rõ cái tận cùng của cuộc sống!

Trinh! Giờ này em ở đâu? Hơn 40 năm qua, không rõ có lần nào em hỏi thăm về tung tích, tình trạng của anh? Anh nghĩ là không, bởi vì có lẽ trong em chỉ toàn là thù hận về anh, về Ba anh! Em có quyền hành-xử như thế bởi vì em chẳng có một lỗi gì khi tìm đến với anh, đến với một người mình có lòng quí mến. Chính anh có lỗi, lỗi đã không giải-thích rõ ràng để Ba anh hiểu sự liên-hệ giữa anh và em, lỗi đã thất-vọng và bỏ cuộc khi tìm kiếm em! Ở nhỉ, sao anh ngu đần đến thế! Sao anh không nghĩ tìm đến Bộ Tài Chánh để hỏi về tung tích địa chỉ Ba em! Sao anh không nghĩ đến nhờ tài-xế tìm đến trụ-sở khóm, phường khu Khánh-Hội để truy ra địa chỉ nhà em! Anh đã để thời gian trôi qua, lo nghĩ đến công việc mà không nghĩ đến mình, đến đối tượng, đến mục tiêu của cuộc đời mình.

Bỗng nhiên hôm nay, một người bạn gửi e-mail nhờ anh viết bài cho Đặc-San của Hội Bình-Định. Anh không xuất xứ từ nơi đây, cũng không là Hội-Viên. Nhưng, khi viết bài này gửi đến Đặc-San Hội Bình-Định cũng là lúc anh nhớ và nghĩ về em. Cả một trời kỷ-niệm đã trở về và sống lại trong anh. Anh chẳng mong em sẽ đọc được bài này. Chẳng còn gì quan-trọng với anh. Anh đã có vợ con và cuộc sống với niềm vui, hạnh-phúc. Nhưng thực sự, anh luôn bị dằn-vặt về những gì đã xảy ra trong đời. Có lẽ sau những chuỗi ngày buồn phiền, em đã trở lại với cuộc sống bình thường và rồi có một gia-dinh hạnh-phúc với những đứa con xinh đẹp, nên người. Anh luôn chỉ cầu mong như thế!

Gần cuối cuộc đời rồi, một người đã gần 70 và em giờ này cũng xấp xỉ 60. Duyên nghiệp đã cho chúng mình gặp nhau trên chuyến bay Hàng Không Việt-Nam khởi-hành từ Qui-Nhơn! Viết những gì lòng này, hồi tưởng lại những gì đã qua, anh thực lòng tạ lỗi cùng em. Trinh, em hiểu cho anh nghe! Anh cảm thấy nhẹ nhàng lắm khi viết ra được những ẩn-ức của mình.

NGUYỄN THẾ THIỆU

Tiếng Hát Dêm Xuân

■ Đắc Đăng

Ai hát đêm Xuân tiếng nước non

Hương về Tổ Quốc gửi lòng son

Lời thơ tha thiết ngâm ray rứt

Ý nhạc thương yêu, điệu mới mòn,

Hy vọng đưa mây ngang phố thị

Ước mơ theo gió gọi sơn thôn

Vườn mai năm ấy trăng soi bóng

Áp ủ niềm tin nở cánh tròn

Đắc Đăng

Hai Thành Phố



■ Buì Thúc Khán

Từ thành phố hôm nay,
Nhớ thương về một thành phố hôm qua
Hai Thành phố,
Đã cho ta những năm tháng êm đềm
Những kỷ niệm một thời luôn giữ mãi!
Lòng xao xuyến mỗi lần Xuân trở lại,
Nghe bâng khuâng chiêu lạnh gió heo may.
Một bàn tay giữ chắc một bàn tay,
Hai Thành phố, hai nỗi lòng mong đợi.
Và thấp thoáng ngoài muôn xa vời vợi
Một con đò gác mái bến sông Côn
Ôi quê hương khuất bóng hoàng hôn.
Không khói sóng cũng thấy buồn vô hạn.

Một chiều Thu năm 2010

Buì Thúc Khán

ĐIẾU VĂN ANH GIUSE PHAN VĂN HÀM

■ Nguyễn Bá Thư

Ngày 06 tháng 03 năm 2010

Lời Toà Soạn: Anh Phan Văn Hàm là một cựu Sĩ-Quan Cảnh Sát (Xuất thân ngành Công An) từ thời nền Đệ nhất Cộng Hoà.

Sau biến cố đảo chánh tháng 11/1963 Anh bị đổi đi khắp các tỉnh Miền Nam Việt Nam, nhưng vẫn phục vụ đến ngày 30/04/1975. Sau khi đi tù cải tạo nhiều năm, Anh đã đến Hoa Kỳ theo diện HO. Anh đã cộng tác liên tục nhiều năm cho 2 tờ DS Tây Sơn Bình Định Nam, Bắc CA. Văn thơ anh lời lẽ chân thành, mộc mạc bình dị, phản ánh cuộc đời trung tín, mến Chúa ngoan đạo. Vì tuổi già sức yếu Anh đã qua đời ngày 6/3/2010. Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã đề cử Anh Nguyễn Bá Thư trong Ban Biên Tập đến San Francisco để dự tang lễ tiễn đưa Anh và chia buồn cùng tang quyến.

*Sinh quán nơi Lạc Điện, Phước Thắng,
Miền ruộng đồng, lúa nặng hạt thơm.
Anh say sưa chữ nghĩa sớm, hôm,
Câu kinh kính Chúa, lo tròn ngày đêm.
Đá son sắc mồi mòn ghi tạc,
Đáng minh quân, cung phục Ngô triều.
Hai mươi năm tiết tháo đủ điề...
Vẫn một lòng vì nước an dân trọn đạo.
Nơi hải ngoại âm thầm bóng chiếc,
Ngọn đèn khuya thờ thẩn một mình.
Nặng tim óc gối lòng vào chiếc máy,*

Gõ từng trang chấm chút giải bày:
Để con cháu ngày sau biết được,
Chí cha ông một dạ sätt son.
Dĩ văn tài đạo lưu còn mai sau.
Gom cháu con, tụ đoàn về đất húa,
Rồi thanh thản đi vào đất Chúa.
Tình vợ con tạm gửi cõi trần
Tám mươi tuổi an phàn thương thọ.
Một kiếp người tựa áng mây bay,
Trôi lảng dãng bên trời vô tận.
Vòng tử sinh vô thường do Chúa định,
Xác thân này là cát bụi thuở nguyên sơ.
Ô hô thương hưởng

Nguyễn Bá Thủ

Khấp bái

HOA TƯ TUỔNG

- * Sự kính trọng không phải yêu cầu mà được, phải đạt lấy. Sự kính trọng chỉ đạt được bằng cách cho đi.
- * Một người thông minh học được lầm lỗi từ của mình, một người khôn ngoan học được lầm lỗi từ những kẻ khác.
- * Đừng bao giờ bước đi trên đường người khác đã đi, bởi vì nó chỉ dẫn bạn đến nơi những người khác đã đến

Graham Bell

* Thời gian trôi thật chậm với ai chờ đợi, rất nhanh với ai sợ hãi, rất dài với ai phàn nàn than thở, rất ngắn với ai mừng lě. Nhưng đối với những ai yêu thương thời gian là vĩnh cửu.

William Shakespeare

CHÙA THẬP THÁP

■ Cù Hoà Phong

Chùa Thập Tháp do Thiền Sư Nguyên Thiều xây dựng năm 1677, toạ lạc trong ấp Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, Quận An Nhơn thuộc Tỉnh Bình Định, từ nghèo Cầu Chùa (hay còn gọi là cầu Vạn Thuận) có một con đường đất đi lên hướng tây khoảng 100 mét là tới chùa. Chuà toạ lạc về hướng bắc của Thành Đô Bàn (Vijaya) là Thủ đô một thời rực rỡ của Vương quốc Champa, và cũng là Thành Đô Qui Nhơn của Vua Thái Đức, nhà Nguyễn Tây Sơn.

Phía sau Chuà Thập Tháp là vùng đồi Long Bích, Long Bích là một triền đồi thấp trong khu Gò Thập Tháp, thuộc khu ngoại thành Đô Bàn,



Mặt tiền ngôi chánh điện Chùa Thập Tháp Di Đà

Sông Kôn từ thượng nguồn, dọc dưới chân đèo An khê, đổ về đầu làng Hoà Phong chia làm hai nhánh lớn, nhánh Nam chảy xuống Đập Bẩy Yến, nhánh bắc chảy xuống bến Thị Lụa (đầu làng Thiết Trụ chẻ làm hai, nhánh Nam chảy xuống sông Đập Đá, nhánh bắc là sông đào gọi là sông La Vĩ chảy xuống cầu Gò Găng, trên nhánh này có một dòng suối gọi là suối Bàn Khê, từ hướng tây đổ về gò Thập Tháp, rồi rẽ qua hướng bắc, chảy dọc trước Chùa Thập Tháp bao lấy cả khu gò, rồi chảy rẽ sang hướng bắc thành Đô Bàn, ngang qua quốc lộ số 1 (đó là

cầu Vạn Thuận mà dân chúng hay gọi là Cầu Chuà) dòng suối xuôi thẳng về hướng đông, Bả Canh, Bằng Châu. Đứng trên đồi Long Bích, nhìn về hướng tây nam ta thấy một tòa tháp Chiêm thật là hùng vĩ đó là tháp Đồng (Tuor de Cuivre) ta thường gọi là tháp Cánh Tiên, có câu ca dao “*Ngó lên hòn tháp Cánh Tiên, Cảm thương Quan Hậu thủ thiền ba năm*”; Nhìn về hướng đông nam từ xa có một cụm tháp đó là tháp Bạc (Tour d Argant) hay gọi là tháp Bánh Ít, khu vực trên đồi tháp này, vào năm 1960 Hoà Thượng Thích Huyền Quang xây dựng ngôi Chuà và

trường Nguyên Thiều, nhìn về hướng bắc có tháp Vàng (Tour d Or) tên gọi là Phốc Lốc, cũng trên ngọn đồi Long Bích nhìn xuống hướng đông, xa xa cách đồng ruộng đó là ngọn núi Mò O còn ba tên khác là núi Thiên Bút, núi Tiên Tỉnh Sơn, hay núi Mạ Thiên Sơn (tức là ngửa miệng mắng trời) thẳng đứng uy nghi tạo thành một bức bình phong che gió bão, trên đỉnh Mò O có một giếng nước thiên nhiên sâu khoảng vài mét, chiều ngang cũng vài mét nhưng điều đặc biệt là bên ngoài thành đá tròn nhưng bên trong lại vuông, nên gọi là giếng Tiên, hai bên có hai tảng đá hình tam giác đứng song song với nhau.



Hồ sen trước cổng tam quan từ khi xây chùa Thập Tháp

Tại sao gọi là Chùa Thập Tháp? Vì ngày xưa thời Chiêm Quốc, Đồ bằn là Thủ Đô mà tên nước cũng là Đồ Bàn, được vua Chiêm là Ngô Nhật Hoan xây vào thế kỷ thứ 10 vào thời nhà Tống (bên Tàu), thời nước ta là Tiền Lê, thành chu vi khoảng

11 dặm , tường chung quanh xây bằng gạch nung, có bốn cửa chính Đông, Tây, Nam, Bắc, kiến trúc rất kiên cố, bên trong có một tháp cao để dễ quan sát, đó là tháp Cánh Tiên, phía tây có dãy đồi Vân Sơn (còn gọi là Kim Sơn), phía nam có núi Long Cốt, còn phía bắc là vùng đồi Long Bích có mười ngôi tháp Chàm, yểm thủ; Xa hơn nữa, khắp bốn mặt thành là núi non trùng điệp, có cả sông ngòi bao che.Đồi Long Bích xưa kia là địa danh của thủ đô Chiêm Quốc thời huy hoàng, có mươi ngọn tháp nhưng vì thời gian chiến tranh liên miên nên hư sập,

hiện còn những di vật, đá xanh điêu khắc xen lẩn với gạch đổ nát nầm rải rác, nên người dân quen gọi là Gò Thập Tháp. Khi Thiền Sư Nguyên Thiều từ Tàu sang dựng Chùa thì mười ngôi tháp vẫn còn nên ngài đặt tên Chuà là Thập Tháp Di Đà, Di Đà là một vị Phật hiện thời đó làm Giáo Chủ của nước Cực Lạc tức là A Di Đà, tiếng Tàu là Vô Lượng Quang hay là Vô Lượng Thọ, có nghĩa là sự thọ mạng lâu dài đến vô lượng và ánh sáng chiếu khắp vô biên. Tên Chùa biểu hiện chí hướng cao cả của Thiền Sư Nguyên Thiều, nên chính nơi mươi ngọn Tháp này mà Phật Pháp được cửu trụ. Phật Giáo tại Việt nam có từ thời Tịnh Độ Tông, thấm nhuần sâu sắc , thậm chí người dân mỗi khi thấy cái gì tỏ vẻ ngạc nhiên cũng đều “Mô Phật” , hoặc chào nhau trong giới Phật Tử cũng đều “Nam Mô A Di Đà Phật”. Các Thầy kể: Thiền Sư Nguyên Thiều lấy Tịnh Độ làm phương pháp tu hành chính trong việc truyền bá Phật Pháp dựa trên ba lý căn bản: Khế Lý, Khế Cơ và Khế Thời để áp dụng trên con đường hoằng Pháp ở Đại Việt ta.



Các ngôi Bảo Tháp (24 ngôi Bảo Tháp) sau Chùa.

Nên điều đặc biệt là ngôi chánh điện uy nghiêm, cổ kính còn nguyên vẹn đến ngày nay là 333 năm, chỉ có một lần trùng kiến vào thời Hoà Thượng Thật Kiến - Liễu triết (1702-1744), ngôi Chánh Điện có tất cả 44 cây cột, theo lời kể của các Thầy là: “48 cây cột tiêu biểu cho 48 Đại Nguyên của Đức Phật A Di Đà, mà cũng là chí hướng của Thiền Sư Nguyên Thiều trong truyền bá Phật Pháp tại xứ sở Dàng Trong. Nên Thiền Sư Đạo Nguyên Tánh Đề (sinh 1656 – 1716) đã sáng tác một bài thi ca tụng:

十 痘 愈 於 多 寶 塔
門 前 不 用 設 三 車
只 今 淨 土 成 如 是
應 似 重 來 聽 法 華

Tháp toà dū u Đa Bảo Tháp

Môn tiền bất dụng thiết tam xa

Chỉ kim Tịnh Độ thành như thị

Ung tợ trùng lai thính Pháp Hoa.

Thượng Toạ Viên Đạt dịch như sau:

Mười tòa tháp sánh hơn Đa Bảo

Trước cửa không cần thiết ba xe

Tịnh Độ hôm nay như thế đó

Cùng nghe như giảng Pháp Hoa kinh.



Bộ Tượng A la Hán



Bức phù điêu kỳ lân và bát quái đồ

Chùa Thập Tháp là ngôi Tổ Đìnhdầu tiên của phái Thiền Lâm đàng Trong, được Thiền Sư Nguyên Thiều Siêu Bạch đời thứ 33 Lâm Tế Chánh Tông xây cất vào đời Chuá Hiền Nguyễn Phước Tần. Tấm bia đá đầu tiên ghi bài ký minh về Tổ Sư Nguyên Thiều, là chúa Nguyễn Phước Trú ngự đê, ban cho Tổ Sư vào ngày mùng 8 tháng 4 năm Bảo Thái thứ 10 (Kỷ Dậu 1729) đầu đê tấm bia ghi rằng: (*Đại Việt Quốc Vương Sắc Tứ Hà Trung Tự Hoán Bích Thiền Sư Tháp Ký Minh*). Bia này được dựng trước Tháp Tổ tại ấp Thượng Một, làng Dương Xuân Thượng thuộc Tỉnh Thừa Thiên - Huế, và tấm bia đá dựng tại Chuà Quốc Ân với kích thước lớn hơn, nhưng nội dung bài ký và nét chạm khắc hoa văn, giống với nội dung bia Tháp Tổ.

Nội dung khắc trong bia đá ghi rõ rằng: “Tổ Sư Nguyên Thiều sinh vào giờ Tuất, ngày 18 tháng 5, năm Mậu Tý (1648).., năm 19 tuổi xuất gia đầu sư với Hoà Thượng Khoáng Viên tại chùa Báo Tư... vào năm Ất Tỵ (1665) Tổ Sư theo chân các nhà buôn Tàu sang xứ đàng trong, vào thủ phủ Qui Ninh (nay là Tỉnh Bình Định). Tại đây Ngài đã lập ngôi Chùa Nhỏ để tham thiền và hoằng dương Phật Pháp.



Bức Hoành Sắc Tứ “THẬP THÁP DI ĐÀ TỰ”

Năm 1680, Chùa chính thức được xây dựng qui mô lớn. Chùa kiến trúc hình chữ Khẩu, mái lợp ngói âm dương, chia thành 4 khu vực: Chánh Điện, Phương Trượng, Đông Đường và Tây Đường, các khu này nối liền nhau bằng một khoảnh sân gọi là “giếng trời”. Ngôi Chánh Điện là công trình chính, kiến trúc theo kiểu nhà ba gian hai chái, được kết cầu bằng hai hàng cột lớn (8 cây), bốn hàng cột nhỏ (16 cây), tám cột con (8 cây) và mười sáu cây cột hiên (16 cây) mặt tiền 8 cây và mặt hậu 8 cây. Nếu quý vị đến viếng Chùa Thập Tháp Di Đà, nên quan sát hàng cây cột hiên sau Chùa, phía bên mặt có một cây cột bị một vết đạn đại bát thời quan Hậu thủ thiền, bị quân Trần Quang Diệu tấn công, bên trong quân của Võ Tánh bắn ra, một miếng đạn băng vào cây cột bị bể một miếng. Hiện nay quý Thầy cho đắp xi măng vết bể để bảo vệ cây cột; đây là dấu vết chiến tranh, thời Nhà Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn Phúc Ánh, còn lưu lại. Ngoài những kiến trúc cổ kính bên trong, còn làm cho du khách đến ngỡ ngàng và khâm phục, khi chiêm ngưỡng khu vườn Tháp Cổ, với 24 bảo tháp mang hình thái theo các kiến trúc của nhiều thời gian khác nhau, tất cả các công trình xây cất từ thế kỷ thứ 18 đến giữa thế kỷ thứ 20, các tháp đều có mái cong, và những nét chạm trổ rất tinh vi trên khắp thân tháp.

Có một câu truyện truyền khẩu, là “trong Chuà có một hạt luá thân to bằng cái trống chùa”, kẻ viết bài này gặp thầy trú trì Như Trụ - Hải Tạng, hỏi thăm thì được thầy trả lời là “từ khi thầy về đây có nghe nhiều người, kể cả phật tử cũng hỏi, Thầy trả lời là Thầy không thấy có, có lẽ họ nhầm với cái chuông chǎng?! Chuông cũng có từ lúc Tổ Sư lập Chuà “ và chuông nặng 1,000 cân, hiện nay vẫn còn.

Hoà Thượng Kế Châu cho biết, là phố Huệ Truyền Thừa tại Tổ Đinh Thập Tháp Di Đà, Lâm Tế Chánh Tông từ năm lập chùa 1665 đến 1989, gồm có 9 đời tính từ đời thứ 33 tại Tàu, mà Tổ Sư Nguyên Thiều là đời thứ 33, và bắt đầu từ đời này tính đi như sau:

Đời 33: 1- Tổ sư Siêu bạch, pháp hiệu là Nguyên Thiều, nguyên quán huyện Trình Hương, phủ Triều Châu, Tỉnh Quảng Đông, bên Tàu, thuộc triều đại nhà Thanh, sinh 1648 viên tịch 1728.

2- Thiền sư Đạo Nguyên, pháp hiệu Tánh Đê, nguyên quán Việt Nam (không rõ) sinh 1656 – 1716).

Đời 34: 3- Hoà Thượng Minh Giác, pháp hiệu Kỳ Phương, (không rõ nguyên quán),

sinh 1682 – 1744).

Đời 35: 4- Hoà Thượng Nhật Kiến, pháp hiệu Liễu Triệt, nguyên quán Miền trung Việt

Nam, sinh 1702 – 1764.

Đời 36: 5- Hoà Thượng Tế Đoan, pháp hiệu Hạo Nhiên, nguyên quán phủ Qui Ninh sinh 1712 -1784.

6- Hoà Thượng Tế Trí, pháp hiệu Hữu Phi, nguyên quán Phủ Qui Nhơn, sinh

không nhớ - 1799.

Đời 37: 7- Hoà Thượng Liễu Trí, pháp hiệu Huệ Nhật, nguyên quán Phủ Qui Nhơn, sinh 1752 -1826.

Đời 38: 8- Hoà Thượng Đạt Lượng, pháp hiệu Hưng Long, nguyên quán làng Nhơn

Khánh, huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn, nay là Tỉnh Bình Định, sinh 1729 – 1832.

Khi Hoà Thượng Viên Tịch, đồ chúng lập tháp sau vướn Chuà thờ.

Hiện nay trước tháp Hưng Long có bài thơ đọc theo hàng dọc, từ hai đầu nhập lại theo

số thứ tự mà Hoà Thượng Kế Châu giải nghĩa như sau:

Hán tự:

Cung Duy!

Linh giác tây qui

Hàn thủ vãng, vật tinh di

Quang ngưng bảo tháp, ánh chiểu diêu trì

Trần lao đô tẩy viễn

Cực Lạc tự y tuỳ

Đế đức trọng ban dao diệp

Phật oai thần lực hộ trì.

Minh bạch vô phi thành tại kỹ

Thị phi tầng phóng cánh thuỷ tri?

Quốc ngữ:

Kính Thầy!

Linh giác về Tây

Lạnh nóng đổi, vật sao thay

Quang ngưng Bảo Tháp, ảnh rời Diêu Trì

Trần lao đều rửa sạch

Cực lạc tự vê đây

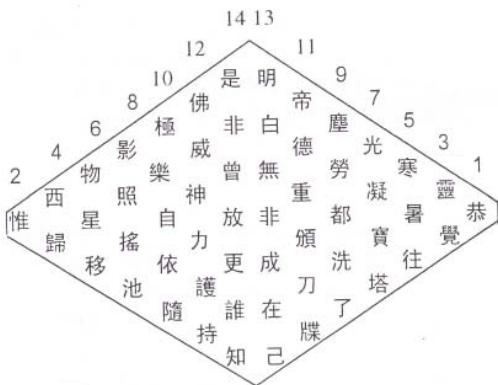
Ôn vua trọng ban dao diệp

Oai Phật thêm sức hộ trì

Tranhg trong chẳng đổi, lòng mìnht thật

Phải vơ buông bỏ, Kính ai hay!

9- Hoà Thượng Đạt Khoan, pháp hiệu Chánh An, nguyên quán Huyện Tuy Viễn, Phủ Qui Nhơn, sinh 1806 - 1868.



10-Hoà Thượng
Đạt Thuýen, pháp
hiệu Nhật Chánh,
nguyên quán
Huyện Tuy Viễn,
phủ Qui Nhơn, sinh
1800 - 1871.

Đời 39: 11- Hoà
Thượng Ngộ Thiệu, pháp hiệu Minh Lý, nguyên quán làng
Thuận Chánh, nay là làng Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, Quận
An Nhơn, Tỉnh Bình Định, sinh 1836 - 1889).

Đời 40: 12- Hoà Thượng Chơn Châu, pháp hiệu Vạn Thành,

thuộc làng Vạn THuận (Thuận Chánh), sinh 1865 – 1905.

13- Hoà Thượng Chơn Luận, pháp hiệu Phước Huệ, nguyên quán làng Phú Thành, xã Nhơn Thành, quận An Nhơn, Tỉnh Bình Định, sinh 1869 – 1945.

Dời 41: 14- Hoà Thượng Không Hoa, pháp hiệu Huệ Chiếu, nguyên quán làng Trường Định, xã Bình Hoà, quận Bình Khê, Tỉnh Bình Định, sinh 1898 – 1965.

15- Hoà Thượng Không Tín, pháp hiệu Kế Châu, nguyên quán làng Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu, Quận An Nhơn, Tỉnh Bình Định, sinh 1922 – đã mất 1996.

Sau khi Hoà Thượng Kế Châu viên tịch 1996, Ngài Truyền Thừa hiện nay là:

Dời 42: 16- Hoà Thượng Như Trụ, pháp tự Viên Định, pháp hiệu Hải Tạng, nguyên quán làng Chánh Trạch, xã Mỹ Thọ, Quận Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, sinh 1951, thân phụ là Nhữ Bì, thân mẫu là Nguyễn Thị Liên

Chùa Thập Tháp là một trong những ngôi Chuà Cổ nhất của Việt Nam, và được xét chọn vào danh mục Kiến trúc Cổ Kinh, cần bảo vệ,

Cù Hoà Phong

Thu 2007

Tham khảo:

1- *Việt Nam Sử Lược, Tân Việt xuất bản 1958* của Trần Trọng Kim.

2- *Việt Sử Xứ Đàng Trong, Sài Gòn xuất bản 1967* của Phan Khoan.

3- *Theo lời kể có dẫn chứng của Hoà Thượng Kế Châu trú trì Chùa Thập Tháp Di Đà, đời 41, mà là Hoà Thượng Chánh Đại Diện thứ 15 kể từ Tổ Sư Nguyên Thiều.*

Quê Hương Tang Tóc

■ Ngô Đình Phùng

Mấy chục năm rồi nhớ cố hương,
Đất bằng dại sóng ngập đau thương.
Gông cùm, xiềng xích giăng dây lối,
Cuớp giật, ăn xin đứng chật đường.
Lớp lớp vượt biên lìa Tổ quốc,
Nhà nhà lánh nạn sống tha phương.
Máu xương oan nghiệt tuôn rơi khắp
Lao ngục, núi rừng lẩn đai dương.

Ngô Đình Phùng

TRANG SỬ GIỮ NƯỚC, CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG BUỔI ĐẦU NỀN TỰ CHỦ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

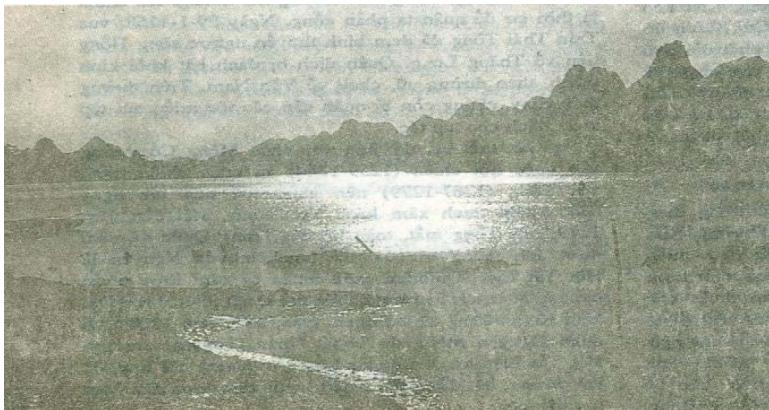
Năm 931 (Tân Mão), Dương Diên Nghệ người xã Dương Xá huyện Thiệu Hóa [nay là Thiệu Yên vì có Yên Định sáp nhập], tỉnh Thanh Hóa, khởi binh đánh đuổi quân Nam Hán. Từ ấy, nước ta độc lập suốt 476 năm, trải qua các triều Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ; đánh dấu một thời đại tự chủ oai hùng (931- 1407).

I. NHÀ NGÔ (939 – 965)

Ngô Quyền (898- 944) người xã Đường Lâm, nay thuộc thành phố Sơn Tây tỉnh Hà Tây; được Dương Diên Nghệ cho làm nha tướng và gả con gái là Dương Thị Như Ngọc.

Tháng 4 năm 937 (tức tháng 3- Đinh Dậu), Dương Diên Nghệ bị bộ tướng Kiều Công Tiễn giết. Ngô Quyền đang làm Thủ sứ Ái Châu (Thanh Hóa), đem quân ra hỏi tội. Kiều Công Tiễn cho sứ sang Nam Hán cầu cứu. Vua Hán là Lưu Cung (Liu Gong) muốn nhân cơ hội này chiếm lấy nước ta, bèn sai Thái tử Hoằng Tháo [1] đem binh thuyền đi trước, còn vua tự cầm quân đóng ở Hải Môn để tiếp ứng. Nghe tin chiến thuyền của giặc theo sông Bạch Đằng vào nước ta, Ngô Quyền sai quân đem cọc đầu bịt sắt nhọn đóng ngầm ở hai bên cửa sông. Thủy triều lên, quân ta dùng thuyền nhẹ khiêu chiến, rồi giả thua, dụ giặc đuổi theo. Khi cả binh thuyền của chúng tiến vào vùng có cắm cọc, quân ta đổ ra đánh rất hăng háng lúc thủy triều rút nhanh, thuyền giặc vướng vào cọc, thủng vỡ lật úp. Ngô Quyền, trong thi giết được Kiều Công Tiễn, ngoài đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 [2], Hoằng Tháo (Hong Cao) bị bắt sống và bị giết, ca dao đã tóm tắt thuật chiến công oanh liệt này:

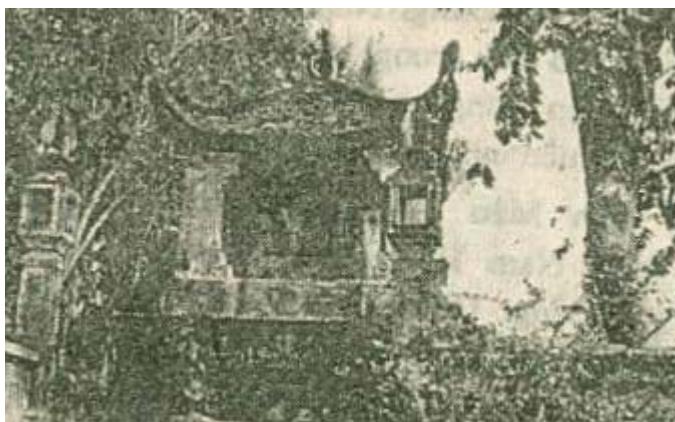
*Đánh giặc thì đánh giữa sông,
Chớ đánh trong cạn, phải chông mà chìm [3].*



H 1. Cửa sông Bạch Đằng lúc chiều tà, ảnh Minh Nguyệt.

Trích: Trần Đô, *Văn Hóa Việt Nam*, trang 48.

Năm 939 (Kỷ Hợi) Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cố Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội), truyền ngôi được 4 đời (kể cả Dương Tam Kha), nhưng đến đời Ngô Xương Xí chỉ còn giữ đất Bình Kiều (thuộc phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam Thượng; nay thuộc tỉnh Hưng Yên), như các sứ quân khác. Đất nước lâm vào thời kỳ hỗn chiến (966- 968), sử gọi là Thập Nhị Sứ Quân [4].



H 2. Lăng Ngô Quyền ở Đường Lâm, tp Sơn Tây

Trích: *Văn Hóa Việt Nam*, tr 155, ảnh Vân Yến.

II - NHÀ ĐINH (968- 980)

Đinh bộ Lĩnh quê ở động Hoa Lư, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, con ông Đinh Công Trứ làm Thủ sứ Hoan Châu dưới thời Dương Diên Nghệ và Ngô Quyền. Cha mất sớm, theo mẹ về quê sinh sống, lớn lên gia nhập sứ quân Trần Minh Công. Trần sứ quân chết, Đinh Bộ Lĩnh thay thế, đem quân về giữ Hoa Lư, hùng cứ một phuong. Đinh Bộ Lĩnh lần lượt diệt các sứ quân khác, thống nhất đất nước, dân chúng tôn là Vạn Thắng Vương. Trong văn chương bình dân, có câu ca dao thích hợp với sự kiện lịch sử này:

Ở đời muôn sự của chung,

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.



H 3. Toàn cảnh vùng cố đô Hoa Lư, ảnh Đỗ Huân.

Trích: *Văn Hóa Việt Nam*, sau trang 144.

Năm 968 (Mậu Thìn), Vạn Thắng Vương lên ngôi hoàng đế, xưng là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư [5], dân chúng sống trong thanh bình an lạc, đúng nghĩa với niên hiệu Thái Bình mà Nhà Vua đã chọn:

Xem lén trăng bạch trời hồn

Dạo miennie sơn thủy bẻ bông thái bình.



H 4. Cổng vào đền Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư, Ninh Bình.

Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Trực chụp 1993.

Nhưng đến năm 979 (Kỷ Mão) có biến cố lớn, Đỗ Thích làm chức lại ở Đồng Quan, nầm mông thấy sao rơi vào miệng, tin là điềm báo được làm vua. Thừa lúc Đinh Tiên Hoàng say rượu nằm ở sân cung, bèn lén vào giết vua và Đinh Liễn (con trưởng vua). Dân chúng chê trách hành động điên rồ của Đỗ Thích:

*Con cóc nầm ở bờ ao,
Lặm le lại muốn nuốt sao trên trời [6].*



H 5. Lăng Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư.

Ánh Nguyễn Huy Trực, 1993.

III - NHÀ TIỀN LÊ (980- 1009)

Thừa lúc vận nước rối ren, năm 980, vua Tống Thái Tông (Song Tai Zong) sai Hầu Nhân Bảo (Hou Ren Bao) đem quân đến biên giới định xâm chiếm nước ta. Tướng Phạm Cự Lượng yêu sách phải tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, mới chịu xuất quân. Trước tình thế khẩn trương, trước vận mệnh sống còn của đất nước, Thái hậu Dương Vân Nga sai lấy áo long cổn khoác lên mình Lê Hoàn, tôn lên ngôi là vua Lê Đại Hành, để yên lòng binh sĩ.

Tháng 4 năm 981 (tức tháng 3- Tân Ty), quân Tống sang chiếm nước ta. Hầu Nhân Bảo (Hou Ren Bao) và Tôn Hoàn Hưng (Sun Huan Xing) dẫn đại binh đi đường bộ đánh Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ (Chen Qing Zu) theo đường thủy vào sông Nhị Hà tấn công Tây Kết, Lưu Trừng (Liu Cheng) tiến vào sông Bạch Đằng. Lê Đại Hành tự nguyện làm tướng chống giặc. Nhà vua phá tan đạo quân đường bộ, đánh đuổi cánh quân đường thủy; giết tướng Hầu Nhân Bảo [7], bắt tướng Quách Quân Biện (Guo Jun Bian) và Triệu Phụng Hưng (Zhao Feng Xing), giặc chết quá nửa; khiến nhà Tống dẹp mộng xâm lăng nước ta:

*Ái Chi Lăng, ta dùng kẽ trá hàng,
Giặc chết nhiều, Hầu Nhân Bảo máu loang.
Ta bắt sống địch hai người bộ tướng,
Chết phân nửa, quân trang nhiều vô lượng.
Bọn Lưu Trừng đóng giữ mặt Bạch Đằng,
Thấy quân ta thừa khí thế đánh hăng,
Quân nhà Tống, bên bộ binh tháo chạy,
Lưu Trừng sợ ta hỏa công thiêu cháy
Bọn thủy quân của giặc Tống rút êm.
Ta liên hoan mừng chiến thắng liên miên
Đại Cồ Việt, rừng cờ vàng hoa nở [8].*

Lê Đại Hành ở ngôi 25 năm (980- 1005), lần lượt đặt các niên hiệu Thiên Phúc, Hưng Thống, Úng Thiên; kinh đô vẫn ở

Hoa Lư.

*Con cò bay lả bay la,
Bay qua Yên Thế bay về Hoa Lư.
Trăm ngàn cờ Việt có du,
Màu vàng sáng chói, muôn thu anh hùng [9]*



H6. Đền vua Lê Đại Hành ở Hoa Lư. Trích:

Phạm Ngô Minh, *Nhân Vật Họ Lê Trong Lịch Sử VN*, sau tr 4.

Tháng 4 năm 1005 (tức tháng 3- Ất Ty) Đại Hành Hoàng Đế băng ở điện Trường Xuân. Con thứ ba là Long Việt lên ngôi tức Lê Trung Tông (1005) làm vua được 3 ngày, bị em là Long Đĩnh sai người giết, rồi tự xưng làm vua (1005- 1009) vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên, đến năm 1008 đổi là Cảnh Thụy. Lê Long Đĩnh rất bạo ngược, hiếu sát, thường lấy sự giết người làm trò chơi, thích xem hề ngay lúc lâm triều, lại còn say đắm tửu sắc nên phát bệnh trĩ đến nỗi không ngồi được, thị triều phải nầm, sử gọi là Vua Ngọa Triều.

Giữa lúc lòng dân oán ghét Long Đĩnh, trong dân chúng lan truyền một bài sấm thi bằng chữ Hán:

*Thụ căn diểu diểu,
Mộc biểu thanh thanh.
Hoà dao mộc lạc,
Thập bát tử thành.*

*Đông a nhập địa,
Dị mộc tái sinh [10].
Chấn cung kiến nhật,
Đoài cung ẩn tinh.
Lục thất niên gian,
Thiên hạ thái bình.*

Cao Huy Giu (*Thơ Văn Lý Trần*) dịch:

*Gốc cây thăm thăm,
Ngọn cây xanh xanh.
Cây hòa dao rụng,
Mười tám hạt thành.
Cành đông xuống đất,
Cây khác lại sinh.
Đông, mặt trời mọc
Tây, sao náu hình
Khoảng sáu, bảy năm
Thiên hạ thái bình.*

- Hai câu giáo đầu nói bóng gió vua thì yếu mệnh, bề tôi cưỡng thịnh.

- Câu 3, hợp các chữ *hoa*, *dao*, *mộc*, thành chữ *Lê* nhưng lại *lạc* (rơi rụng), ý nói Nhà Lê mất ngôi.

- Câu 4, hợp các chữ *thập bát*, *tử*, là chữ *Lý*, ý nói người họ Lý *thành* thiên tử.

- Câu 5, hợp hai chữ *dōng*, *a* thành chữ **trần** *nhập* *địa*, ý nói Nhà Trần làm vua nước ta.

- Câu 6, cây khác sống lại, ý nói một họ Lê khác làm vua lần nữa, tức nhà Hậu Lê.

- Câu 7 và 8: cung đằng Đông (chấn) mặt trời mọc, cung đằng Tây (đoài) ngôi sao mờ.

Một hôm Lê Long Đỉnh ăn trái khế lại thấy hột mận [11]

chữ Hán gọi là Lý, càng tin lời sấm thi, ngầm sai tìm người họ Lý giết đi, nhưng lại quên mất Lý Công Uẩn ở bên cạnh vua và đang giữ chức Tả thân vệ Điện tiền Chỉ huy sứ, nên ca dao có câu:

*Ta trong cây khế ta ra,
Mình còn cạnh khế, chi ta hối mình!*

IV - NHÀ LÝ (1010 – 1225)

Khi vua Long Đỉnh băng thì Lý Công Uẩn ngoài 35 tuổi; bấy giờ thần dân chán ngán nhà Tiền Lê nên trong triều có nhóm Đào Cam Mộc, nhà chùa có Thiền sư Vạn Hạnh vận động đưa Công Uẩn lên ngôi vua, xưng là Lý Thái Tổ, đặt niên hiệu Thuận Thiên (1010- 1028).

Nhà Lý để lại cho lịch sử những dấu ấn sâu sắc đáng ghi nhớ: Năm 1010, Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên là Thăng Long. Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu là Đại Việt [12]. Năm 1075, Lý Nhân Tông sáng lập khoa thi Tuyển Minh Kinh Bác Học Cập Nho Học Tam Trường, mở đầu cho nền khoa cử nước ta. Và những năm 1044, 1069, 1075, 1076, 1078, 1084, 1104 triều Lý không những đuổi được giặc ngoại xâm, bảo vệ non sông, mà còn đem quân ra nước ngoài đánh Nam phạt Bắc, mở mang bờ cõi, và vẻ vang nhất là đòi lại được những phần đất đã mất.



H 7. Đền Đô tức Lý Bát Đế [13] ở Dinh Bảng.

Ánh Nguyễn Huy Trực, 1993.

* Bấy giờ người Chăm thường quấy nhiễu ở vùng biên giới, tháng 3 năm 1069 (tức tháng 2- Kỷ Dậu), Lý Thánh Tông (1054-1072) thân chinh đi đánh Champa [14]. Từ Thăng Long, đại quân ta đi ngót 26 ngày đường biển mới đến đầm Thị Nại (nay thuộc tỉnh Bình Định). Viên tổng tư lệnh Chăm là Bố-bì-dà-la dàn trận trên bờ sông Tu Mao (một nhánh của sông Côn). Lý Thường Kiệt [15] đánh tan lực lượng tiền phong và giết được Bố-bì-dà-la, rồi vượt thêm hai sông nữa (cũng thuộc sông Côn) thì tới thành Đồ Bàn.

Vua Chăm là Chế Củ tức Cri Rudravarman III [16] bỏ kinh đô chạy về miền Nam. Lý Thường Kiệt đem quân đuổi theo suốt một tháng trời, đến tận biên giới Chân Lạp. Vua Chăm và 5 vạn quân dân bị bắt. Tháng 7 năm ấy, Lý Thánh Tông về đến Thăng Long với ca khúc khải hoàn, giải theo vua Chăm và quyển thuộc. Sau Chế Củ dâng 3 châu: Bố Chánh, Địa Lý và Ma Linh [17] mới được tha cho về nước.

Ca dao dưới đây xin dành cho vị vua Đại Việt đầu tiên thân chinh mở mang bờ cõi phương nam:

Uống nước phải nhớ lấy nguồn,

Non sông cẩm tú nhớ người mở mang.

* Đời Lý Nhân Tông (1072- 1128), lúc ấy bên Tàu có Tể tướng nhà Tống (Song) là Vương An Thạch [Wang An Shi] chủ trương đánh chiếm nước ta cho bằng được, nêu ra mặt khêu khích, tích trữ vũ khí quân lương vùng biên giới, chuẩn bị tấn công. Biết được ý định của giặc dùng Ung Châu (Yong Zhou) nơi tụ điểm cho đạo quân đường bộ và Khâm Châu, Liêm Châu là cứ điểm xuất phát của cánh quân đường thủy. Triều đình nhà Lý quyết định rất táo bạo nhưng sáng suốt, phải ra tay trước đánh phủ đầu các hậu cứ trên, nhằm phá hủy nơi tích trữ lương thảo, làm suy yếu khả năng xâm lăng của giặc. Năm 1075, Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem hơn 10 vạn quân vào nước Tàu, tiêu diệt các đồn trại quân Tống ở miền nam hai tỉnh Quảng Đông (Guang Dong) và Quảng Tây (Guang Xi). Lý Thường Kiệt còn viết nhiều Lộ bố (truyền đơn ngày xưa) [18], kể tội họ Vương, nêu chính nghĩa việc chinh phạt, để

cho dân bản xứ khỏi lo sợ và hợp tác với đoàn quân Đại Việt. Dưới đây, trích đoạn bài *Phạt Tống Lộ Bố Văn* (Bài văn Lộ bố khi đánh Tống), Trần Văn Giáp dịch [19]:

“Trời sinh ra dân chúng, vua hiền át hòa mục. Đạo làm chủ dân, cốt ở nuôi dân. Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng tuân theo khuôn phép thánh nhân, lại tin kế tham tà của Vương An Thạch, bày những phép “thanh miêu”, “trợ dịch” [20] khiến trăm họ mệt nhọc lầm than mà riêng thỏa cái mưu nuôi mình béo mập...

Ta nay ra quân, cốt để cứu vớt muôn dân khỏi nơi chìm đắm. Hịch văn truyền tới để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự dấn do, chớ có mang lòng sợ hãi!”

Lý Thường Kiệt dẫn 4 vạn thủy binh cùng voi chiến, đổ bộ vào Quảng Đông công hãm Khâm Châu ngày 30-12-1075 (tức 20-11-Ất Mão), Liêm Châu ngày 2-1-1076 (tức 23-11-Ất Mão). Sau khi san bằng các căn cứ hải quân ven bờ biển phía nam tỉnh Quảng Đông, Lý Thường Kiệt ra lệnh hành quân theo hướng tây bắc tiến đánh Ung Châu, nay là Nam Ninh (Nan Ning).

Tôn Đản lãnh 6 vạn bộ binh, chia làm ba ngả tiến quân: Cánh phía tây từ Quảng Nguyên [21] vượt bên giới đánh chiếm Long Châu, Thái Bình. Cánh giữa do Tôn Đản trực tiếp chỉ huy, từ Quang Lang [22] kéo tới Đồng Đăng [23] qua ải Nam Quan tràn vào đất Tàu, nhổ các chốt Bằng Tường, Vĩnh Bình, Tư Minh. Cánh phía đông từ hai châu Tô, Mậu [24] vượt biên giới tấn công Đông Hưng, Tư Lăng, Thượng Tứ. Triệt hạ xong các đồn trại phía nam tỉnh Quảng Tây, ba cánh quân đrowsing bộ thẳng tiến hướng đông bắc, hợp với đạo thủy quân cùng vây hãm Ung Châu từ ngày 18-1-1076 (tức mồng 10-12-Ất Mão).

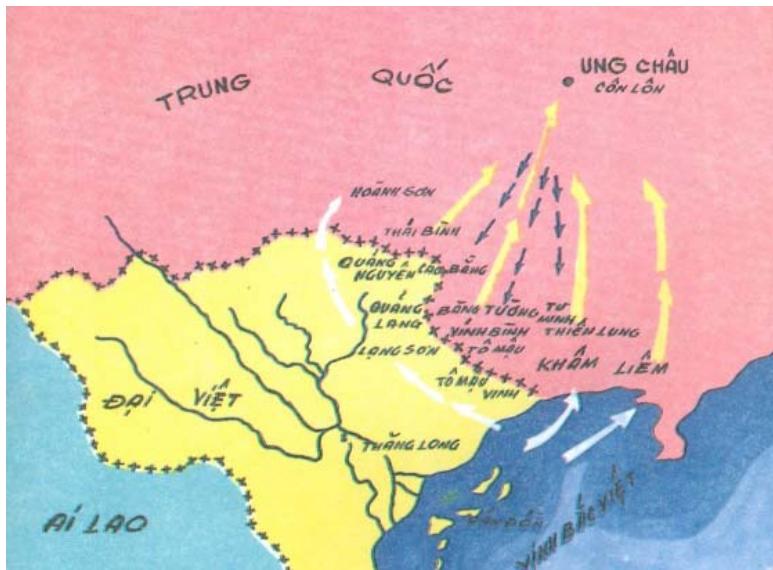
Đô giám tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết (Zhang Shou Jié), từ Quế Châu (nay là phủ Quế Lâm, Gui Lin) dẫn đại quân xuồng cứu, bị Lý Thường Kiệt đón đánh tại ải Côn Lôn (gần Ung Châu), chém đầu chủ tướng và tiêu diệt toàn bộ quân cứu viện vào ngày 11-2-1076 (tức mồng 4 Tết năm Bính Thìn). Biết viện binh bị đánh tan nhưng Tri châu Tô Giám vẫn không hàng, cố thủ thành Ung, quân ta phải dùng hỏa công (bắn tên tẩm nhựa có lửa) rồi dùng thổ công (chất bao đất thành bậc

thang đế leo vào thành), đến ngày 1-3-1076 (tức 23-1- Bính Thìn), sau 42 ngày bao vây, quân ta hạ được thành Ung [25].

Lý Thường Kiệt chỉ huy đoàn quân Đại Việt chiếm xong 3 châu (Khâm, Liêm, Ung) san bằng các căn cứ, tiêu diệt hơn 10 vạn người, bắt tù binh và thu nhiều của cải rồi rút quân về nước, dân ta đón mừng trong ca khúc khải hoàn:

Nực cười chầu chầu đá xe,

Tưởng rằng chầu ngã, ai dè xe nghiêng!



H 8. Quân ta vượt biên giới tấn công quân Tống.

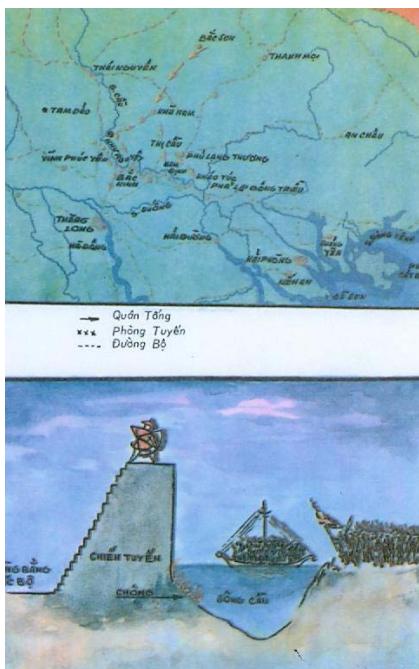
Trích: Phạm Văn Sơn, *Quân Lực Việt Nam*, quyển II, tr 67.

* Tháng 4 năm 1076 (tức tháng 3- Bính Thìn) nhà Tống sai Tuyên phủ sứ Quảng Nam là Quách Quì (Guo Gui) làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết (Zhao Xue) làm phó đem 9 tướng quân gồm 10 vạn người, 1 vạn ngựa và 20 vạn dân phu, hẹn với nước Champa và Chân Lạp sang đánh nước ta quyết phục thù. Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt ra ngăn quân Tống ở sông Như Nguyệt, tức sông Cầu (thuộc Bắc Ninh). Đêm khuya, quân canh cẩn mật, phỏng tuyến im phăng phắc, bỗng ở đền thần Trương Tướng Quân vang ra giọng ngâm sang sảng:

Nam quốc sơn hà Nam dế cù,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thu.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?
Nhữ đắng hành khan thủ bại hư [26].

Việt Thao dịch:

Vua Nam hẵn ở nước Nam rồi,
Sông núi phân minh bởi sách trời.
Sao giặc hung hăng vào lấn chiếm?
Bại vong cả lũ hãy chờ coi.



H 9. Lập phòng tuyến Sông Cầu, cản đường quân Tống.

Trích: *Quân Lực Việt Nam*, quyển II, trang 71.

Quân sĩ nghe lời phán của “thần linh” nức lòng chống giữ,

quân Tống không tiến lên được, lại gặp chướng địa không hợp thủy thổ, chết quá nửa, nên đành rút binh chỉ còn giữ các châu huyện, gồm Quảng Nguyên (thuộc tỉnh Cao Bằng), Tư Lang (sau chia thành Thượng Lang và Hạ Lang, thuộc Cao Bằng), Tô, Mậu (vùng đất nay thuộc Lạng Sơn và Bắc Giang) và huyện Quang Lang (thuộc Lạng Sơn). Nhưng chỉ 8 năm sau (1084), nhà Lý đòi lại được tất cả các châu huyện ấy, không để mất một tấc đất của tiền nhân.



H 10. Đền thờ Lý Thueblo Kiệt ở Thanh Hóa.

Trích: Đông Tiến, *Dân Tôi Nước Tôi*, trang 306.

* Năm 1078 (Mậu Ngọ), Nhân Tông sai Đào Tôn Nguyên đem 5 con voi sang cống nhà Tống và đòi lại các châu huyện bị chiếm. Nhà Tống thuận trả đất Quảng Nguyên, đổi lại ta phải trao những người Tàu bị bắt ở các châu Ung, Khâm, Liêm.

* Năm 1084 (Giáp Tý), Nhân Tông sai Bình bộ Thị lang Lê Văn Thịnh [27] sang Tống bàn việc biên giới, nhờ tài ngoại giao của sứ bộ, nhà Tống trả nốt phần đất còn giữ lại gồm 6 huyện là Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Định, Phóng, Cận và 2 động là Túc, Tang [28]. Việc trả đất, người Tàu trách vua của họ vì tham voi của nước Giao Chỉ mà bỏ mất vàng ở châu Quảng Nguyên, nên mới có câu lan truyền:

Nhân tham Giao Chỉ [29] tượng,

Khước thất Quảng Nguyên [30] kim.

Kể từ Dương Diên Nghệ đánh đuổi quân Nam Hán giành lại nền độc lập (931) đến hết nhà Lý (1225), trải dài 294 năm là giai đoạn tự chủ đầu tiên sau thời kỳ Bắc thuộc lâu dài 10 thế kỷ. Tuy nước ta mới thoát khỏi ách nô lệ Tàu, thế nước còn yếu, nhưng đã lập được những trang quân sử oai hùng trong việc giữ nước. Với hồn thiêng sông núi, với lòng tự hào dân tộc, với truyền thống kiên cường bất khuất, dù 1000 năm bị trị, ngoại bang vẫn không thể đồng hóa nước ta. Sang giai đoạn đầu của nền tự chủ (931- 1225), tổ tiên ta nhiều lần phá vỡ mộng xâm lăng của Bắc Phương: Mở đầu là chiến tích của Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938); rồi Lê Đại Hành đánh tan quân Tống ở Chi Lăng (981); Lý Thường Kiệt tiến sâu vào đất Tàu, hạ thành lũy, thu nhiều chiến lợi phẩm đem về trong ca khúc khải hoàn (1075) và còn chận đứng sức tấn công trả thù của quân Tống (1076). Thành tích vẻ vang nhất trong thời đại này là vào năm 1078 và 1084, Nhà Lý đòi lại được tất cả những vùng đất sát biên giới mà quân Tống đã chiếm trong chiến tranh.

Ca Dao Néo Vào Lịch Sử,

Phần I, Đoạn 2

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

[01] Theo *Tân Ngũ Đại Sử* (quyển 65), các con của vua Tấn Cao Tổ (Lưu Cung) đều có chữ Hồng, nên trong bản dịch *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, trang 203 (ghi chú 2) đề nghị sửa là Thái tử Hồng Tháo [Hong Cao].

[02] Lời chua trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, bản dịch của nhóm Hoa Bằng, tập I, trang 223, tả khúc sông Bạch Đằng như sau: “Sông Bạch Đằng bắt đầu từ sông

Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chảy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: Một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra biển (qua cửa) Nam Triệu. Theo sách *Địa Lý Chí* (thực ra tên sách này *Dư Địa Chí*) của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển.”

[03] Chiến thuật kết hợp giữa mức lén xuống thủy triều và bãi cọc nhọn bịt sắt cắm ở lòng sông Bạch Đằng để đánh thắng giặc ngoại xâm phương Bắc: Lần 1, năm 937, Ngô Quyền phá tan quân Nam Hán. Lần 2, năm 981, Lê Đại Hành đóng cọc ngăn sông chặn đánh quyết liệt khiến đoàn thuyền chiến của quân Tống phải tháo chạy. Lần 3, năm 1288, Trần Hưng Đạo áp dụng chiến thuật ấy cũng tại khúc sông này đã đại thắng quân Nguyên. Vì vậy, câu ca dao trên có thể dùng cho cả ba trường hợp, hoặc hai cho lần 1 và 3. Tuy nhiên, còn 4 câu ca dao nữa nói đến chiến thắng Bạch Đằng, trong đó có 2 câu xác định thời Trần. Vì vậy chúng tôi dành câu “*Đánh giặc thì đánh giữa sông, Đường đánh trong cạn phải chong mà chìm*” cho chiến tích của Ngô Quyền, người đầu tiên có sáng kiến này.

[04] Mười hai sứ quân, gồm: 1/ Ngô Xương Xí (con của Ngô Xương Ngập) chỉ còn giữ đất Bình Kiều, sau thuộc phủ Khoái Châu, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. 2/ Trần Lâm xưng là Trần Minh Công, chiếm đất Bố Hải, nay thuộc huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; có Đinh Bộ Lĩnh là thuộc tướng. 3/ Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Nguyễn Lệnh Công, chiếm vùng Tiên Sơn (Tiên Du và Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh. 4/ Lý Khuê xưng là Lý Lãng Công, chiếm đất Siêu Loại, nay thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. 5/ Lã Đường xưng là Lã Tá Công, chiếm vùng Văn Giang, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên. 6/ Phạm Bạch Hổ xưng là Phạm Phòng Át, chiếm đất Đằng Châu, nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên. 7/ Nguyễn Siêu xưng là Nguyễn

Hữu Công, chiếm vùng Thanh Trì, nay là huyện ngoại thành Hà Nội. 8/ Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình, chiếm đất Tam Đái tức phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên; nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. 9/ Kiều Công Hân xưng là Kiều Tam Chế, chiếm vùng Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên; nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. 10/ Kiều Thuận xưng là Kiều Lệnh Công, chiếm đất Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây; nay thuộc Hà Tây. 11/ Đỗ Cảnh Thạc, chiếm vùng Đỗ Động Giang, nay thuộc Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. 12/ Ngô Nhật Khánh xưng là Ngô Lâm Công, giữ đất Đường Lâm, nay thuộc thành phố Sơn Tây (tỉnh Hà Tây).

[05] Khu di tích cố đô Hoa Lư ở xã Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Từ năm 968 đến 1009, đất Hoa Lư là kinh đô của nhà Đinh và Tiền Lê. Khoảng tháng 8 năm 1010 (tức tháng 7- Canh Tuất) Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long, đổi Hoa Lư thành phủ Trường Yên (Tràng An); nay chỉ còn lăng và đền vua Đinh, với đền vua Lê. Nơi đây, cách Hà Nội 100 km và cách thị xã Ninh Bình 16 km, nếu đi đường bộ theo đường Nho Quan, nếu đi đường thủy theo dòng sông Đáy đến bến Gián Khẩu rồi rẽ vào sông Hoàng Giang độ 6 km nữa thì đến xã Trường Yên. Tại thôn An Hạ có đền thờ Lê Đại Hành và tượng bà Hoàng Thái hậu nhà Đinh là Dương Vân Nga, nhưng Long sàng chỉ có tượng lân, và nóc đền không có rồng (theo hình chụp của Nguyễn Huy Trực, năm 1993). Đi thêm vài trăm thước là thôn An Trung có đền thờ Đinh Tiên Hoàng, trên nóc đền có tượng “Lưỡng long triều nguyệt”, tại Long sàng có tượng đôi rồng chầu. Ngay trước cửa đền vua Đinh là ngọn Mã Yên Sơn cao 200 mét, phải lên 260 bậc đá mới đến lăng mộ Đinh Tiên Hoàng và một bia đá lớn khắc chữ cả hai mặt. Theo Ngô Vĩ Liên, *Địa Dư Các Tỉnh Bắc Kỳ*, trang 639: một mặt bia ghi “*Đinh Tiên Hoàng Đế lăng phụng sắc kiến, niên hiệu Minh Mạng nhị thập nhất niên*” (1840), mặt bên kia ghi: “*Hàm Nghị nguyên niên* (1885) trùng tu Tiên Đế Lăng.”

[06] Nguyễn Văn Mại; *Việt Nam Phong Sứ*, bản dịch của Tạ Quang Phát (Sài Gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xuất bản, 1972), trang 76.

[07] *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản dịch, tập I, trang 221: “... Quân Tống lui, lại đến sông Chi Lăng (khúc sông Thương chảy

qua Chi Lăng thuộc tỉnh Lạng Sơn). Vua sai quân sĩ trá hàng để dụ Nhân Bảo, nhân đó bắt được Nhân Bảo, đem chém.”

[8,9] Phạm Ngô Minh – Lê Duy Anh; *Nhân Vật Hợp Lê Trong Lịch Sử Việt Nam* (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2001), trang 27, 28; trích bài *Trường Thi Lê Đại Hành*.

[10] *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngô Đức Thọ dịch tập I (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993), trang 237 chép bài sấm không có câu : “*Đông A nhập địa, Dị mộc tái sinh*”; nhưng trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, nhóm Hoa Bằng dịch (nxb Giáo Dục, 1998), tập I, trang 280 có thêm hai câu này. Thật vậy, nguyên bài sấm không có hai câu trên thì mới ăn khớp với ý hai câu kết, có lẽ đến cuối đời Trần hay đầu đời Hậu Lê, một người nào đó đã thêm vào, bởi lẽ *Đại Việt Sử Lược* (ra đời khoảng 1377- 1388), quyển II, viết về triều Lý có chép bài này nhưng chưa thấy hai câu trên.

[11] *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngô Đức Thọ dịch tập I, trang 238.

[12] Đại Việt là quốc hiệu thứ 7 của nước ta (nếu tính cả quốc hiệu Xích Quỷ thời Kinh Dương Vương và Nam Việt thời Triệu Đà, mà nay còn đang tranh cãi về sự chính thống của 2 quốc hiệu này).

Quốc hiệu Đại Việt tồn tại lâu dài nhất, 732 năm, từ Lý Thánh Tông lên ngôi (1054) trải qua các triều Lý, Trần, Hậu Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Chúa Nguyễn và 3 năm đầu của Gia Long (1804). Trong thời gian 750 năm (1054- 1804) tên gọi chính thức Đại Việt bị gián đoạn 27 năm từ nhà Hồ đến hết Minh thuộc (1400- 1427).

[13] Đền Lý Bát Đế thờ 8 vị vua Nhà Lý, còn gọi là Đền Đô, hay đền Cổ Pháp, ở làng Đình Bảng, tổng Phù Lưu, huyện Đông Ngàn (hay Đông Ngạn ?), phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc; nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Làng này là quê hương của Lý Công Uẩn, lúc khởi lập có tên là Diên Uẩn, giữa thế kỷ thứ VIII đổi là Cổ Pháp, từ cuối thế kỷ XIII đến nay là Đình Bảng.

Các vị vua nhà Lý khi qua đời đều yên nghỉ ở khu Thọ Lăng Thiên Đức giữa đồng ruộng quê nhà. Hằng năm, vào ngày 15

tháng 3 âm lịch, kỷ niệm ngày Lý Thái Tổ đăng quang, các vị vua của những triều đại sau đều về Đền Đô làm lễ quốc tế:

Theo văn bia lập năm 1994, Đền Đô rộng 31250 mét vuông, với trên 20 hạng mục công trình độc đáo. Nổi tiếng nhất là Cửa rồng, nhà tiền tế, nhà chuyển bồng, đền chính thờ 8 vị vua nhà Lý, điện thờ Vua Bà, nhà bia, nhà kiệu, nhà ngựa, văn chỉ, võ chỉ, thủy tọa, thủy đình, hai bên cầu hàng hiệu. Năm 1952, Đền Đô bị chiến tranh phá hủy hoàn toàn. Năm 1989 dân Bình Bảng với sự công đức của khách thập phương đã khởi công xây dựng lại Đền Đô theo nguyên mẫu xưa.

[14] Tên gọi hiện nay là Champa hay Chăm; còn có các tên khác như: Chăm Pa, Chàm, Chiêm, Chiêm Thành, Hoàn Vương, Lâm Ấp, Hời (ít dùng). Người Việt quen gọi là Chàm (như: tháp Chàm, gò Chàm) hay Chiêm Thành (như: dân tộc Chiêm Thành, Chiêm quốc); người Champa gọi dân tộc họ là Chăm.

[15] Lý Thường Kiệt (1019- 1105), nguyên có tên là Ngô Tuất, con của Sùng tiết Tướng quân Ngô An Ngữ và cháu 6 đời của Ngô Quyền, tự là Thường Kiệt, làm quan trải ba triều Thái Tông, Thánh Tông và Nhân Tông, có tài văn võ, thăng dần đến chức Đô đốc quốc Thái úy Đại Tướng quân Đại Tư đồ. Ông có công lớn trong việc phá Tống bình Chiêm, được ban hiệu Thiên Tử Nghĩa Nam, theo họ vua và lấy tự làm tên là Lý Thường Kiệt.

Theo sử sách cũ, Ông người phuơng Thái Hòa, thành Thăng Long (nay ở phía nam đê Bách Thảo). Nhưng Theo *Thơ Văn Lý Trần*, căn cứ vào bài văn khắc trên chuông chùa Bắc Biên, mới phát hiện gần Hà Nội, và cuốn *Tây Hồ Chí*, quê quán Ông ở làng An Xá cũ, huyện Quảng Đức, thuộc khu vực phía Nam Hồ Tây trong thành Thăng Long; còn địa danh Thái Hòa chỉ là nơi Ông trú ngụ sau khi làm quan triều Lý.

[16] Chế Củ tức Cri Rudravarman III (1061- 1074) đời thứ 3 là vị vua cuối cùng trong triều đại thứ VIII của nước Champa. Ông là em của vua Bhadravarman III, thư tịch Trung Hoa phiên âm tên ông là Thi Lý Luật Đồ Bàn Ma Thường Dương Bạc, hay Dương Bốc Thi Ly Luật Đà Bàn Ma Đề Bà, sử Việt ghi là Chế

Củ. Năm 1068, vua Chăm cho quân đánh phá vùng đất phía nam của Đại Việt, khiến Lý Thánh Tông phải đem quân vào Champa chinh phạt.

[17] Châu Bố Chánh nay là đất các huyện Tuyên Hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch; châu Địa Lý là huyện Lê Thủy và Quảng Ninh ngày nay, đều thuộc tỉnh Quảng Bình. Châu Ma Linh nay là huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị.

[18] Lộ bố: Công văn không niêm phong, bài hịch văn truyền ra trong lúc chiến tranh tuyên bố thật rõ ràng lý do hành quân. Ngày xưa, vị tướng đem quân đến một vùng nào để đánh dẹp, thường niêm yết lộ bố, kể tội quân địch và nêu chính nghĩa của sự chinh phạt. Mục đích làm an lòng dân chúng ở địa phương đó và tranh thủ nhân tâm, một hình thức của tâm lý chiến.

[19] *Phat Tống Lộ Bố Văn*: Bài này là một trong các Lộ bố của Lý Thường Kiệt làm ra trong lúc tiến quân vào đất Tống. Trần Văn Giáp tìm thấy trong một bản *Việt Điện U Linh* ở thư viện Khoa Học Xã Hội. Nhóm biên soạn Đào Phương Bình, chép vào sách *Thơ Văn Lý Trần*, (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1977) tập I, trang 320.

[20] Thanh miêu, trợ dịch: Hai trong tám chính sách của Tể tướng Vương An Thach (1021- 1086) đề ra gọi là Tân Pháp, nhằm cứu vãn triều đại Nhà Tống đang gặp khó khăn.

Thanh miêu là biện pháp triều đình lấy thóc chứa trong kho hay xuất tiền trong ngân khố cho nông dân vay để chi tiêu trong lúc cây lúa còn xanh, đến khi gặt hái xong người vay phải trả cả vốn lẫn lời 2 phần lãi. Hàng năm có hai kỳ: tháng giêng vay đến mùa hạ phải hoàn trả, tháng 5 vay thì mùa thu phải nộp.

Trợ dịch: Bắt toàn dân phải làm sai dịch, tức là hằng năm dân chúng phải làm không công cho nhà nước một số ngày theo quy định. Năm 1064, nhà Tống ban hành thêm sắc lệnh có thể đóng tiền thay thế ngày làm. Trước kia, việc sai dịch được miễn cho người vị thành niên, con một, phụ nữ, người tu hành, gia đình quan lại; nhưng từ khi họ Vương đề ra Tân Pháp thì những thành phần kể trên phải nộp tiền thay thế cho sai dịch, gọi là trợ dịch. Hai biện pháp này khiến nhiều người bất mãn.

[21] Quảng Nguyên: tên một châu vào đời Lý, đến đời Lê Quang Thuận (1460- 1469) cải danh là châu Lộng Nguyên, sang đời Hồng Đức (1470- 1497) đổi là châu Quảng Uyên. Năm 1834 đổi là huyện, thuộc phủ Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Huyện ly Quảng Uyên ở phía đông thị xã Cao Bằng, cách 37 km, và cách Trùng Khánh 26 km. Năm 1976, Quảng Uyên thuộc tỉnh Cao Lạng (nhập Cao Bằng và Lạng Sơn). Năm 1978, lại tách tỉnh, nhưng hai huyện Quảng Uyên và Phúc Hòa hợp thành huyện Quảng Hòa thuộc tỉnh Cao Bằng.

[22] Quang Lang: châu đời Lý, đời Trần đổi là Châu Ôn; đầu thế kỷ 19 thuộc tổng Tràng Quế, châu Ôn, xứ Lạng Sơn; nay là huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[23] Đồng Đăng: xã thuộc tổng Vĩnh Dật, huyện Văn Uyên, phủ Trường Khánh, xứ Lạng Sơn; nay là xã thuộc huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Đồng Đăng cách ải Nam Quan 4 km, có đường bộ đi qua Bằng Tường (nước Tàu) và thẳng đến Ung Châu.

[24] Tô, Mậu: tên hai châu đời Lý, nay là các vùng Nà Dương, Đinh Lập, An Châu thuộc tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang. Nà Dương hay Na Dương: nay là thị trấn thuộc huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Đinh Lập: huyện thuộc tỉnh Hải Ninh, từ năm 1978 sáp nhập vào Lạng Sơn. An Châu: thị trấn huyện ly huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang.

[25] Tổng hợp từ các bộ thông sử và chính sử: *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* bản Chính Hòa (niên hiệu Lê Hy Tông) khắc in 1697, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim, *Việt Sử Tân Biên* của Phạm Văn Sơn, *Quân Sử Việt Nam Cộng Hòa* của Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Khảo Luận* của Hoàng Cơ Thụy.

[26] Bài thơ *Nam Quốc Sơn Hà* chép trên đây trích từ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (khắc in năm 1697), ngoài ra có nhiều dị bản chép trong các sách: *Việt Điện U Linh*, *Trương Tôn Thần Sự Tích*, *Thiên Nam Văn Lực Liệt Truyện*, *Hoàng Việt Thi Tuyển* v.v... Theo *Thơ Văn Lý Trần*, tập I, trang 321, dị bản trong *Lĩnh Nam Chích Quái*, câu 2: “*Hoàng thiên dĩ định tại thiên thư*”, câu

3: “*Như hà Bắc lỗ lai xâm lược*, câu 4: “*Bạch nhện phiên thành phá trúc dư*”.

Về xuất xứ bài thơ, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép: “Bính Thìn, Thái Ninh năm thứ 5 (1076)... Một đêm, quân sĩ chợt nghe trong đền Trương Tướng quân có tiếng đọc to...”, tuy bài bài thơ được gán là của “Thần” nhưng người đời sau vẫn hiểu tác giả là Lý Thường Kiệt. Và đã ghi vào các bộ sách lớn như: *Lịch Triều Hiến Chương* của Phan Huy Chú, *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim, *Việt Nam Cổ Văn Học Sử* của Nguyễn Đăng Chi, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* của Dương Quảng Hàm, *Lý Thường Kiệt* của Hoàng Xuân Hãn, *Việt Sử Tân Biên* của Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Khảo Luận* của Hoàng Cơ Thụy v.v... Nay bài thơ có thêm đầu đề “*Nam Quốc Sơn Hà*” do nhóm biên soạn *Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam* (tập II, trang 58) đặt ra.

Theo *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp, quyển nhì, trong truyện “*Hai Vị Thần Long Nhãnh Và Như Nguyệt*” có bài thơ *Nam Quốc Sơn Hà* do thần Trương Hống và Trương Hát cao giọng ngâm vào ngày 21 tháng 10 (âm lịch) lúc canh ba, tại doanh trại giặc khi vua Lê Đại Hành đánh Tống năm Tân Ty (981). Dù xuất xứ có từ thời vua Lê Đại Hành hay từ Lý Thường Kiệt, bài thơ này được coi như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

[27] Lê Văn Định, người làng Đông Cứu, tổng Đông Cứu, huyện Gia Định (sau là Gia Bình), phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc; nay là thôn Đông Cứu, xã Đông Cứu, huyện Gia Lương (Gia Bình và Lang Tài hợp nhất), tỉnh Bắc Ninh. Là người đỗ đầu trong khoa thi đầu tiên của nền Hán Học Việt Nam: Khoa Minh Kinh Bác Học Cập Nho Học Tam Trường vào năm Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh 4 (1075) đời Lý Nhân Tông. Ông giữ chức Thị lang bộ Bin, năm Giáp Tý (1084), dẫn đầu sứ bộ nước ta đến trại Vĩnh Bình (thuộc Châu Ung Châu, tỉnh Quảng Tây; giáp giới với huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn của ta) thương lượng với sứ bộ nhà Tống là Thành Trạc (Cheng Zhuo), đòi lại phần đất (thuộc tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng ngày nay) mà vào cuối tháng 2 năm 1077 quân Tống rút về nước nhưng còn giữ lại (6 huyện với 3 động), và năm 1078 nhà Tống chưa chịu trả hết. Việc đòi đất thành công, ông được thăng hàm Thái sư. Sau

vì có kẻ ganh ghét, năm 1096 ông bị khép tội “mưu phản”, bị đày lên trại Thao Giang (tên trại vào thời Lý, đời Trần đổi ra lộ; nay là vùng huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ) và mất ở đó.

[28] Phạm Văn Sơn; *Việt Sử Tân Biên*, quyển I, trang 389.

[29] Giao Chỉ: nay là vùng đất Hà Nội, Hưng yên, Nam Định Ninh Bình. Vậy Giao Chỉ là một trong 15 bộ của nước ta thời xưa gồm Văn Lang, Châu Diên, Phước Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương TuyỀn, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài An, Cửu Đức, Bình Văn, sau thêm Việt Thường (Quảng Bình, Quảng Trị); nhưng người Tàu thời ấy quen gọi nước ta là Giao Chỉ.

[30] Quảng Nguyên: xem ghi chú 21.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Chuyện Cưới

Đầu năm nào bà Tân cũng gửi những món quà có giá trị hàng trăm đô la cho các cháu của mình, nhưng những đứa cháu chẳng có đứa nào gửi thư lại để cảm ơn bà.

Sau cùng bà quyết định làm thay đổi điều đó. Đầu năm nay bà gửi cho mỗi đứa cháu một tấm check \$50.

Ngày hôm sau từng đứa cháu đến tận nhà cảm ơn bà.

Khi nghe câu chuyện này một người bạn của bà Tân hỏi:

- Bà làm thế nào để dạy những đứa cháu tự nhiên lẽ phép thê

- Có gì đâu. Bà Tân đáp: Lúc gửi quà đi tôi đã không ký vào check

XUÂN CHIẾN THẮNG

Mỹ Văn.

Kỷ dậu xuân xưa nhớ lấy ngày.

Quân ta tốc chiến chẳng ngừng tay.

Thế Hạnh khiếp vía ôm đầu chạy.

Sĩ Nghị kinh hồn bạt viá bay.

Tôi chúa nhà Thanh điên đảo lăm.

Nhân dân nước Việt vè vang thay.

Đánh tan bành trướng hòng xâm lược.

Truyền thống ngọn cờ phất phới lay./.

BÀI HỌC NĂM XUẨN

Diêu Nguyễn.

Lịch sử Đống đa rạng rỡ ngày.

Quang Trung quyết thắng nắm trong tay.

Dạy cho một trận Tàu-Ô chạy.

Đánh khẽ nhiều phen lũ Chết bay.

Phơi xác quân Thanh đầy dây đống.

Biêu đầu tướng Hán mấy lần thay.

Nước Nam ta ở, đi xâm chiếm.

Hữu nghị quái gì quậy phá lay./.

BẠN TÔI

■ THANH HU

*Dâu dây hương mái tóc người
Biết em hong gió bên trời xa xôi.
Dâu dây ngọt một làn môi,
Biết em đang gửi nụ cười trong mơ*
(Liên tưởng)

- Anh đang làm gì vậy?
- Chào anh, anh đến lúc nào?
- Từ lâu. Nhìn anh mà buồn cười. TV mờ, vở kịch đang diễn mà mắt anh lại nhảm, miệng túm tím cười. Sao lạ vậy?
- Có gì đâu. Tôi đang nhảm thơ, bài thơ *Liên tưởng* của bạn tôi ấy mà.
- Thế còn TV, còn vở kịch đang diễn trên đài?
- Vở kịch, tóm lược một đoạn trong tiểu-thuyết Đoạn Tuyệt của Nhất Linh mà DVD của Asia về Cánh Hoa Thời Loạn đang diễn. Tôi đã đọc tiểu-thuyết đó, đọc cả những tác phẩm của tác-giả. Nhưng Nhất Linh tên là Nguyễn Tường Tam lại là một chính-trị gia; sao giống chuyện bạn tôi quá: Một nhà thơ, lại là một người làm chính trị; và cả hai, Nhất Linh và bạn tôi, đều thất bại về chính trị.
- Thế thì qua vở kịch, anh nhớ về quá-khứ, nghĩ về mối tương-quan, anh đã thấy gì chưa, cho biết xem nào!
- Nay nhé: Nhà văn Nhất Linh và cuộc đời chính-trị của Nguyễn Tường Tam là một. Văn-nghệ chính-trị đi trước, chính-trị thực-hành theo sau. Nhất Linh là nhà văn trụ cột của Tự-Lực Văn Đoàn, của những phát-sinh những tư-tưởng cải-tổ xã-hội, bỏ cái cũ, thay cái mới. Đọc văn Nhất Linh nên để ý đến tác-phẩm Đôi Bạn và Đoạn Tuyệt. Hai tác phẩm đó nối kết nhau, nêu lên những cái xấu-xa của xã-hội cần phải sửa đổi.

Nhất Linh là Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng ngoại-giao của chính-phủ liên-hiệp quốc-gia, ký hiệp-ước sơ-bộ ngày 6 tháng 03 năm 1946. Nguyễn Tường Tam lại làm trưởng phái-doàn dự hội-nghị Liang Biang (Đà Lạt) thảo luận về vận-mệnh dân-tộc Việt Nam. Nhưng, tại cái nhung vô duyên, Nguyễn Tường Tam, dù được cử làm trưởng đoàn sang Fontainbleau (Pháp), đã cáo từ, vì ốm nên không tham dự. Đến ngày 28 tháng 10 năm 1946, tại nhà hát lớn của thành-phố Hà Nội, quốc-hội lâm-thời nhóm họp, nhưng 50 ghế nghị-sĩ của VNQĐĐ bỏ trống. Từ đó, Nguyễn Tường Tam thôi giữ chức bộ-trưởng ngoại giao. Sau chuyển sang Tàu, Nguyễn Tường Tam vào Nam năm 1951 làm giám-đốc nhà xuất-bản Phượng Giang. Đến năm 1963, chống đối việc ra toà thời ông Diệm, Nhất Linh đã dùng thuốc độc quyên sinh.

- Còn bạn anh thì sao?
- Bạn tôi giống và khác Nhất Linh ở vài điểm. Giống ở điểm học hành. Nhất Linh đậu Cử-nhân khoa-học, bạn tôi tốt nghiệp Phú-Thọ. Cả cử-nhân khoa-học và đại-học Phú-Thọ đều không phải là ngành văn nhưng họ lại dan-díu với văn thơ. Khác nhau ở chỗ Nhất Linh dùng văn trước, bạn tôi sinh hoạt chính trị trước. Văn của Nhất Linh có chủ-đích cải tổ xã-hội, thay cũ đổi mới như anh đã biết. Nhưng thời của Nhất Linh là thời tương-đối dẽ, cải-tổ xã-hội mà không đụng chạm đến chính-phủ bảo-hộ là được. Còn bạn tôi, anh ta làm chính-trị trước và làm thơ sau. Năm 1975 miền Nam Việt-Nam mất vào tay cộng-sản, anh ta cũng như các quân-cán-chính của Việt-Nam Cộng-Hoà phải đi học tập cải-tạo. Sau khi cải-tạo xong, anh vào Sài-Gòn lập đoàn khảo-sát thiết-kế thủy-lợi. Lúc này, anh vừa làm thơ, vừa cùng các nhân sĩ, trí-thức thành-lập tổ-chức chống cộng-sản. Tổ chức chống cộng đó tặng anh hai bản án tử-hình, và những oan-khiên mà anh tiếp-nhận đã sinh ra những vần thơ dẽ thương.

Nhà văn Nhất Linh không phải là nhà tiểu-thuyết xã-hội mà là nhà tiểu-thuyết luận-đề, luôn luôn chú ý phá bỏ những cái cũ, lỗi thời và xây-dựng hẳn cái mới để thế vào. Là nhà văn, thường thường nặng về tình-cảm hơn là lý-trí. Cáo ốm để

không tham-dự phái-doàn đi Pháp, bỏ cuộc họp Quốc-hội lâm thời ngày 28 tháng 10 năm 1946, bỏ mọi sinh hoạt chính trị... Vì sao vậy, có phải vì tự ái, vì cớc cần đời, vì nặng về tình-cảm hay không? Bạn tôi giống Nhất Linh, nặng về tình-cảm quá. Ngôi nhà đưỡng Nguyễn Văn Học là nơi gặp mặt bạn bè, là nơi các văn-nghệ sĩ miền Nam hàn-huyên tâm-sự; và cũng là nơi mà bọn công an cộng-sản dòm ngó, theo dõi. Hơn 30 năm rồi, chuyện ngày cũ đã dần dần phôi pha, chuyện còn lại ngày hôm nay là những vần thơ. Anh đừng cười, nghen! Tôi đang nhẩm thơ của bạn tôi là thế.



Hình ảnh những người bạn năm xưa

Chuyện cũ cho qua; giờ đây, cho tôi nghe chuyện thơ của bạn anh đi.

Nói đến thơ là nói chuyện dài dòng, đừng có vội, xin lỗi, nghen! Từ ngày 10 tháng 03 năm 1932, trên báo phụ-nữ Tân-Văn số 122, ông Phan Khôi đăng bài văn xuôi có vần: Bài Tình Già mà ông gọi là thơ mới (1). Thế là thi đàn Việt Nam nổi sóng. Người bênh, kẻ chống. Kẻ chống là thi-sĩ Tản Đà và những người già, nệ cổ, bị ảnh-hưởng văn-hoa Trung-Hoa. Người bênh là lớp trẻ, chịu ảnh-hưởng văn-hoa Tây Phương, như Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận... Từ đó cho đến ngày nay có lăm trường-phái, thi phái về thơ như lãng-mạn, siêu-

thực, tự do. Cuộc sống thay-đổi, thi-ca cũng thay-đổi. Có chăng là sự vọng vè, sự nhìn lại quá khứ để khen hay chê mà thôi. Từ đó cho đến nay ba lần đổi đời, cuộc sống của cá nhân bị ảnh hưởng, từ vật-chất đến tinh-thần, nên có những thi ca liên-hệ về cuộc đổi đời đó.

Trước năm 1954, các thi-sĩ chú-trọng đến cái tôi, cái mình ước-ao, mong chờ, lãng-mạn hoặc siêu-thoát, và có thể bị tuột dốc. Về hình-thức, không còn chuyện gò ép của Đường thi, mà tự do theo mới, để lại ảnh-hưởng to lớn cho những thế-hệ sau này. Thời gian này người ta thích các nhà thơ trẻ như Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Huy Cận v.v...

Từ năm 1954 đến năm 1975, cuộc di-cư từ Bắc vào Nam, chiến trận miền Nam khủng-khiếp, chết chóc, tang-thương...là nguồn thơ dồi dào. Nguồn thơ ấy được tiếp nhận bằng mắt, đưa vào tim, vào óc, sàng-lọc và thoát ra bằng lời thơ. Trong bài viết Một nhà thơ thầm lặng (2), bạn Trần Phương Anh đã đề-cập đến chuyện bằng tâm là thế. Trong giai-đoạn này cũng có những người nói lên lời thơ qua xúc-động thực sự của con tim; cũng có những người làm thơ không những thiên về nhận-thức mà còn khắc-khoải với những ám-ảnh siêu-hình (3). Tôi không quen, gọi là không thích thì đúng hơn, đọc những bài thơ khắc-khoải với những ám-ảnh siêu-hình đó, như là đọc thơ của Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn. Giai đoạn này, khó mà quên những lời thơ của Nguyên Sa, của Đinh Hùng, của Kim Tuấn...

Từ năm 1975 đến nay, xã-hội miền Nam sụp đổ hoàn toàn, cộng-sản đã chiếm-đoạt, ngự trị miền Nam; đã thống nhất Việt Nam và đã làm điêu-đứng con người Việt-Nam. Lớp lớp người bỏ nước ra đi, lớp lớp người vào tù cải-tạo, toàn dân lầm than. Ấy đấy, chất-liệu dồi-dào của sự thay-đổi xã-hội, của cay-đắng cuộc đời thâm-nhập vào hồn, vào tim những con người biết rung-động, những bài thơ của giai-đoạn này ra đời, trong đó có bạn tôi: Thi Sĩ Lê Phương Nguyên.

Nguồn cảm hứng mà Lê Phương Nguyên dùng để sáng-tạo ra những bài thơ là tình người và tình quê: người tình, người thân, bằng hữu, đồng bào và quê-hương. Thể thơ mà LPN dùng không cầu-kỳ, gọi là xưa như Đường thi cũng được, mà gọi là nay cũng xong, ngâm nhè nhẹ, lý thú. Này nhé!

*Khứu tiên kim nhật thủ môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đồng phong*
(Thôi Hộ, Đường thi 4)

Và:

*Hoa sú, trời ơi, hoa sú nở!
Vườn hoang mây trắng gọi chim về.
Cửa nát, thềm rêu, tường ngói vỡ,
Người đâu? Hương sú quyện bơ vơ...*

Đọc hay là ngâm, cả thể thơ lẩn ý thơ của hai bài thơ xưa và nay, lối thơ bốn câu, mỗi câu bảy chữ, nghiêm luật nghiêm-chỉnh, anh thẩy gì không, hả anh? Lê Phương Nguyên dùng đủ loại thơ, từ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ trong một câu; và mỗi bài thơ thường thường 4 câu, loại thơ ngắn.

Ví dụ: Thơ bốn chữ (kèm lục bát) Bài Đồng dao của người hốt rác.

*Ông xoi thịt cây
Ông uống rượu Tây;
Ta buoi đồng rác
Ta ăn khoai mì
Ta vui túi rác mãi đầy
Ông buồn vì nỗi mai này hết quan.*

Thơ năm chữ: Mưa Ngâu

*Hạt mưa thành nỗi nhớ
Để hai người đợi mong
Hạt mưa niềm dang dở
Chuyện trăm năm đau lòng*

Thơ sáu chữ: Cơn mưa đêm.

Cơn mưa đêm nay lớn quá

*Không trôi hết những vì sao
Đường về dấu trăng nỗi khó
Sáng soi rõ lối ta vào.*

Thơ tám chữ: Tửu tụng

*Không Lý Bạch khúc trường ca túy tửu
Không Lưu Linh huyền thoại đã vang danh
Đã cuộc đời là một thoảng phù sinh,
Tiêu sao hết những ngày không có rượu
Đôi lúc LPN thay đổi thể thơ, gọi là biến-thể, nhưng
thực ra là thơ thường thấy, ngâm-nga vẫn thế mà thôi.*

Ví-dụ: Lục bát thành lục bát biến-thể: Cuộc hội ngộ đau lòng.

*Anh gò lưng đạp xích lô
Một bàn tay vẫy...
-Xin cô mười đồng
Khách chết trên như trời trồng
-Thưa thầy, bỏ chạy
Anh không kịp nhìn*

Thơ tám chữ thành thơ tám chữ biến-thể, cũng có thể gọi là thơ tự-do:

*Sau cơn mưa chiều
Lòng trống trải,
Con mưa chiều đã tạnh;
Trời đầy mây,
Nhàu nát một dung nhan.
Tiếng chim khản
Như gọi đời bất hạnh
Chiều trong ta
Thăm thăm nỗi bàng hoàng*

Thơ tự-do: Đôi mắt người Qui-Nhơn

Qui-Nhơn ơi!

Qui-Nhơn ơi! Bờ cát trắng

Trời không xanh như thuở ban đầu

Đôi mắt em những chiều vàng dịu nắng

Về đâu? Về đâu?

Ai đã biết về đâu.

Còn về màu sắc trong thơ thì dồi-dào lấm. Đôi lúc trong một bài thơ có một hoặc hai màu riêng nói lên một nỗi niềm. Để diễn tả một cô gái đứng đường, LPN đã dùng năm màu trong bài:

Bên đường gió bụi

Em hương phấn đứng bên đường gió bụi

Mùa Xuân xanh xao-xác lá thu vàng

Lòng son đỏ, trắng tay đời dun rủi

Mái tóc huyền tiếng sợi buộc dây oan

Có khi, vì một dụng ý, LPN đã dùng một màu duy-nhất cho một bài thơ. Ta hãy nghe bài:

Ngày khai trường

Những tà áo mới trắng tinh-khôi

Buổi sáng hôm nay trắng ngợp trời

Nhin cánh bướm đời trong trắng ấy

Ngập ngừng mây trắng cũng lây vui

Tóm lại, về hình-thức, thể thơ, niêm luật thơ, cách dùng chữ, cách dùng màu sắc cho thơ đều an-toàn. Còn về nội dung? Hình như chúng ta nên gọi nội-dung thơ là hồn thơ. Thơ có hồn, có sự đồng-cảm của người đọc thơ, có sự hoà-đồng tự-nhiên của thực-tế với lời thơ, nghĩa là với con tim, chứ không phải do sự nắn nót bằng tay mà có thơ (2).

Thơ LPN nói về tình người và tình quê liên-hệ đến cá-nhân. Nhìn bằng mắt, tiếp-nhận sự-kiện bằng mắt để rồi xúc-

động, gợi cảm, gợi hình, đắn-do, suy-nghĩ và phát ra lời thơ... Với người tình: Ánh mắt, làn môi, mái tóc, tà áo ở giai-đoạn ban đầu, và theo thời-gian, đến cuối cuộc tình...lúc chia ly.

Về đôi mắt hãy đọc bài: Mùa Xuân trong đôi mắt em:

*Thuở ấy trời xanh màu áo biếc
Mắt huyền xinh quá mắt huyền ơi!
Anh dang tay đón mà không hết
Để lọt mùa Xuân khắp đất trời.*

Trong bốn câu về đôi mắt người tình mà đã có tới ba màu rồi đấy. Còn về tóc thì sao?

Trong bài Chiều trên đường về;

*Nghi ngút sương nhoè pha ráng đỗ
Khói nhà ai đốt trăng không gian
Tóc em từng sợi xanh màu nhớ
Trên cánh cò bay trũa nắng vàng.*

Cũng bốn câu về tóc người tình mà có đến bốn màu đấy, thương nhớ như thế là cùng. Trong tình yêu, LPN có lòng tự-tin. Bài Liên tưởng nói lên điều đó.

Thực ra thì, thơ về tình-yêu, LPN hạn-chế bộc-lộ chất lảng-mạn, lả-lơi, trăng gió, không như thơ Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu...thời tiền-chiến...Cố tìm nhưng tìm không ra cái thú đau thương, cái bệnh-hoạn kiếu: *Trăng nằm sóng xoài trên cành liễu*, của Hàn Mặc Tử, cái kiếu: *Trăng sáng, trăng xa, trăng mộng quá...* Hai người nhưng chẳng bớt bơ-vơ của Xuân Diệu. Cảnh chia-ly, biệt-ly ư! Càng không có, dù hỏi nhẹ người yêu như Nguyên Sa đã làm.

Tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ

Tôi đưa người hay tôi đưa tôi

Thực-tế của xã-hội: Chiến tranh, chết chóc, hận-thù đã nẩy sinh khuynh-hướng thi ca không tình-ái chăng? (5).

Với người thân: Cái Tết truyền-thống của Việt-Nam với câu đối đỏ, với bánh chưng xanh, từ năm 1975 đến năm 1990,

không còn, thay vào đó là lê ứa, là khoai mì, là lưng trần với gió.

Xuân đến một làng quê :

*Mồng một Tết anh năm nghe lê nhở
Chị ngồi bên giếng nước rửa khoai mì
Dàn trẻ nít lưng trần vui với gió
Đóm lửa chiều ai đốt tiễn Xuân đi*

Xa nhà, nhớ làng quê cũ:

*Mười lăm năm chẳng về làng
Mãi như còn giải khăn tang trên đầu
Làm sao ngăn được mạch sâu...*

Nhưng biết làm sao hơn, thôi thì:

*Chiều vắng, trời xa chim én bay
Trên dội cánh mỏng nhớ-nhung dây,
Gửi hồn ta đó về quê cũ
Đê thấy vườn Xuân hoa bắp lay*

(Chiều tha-hương. Kính tặng bàò huynh Lê Công Cát)

Nhớ lại một chút thơ xưa, thơ của Lý Bạch khi nhớ về quê nhà.

*Sang tiền minh nguyệt quang
Nghi thị địa thương sương
Củ đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương. (6)*

- Anh có chút gì so-sánh hai bài thơ đó hay không?
- Khác về thời-gian, khác về sự đơn-giản và sự phức-tạp.
 - Ấy đấy, thơ và thời gian, thơ hay lúc này mà lại lạc-lõng lúc khác đó.

Với bạn bè: LPN có nhiều bạn, từ thân chí sơ. Có bạn thơ, bạn rượu cho đến bạn cùng chí-hươngg. LNP rất rộng-rãi mừng

đón tất-cả mọi người. Đó là điều hay, mà đó cũng là điều tai hại.

Có lǎm cuộc vui trong quá-khứ với bạn-bè, rồi tù-tội, rồi nhớ-nhung:

*Đêm nay có rượu không người uống
lạnh cả vầng trăng, lạnh chiếu năm
Khói thuốc lên xanh, đèn thấp muộn
Mới mà như chuyện đã trăm năm*

Có kẻ ở, có người đi để có những ước-mơ; nhưng tận cùng suy-nghĩ thì:

*Ra đi mong cũng xa người
Ngập-ngừng chén rượu bên trời nhau
Sự đời càng nghĩ càng đau
Tâm thân mất nước về đâu cũng buồn
(Gửi bằng hữu)*

Nhìn lại, trước mắt, nơi có những ước-mong cho ngày sau thì:

*Những tà áo mới trắng tinh-khôi
Buổi sáng hôm nay trắng ngợp trời;
Nhìn cảnh bướm đời trong trắng ấy,
Ngập ngừng mây trắng cũng lây vui
(Ngày khai trường)*

Ôi chao! Toàn là màu trắng, màu trắng trinh-nguyên dẽ thương, màu của xứ Huế Mậu-Thân thuở nào, cũng là màu tang-tóc cuộc đời, màu trắng của quê-hương yêu-dấu như thế đó hay sao!

Xã-hội Việt-Nam không còn được như trước nữa, mà là một xã-hội băng-hoại, rối-loạn:

*Chồng ngồi bên chồng ru con,
Đăm đăm nhìn mảnh trắng non cuối trời.
Trên căn gác vợ chào mời`*

Bán thân mua lấy mảnh đời áo cơm.

(Một cảnh đời)

Người miền Nam lại có một quê-hương mới, đó là vùng Kinh-tế mới. Đến quê-hương mới, người ta chịu không nổi cái mới lạ-lùng nên dành quay lại thành-phố:

Bỏ kinh-tế mới về thành

Lang-thang đói khát áo manh nón cờ

Mới hay mình vẫn là người

Nên từ đây sô bụi đời có tên.

Rồi từ đây, và mãi mãi từ đây, khi Việt-Nam còn cộng-sản thống-trị:

Áo bao mảnh vá trên người

Anh còng lưng đẩy cuộc đời nghèo đi;

Đường toàn sỏi đá ngu-si

Chân rướm máu, nét xuân thì tàn phai

(Thoát nghèo)

Thôi thì, người của quê tôi, quê lớn Việt-Nam, quê nhỏ xứ Qui-Nhơn, thân xác bơ-phờ, mắt đã vàng vọt, đành phải phụ tình quê mà hương vê...Về đâu, không cần biết; chỉ biết thoát khỏi xứ này, dù thoát xác chẳng nữa.

Qui-Nhơn ơi!

Qui-Nhơn ơi! Bờ cát trắng,

Trời không xanh như thuở ban đầu;

Đôi mắt em những chiều vàng dịu nắng

Về đâu? Về đâu?

Ai biết về đâu.

(Đôi mắt người Qui-Nhơn)

Ở lại, tương-lai toàn màu trắng, màu trắng khăn tang, trắng tay. Về đâu? Hồi là trả lời, thà chết sướng hơn. Trời đã không xanh, người Qui-Nhơn mắt đã vàng, vô-vọng; Thà chết sướng hơn. Thế là có kẻ ra đi, có người đi mà không được và có kẻ ở

lại. LPN là người ở lại đó, ở lại với quê-hương:

*Ta ở lại đây, thân xác mẩy dập vùi
Vân ấm trong ta niềm tin lịch-sử
Lũ chúng nó điên cuồng như quỷ dữ
Thì bạo Tân kia,
Rồi thành-quách cũng tan-hoang...
Ngôi lại đây nhịp khúc kết đoàn
Cho tiếng hát vang-lừng bốn bề
Cờ Tự-do tung bay trời ngao-nghẽ
Dục những cánh băng nương gió vút lên cao.*

Đó là một khẳng định có ý-thức dù LPN có bảo-lãnh của Hoa-Kỳ (7)

Đi đâu, Tấm thân mất nước về đâu cũng buồn...mà! Ở lai để mơ về...Mơ một Kinh Kha, một Nguyễn Trãi, một Đặng Dung hay ít ra là một Cao Bá Quát:

*Tài-hoa đến tâ-troi đời
Hôn kiêu-bạc quá cõi Người khó dung
Đất trời cũng đất trời chung
Nào ai Quốc-tặc, Anh Hùng nào ai?
Quốc-tặc và anh-hùng*

(Kính dâng hương-hồn Cao Bá Quát)

Và giờ đây, tại Việt-Nam, ai là quốc-tặc, ai là anh-hùng?

Tóm lại, bạn tôi và Nhất Linh giống nhau ở tính-tình: Thích và sáng-tác văn thơ, nặng về tình-cảm. Vì thế, làm sao mà họ thành-công về chính-trị được? Còn về văn, về thơ thì văn thơ giống như người đẹp (2), giống như loại hoa, chỉ ở vào một thời nào đó mà thôi. Người đẹp sẽ già nua, nhan-sắc sẽ tàn tạ, sẽ héo úa...Tự-lực văn đoàn có giá trước 1945. Thơ Nguyễn Sa có giá trước 1975. Sau này, khi qua Mỹ Nguyễn Sa có sáng tác và in thành sách, nhưng người ta chỉ nhớ những gì của Nguyễn Sa trước 1975. Tại Sài-Gòn trước 1975 người ta lén-lút in lại những thi-phẩm tiền-chiến của Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư...

Sau năm 1975, tại Mỹ, vẫn có chuyện in lại những thi-phẩm ấy.
Tại sao?

Trước năm 1975, một bất ngờ tôi đọc được bài thơ, xin lỗi,
tôi đã quên tác-giả và tên bài thơ, nhưng chỉ còn nhớ hai câu:

Cao-nghuyên hoang lạnh o-hờ

Như môi thiếu-phụ nhạt mờ vết son

Đến bây giờ, khi nhắc đến chiến-tranh Việt-Nam, là tôi nhớ
đến cảnh người vợ đi nhận xác chồng. Sao mà tình, mà nghĩa
đến thế! Và sao mà lại vắng bóng thi-ca tình-ái thời chiến-tranh
(5). Đã là thi-ca phải có chút tình, tình lâng-mạn, mơ-mộng,
thương-yêu, dù thương-yêu trong đắng-cay. Và bất-cứ thời nào,
bình-yên hay loạn-lạc, con người vẫn có tình, như chuyện ăn
uống vậy. Thơ LPN có tình nhưng dè-dặt, giống thơ xưa. Tôi
thích, tôi khen hay, có lẽ bạn cũng thế. Đó là những người già,
ngồi không, uống trà và bàn chuyện mênh-mông. Một ví-dụ
nhỏ thôi: Cùng cảnh đổi đời trong xã-hội công-sản, thầy giáo
chuyển nghề. Với LPN, nhà giáo thành người đẹp xích-lô...

Khách chết trân như trời trống

Thưa Thầy..Bỏ chạy..anh không kịp nhìn

Với nhà thơ Luân Hoán, nhà giáo bán bánh kẹo tại nơi mà
trước đây mình dạy học.

Ngày mấy bận Thầy lang-thang trước cổng

Bán bánh xoài bánh ít ngọt quê-hương

Lòng vẫn tưởng đang đứng trên bức giảng

Tim im nghe từng hơi thở sân trường...

Mua đi chử, Thầy không hề xấu hổ,

Ái ngại chi chút tình-nghĩa thầy trò

Thầy không bán cho các em cay đắng

Nhưng tặng thêm vài hơi thở tự-do (8)

Một bên, đẹp bỏ quá-khứ, để người đọc suy-tư. Một bên
rõ-ràng tâm-sự. Cho nên thơ LPN gọi là xưa, hay là gần với xưa
đấy... Còn thơ tình, loại thơ tình ái, thơ của ngàn đời, như cuộc
sống của con người, thì LPN đã lung-chứng hàng chặng?

Thơ tình hay thường được các nhạc-sĩ phổ nhạc. Tôi thường trầm-ngâm nghe Ngâm-ngùi của Huy Cận, Phạm Duy phổ nhạc; Tiễn đưa của Nguyên Sa, Song Ngọc, phổ nhạc v.v...Mới đây, năm 2010, tại Mỹ, tôi nghe nhạc của Trúc Hồ, bài Làm thơ tình em đọc sao nghe dễ thương quá:

*Em đi về áo mỏng
Quyện mùa Xuân theo em
Hôn anh chim én bồng
Âm thầm bay theo em...*

À ra thì, có nên xem chừng thơ tình trên đuờng xoay, quay về chốn cũ, về chuyện tình nồng nàn của nam nữ ngàn đời.

THANH HU

Chú-Thích:

(1) Thế-Phong. Nhà văn Tiền Chiến 1930-1945, Trang 227

(2) Trần Phương Anh, Đặc San Bình Định Xuân Canh Dần, trang 43

(3) Nguyễn Hưng Quốc: Thơ sau 1954

(4) Năm trước, ngày nay, tại cửa này, mặt người với hoa đào củng cưỡi.

Mặt người không biết đã đi đâu. Hoa đào vẫn cưỡi với gió đông như cũ.

Mộng dưới hoa của Đinh Hùng, Phạm Đình Chương phổ nhạc.

(5) Võ Phiến. Văn-học Miền Nam tổng-quan. Trang 286

(6) Trước giường trăng sáng, Tưởng rằng trên đất có sương
Cất đầu nhìn trăng sáng, Cuối đầu nhớ quê xưa

(7) Đi theo dạng RD-7 do Hoa-Kỳ đề xuất với phía Việt-Nam

(8) Chân-dung thơ Luân Hoán. Trang 99-100

NHỚ VỀ TAM QUAN - BÌNH ĐỊNH



■ Trần Minh Triết

Mây buôn lồng gió hoang mang

Hòn đâu dạ nhớ tâm can bàng hoàng

Nhớ cha nhớ mẹ nhớ nàng

Nhớ ngôi trường cũ nhớ hàng dừa xanh

Nhớ con sông nhỏ chạy quanh

Nhớ đò Thiện Chánh đưa hành khách sang

Nhớ em thuở học Tam Quan

Nhớ tà áo trắng trường tan mõi chiều

Nhớ thu gió biển hiu hiu

Nhớ hàng dương rậm đàn dùn lướt nhanh

Nhớ con sóng vỗ đâu gành

Nhớ bờ cát trắng giai nhân dập dùn

Nhớ em tha thuở yêu kiều

Nhớ vai tóc xõa mỹ miều phát phơ

Nhớ đôi mắt sáng huyền mơ

Nhớ môi tẩm tẩm duyên tơ dang chờ

Nhớ thương từ thuở ngây thơ

Nhớ em xú nau bên bờ Đại dương

Một Cảnh Thư Tình



Tưởng nhớ vong linh Nhị Trùng Viên X-12

■ Huyền Vũ Lê Văn Huyên

Quận lỵ Sông Cầu, như thường nhật, mỗi sáng tinh sương, dân chúng tụ tập mua bán đông đúc, xe cộ tấp nập, một tai nạn đã xảy ra, gây thương tích cho bé gái khoảng 13 tuổi tên Chiến, bởi chiếc xe thồ đầy cá. Bé Chiến được đưa vào trạm xá gần đó để cấp cứu. Tại đây, y công tên Hào phát hiện trong người bé Chiến có một mảnh thư: “ V.722 gởi T-6. Nhu cầu chiến trường. Tăng tối đa Vitamine K, và trụ sinh . Gởi theo đường dây 46. Khẩn . Mật . ” Nhân viên Cảnh Sát Đặc Biệt (CSĐB) có mặt tại đây, tịch thu lá thư. Y công Hào, biết tổ chức đã bị lộ, nên vội trốn thoát, vì chính Hào là T-6 .

Bé Chiến bị thương nổ bả vai, đã kịp thời băng bó. Tuy máu ra nhiều, nhưng Chiến vẫn còn tỉnh táo. Nhân viên CSĐB, đã mượn một phòng riêng tại trạm y tế, cấp tốc sơ vấn, bé Chiến khai đã nhận thư từ ông Khôi - một nông dân già nua ở cùng thôn - để chuyển cho y công Hào, ngoài ra bé Chiến không còn biết gì khác nữa .

Ông Khôi và bé Chiến bị giải giao về BCH/CSQG tỉnh. Ông Khôi thú nhận cán công mốc nối hoạt động cho chúng, nhận chỉ thị và chuyển cho y công Hào qua liên lạc viên bé Chiến. Tuy nhiên, qua nhiều tin tức được ghi nhận, nguồn cung cấp y dược phát xuất từ Ty y tế Phú Yên, do một nữ cán sự y tế tên Tâm phục vụ tại đây đảm trách, và trực tiếp liên lạc với y công Hào. Do đó Tâm bị mời về BCH/CSQG tỉnh để điều tra. Tại đây Tâm một mực chối từ, lại không có nhân chứng đối chất, vì cả ông Khôi và bé Chiến đều không biết gì về Tâm cả, còn y công Hào đã trốn thoát. - Nguyên tắc ngăn cách, tri quyền trong công tác tình báo, là lẽ đương nhiên - Do đó đã gây nhiều khó khăn cho F/ Đặc biệt. Trưởng F Đặc Biệt (F/DB) đã giao cho Hoài An , một sĩ quan CSĐB có khả năng về tình báo và thẩm vấn, đảm trách khám phá tổ chức Việt

Cộng mà đầu mối là nữ can nghi tên Tâm . Hoài An đã vận dụng khả năng nghề nghiệp để thẩm vấn, nhưng Tâm vẫn một mực kêu oan.

Suốt gần một tuần lễ, Hoài An không hề gọi Tâm thẩm vấn, Chàng đã tìm hiểu thêm lý lịch của Tâm: Cha Nàng bị Việt Minh bắt giam và chết trong lao tù, Mẹ sau đó cũng mất theo, khi Tâm chưa tròn 5 tuổi. Tâm được bà Di nuôi ăn học. Năm 16 tuổi lấy chồng (Cán bộ liên khu 5 Việt cộng). Chưa qua tuần trăng mật, người chồng đã tập kết ra Bắc. Sợ bị tinh nghi liên hệ với Việt cộng khi Quốc gia tiếp thu, nên người cô ở một quận xa đem Tâm về và cho tiếp tục học hành. Sau khi tốt nghiệp cán sự y tế ở Huế, vừa về phục vụ tại Ty y tế Phú Yên, Nàng được Việt cộng móc nối, giao công tác và hứa, khi hoàn thành nhiệm vụ, sẽ cho Tâm gặp lại người chồng “ cán bộ ”.

Qua cuộc thẩm vấn, Hoài An đã không tra vấn Tâm về tổ chức, về hoạt động, để tỏ cho Nàng thấy điều đó không cần thiết. Chàng khơi lại cái chết bi thảm của cha Nàng, cái cực hình bị đấu tố mà ông Nàng đã gánh chịu trong cuộc phát động quần chúng đấu tranh của VC năm 1953. Còn chồng Nàng, đã tử thương trên đường vào Nam công tác, mà Nàng đã biết qua một hồi chánh viên -bạn của chồng Nàng . Tiếp, Chàng áp dụng, dùng ngoại cảnh để kích động tâm hồn.

Đêm ấy gió thu lạnh, khẻ luồn qua khe cửa. Ngoài hiên, tiếng dế mèn rả rách gợi buồn, và xa xa tiếng vạt kêu sương, như thức tỉnh cảnh vật đang ngủ lặng giữa đêm khuya. Trong phòng thẩm vấn Chàng trao cho Tâm chén trà bốc hơi. Từng ngụm trà thơm nóng, đã sưởi ấm lòng Nàng. Chàng khẻ đặt nhẹ bàn tay lên cánh tay Nàng, rồi những lời khuyên chân thành, pha trộn chút tình cảm, rót vào tai Nàng, vào tim Nàng : “ *Thù nhà Em chưa trả, tội nước lại vương mang, Em còn trẻ đẹp, có nghề nghiệp vững chắc. Tương lai xán lạn đang đợi chờ . . .* ”

Cái biệt tài của Hoài An là đọc được tâm sự của phụ nữ qua đôi mắt. qua vành môi . . . Chàng không đợi Nàng thú tội, không tỏ vẻ quan tâm, chỉ nói lên sự thương tiếc một cành hoa tươi đẹp, phải vứt bỏ nǔa chừng xuân. Chàng hứa sẽ giúp Nàng bằng mọi cách, để lập lại cuộc đời . Việc khai báo , chỉ

để thể hiện cho sự hối cải tự đáy lòng. Bỗng nhiên Tâm úp mặt lên bàn tay Chàng, Nàng khóc, khóc nước nở, đôi dòng lệ tuôn trào. Chàng không muốn để cho Nàng nhận tội trong lúc này. Chàng gọi nhân viên an ninh đưa Nàng về trại giam. Hai hôm sau Hoài An nhận được bản tự khai nhận tội và cam kết lập công chuộc tội của Tâm do giám thị trại giam chuyển đến.

Trong không khí nhộn nhịp, vui mừng của một số nghi can được trả tự do, Tâm lặng lẽ đến chào Hoài An và tỏ lời tri ân. Nàng chuẩn bị đón nhận những lời khuyên bảo, và rồi sẽ nhận được sự triều mến từ tình. Nhưng không, không có gì xảy ra cả, ngoài mấy lời cầu chúc bình an, và nụ cười tiến đưa đôn hậu của Hoài An, Nàng ra về, từng bước thắt thểu, ngập ngừng, và bao lần ngoảnh lại, vẫn không thấy Hoài An trông theo, lòng buồn rũ rượi, vương vấn một bóng hình.

Về lại Sông Cầu, ngay đêm hôm ấy, một cán bộ đến móc nối Tâm, vì biết Nàng được trả tự do, và lòng vẫn sặc son với đảng. Tâm tiếp nhận công tác mới, với kế hoạch Việt cộng đã vạch sẵn và hứa sẽ chu toàn nhiệm vụ.

Kinh nghiệm nghề nghiệp, đã giúp cho viên sĩ quan trẻ tuổi Hoài An có nhiều dự đoán chính xác. Thật vậy, vào một đêm, khoảng mười giờ, đường phố đã vắng người qua lại. Chàng đang ngồi nơi chiếc bàn viết trong căn phòng tro, bỗng có tiếng gõ cửa. Cánh cửa vừa hé mở, Tâm nhanh nhẹn lách mình vào. Nàng mang đến cho Chàng, những trái thanh long chín đỏ, ít vú sữa và cam sành. Với nụ cười tươi, Nàng lấy lại bình tĩnh, và trình bày với Hoài An chi tiết công tác mà Việt Cộng đã giao phó cho Nàng, sau khi được trả tự do. Nàng hứa với Chàng, dù có gian nguy, khó nhọc đến đâu, Nàng cũng sẽ hết mình để đáp đền sự ưu ái của Chàng đã dành cho Nàng. Nhân đây Chàng cũng báo tin cho Tâm biết, là Nàng sẽ được về tiếp tục phục vụ tại nhiệm sở cũ.

Một tuần lễ sau, Tâm được phổ biến một kế hoạch công tác, đã hoạch định từ F/ĐB. Tâm đã nghiêm nhiên trở thành một tinh báo viên nhị trùng mang bí số X-12, và Hoài An là Cán bộ điều khiển. Bắt tay vào công tác chưa đầy sáu tháng, Nàng đã cung cấp cho BCH/CSQG tinh nhiều tin tức tinh báo

khả tín . . .

Tình hình chiến sự, mỗi lúc một sôi động. Các tỉnh Cao Nguyên, đã di tản chiến thuật. Các tỉnh duyên hải miền Trung, bắt đầu hỗn loạn. Trong căn phòng thân quen nầy. Tâm ngòi cạnh Hoài An, dù không khẩn khít, nhưng cũng đủ sưởi ấm lòng nhau. Nàng báo cho Chàng biết: “ Đêm nay VC. có thể tấn chiếm Tỉnh lỵ. Các toán đặc công, đã xâm nhập vào Thị trấn. Tâm buồn bã, nép mình vào Chàng, nói trong thốn thức. “ Anh ! Nếu lỡ chúng ta phải xa nhau, Em biết làn sao đây ? ! ” Hoài An trong thái độ bình tĩnh “ Chúng ta, tất cả sẽ bình an ” nhưng trong lòng Chàng cũng ngổn ngang trăm mối, vì đã biết trước những nguy khốn sẽ xảy ra trong đêm nay. Tâm rút ra từ ngón tay Nàng một chiếc nhẫn vàng nhặt hột Saphia màu hồng, đeo vào tay Chàng, rồi nâng bàn tay lên hôn nhẹ, nụ hôn chan hòa nước mắt. Tiếng súng từ xa đã dồn dập. Nụ hôn đầu tiên, và cũng là nụ hôn cuối cùng cho cuộc chia ly, không ngày hội ngộ.

Nửa đêm hôm ấy,(tháng 4-1975) đạn pháo của VC. xối xả vào Tỉnh lỵ rồi chiến xa T-54, bộ binh đồng loạt tấn công. Lực lượng quân sự của Quốc gia không còn đủ sức chống trả, nên Quân, Cán, Chính, cùng số đông dân chúng tháo chạy hồn loạn , băng qua quốc lộ, lội qua sông ,chạy ùa ra biển. Cảnh máu lửa, nỗi tang thương, đã trùm chụp lên thành phố, một tỉnh lỵ sầm uất, mà bấy lâu nay được sống an bình. Hoài An cùng vị Chỉ huy trưởng và số đông chiến hữu, rút theo đường biển, ra đảo Phú Quốc, vào Sài Gòn. Bị tập trung “ cải tạo ” và được sang Hoa kỳ theo chương trình tỵ nạn HO.

Hai mươi lăm năm qua, những quá khứ vui buồn, vẫn còn hằn đậm trong lòng Hoài An. Chẳng mấy lúc Chàng cảm thấy vui, khi nghĩ đến cuộc bức tử 30 tháng tư, khi quân dân ta vẫn còn nhiệt huyết, còn dư sức chống trả kẻ thù. Trách nhiệm mất nước nầy thuộc về ai ? ! Thời gian đã cho ta thấy rõ. Nhưng riêng trách nhiệm và tình yêu trong quá khứ vẫn vương vấn trong lòng Hoài An. Một hôm Chàng nhận được một phong thư dày cộm, gởi từ Việt Nam, mang một tên thật xa lạ “ Huyền Trâm ” Chàng vội mở ra đọc . Ngày

Anh yêu thương của Em

Anh đừng ngạc nhiên, người viết thư này, không ai xa lạ “ Huyền Trâm ” là tên riêng của Em . Em đã cố ý dùng hai mẫu tự tên của hai chúng ta ghép lại, để làm kỷ niệm .

Em mừng quá, khi được biết tin Anh, qua người tài xế - đệ tử trung thành của Anh - ngẫu nhiên Em gặp anh ấy trên chuyến xe đò - Thế là Anh đã thoát nạn, và hiện đang sống trên phần đất tự do

Anh có biết không ? Sau cái đêm chia tay nghẹn ngào, trong máu lửa, hải hùng, kinh khiếp ấy. Em đã lang thang tìm Anh khắp các trại giam, các nơi quản thúc vẫn không được tin tức gì về Anh. Em thất vọng, đau buồn. Em nghĩ rằng : Phải chăng Anh đã tan xác trong bom đạn nghiệt ngã ? Hoặc vô phúc, làm mồi cho cá ở biển khơi ! Hay đã chung phần với các chiến hữu của anh, trong các mồ chôn tập thể, mà VC, đã giết hàng loạt ! Lê nào ? Lê nào !! Nỗi đau thương ấy, với sự nhớ nhung anh, cứ thay nhau dày vò tâm can Em, khiến Em trở nên thẩn thờ theo ngày tháng !.

Sau khi bọn họ, chiếm toàn bộ Miền Nam, thế mà công tác của Em được Anh giao phó, vẫn không bại lộ. Có lẽ khả năng chuyên môn, và tính siêng năng làm việc của Em, đã khiến cho bọn họ tin dùng, và cất nhắc Em lên chức Trưởng ban y tế huyện.. Lần lữa sống qua ngày, để quên đi những đau buồn của quá khứ. Em tìm về với tôn giáo, như một tín đồ ngoan đạo. Tìm vui trên công việc hằng ngày. Lấy thời gian và công việc, làm vị lương y, chữa trị vết thương lòng của Em. Nhưng Em cố quên bao nhiêu, thì hình ảnh người Cán bộ điều khiển năm nào của Em, lại càng hiện rõ mồn mệt .

Hơn sáu năm trôi qua, không biết duyên cớ nào đưa đẩy. Một hôm, có một người bị tai nạn, được chở vào trạm xá để băng bó vết thương, vì vở đất, cuốc nhầm đầu đạn M-79 phát nổ. Vết thương khá trầm trọng. Thời gian năm điều trị tại trạm xá. Em quan sát, thấy phong cách, và lời ăn tiếng nói của người bệnh, có vẻ như một công chức, hay quân nhân gì đó, của chế độ cũ. Em càng lọc mạch, tìm hiểu thêm, mới biết bệnh nhân đó, nguyên là sĩ quan cũng xuất thân từ Học viện CSQG Thủ

Đức, phục vụ ở Cần Thơ. Sau năm 1975, bị tập trung “ cải tạo ” gần ba năm. Vợ ở nhà vị VC. bắt đi kinh tế mới, lâm bệnh chết. Thân nhân chẳng còn ai, ngoài người chị ruột, lấy chồng ở quê Em, nên anh ấy đã về tá túc với chị .

Lúc đầu, vì tình hàng xóm, thương kẻ cùng đuờng, lỡ vận, và cũng không biết tại sao, từ dáng dấp, đến phong cách, tính tình, hao hao giống Anh, và cũng xuất thân từ Học Viện CSQG Thủ Đức . Gần anh ấy, Em cứ tưởng như gần Anh, và vì quá thương nhớ Anh, cái tình yêu thương ấy, không trút vào đâu, ngồi cùng ai, nên dần dà Em đã chia sẻ cùng anh ấy, và chúng Em đã trộm yêu nhau.

Tình yêu làm sao dấu kín mãi được. Họ đã phát hiện. đã mấy lần đưa Em ra kiểm điểm nội bộ, rồi giải chức Trưởng ban Y tế, khai trừ khỏi đảng. Điều này chúng Em đoán trước sẽ xảy ra. Em vui vẻ chấp nhận. Sau đó chúng Em đã chính thức lấy nhau. Để tránh những cắp mắt cú vọ, chúng Em chuyển lên Tây Nguyên, chọn nơi núi rừng săn dã, mong được sống an thân.

Trong những dịp vui, Em đã kể cho chồng Em nghe về sự liên hệ giữa Em và Anh trong công tác , lần trong tình cảm. Em cũng đã thú nhận với chồng em là lúc đó Em đã yêu Anh. Chồng em đã không buồn ghen, mà còn thương yêu em nhiều hơn.

Anh thương mến

Làm sao Em có thể quên được nghĩa cử cao đẹp của Anh, đã cứu vớt Em khỏi tù tội, còn vạch lối cho Em đi, gieo vào lòng Em một niềm tin ở tương lai xán lạn. Làm sao Em có thể quên được phong cách hào hiệp, tính tình đôn hậu, ăn nói dịu dàng, truyền cảm của Anh, đã trở thành thần tượng trong Em. Trước đây Em đã vì Anh mà quên thân gái, can đảm gánh vát một công tác, vừa khó khăn, vừa nguy hiểm do Anh giao phó .

Mãi đến giờ này, Em vẫn còn thắc mắc trong lòng. Mỗi lần Anh Em gặp nhau, ngồi bên nhau. Có lần Anh đã vuốt nhẹ mái tóc Em, âu yếm nắm tay Em, hơi ấm của tình yêu chuyển

qua da thịt, đi vào con tim, Nhưng lúc ấy, sao Anh không tiến xa hơn nữa, mà Anh đã dừng lại. để chuyển tình yêu qua công tác. Phải chăng Anh đã không yêu Em ? Hay chỉ vì nhiệm vụ ? Không ! ! Em đã đọc được sự đắm đuối của Anh, qua làn môi cắn chặt, qua đôi mắt nhắm nghiền, qua hơi ấm của bàn tay . . . Em đợi chờ Có lẽ vì chưa đúng lúc, hay vì bối phận, Anh phải đặt trách nhiệm trước tình yêu. Đặt mình vào cương vị một cán bộ điều khiển, hay đúng hơn là cấp chỉ huy đối với thuộc cấp. Qúy hoá thay, người yêu lý tưởng của Em. Cái tuổi thơ ngây, e thẹn. Cái tuổi mới chập chững vào đời, làm sao Em đủ can đảm nói lên sự da diết của lòng mình. Còn bây giờ, . . . Em có dư nghị lực, thừa can đảm, thầm thía được cái tội lỗi của ái ân, lại là lúc không còn cơ hội nữa. Em đã hiểu thật rõ cái cao đẹp, sự chịu đựng của Anh trong lúc ấy qua các mẩu chuyện về hoạt động tình báo, mà chồng Em đã kể. Chính đó là dấu ấn, để em ôm ấp, Em quý mến, và luôn ghi đậm hình bóng Anh vào con tim, vào thương nhớ .

Anh thương mến của Em,

Em biết Anh đang sống tha hương trong cô lẽ. Anh có luyến tiếc một công tác còn dở dang ? Có thương nhớ, có sống lại cảnh cũ, tình xưa không Anh? Em tin chắc là có, và có nhiều hơn nữa. Có lúc Em mơ ước được đôi cánh đại bàn, vượt trùng dương, vào một đêm thu huyền ảo, Em đến với Anh, an ủi, vỗ về, bù đắp lòng cao quý của Anh đã dành cho Em. Nhưng thưa Anh, chồng Em rất mực thương yêu Em, làm sao Em có thể phản bội chồng, dù là trong mơ ước.. Qua những năm dài dâu bể, tuổi đã về chiều, mà nhắc chuyện yêu đương, ân ái của năm xưa, Anh có chê cười Em không Anh ? ! Em nghĩ là không ! !

Anh cho Em được bọc bạch vài cảm nghĩ thô thiển về các Anh, trong thời kỳ chinh chiến ở quê nhà. Các Anh không thua địch. Các binh chủng oai hùng của quân lực VNCH đã luôn thể hiện sự dũng mãnh ở các chiến trường. Đầu trì với địch qua công tác tình báo, các kế hoạch xâm nhập, nhị trùng, như công tác của Anh Em chúng mình, đang tiến triển tốt đẹp, đành bỏ dở dang. để rồi kẻ chiến thắng, lại là kẻ phải ra đi ! ! Ra đi trong lúc nhiệt huyết đang dâng trào, vẩy vùng chưa thỏa chí. Bỏ lại sau lưng một trách nhiệm làm trai với non sông yêu quý. Bỏ

lại sau lưng những tình cảm chân thành. Nuối tiếc những sống động của một thời tuổi trẻ hào hoa

Anh thương mến !

Thư này Em đã viết từ mấy năm qua, nhưng còn chần chờ chưa gởi đi vì “an ninh cá nhân ” Tiếp chồng Em bị tử thương vì cây đè trong lúc đi phá rừng trồng bắp. Sống trong cảnh góa bụa cô đơn sầu tủi, Em đã ngã bệnh, càng ngày càng trầm trọng, đến nay thành nan y, chắc chắn thời gian vĩnh viễn ra đi chỉ là ngày tháng, nên Em không ngần ngại quyết định gởi thư này đến Anh, hy vọng thư sẽ đến tay Anh, để khi từ gõa cõi trần Em được thanh thản nhẹ nhàng. Anh đừng bận tâm lo cho Em. Thân xác Em sẽ hoàn toàn “ An ninh ” trong lòng đất Mẹ. Xin Anh hãy cầu nguyện cho Em.

Em cầu chúc Anh khỏe, tìm vui trong thực tại. Hy vọng một ngày mai tươi sáng, đất nước sớm thanh bình, các Anh sẽ trở về trong hoan lạc .

Vĩnh biệt Anh

Em gái của Anh

Huyền Trâm

Hoài An xếp tờ thư lại, trầm tư, đôi mắt ngắn lê, vọng về quá khứ. Cái quá khứ xa xăm, đã sống dậy với Chàng. Giờ này tình yêu đối với Tâm đã thật sự đến với Hoài An - dù chỉ là ảo tưởng - Tim Chàng quặn thắt, nghĩ đến những tháng ngày dõi gạt yêu đương, để hoàn thành một công tác tình báo, phải đành chấp nhận nỗi ức oan, thiệt thòi, để rồi buồn vương ray rứt.

Một ngụm cà phê ngấm đắng cuộc tình . Hoài An hôm nhẹ bức thư, cho những giọt lệ tiếc thương nhòa từng trang giấy và nhủ thầm ;

“ Một Cánh Thư Tình ”

Tháng 4 - 2008

Huyền Vũ LÊ VĂN HUYỀN



LŨ KHÁCH & CỐ HƯƠNG

Vĩnh Xuyên

CÁNH CHIM BẠT GIÓ BÊN TRỜI

*Phó mặc đời trôi với tháng ngày
Nỗi niềm hoài vọng gởi sương, mây
Còn gì bên cõi trời cô quạnh?
Một cánh chim chiêu bạt gió bay!*

CỐ HƯƠNG TRONG TIỀM THỨC

*Lòng hăng gởi mái tranh chiêu quyện khói
Và trăng suông băng bạc bến sông quê
Đường bóng xế, bên trời, chân bước mỏi
Cố hương luôn là chốn vẫn mong về*

HƯƠNG VỊ QUÊ MÌNH

*Gió bắc lạnh, nấu nồi cơm lúa mới
Nướng cá đồng kho với mắm cua chua
Rau lang mỡ luộc lên còn bốc khói
Món ngon đời đâu chỉ có riêng vua?*

MÃI MÃI...

*Giọng nói thân thương từ góc biển
Truyền khơi nguồn lệ tận chân trời
Người chẳng theo lời cho hội ngộ
Tìm nhau khoảnh khắc mong hồn thôi*

Thứ tìm hiểu:

CUỘC CÁCH MẠNG XANH TẠI VIỆT NAM

■ T.S. Trần Văn Đạt

1. MỞ ĐẦU
 2. CUỘC CÁCH MẠNG XANH TẠI VIỆT NAM (1968 - giữa thập niên 2000)
 3. CÁC YẾU TỐ CHÍNH TẠO CÁCH MẠNG XANH THÀNH CÔNG
 4. HẬU QUẢ TIÊU CỰC CỦA CÁCH MẠNG XANH
 5. KẾT LUẬN
1. MỞ ĐẦU

Cuộc Cách Mạng Xanh (CMX) sau cùng đã xảy ra trên thế giới từ đầu thập niên 1970 đến giữa thập niên 1990, giúp nhân loại tăng giá sản xuất lương thực đáng kể; nhưng không thể tránh được cuộc khủng hoảng lương thực thế giới vừa xảy ra. Hiện thế giới đang bước vào thời đại toàn cầu hóa và khu vực hóa, mọi lãnh vực đều chịu ảnh hưởng tương tác và các quốc gia phải chịu sức ép liên đới ít nhiều. Vấn đề khủng hoảng tín dụng, tài chánh, năng lượng, lạm phát và các yếu tố liên hệ đã đưa đến cuộc suy thoái kinh tế trầm trọng toàn cầu từ tháng 11-2007 đến giữa 2010 và gây ra **khủng hoảng lương thực** năm 2008; làm tăng số người nghèo đói từ 850 triệu lên hơn một tỉ người, do tăng giá lương thực, năng lượng và phân hóa học.

Cuộc CMX đã chấm dứt trên thế giới cách nay gần hai thập niên, nhưng vẫn còn tiếp tục tại Việt Nam đến 2005 vì ảnh hưởng chính trị và kinh tế nội địa, và đang còn xảy ra tại một số nước chậm tiến khác như Myanmar, Bangladesh, Cambodia, Lào... Ở Phi Châu, ngoại trừ vùng Bắc Phi, CMX vẫn chưa thực hiện được ở các nước miền nam Sa Mạc Sahara vì thiếu hệ thống dẫn thoát thủy và chính sách lúa gạo thích hợp. Cuộc CMX chỉ xảy ra tại một quốc gia khi nước này hội đủ tối thiểu 4 yếu tố chủ yếu: (i) chính sách lúa gạo quốc gia hữu hiệu, (ii)

phát triển thủy lợi, (iii) cung cấp đầy đủ giống lúa cao năng, và (iv) đầy đủ phân hóa học trên thị trường. Nếu thiếu một trong 4 yếu tố này sẽ không có CMX. Chẳng hạn, xứ Madagascar ở Phi Châu có ngành canh tác lúa (1,2 triệu ha) tương tự như Á Châu, đến nay vẫn chưa có cuộc CMX xuất hiện vì họ thiếu chính sách lúa gạo quốc gia thỏa đáng và thiếu phân hóa học để tăng giá sản xuất, mặc dù xứ này có hơn 40% diện tích trồng lúa tưới tiêu và nhiều giống lúa cao năng phong thích, với trợ giúp kỹ thuật tích cực của dự án IRRI/USAID thuộc Viện Nghiên Cứu Lúa Quốc tế (IRRI) ở Philippines trong thập niên 1980s-90s.

Cũng vậy, trong thập niên 1950s, thế giới đã có một số giống cao năng lai tạo xuất hiện như Taichung Native 1 của Đài Loan, Jaya của Ấn Độ, H4 và H5 của Sri Lanka..., với năng suất không kém gì so với giống lúa IR8, IR5 của IRRI; nhưng châu Á chưa có cuộc CMX vì thiếu chính sách nhà nước để phổ biến các giống lúa năng cao này và hệ thống tưới tiêu còn yếu kém.

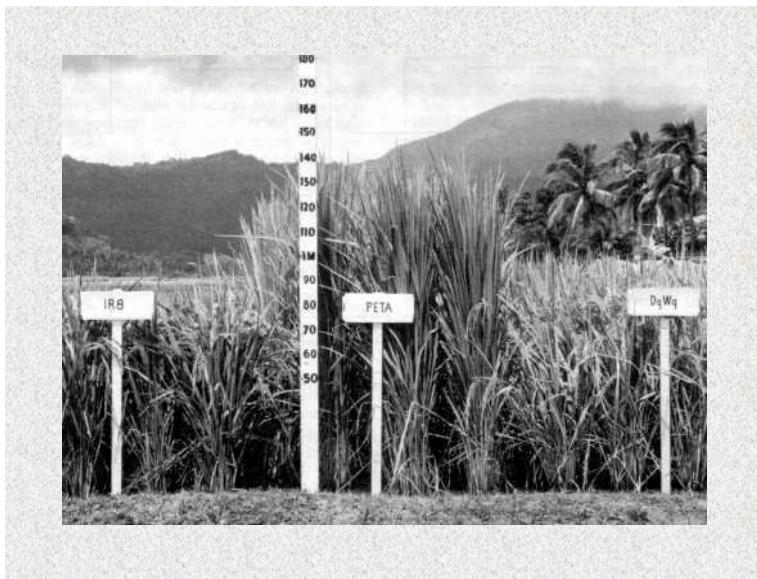
Trong bài tham khảo này, chúng ta thử tìm hiểu cuộc CMX cuối cùng tại Việt Nam đã xảy ra như thế nào và bắt đầu từ đâu?

2. CUỘC CÁCH MẠNG XANH Ở VIỆT NAM (1968 - giữa thập niên 2000s)

Cuộc CMX cuối cùng xuất hiện trên thế giới phần lớn do khám phá “gien lùn” giúp cho loài thảo mộc hấp thụ phân hóa học hữu hiệu và giúp cây chống đổ ngã tránh thất thoát. Loại “gien lùn” này được tìm thấy ở cây lúa mì *Norin 10B* ở Nhật Bản. Tiến Sĩ **Norman Borlaug**, lãnh đạo Trung Tâm Cải Thiện Bắp và Lúa Mì Quốc Tế (CIMMYT) ở Mexico đã dùng gien lùn để tạo ra các giống lúa mì có năng suất cao và kháng đổ ngã, mở đầu cuộc Cách Mạng Xanh thế giới. Ông được trao giải **Nobel Hòa Bình năm 1970** và qua đời 2009.

Năm 1960, **Viện Nghiên Cứu Lúa Gạo Quốc Tế (IRRI)** được thành lập tại Los Banos, Philippines dưới bảo trợ của công ty Ford Foundation and Rockefeller Foundation của Mỹ, dùng gien lùn của giống lúa Dee-geo-woo-gen, thấp giàn, ngắn ngày của Đài Loan và giống lúa Peta, cao giàn của Indonesia để tạo **giống lúa IR8** vào 1962 (Hình 1). Có rất nhiều dòng được tuyển

chọn từ tổ hợp Dee-gee-woo-gen x Peta, nhưng dòng IR8-288-3 có triển vọng cao hơn hết và được IRRI gởi thử nghiệm khá rộng rãi ở vùng khí hậu nhiệt đới và phụ cận trong 1965. Năm 1966, dòng IR8-288-3 được IRRI phỏng thích, đặt tên **IR8** và một số hạt giống được gởi đến nhiều quốc gia Á Châu, như Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Malaysia, Phillipines, Sri Lanka, Việt Nam, v.v. để trồng thử nghiệm và phổ biến. Lúa IR8, cây nửa lùn, nhiều chồi, lá thẳng đứng, xanh đậm, chống đổ ngã, kháng một số sâu bệnh và phản ứng đậm cao đến 200 kgN/ha, **có năng suất tiềm thể cao đến 11 t/ha** trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, nhưng chất lượng hạt thấp (hạt thô, cơm nguội cứng) do hàm lượng amylose cao (28%). Hạt lúa IR8 có kích thước trung bình, hạt to, bẹ bụng. Ngoài đồng, lúa IR8 cho năng suất cao gấp đôi, ba lần lúa truyền thống, từ 4 đến 8 tấn/ha. Đó là **giống lúa hiện đại** của thế giới bấy giờ (Trần Văn Đạt, 2002).



**Hình 1: Giống lúa IR8 và giống lúa cha mẹ:
Peta của Indonesia và Dee-geo-woo-gen (DgWg)
của Đài Loan (ảnh IRRI)**

Tại Việt Nam, cuộc CMX đã xảy ra gần cuối thập niên 1960s do du nhập các giống cao năng của IRRI. Vào tháng 5

năm 1966, Trung Tâm Thí Nghiệm Lúa (nay trở thành Viện Cây Ăn Quả) ở Long Định, Tiền Giang thuộc Bộ Canh Nông Miền Nam đã nhận được 10 kg lúa giống IR8 để trồng thử nghiệm đầu tiên trên 2.000 m² vào mùa mưa (liên lạc cá nhân với Phạm Thanh Khâm, Cựu Quản Đốc Trung tâm, 2000). Trong mùa ấy, năng suất lúa IR8 thu hoạch được 4 t/ha so với năng suất bình quân lúa cổ truyền 2 t/ha.

Đồng thời, trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn nhận được 1kg giống IR8 từ IRRI để trồng trong một thí nghiệm về ảnh hưởng quang cảm (photoperiodism) cùng chung với một số giống lúa địa phương tuyển chọn của Miền Nam. Kết quả thí nghiệm được báo cáo vào mùa hè 1967 qua một Luận trình mãn khóa (Trần Văn Đạt, 1967). Trong thí nghiệm này, năng suất tiềm năng của giống lúa IR8 được theo dõi và đánh giá cao trong khi so sánh với các giống lúa được tuyển chọn khác.

Nhờ kết quả khích lệ trên và nhu cầu lúa gạo cấp bách thời bấy giờ, Bộ Canh Nông Miền Nam đặc biệt chú ý đến giống lúa IR8 và quyết định phát triển canh tác đại trà trong khi vẫn còn trồng thí nghiệm theo dõi tại Trung Tâm Thí Nghiệm Lúa ở Long Định, các Trại thí nghiệm lúa ở Miền Trung và Miền Nam, Viện Khảo Cứu Nông Nghiệp và trường Đại học Cần Thơ, qua sự hợp tác với IRRI ở Philippines. Có thể nói Việt Nam là một trong những nước tiên phong trong công cuộc Cách Mạng Xanh trên thế giới. Một chuyên gia người Mỹ đang viết lịch sử về câu chuyện này trong CMX.

Vào giữa năm 1967, trong chương trình hợp tác với Cơ quan phát triển quốc tế của Mỹ (USAID), độ 6 tấn lúa giống IR8 có năng suất cao và ngắn ngày, được du nhập khá khó khăn vào Việt Nam (1) để tái canh trên 300 ha ruộng vào mùa nắng (Đông-Xuân) tại Võ Đăt, tỉnh Bình Tuy,

(1) Vào năm 1966, USAID có sáng kiến du nhập số lượng lớn lúa giống t IR8 từ IRRI ở Philipine vào Việt Nam để trồng, nhưng thoả hiệp giữa IRRI và chính phủ Philippine không cho phép Viện Nghiên Cứu Lúa này xuất khẩu số lượng lớn dù là lúa giống. Cuộc thương thảo diễn ra khá lâu với sự can thiệp

từ bên trong và bên ngoài gồm cả Tổng Thống Mỹ L.B. Johnson, cuối cùng chính phủ Marcos phải nhượng bộ và cho phép xuất cảng 6 tấn lúa giống IR8 vào Việt Nam giữa năm 1967 để trồng sau nạn lụt xảy ra ở Võ Đất, tỉnh Bình Tuy. Cuộc CMX ở Việt Nam là do từ sáng kiến đóng góp quan trọng của USAID ở Miền Nam.

(2) Giống lúa IR8 được đặt tên là Thần Nông bởi Giáo Sư Tôn Thất Trình khi ông làm Bộ Trưởng Bộ Canh Nông ở Miền Nam. Thần nông là người đầu tiên dạy nông dân biết cách trồng trọt và chăn nuôi trước thiên kỷ IV trước CN

sau khi vùng này bị lũ lụt và vụ lúa bị thiệt hại nặng nề. Vì lúa IR8 được trồng hơi muộn lại thiếu nước, chỉ có khoảng 40 ha lúa được thu hoạch với năng suất bình quân 2 t/ha. Tất cả số lượng lúa sản xuất được tại Võ Đất, độ 80 tấn, được Bộ Canh Nông thu mua làm giống và gởi trồng nhơn giống tại 33 tỉnh của Miền Nam vào mùa mưa 1968. Sau đó, lúa IR8 được nông dân tự sản xuất giống hoặc được Sở Lúa Gạo thu mua qua quỹ luân chuyển để phân phối cho các vùng khác trồng vào mùa nắng (Đông-Xuân) năm 1969.

Cho nên, trong vụ mùa 1968-69, 23.373 ha lúa IR8 đã được thu hoạch với năng suất bình quân 4t/ha và giống lúa IR8 được đặt tên là Thần Nông 8 (TN8). Mùa lúa 1968-69 là thời gian bắt đầu phổ biến mạnh mẽ của chương trình “Tăng gia sản xuất lúa Thần Nông” được Sở Lúa Gạo thuộc Bộ Canh Nông thực hiện đại qui mô qua mô hình “mini kit” của Philippines: Mỗi nông dân trồng lúa TN (lần đầu tiên) được cung cấp một gói nhỏ gồm lúa giống TN8, phân hóa học và thuốc sát trùng diazinon.

Sau đó, IR5, rồi IR20, IR22 được du nhập thử nghiệm và phổ biến qua chương trình hợp tác với IIRR. Diện tích trồng lúa Thần Nông tiếp tục bành trướng mau lẹ. Theo báo cáo của Viện Thống Kê Quốc Gia (Bảng 1), vào vụ mùa 1969/70, lúa cải thiện được trồng trên 204.000 ha hoặc độ 30% diện tích tưới tiêu, 452.100 ha vào 1970/71, 674.740 ha vào 1971/72, và 835.000 ha vào 1972/73. Đến vụ mùa 1973-74, diện tích lúa cải thiện (IR8, IR5, IR20, IR22, TN 73-1 và TN 73-2) chiếm độ 32% hay 890.000 ha với năng suất bình quân 4 t/ha và sản lượng

lúa Thần Nông chiếm 53% tổng sản lượng lúa Miền Nam. Vào vụ mùa 1974/75, tổng sản lượng lúa gạo ước độ trên 7 triệu tấn lúa.

Bảng 1: Diện tích và sản lượng lúa ở Miền Nam từ 1968 đến 1975

Mùa lúa	DT lúa cải thiện (ha)	DT tổng cộng ** (ha)	Sản lượng tổng cộng (tấn)
1968-69	23.373*	2.393.800	4.366.150
1969-70	204.000*	2.430.000	5.115.000
1970-71	452.100*	2.410.700	5.715.000
1971-72	674.740*	2.510.300	6.324.200
1972-73	835.000*	2.700.000	6.347.700
1973-74	890.000*	2.750.000	6.700.000
1974-75	950.000**	2.850.000	7.150.000

* Nguồn gốc: Viện Thống Kê Quốc Gia, Sài gòn, 1974

** Ước lượng của Sở Lúa Gạo, 1974

Chương tình Tăng gia Sản xuất lúa Thần Nông phát triển mạnh mẽ với sự hưởng ứng nhiệt tình của nông dân qua chương trình cho vay để mua máy bơm nước ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và hệ thống tưới tiêu ở Miền Trung. Dọc theo sông Cửu Long và kinh rạch ở tỉnh An Giang, Châu Đốc và Kiến Phong (Đồng Tháp), nông dân đã biến đổi lúa nở thành hai vụ lúa cao năng, qua chương trình máy bơm nước. Lúa IR8 phần lớn được phát triển mạnh ở các vùng có nước tưới tiêu vì cây lúa thấp lùn. Vào thời bấy giờ, rất nhiều nông dân ở các vùng này, đặc biệt ở ĐBSCL đã trở nên giàu có mua sắm nhiều máy cày, xe Honda, xây nhà gạch, v.v. Cho nên, nông dân còn gọi lúa này là “lúa Honda”. Một nông dân trồng một ha lúa trong 2 hoặc 3 vụ mùa có khả năng mua được một chiếc xe Honda để làm phương tiện di chuyển trong làng ấp. Có thể nói rằng chương trình trên đã mang lại kết quả tốt và theo ước lượng của Sở Lúa Gạo, Miền Nam có thể tự túc lúa gạo vào lúc bấy giờ, nhưng gạo vẫn còn phải nhập khẩu độ 300.000 tấn gạo (với chất lượng kém) mỗi năm do chương trình viện trợ của Mỹ PL480.

Sau IR8, giống lúa IR5 cũng được du nhập để trồng ở các ruộng sâu vì giống lúa này cao giàn hơn. Về sau công tác phổ biến các giống lúa TN 8 và TN 5 càng ngày càng khó khăn về mặt thị trường vì nông dân và giới tiêu thụ bắt đầu phàn nàn về chất lượng của hai giống lúa này. Hạt gạo TN8 thuộc loại trung bình và to, có hàm lượng amylose cao (28%) nên cơm để nguội mau cứng và khó ăn. Do đó, các giống lúa IR20 (IR532-E76), IR22 (IR579-160-2), rồi TN 73-1 (IR1529-6-80) và TN 73-2 (IR1561-228-3-3) có chất lượng tốt hơn và ngắn ngày hơn IR 8, được Ủy Ban Hạt Giống Quốc Gia lần lượt chấp thuận phỏng thích. Hai giống lúa TN 73-1 và TN 73-2 là hai giống lúa cao năng được phỏng thích trong năm 1973 vừa nhằm tăng chất lượng gạo trong nước vừa chống phá hại ngày càng nhiều của rầy nâu. Sau đó, IR26 và IR 30 được phổ biến trong nông dân, nhưng bị rầy nâu phá hại dữ dội vào 1976. Vì thế, các giống lúa nêu trên lần lượt bị thay thế (Trần Văn Đạt, 2002).

Đến năm 1977, IR36 được tuyển chọn phổ biến vì có mức kháng rầy nâu cao (biotype 2) (Võ Tòng Xuân, 1995). Vì sử dụng quá nhiều thuốc sát trùng làm giết hại cả các thù nghịch thiên nhiên, nạn rầy nâu phá hại ngày càng trở nên trầm trọng, có lúc phá hại trên diện tích lớn đáng kể ở Miền Nam trong năm 1978. Do đó, IR 36 bắt đầu phát triển và trồng trên diện tích lớn vào thập niên 1980s. Vào lúc này, giống IR36 cũng được trồng trên 13 triệu ha ở Á châu, như Indonesia, Philippines, Việt Nam, Sri Lanka... Các giống lúa khác chống rầy nâu như NN6A, NN7A, OM3, NN8A và MTL 58 (TN108) cũng được phỏng thích (Khush et al., 1995). Riêng ĐBSCL tiếp tục lai tạo nhiều giống lúa kháng được nhiều sâu bệnh quan trọng của vùng, có năng suất cao và chất lượng tốt để cung cấp năng lượng cho cuộc CMX bành trướng. Hiện nay có nhiều giống lúa cao năng được nông dân trồng đại trà, như IR42, IR64, IR50404, IR56279, OM90, OM723, MTL145, MTL250, OM723, OMCS94, OMCS96, v.v.

Ở Miền Bắc, Cuộc CMX cũng đã bắt đầu từ giống lúa IR8 hay Nông Nghiệp 8 (NN8), có lẽ được du nhập từ Miền Nam vào vụ mùa 1968-69 để trồng thử nghiệm và có kết quả tốt ở vụ Đông Xuân, tiếp theo chặng đường nhập nội các giống thấp cây

từ Trung Quốc như Trân châu lùn, Thượng hải 2 và Thượng hải 4. Sau đó, NN8 được trồng đại trà từ năm 1989 và có lúc chiếm đến 50% diện tích trồng của miền này. Mặc dù giống NN8 có thời gian sinh trưởng đến 180 ngày do ảnh hưởng của nhiệt độ thấp ở vụ Đông-Xuân, nhưng năng suất rất cao từ 4 đến 8 t/ha nên được nông dân ưa chuộng. Cho nên, giống NN8 đã chiếm 65% diện tích vụ Đông-Xuân và 35% vụ mùa (Võ-Tòng Xuân, 1995). Giống NN8 còn được trồng đến giữa thập niên 90s. Miền Bắc qua 3 viện: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Viện Cây Lương thực và Cây Thực phẩm và Viện Bảo vệ Thực vật đã tham gia chương trình INGER để có được những nguồn gen quý giá cho việc phòng chống các sâu bệnh quan trọng như bệnh cháy lá, bạc lá, tungro, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân, tuyến trùng, hạn hán, khó khăn đất đai, v.v. Vì vậy, những giống lai tạo giữa các giống lúa địa phương và lúa IR được biết như U7, C10, C15, 386, V13, V14, V18, C37, C 180, MK 46, X2, X3, X10, X11... Giống lúa CR203, được Viện Bảo vệ Thực vật tuyển chọn từ giống IR (IR8423-132-6-2-2), trồng đại trà cho đến nay. Giống này kháng bệnh cháy lá và rầy nâu rất hữu hiệu.

Tóm lại, cuộc CMX cuối cùng đã làm tăng sản lượng lúa từ 17 triệu tấn năm 1988 lên 38,9 triệu tấn năm 2009, tăng gần 6% mỗi năm; diện tích tăng từ 5,7 triệu ha lên 7,4 triệu ha, hay 30%; và năng suất tăng từ 3 t/ha lên 5,2 t/ha, hay 73% (Tổng Cục Thống Kê, 2009). Thành quả lớn lao này trong những năm đầu của Đổi Mới kinh tế phần lớn do sự thay đổi chính sách hơn là do cải thiện kỹ thuật, nhưng sau đó sự phát triển kỹ thuật gồm công trình thủy lợi và sử dụng phân hóa học đóng vai trò quan trọng hơn trong cuộc CMX đang tiếp diễn.

Về các vùng sinh thái, diện tích, năng suất và sản lượng trong 2008 được báo cáo như sau:

Đồng bằng sông Cửu Long sản xuất lúa lớn nhất, chiếm 54% cả nước hay 20,7 triệu tấn lúa; đồng bằng sông Hồng 6,8 triệu tấn hay 17,6%; Trung du phía Bắc 2,9 triệu tấn hay 7,5%; và vùng Bắc và duyên hải Trung Bộ độ 6,1 triệu tấn hay độ 14%. Về năng suất, đồng bằng sông Hồng có năng suất cao nhất 5,88 t/ha, kế đến đồng bằng sông Cửu Long 5,36 t/ha và

Miền Đông Nam Bộ có năng suất thấp nhất 4,25 t/ha. Tỉnh sản xuất lúa lớn nhất là tỉnh Kiên Giang kế đến An Giang và Đồng Tháp, với sản lượng 2,3, 2,2 và 1,9 triệu tấn lúa, theo thứ tự (Tổng Cục Thống Kê, 2009).

3. CÁC YẾU TỐ CHÍNH TẠO CÁCH MẠNG XANH THÀNH CÔNG

Trong thời kỳ Cách Mạng Xanh xảy ra, sản lượng lúa trong nước tăng gia liên tục với mức độ cao hoặc thấp tùy theo chính sách nhà nước, từ 8,4 triệu trong 1.968 lên 38,9 triệu tấn lúa trong 2.009. Bốn yếu tố sản xuất quan trọng đã đóng góp rất lớn vào sự thành công của cuộc CMX; đó là chính sách lúa gạo quốc gia, phát triển hệ tưới tiêu (29%), dùng giống lúa cải tiến (23%) và sử dụng phân hóa học (24%), không kể những yếu tố khác (Herdt and Capule, 1983).

(1) Chính sách lúa gạo quốc gia: Đây là yếu tố quyết định trước tiên để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thành công của một chương trình hay dự án tầm cỡ quốc gia. Trường hợp điển hình nhất của Việt Nam là chính sách lúa gạo ở Miền Bắc và Miền Nam trong thời gian 1968-1975, và thời kỳ Đổi Mới kinh tế từ 1988 đến nay.

(2) Phát triển hệ thống tưới tiêu: Câu tục ngữ “Nhứt nước nhì phân tam cần tứ giống” vẫn còn có giá trị tuyệt đối trong ngành nông nghiệp tại Việt Nam. Nước là yếu tố tối thiết, quyết định sự thành bại của mùa màng và an toàn lương thực. Thường cần đến 5.000 lít nước để sản xuất một kg lúa, nhưng hiệu năng của việc tưới tiêu chỉ độ 30-50% và có thể cải thiện lên 80% bằng cách tái sử dụng nước. Phần lớn các giống lúa cao năng không thích ứng với các vùng nước sâu hoặc không có hệ thống tưới tiêu tốt. Trong thập niên vừa qua, nhà nước đã dành ưu tiên cho công tác thủy lợi cho nên đã đầu tư độ 30 triệu đô la mỗi năm trong công tác này (Lê Hồng Nhu, 1999). Tại miền Bắc, hệ thống thoát thủy, đê điều được củng cố hơn. Nhiều vùng đất ngập sâu của đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tháp Mười đã biến đổi từ một vụ lúa có năng suất thấp thành 2 vụ năng suất cao. Công tác khai khẩn đất đai khu Tứ Giác Long Xuyên và Bán Đảo Cà Mau và chương trình ngọt hóa làm tăng diện tích trồng lúa hàng trăm ngàn hecta. Trong thời kỳ CMX,

diện tích đất tưới tiêu cả nước tăng từ 1,1 triệu ha trong 1968 lên hơn 3 triệu ha trong 1998 (FAO, 2000).

(3) Giống lúa cao năng: Phổ biến rộng rãi các giống lúa cải thiện, thấp, lá xanh đậm và thẳng, có khả năng phản ứng đậm cao và chỉ số thu hoạch cao (HI: 0,4-0,5) đã giúp xử sở thoát khỏi tình trạng năng suất thấp lâu dài (1,2 t/ha) của đầu bón thế kỷ XX và 2 t/ha cho đến lúc khởi xướng cuộc CMX. Như đã nói trên (CMX), giống IR8 được du nhập vào Việt Nam trong năm 1966 và được trồng đại trà ở Miền Nam sau đó miền Bắc kể từ 1968/69 làm sản lượng lúa cả nước tăng lên đáng kể. Tiếp theo các giống lúa IR khác có năng suất cao, chất lượng gạo tốt hơn và kháng một số sâu bệnh quan trọng như rầy nâu, bệnh cháy lá, bạc lá được trồng thử nghiệm và phong thích cho nông dân trồng. Ngoài ra, lúa lai được trồng đại trà ở Miền Bắc từ đầu thập niên 90s đã làm tăng gia sản lượng lúa của miền này. Giống lúa cao năng đã thay thế nhanh các giống lúa địa phương trong lúa tưới tiêu và ngay cả lúa không được tưới tiêu và đã tăng từ 17% trong 1980 lên đến 87% tổng số diện tích trồng lúa trong 1998 (Trần Thị Út and Hossain, 2000).

(4) Phân hóa học: Sự xuất hiện của các giống lúa cải thiện đã làm cho kỹ nghệ hóa chất như phân bón, thuốc diệt trùng, diệt cỏ, v.v. phát triển mạnh mẽ. Vào thập niên 80s, năng suất lúa còn thấp (độ 2,5 t/ha) mặc dù diện tích trồng lúa cải thiện đã nhiều, do sử dụng phân hóa học còn thấp, độ 60-80 kg/ha, dưới mức khuyến cáo (200-250 kg/ha chất dinh dưỡng) (FAO, 1989). Nên biết rằng cứ mỗi kg phân bón có thể làm tăng 10-15 kg lúa. Số lượng phân hóa học gần đây được sử dụng tăng gia, từ gần 60.000 tấn trong năm 1968 lên hơn 3 triệu tấn trong 2008. Vì vậy năng suất và sản lượng lúa gần đây gia tăng theo sự nhập khẩu phân hóa học. Năng suất bình quân lúa ở Việt Nam còn có thể tăng đến 6 t/ha trong mùa mưa và 8 t/ha trong mùa nắng, nếu phân hóa học được dùng đầy đủ và đúng lúc trong điều kiện tưới tiêu được cải thiện. Cũng nên ghi nhận rằng miền Bắc sử dụng phân K nhiều hơn miền Nam đến 6-7 lần, trong khi lượng phân N và P gần tương đương.

Tóm lại, trong cuộc CMX, cơ cấu trồng lúa của nước đang có sự chuyển động quan trọng đặc biệt như sau:

(i) Chuyển cơ cấu trồng lúa cấy qua lúa sạ thảng, hiện chiếm hơn 95% diện tích trồng lúa tại Miền Nam. Tại đồng bằng sông Cửu Long, sự dịch chuyển cơ cấu vụ được thể hiện qua việc giảm sút diện tích lúa mùa, tăng gia diện tích gieo sạ Đông-Xuân và Hè-Thu. Chiều hướng này đang tiếp tục bành trướng ra Miền Trung và Miền Bắc do vấn đề tiết kiệm nước, nhân công đắt đỏ và sự hiện diện của thuốc diệt cỏ với giá cả phải chăng. Nông dân còn chuyển đổi cơ cấu trồng lúa sang trồng cây ăn quả hoặc rau hoa; do đó, khuynh hướng này cần được khuyến khích ở những vùng sản xuất lúa dư thừa như ĐBSCL để cải thiện đời sống nông dân.

(ii) Trong đồng bằng Bắc Bộ, vụ lúa Chiêm hay Đông-Xuân giảm dần và được thay thế bằng vụ Xuân.

(iii) Trong cả nước, diện tích vụ Đông-Xuân tăng gia từ 1,8 triệu ha trong năm 1985 lên 3,1 triệu ha trong năm 2009. Trong cùng thời kỳ, vụ Hè-Thu tăng từ 994.300 ha lên 2,4 triệu ha và vụ lúa Mùa giảm từ 2,9 triệu ha xuống 2 triệu ha (Tổng Cục Thống Kê, 2009).

(iv) Sử dụng các giống lúa ngắn ngày (90-100 ngày) có chất lượng cao để vừa tăng vụ mùa vừa tránh lũ lụt hoặc hạn hán cuối vụ.

(v) Phát triển trồng lúa có chất lượng tốt để nâng cao giá trị trồng trọt, nhằm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như thế giới. Gạo xuất khẩu chưa có thương hiệu nổi tiếng.

(vi) Cơ giới hóa sản xuất lúa tăng gia, nhất là khâu làm đất, tưới tiêu, và thu hoạch.

(vii) Miền Bắc nỗ lực thực hiện chương trình sản xuất lúa lai từ 1991, dùng hạt giống phần lớn nhập nội từ Trung Quốc.

4. HẬU QUẢ TIÊU CỰC CỦA CÁCH MẠNG XANH

Cuộc Cách Mạng Xanh đã giúp nước ta không những tự túc được lúa gạo còn trở thành nước xuất khẩu gạo hạng hai hoặc ba trên thế giới, và giúp giới tiêu thụ có được giá gạo khá ổn định và thấp. Tuy nhiên, CMX cũng tạo nên một số ảnh

hưởng tiêu cực về mặt sinh học, môi trường và kinh tế xã hội (Trần Văn Đạt và Tôn Thất Trình, 1994).

Về phương diện sinh học, sự phổ biến mạnh mẽ các giống lúa cải tiến, thấp giàn làm biến mất dần các giống lúa truyền thống. Hiện tượng sói mòn di truyền (genetic erosion) đã xảy ra ngày càng trầm trọng. Hơn nữa, sử dụng lúa giống ngắn ngày, phân hóa học nhất là phân đậm, và thuốc sát trùng đã làm thay đổi hẳn lề lối trồng lúa cổ truyền và làm biến đổi hệ thống cơ cấu canh tác, gây ra nhiều vấn đề tiêu cực. Nhiều loại côn trùng và bệnh đã thay đổi từ loại không đáng kể trở nên nguy hiểm hơn, như bệnh cháy lá (*Pyricularia griseae* Cav.) vì dùng nhiều phân đậm; bệnh khô vẫn (*Rhizoctonia solani*) trở nên quan trọng hơn; bệnh đốm nâu hiện nay ít hơn khi xưa; bệnh lúa lùn, Ragg stunt,... là những bệnh mới xuất hiện; rầy nâu (*Nilaparvata lugens*), sâu đục thân hai chấm (*Scirpophaga incertulas*, Walker) trở nên loài nguy hiểm hơn; v.v.

Về phương diện môi trường, để sản xuất 6t/ha lúa, giống lúa cải thiện cần sử dụng từ đất 100 kgN, 50 kg P2O5, 160 kg K2O, 19 kg Ca, 20 kg Mg, 10 kg S, 0,6 kg Fe, 0,19 kg Zn, 0,64 kg Mn, 0,08 kg Cu, 0,06 kg B và 0,004 kg Mo cho mỗi hecta mỗi vụ mùa (liên lạc với Dr. R. Roy, FAO, 1990). Giống lúa cao năng dùng chất dinh dưỡng của đất nhiều hơn giống lúa cổ truyền và còn gọi là cây “đào mỏ đất” (soil mining). Nông dân chỉ dùng phân có ba chất dinh dưỡng chính N,P, K và quên hẳn đi các chất bẩn tố cần thiết. Hiện tượng thiếu bẩn tố Zn, S, B đã được ghi nhận trên thế giới. Do đó, những vùng thâm canh, 2 hoặc 3 vụ lúa cần phải đặc biệt lưu ý đến cân bằng của chất dinh dưỡng trong đất đai. Những vùng úng thủy, khai thác đất phèn mặn cũng gây ảnh hưởng môi trường không ít. Sự khai thác mãnh liệt đồng bằng sông Cửu long đã gây cho vùng này bị ngập lụt thường xuyên hơn trước. Phân đậm góp phần làm tăng sức nóng của hoàn cầu dưới hình thức khí nitrous oxide. Sử dụng thuốc sát trùng, thuốc diệt cỏ quá độ gây ô nhiễm môi trường.

Về kinh tế và xã hội, các giống lúa cải thiện thấp giàn đã trút thêm sự cực nhọc vất vả cho nông dân mà người đàn bà chiếm không ít trong các công tác cấy lúa và gặt hái bằng sức

lao động của họ. Công tác chăm sóc mùa màng cũng kỹ lưỡng hơn và cần nhiều nhân công hơn. Hệ tưới tiêu bành trướng mạnh nên thường gây ra tình trạng tranh chấp giữa người dùng nước ở thượng điền và hạ điền. Nhờ giống lúa ngắn ngày, nông dân áp dụng thâm canh hai ba vụ mỗi năm nên gây ra thiếu nhân công ở đỉnh vụ và khó khăn trong lúc hậu thu hoạch, đặc biệt vấn đề phơi lúa, tồn trữ, xay chà và thị trường. Ngoài ra, CMX còn làm tăng giá khoảng cách lợi tức giữa nông dân trồng lúa tưới tiêu và không tưới tiêu. Tổng quát, lúa gạo đóng góp 37% vào lợi tức của gia đình nông dân trong khu vực khảo sát. Lúa tưới tiêu đem về 41,5% (587,42 đô la) so sánh với lúa không có tưới tiêu chỉ 18,2% (90,30 đô la).

Theo cuộc điều tra gần đây, dùng các hạt giống cải tiến làm tăng lợi tức từ 15,6% lên 41,7% (112,45 lên 493,98 đô la) (Trần Thị Út và Hussain, 2000).

Để khắc phục các vấn đề nêu trên, ngành khảo cứu cần phải đặt trọng tâm vào kiến tạo ngành canh tác lúa bền vững, có khả năng chống kháng các loại biotypes và dòng sâu bệnh quan trọng hiện nay, đồng thời chịu đựng được các khí hậu khắc nghiệt, biến đổi khí hậu toàn cầu và các vấn đề đói đói khát khao. Cần hiểu rõ hơn phản ứng giữa các kỹ thuật mới xuất hiện và môi trường. Cần phải theo dõi chuyển động của hệ thống thâm canh 2, 3 vụ lúa mỗi năm, nhất là cân bằng dinh dưỡng đất đai và diễn biến sâu bệnh, nhằm tạo điều kiện canh tác lâu dài. Triết lý áp dụng biện pháp Quản lý tổng hợp mùa màng qua sự phối hợp chặt chẽ giữa khảo cứu, khuyến nông và nông dân.

Tóm lại, cuộc CMX trong nước kéo dài từ 1968 đến giữa thập niên 2000 đã mang những thành quả tốt đẹp cho xứ sở trong thời hội nhập kinh tế thị trường. Đây là cơ hội thuận lợi để đất nước gồm cả thành thị và nông thôn cùng tiến bộ nếu có những chính sách thích đáng. Người ta đang cố gắng thực hiện một cuộc cách mạng mới, với mục tiêu tránh các ảnh hưởng tiêu cực của CMX đã xảy ra, đặc biệt về phương diện môi trường, biến đổi khí hậu và phúc lợi nông thôn không những cho thế hệ hiện nay mà còn các thế hệ mai sau.

5. KẾT LUẬN

Sau cuộc CMX vừa qua, thế giới đang tiến gần đến một cuộc cách mạng khoa học mới, có tính cách thời đại hơn, gọi là “Cuộc Cách Mạng Trắng”, khi công nghệ biến đổi gien ra đời và thành công hoàn tất Bảng đồ genome cây lúa năm 2002. Cuộc CMX đã xảy ra trong thời gian 25-30 năm tùy theo điều kiện từng nước và đã chấm dứt vào giữa 1990s trên thế giới, ngoại trừ một số nước chậm tiến ở châu Á và miền nam sa mạc Sahara của Châu Phi. Cuộc CMX đã giúp được nhiều dân tộc thoát được nạn đói dự đoán và thành phần nghèo hưỡng được giá lúa gạo rẻ hơn; đồng thời CMX làm thay đổi cơ cấu trồng lúa và xã hội nông thôn vào buổi đầu khi giá gạo còn tương đối cao và mang lợi nhuận đáng kể cho người sản xuất.

Tuy nhiên, về sau đời sống của nông dân trồng lúa tại các nước chậm tiến không được cải tiến thêm khi giá lúa gạo sút giảm liên tục trong hơn ba thập niên qua, từ 750 Mỹ kim trong 1975 xuống 300 Mỹ kim/tấn gạo năm 2009. Nhiều nơi nông dân đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ ruộng lúa biến thành vườn trái cây, rau cải, nuôi tôm cá như đã thấy ở Trung Quốc từ 1980; Thái Lan với chính sách đa dạng hóa nông nghiệp từ 1985; và Việt Nam từ 2000. Do đó, cuộc CMX đã giúp nhiều nước giải quyết vấn đề cung cấp thực phẩm nội địa, nhưng không cải thiện nhiều đời sống nông thôn và nông dân trồng lúa. Các nước chậm tiến đã không biết nắm bắt thời cơ vàng để giúp nông dân thoát khỏi cảnh nghèo đói. Để cải thiện đời sống nông dân và nông thôn được tốt hơn, cần phải có chính sách nhà nước hỗ trợ tích cực cho nền nông nghiệp để giảm bớt khoảng cách giữa xã hội đô thị và thôn ấp, như đã và đang thực hiện tại các nước tiên bộ như Nhựt Bổn, Đại Hàn, Đài Loan và Âu Mỹ.

Cuộc CMX cuối cùng không thể ngăn cản được cuộc khủng hoảng lương thực thế giới xảy ra năm 2008, có lẽ do hậu quả của tiến trình toàn cầu hóa hiện nay.

Trần Văn Đạt, Ph. D.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. FAO. 1989. Agriculture and food production sector review in Vietnam. Mission Report (VIE/88/033), FAO, Rome, Italy, pp 146.

2. FAO. 2000, 2005. FAOSTAT. FAO, Rome (www.fao.org).
3. Herdt, R.M. and Capule, C. 1983. Adoption, spread and production impact of modern rice varieties in Asia. IRRI, Los Banos, Philippines, p 3-17.
4. Khush, G.S., Vo-Tòng Xuân, Nguyễn Văn Luật, Bùi Chí Hữu, Đào Thế Tuấn và Vũ Tuyến Hoàng. 1995. Vietnam-IRRI collaboration in rice varietal improvement. Vietnam and IRRI: A Partnership in rice research, IRRI and Ministry of Agriculture and Food Industry, p. 55-61.
5. Lê Hồng Nhu. 1999. Rice production in Viet Nam and the policies to promote its development. In Proceedings of the 19th Session of the IRC, Cairo, Egypt, 7-9 September 1998. FAO, Rome, p 162-165.
6. Tổng Cục Thống Kê (GSO). 2008. Tài sản quốc gia 2008. GSO 2008 (<http://www.gso.gov.vn/>).
7. Tổng Cục Thống Kê (GSO). 2009. Nông, lâm nghiệp và thủy sản 2009. GSO 2010 (<http://www.gso.gov.vn/>).
8. Trần Thị Út and Hossain, M. 2000. Effects of improved technologies on rice production and impact distribution and poverty alleviation: Case study of Viet Nam. Paper presented at the International Rice Research Conference, 31-3 to 3-4-2000. IRRI, Los Banos.
9. Trần Văn Đạt. 1967. Ảnh hưởng của quang kỳ tính trên một số giống lúa cải thiện. Luận trình tốt nghiệp Kỹ sư Canh nông tại Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc, Sài gòn, Việt Nam. 92 tr.
10. Trần Văn Đạt và Tôn Thất Trình. 1994. Second generation problems of high-yielding rice varieties. In Proceedings of the 17th Session of the IRC, 4-9 February 1990, Goias, Brazil. FAO, Rome, p 127-132.
11. Trần Văn Đạt. 2002. Tiến trình phát triển sản xuất lúa gạo tại Việt Nam - Từ thời nguyên thủy đến hiện đại. NXB Nông Nghiệp, Sài Gòn, 315 tr.
12. Viện Thống Kê Quốc Gia. 1974. Sài Gòn.

13. Võ Tòng Xuân. 1995. History of Vietnam-IRRI cooperation. Vietnam and IRRI: A Partnership in rice research, IRRI and Ministry of Agriculture and Food Industry, IRRI, Philippines, p. 21-29.

Chuyện Cười

Giám đốc đi làm về đang ngồi salon đọc báo chờ ăn cơm chiều, thì tiếng chuông điện thoại reo...

Bà vợ giám đốc lắng tai nghe:

Giám Đốc: Alo

Bồ nhí: Em nhớ anh quá!

Giám Đốc: Biết rồi

Bồ nhí: Anh hôm nay sao vậy? Anh còn nhớ em không?

Giám Đốc: Nguyễn văn Cò

Bồ nhí: Bà xã anh đang ở nhà phải không anh?

Giám Đốc: Lê văn Phái

Bồ nhí: Hôm nay mình gặp nhau anh nha?

Giám Đốc: Nguyễn văn Bật

Bồ nhí: Vậy thì khi nào gặp

Giám Đốc: Bùi Mai

Bồ nhí: Vậy thì sáng hay chiều hả anh?

Giám đốc: Hoàng văn Chiều

Bồ nhí: Mấy giờ anh yêu?

Giám Đốc: Đinh văn Bảy

Bồ nhí: Vân ở khách sạn cũ hả:

Giám đốc: Vũ như Cẩn

Bồ nhí: À quên, cho em thêm tiền mua chiếc áo đầm mới anh nhá.

Giám Đốc: Nguyễn Như Được

Bồ nhí: Anh hứa nha

Giám đốc: Ngô văn Hứa

Bồ nhí: OK ngày mai, buổi chiều, 7 giờ, ở khách sạn cũ, em sẽ chìu anh hết mình, hôn anh chụt chụt

Giám Đốc: (Cúp máy cái rụp, nói rõ cho sư tử nhà nghe) Bực mình, có cái danh sách khen thưởng bao nhiêu người mà không nhớ!

Nôi Vận Chööng

■ Tạ Chương Trí

Sống tám mươi Xuân kể cũng dài
Đường thi thai nghén bước sơ khai
Bút xưa giảng chữ thêm đầy nợ
Tuổi hạc vời Xuân chưa trọn bài.

Ngoài lái thơ ngân lồng ánh nguyệt
Trong bình rượu sánh vắng thơ ai.
Đây trong trời đất nguồn thi liệu
Vay mãi nên thơ mắc nợ hoài.



Tạ Chương Trí

Chuyên Tình Đơn Phương:

TIẾNG KHÓC ĐÊM TÂN HÔN

■ Thái Tâu

Dặc san Bình Định Xuân Canh Dần Bắc Cali, trang 316 có đăng bài thơ Đường luật liên hoàn Thập thư đề là TIẾNG KHÓC ĐÊM TÂN HÔN, kế đó là 10 bài thơ hoạ LỜI TẠ TÌNH của Thiện Tâm.

Trong lời giới thiệu có viết: “Tác giả mươi bài Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn vốn là bạn thơ thân thiết của tôi”. Vậy “Tôi” là ai? Không thấy nói !

Kính thưa Thi sĩ Hà Thượng Nhân,

Tôi còn nhớ, năm tôi cỏn làm việc ở Toà soạn báo Ngày Nay với chủ nhiệm Trọng Kim, chúng tôi có nhận tập tài liệu nói về chuyện tình đơn phương nhưng đầy cay đắng và lảng mạn của Nữ sĩ Tương Đàm và đã được Thi sĩ Hà Thượng Nhân có nhã ý cho phép Ngày Nay được kể lại chuyện tình này trên mặt báo Ngày Nay (số này tôi không còn nhớ).

Vậy hôm nay, xin phép Thi sĩ có tôi được bật mí chữ “ Tôi” nêu trên là Thi Sĩ Hà Thượng Nhân (HTN) và cũng xin được kê tiếp những điều Thi sĩ chưa nói hết trong Lời Giới Thiệu để độc giả bốn phương tưởng lầm như Thi sĩ đã mong muốn ghi nơi cuối Lời Giới Thiệu “Biết đâu trong pho tinh sử của nhân loại tương lai sẽ có 10 bài thơ này”.

Tiếp theo lời kể trong phần giới thiệu của số báo trước:

... Theo lời kể của Thi sĩ họ Hà thì “Tưởng Nàng không làm thơ nữa (sau 10 bài thơ liên hoàn nói trên).. Nhưng Nàng vẫn làm thơ”. Bốn mươi bảy năm sau khi nhận được 10 bài TIẾNG KHÓC ĐÊM TÂN HÔN, thi sĩ HTN lại nhận được tập

thơ khác gửi đến. Vì Nàng không còn nữa. Nàng đã mất rồi. Bây giờ Nàng ký tên là TƯƠNG ĐÀM. Một buổi chiều, người bạn cũ hẹn HTN đến nhà có việc cần, khi đến thì gặp một người con gái tuổi xấp xỉ 40 “Người con gái đứng sững nhìn tôi. Linh tính báo cho tôi biết đó là con của Tương Đàm. Quả đúng như vậy. Cô ta bật khóc và nói: “ Mẹ cháu mất rồi ,sai cháu trình Bác Tập thơ này”. Tương Đàm có ba người con, hai trai và một gái người nào cũng đặt bằng tên thuở nhỏ của HTN: Kính Trinh, Trọng Trinh và Ái Trinh.

Năm 1975, Nàng vào Sài Gòn tìm HTN nhưng không gặp. Năm sau Nàng lại vào nhưng nghe tin HTN đang “học tập cải tạo” ở Yên Bai. “Nàng cùng con gái quay trở ra tìm tôi, giữa đường lâm trọng bệnh rồi mất.”

“ Tôi hỏi Ái Trinh ngày mất, nơi chôn cất Nàng, Ái Trinh đều từ chối. Cháu nói: Mẹ cháu bảo, sống đã chẳng làm gì cho nhau vui, thì chết cũng đừng để lụy cho nhau. Con tuyệt đối không được nói gì về Mẹ thêm nữa. Chỉ cần nói: “ Mối tình của Mẹ tuy đắng cay nhưng vẫn là mối tình đẹp. Mẹ tin Bác vẫn thương Mẹ, yêu Mẹ như thương yêu một người em gái. Thế là đủ. Mẹ vui vì biết Bác hạnh phúc và là một nhà thơ nổi danh được nhiều người quý mến. Mẹ đánh giá Bác không lầm”.

Ái Trinh ra về, không để lại địa chỉ, không nói rõ nghề nghiệp và khẩn khoản xin HTN đừng bao giờ gặp lại cô ta nữa, đừng dò tìm biết bút danh của Cô nếu ông còn tôn trọng lời trăn trối của Mẹ cô. (Hết kể).

Sau đó là 10 bài thơ liên hoàn có tên “Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn” như đã in trong số báo trước (xin xem lại)

Thi sĩ Hà Thượng Nhân nói đúng. Nàng không chỉ có 10 bài thơ liên hoàn mà còn nhiều bài thơ khác nữa đến “một tập thơ” lận. Bài nào cũng đầy vẻ yêu thương da diết và cay đắng tột cùng như bài : Khóc Một Mình, Vô Tình Quá, Trách Anh (trách HTN) , Mưa Buồn, Uất Úc, Ước Gì , Tự Trách, Lại Nhớ và bài Tâm Sự với T.T.K.H. với bốn câu cuối:

...Nhưng mà K.H.! em thừa chí

*Người có yêu em có nói đâu?
Em chẳng dám than, không dám trách
Đêm đêm chỉ biết ngắn ngos sầu*

Nếu viết tiếp những bài thơ của Tương Đàm sợ choán hết trang của báo, tôi chỉ xin được chọn đăng 3 bài sau đây cũng đủ chứng tỏ đây là một thiên tình sử cao đẹp tuyệt vời giữa một Thi sĩ hào hoa và một Nữ sĩ tài hoa:

HẸN NHAU KIẾP KHÁC

*Tìm anh khắp bốn phương trời
Tìm anh suốt cả một đời biệt tăm.
Gặp ai mà chẳng hỏi thăm
Cao xanh nỡ ghét nỡ căm gì mình?
Đã dành em có gia đình
Đã dành anh có mối tình thiết tha
Trước khi về với người ta
Em đã nói thảng, tôi là vợ anh
Tôi theo khôn phép gia đình
Nhưng lòng tôi đã tan tành từ lâu!
Ngay khi gặp gỡ buổi đầu
Tôi yêu người ấy nhưng đâu có ngờ!
Người ta dù chẳng hững hờ
Coi như em gái ngây thơ có tài
Nghĩ ra thiệt quá mỉa mai
Chỉ vì tự ái để dài tiếc thương!
Em mong mong rất bình thương
Nhìn nhau một phút, chung gương một lần
Rồi như nước chảy qua sân
Cũng là trả nợ trả nần phải không?
Lòng em trời đất cảm thông
Sao anh lại nỡ bất công vô tình?*

*Ngay khi đất nước hoà bình
Tìm mình thì đã nghe mình đi xa
Đường về Yên Bái bao la
Nhưng em, em vẫn quyết ra mặc dù...
Người ta kỷ niệm Nguyễn Du
Tại sao lại cứ bỏ tù thi nhân?
Bỗng dừng trở bệnh bất thần
Bệnh ngày thêm nặng dần dần lâm nguy
Sống là chi? Thác là chi?
Ta đâu bằng được Tứ Kỳ, Bá Nha
Kiếp này ngàn vạn cách xa
Kiếp sau nhất định em là vợ anh
Em không úp mở, em dành
Tiếng gì em cũng nói thành tiếng yêu*

TẠ LỄ CÙNG CON CÁI

*Con tha cho Mẹ nhé con
Mẹ còn gì nữa chỉ còn ăn năn
Bây giờ con lại viết văn
Nghịệp thơ con lại cứ lẩn mình vào
Thôi thì còn biết nói sao
Cuộc đời là thế, cách nào cho hơn
Một đời Mẹ sống cô đơn
Bây giờ nhắm mắt chẳng hờn oán ai
Oán chẳng oán cái chữ tài
Ôi dòng máu mẹ chảy dài sang con
Chưa cay vẫn lấy làm ngon
chữ tình mật đắng, sơn son vẫn thò
Con ơi! Con lại làm thơ
Con là con Mẹ còn ngờ gì đâu
Đàn xưa ứa máu bốn dây*

*Đoạn trường thuở ấy mà nay vẫn còn
Thôi thì gửi lại nước non
Tình ta ngắn gửi nhờ con sẽ dài.*

LỜI TRÁCH NGƯỜI CON GÁI TƯƠNG ĐÀM

*Mẹ ơi ! Con gặp Bác rồi
Người thơ mà Mẹ một đời yêu thương
Bác dù lỗi lạc phi thường
Tài hoa hơn Mẹ đã nhường ai đâu?
Hiểu tài nhau, phục tài nhau
Mà sao chẳng hiểu lòng đau cho dành?
Mẹ tôi phí cả tuổi xanh
Mẹ tôi uổng cả tài danh vì người!
Người nhìn tôi, lệ muôn rơi
Nhưng tôi căm giận cuộc đời bao nhiêu
Tôi xin nhắn những ai yêu
Đừng hy sinh hão, đừng liêu đơn phuong
Mẹ ơi! Còn nắm tro xương
Bao giờ Mẹ hiện thành hương bay vè?
Cho tôi xoá sạch lời thề
Hỏi rằng: Bác có thấy tê tái sâu?
Mẹ ơi! Tình Mẹ quá sâu
Thấu cho chăng hối, trời cao đất dày? !
Xin cảm ơn Thi Sĩ Hà Thượng Nhân.
Cảm ơn Ban Biên Tập Đặc San Bình Định Bắc Cali
Và xin phép Báo Ngày Nay*

Thái Tầu

(Houston, Texas)

Mấy Néo Đường Quê

■ Phan Tân Thiện

*Quê hương tôi những néo đường Bình Định,
Ai đang đi và ai sẽ còn đi.
Đây Nhơn An đồng lúa xanh rì,
Trâu vỗ đất theo tiếng gà xao xác.
Đây Nhơn Khánh triền miên bông lúa bạc,
Sông Côn Giang phân thủy nước đôi dòng.
Bảy Yển, Thạch Đề xuôi chảy về Đông,
Ngăn nguồn lại cho dân mình cày cấy.*

*Ai nằm ngủ trong rừng dừa Phù Mỹ,
Lắng nghe chim cao hót giữa Hè trưa,
Về Tam Quan xuôi ngược chuyến đò dừa,
Chiều hò hẹn cổng trường Tăng Bạt Hổ.*

*Làng Cửu Lợi vào những chiều lá đổ,
Bóng gai nhân tha thước bước qua rào,
Sẽ giật mình ta cứ ngỡ chiêm bao,
Người trần thế ôi lẽ nào đẹp vậy.*

*Rừng Vân Canh chiều nay bung tóc rối,
Gió đêm về thổi lạnh cả màn da,
Lửa rừng khuya gây nỗi nhớ xa nhà,
Nương rây bắp thơm mẩy mùa trăng tuyết.*

*Đêm Đập Đá đèn mờ soi bóng phố,
Trưa Gò Găng thêm khắc khổ cuộc đời,
Ai đang chầm nón lá trước hiên kia,
Vui câu hát hay mơ màng về phố.*

*Trời Phù Cát chiều nay không mưa đổ,
Đồng Cát Trinh lúa chết héo bên đường.
Đây Gò Bồi nhiều em gái dễ thương,
Bụi dừa nước câu Kim Trì lắt lẻo.*

Chợ Gò Chàm đông người đông tiếng réo,



*Ai ngược xuôi về mây nẻo Kim Châu,
Trường Giu-Se vào những thuở ban đầu,
Giờ rêu phủ đượm thêm màu cỏ lồ.*

*Đây Phước Hiệp, Tỉnh Giang đang mùa đỗ,
Năm trên chòi nghe gió thoảng hương thơm.
Muốn ăn dưa về Lục Lẽ xa hơn.
Nơi Háo Đức, xuân mai vàng rực rõ.
Trên đồng lúa tiếng sáo diều vút gió,
Năm cánh đồng cùng giáp giới liền nhau.*

*Tháp Cánh Tiên đêm trăng sáng lênh maу,
Nét kinh khiếp hãi hùng về hiện rõ.
Lăng Song Trung vào những chiều mưa gió,
Cây xoài xưa còn đứng đó mỏi mòn,
Tấm bia vôi ghi lòng dạ sắt son,
Lầu Bát Giác, Tây Sơn thời oanh liệt.*

*Mùng Năm Tết ai về thăm Phú Lạc,
Nhớ anh hùng hiển hách tự ngàn xưa,
Sông Côn Giang nước chảy trăng phơi bờ,
Cầu Kiên Mỹ vẫn nằm chờ không mỏi...*

*Đêm An Khê mây phủ mờ đồi núi.
Chiều Nguyên Thiều chuông ru tỉnh hồn ai.
Vẫn uy nghiêm cao quý bóng Phật Đài.
Tháp Bánh Ít ba vòng bay chưa dứt,
Trăng đã khuyết, sao tin lành mây khuất,
Cầu Bà Di nước vẫn chảy đôi đầu!
Nhóm anh hùng Nguyễn Hữu Lộc còn đâu?!
Mấy kẻ biết ai tài, ai phản bội?!*

*Đêm An Thái khi trăng tròn đỉnh núi,
Đường Ba Chon, Miêu Tẩy Diện tung hoành.
Roi Thuận Truyền như mây thổi vây quanh,
Kẻ hận thế mấy người ai thường thức!*

*Đây Phú Phong những đêm dài thao thức,
Năm nghe lòng thốn thức với núi sông,*

Những nẻo đường như những chuyến đò Đông,
Đưa khách lạ và nầm chờ khách mới.

Bầu Sấu, Cẩm Văn nếu ai còn đợi,
Nghĩa tình người chiến sĩ họ Mai,
Hịch Cần Vương khi đã nắm trong tay,
Thì sống chết như sương đầu ngọn cỏ.
- Dánh cho giặc biết trời Nam còn tuấn kiệt!
- Chết cho cây lá cũng rưng rưng!
Vĩnh Thạnh, An Khê biền biệt núi rừng,
Đồng Hữu đó đường cuối cùng lõi vận.
Gò Giang Sơn khóc anh hùng lận đận,
Thế Xuân Thu, Chiến Quốc cũng chìm sâu!
Đất Võ, Trời Văn xương trắng máu đào,
Giòng máu Việt dâng hông trang sử Việt.
Tuy Phước-An Nhơn bao dòng hào kiệt,
Xưa nay xương cốt biết về đâu?

Sóng réo Đề Gi chiều nước biển xanh màu,
Tanh mùi cá thuyền ngược xuôi đâu đó.
Đêm ghé Tân An gõ thuyền đậm vó,
Nhấp hương tình Bầu Đá lại thêm duyên,
Men đã say Nhơn Lộc lại chờ thuyền,
Qua An Túc nếm sim rừng chua chát.

Phú Da-Tân Dân những ngày tan tác,
Đường tản cư như cánh nhạn thương quê.
Thổ mò ra roi cho mau kịp nèo về,
Phiên chợ Kiến Hàng xa xuôi dốc chật,
Con đường đó đá ong mưa ướt đậm,
Đèn lưu ly mà khói cũng xây thành.

Tháp Hồi kia ai làm bút viết trời xanh.
Qua Nhãnh Tháp nắng chưa tròn một buổi.
Thuận Thái-Thanh Liêm đường xa chân mới,
Vạn lý tình nghìn dặm cũng xa nhau.
Thoảng trong sương hương cối mới nhạt màu,
Hoa dứa dẻ, túi thơm tròn một nửa,
Chùa Thập Tháp viên đá nầm trước cửa,
Đường thỉnh kinh Tây Trúc cũng xem giàn,

*Trưa phơi lúa ai nǎm nghe tiếng gió,
Vàng hương xoài Nôm động lá râm râm.*

*Trời Bình Định dẫu ngàn xa nỗi thẳm,
Cùng én bay trong nắng sớm mưa chiêu,
Con chim sẻ trong vũng lầy ảo tưởng,
Giọt đọng buồn mưa mẩy cũng cô liêu.*

*Trong thương hải có xa vì cỗ tích,
Mà đào thêm cho sóng Bích Liên thảm,
Ngọn đèn đó đưa chị về Nước Mặn,
Cuộc đời buồn nhà mái lạnh âm âm.*

*Sông nhỏ miền quê nhớ mùa nước lũ,
Đời buồn vui theo trận lụt năm nào,
Gió thổi Truông Mây xem bầy én liêng,
Mà ỏ chim đồng độc vẫn treo cao.*

*Xóm đạo Lòng Sông giương bướm thoát tục
Chiều nghiêng nghiêng trên núi Phụng non Kỳ
Lên đỉnh núi Hoàng Mai ghé thăm ông Đào Tấn
Hát bài trên đình trống giục rộn người đi*

*Bìm bip kêu xa nhớ mùa nước lớn
Xách chiếc cân tre đi nhấp cá trâu
Nhái bén, nhái bầu gió xao sóng gợn,
Hàng tre già ôm mãi bóng nương dâu*

*Đành, Hựu, Phỉ, Cao những tên cướp dữ,
Cùng tích xưa Chàng Lía cắp mâm đồng,
Nhảy bay qua núi theo truyền thuyết,
Trăng soi dòng Lại Giang mênh mông...*

*Lại Giang đơm thật nhiều cá diếc,
Thơm đậm mùi rau răm mắt ai,
Cá trâu nấu ám trong lòng bát,
Chuối chát còn nghe tiếng thở ngoài.*

*Háo Lẽ-Thanh Mai lối về quê Ngoại.
Đường vui Xuân chân trẻ bước thêm dòn,*



Câu ván rung rinh đón người trở lại,
Hàng dừa cao cao mãi chiều cõi thôn.

Quê hương đó những tâm hồn bão nổi,
Nghìn câu thơ thoảng lặng chút âm thầm,
Dẫu nhung nhớ trong tiếng người xứ Nẫu,
Thuyền lương về thương sóng bạc xa khơi.

Mơi! - Có về Bình Định mà chơi?
Ngắm gió Nam non thổi lòn qua ngọn cỏ,
Thương lá thù đâm rụng đỗ sau hè!

* * *

Ai về Bình Định thăm quê,
Nhắc nhau hãy nhớ lời thề nước non!

Phan Tân Thiện - Qui Nhơn 1967, những ngày đau mới mạnh.
Bắc Mỹ tháng 12, 2010: Ghi lại, sửa chữa, bổ sung

Truyện cười

Trong chuyến du lịch Tam Đảo tôi nghe lỏm được tại một khách sạn.

- Em làm giấy tờ cho anh để về thanh toán với cơ quan.
- Dạ vâng. Thế tên anh "nà" "giù nào ?
- Lê Đức Lâm.
- Nê Đức Năm.
- Anh tên là Lâm. Không phải Năm.
- Nê.. Năm. Thế tên anh viết bằng "nờ" "dài hay" "nờ" "ngắn ạ ?
- Cái nhà cô này thật là ồm ồ.. "Nờ" "của anh dài. Vừa ý chưa ?
Cô gái cười giòn tan :
- "Nờ" "dài. Tí nữa thì em cắt cụt.
- Tưởng là chỉ có dê trên (d), dê dưới (g), i dài (y), i ngắn (i),
bây giờ lại có cả "nờ" "dài (l), nờ ngắn (n). Còn em, tên là gì ?
Có trên dưới, ngắn dài gì không ?
- Dạ, em "nà" "Xuân."
- Tên hay nhỉ, nhưng phải sờ mạnh (s) hay sờ nhẹ (x) Xuân mới chịu ?
- Cô Xuân đỏ mặt, cười duyên :
 - Nhè nhẹ thôi anh.

Canh Kho Lúa Ngày Tết



■ Hoa Trang Nguyên

(*Thân tặng anh chị Đường Anh Đồng & Đặng Thị Kim Cúc*)

Năm nay Tết Việt Nam đậu vào đầu tháng hai dương lịch cũng là bắt đầu mùa xuân của xứ Mỹ. Những giọt nắng hồng nhẹ nhàng lan tỏa trên chòm cây ngọn cỏ, màu xanh của nền trời, màu trắng của mây, màu hồng của những nụ Đào, màu ngọc non của chồi lá, tiếng chim hót ríu rít chuyên cành... và những con chim cu đất màu nâu đen đang dợm làm tổ trên những lẵng hoa ngoài hành lang... Những hình ảnh, tiết tấu mùa xuân đang hoà điệu... làm tâm hồn cô Nguyên bớt đơn độc...

Thêm một tuổi già, lại một mùa xuân mới, một mùa xuân viễn xứ trên quê hương thứ hai.

Mấy hôm nay, những khu thương xá Á đông, đầy rẫy những khuôn mặt da vàng, vùng cõi cư ngụ gần khu Lion. Khu này, vào những ngày Tết của Á Đông, thôi thì như là những ngày trẩy hội. Nào hoa mai, lan, cúc, trúc, hồng, đào, lay-ơn thi nhau đua sắc, cũng như trai thanh, gái lịch, người già, trẻ con, người người cùng nhau mua sắm. Quang cảnh càng náo nhiệt hơn khi có những đoàn múa lân đi kiếm tiền lì xì trước Tết. Tiếng pháo, tiếng nhạc về những bài hát mùa xuân từ những tiệm bán DVD nào động, vang rền cả một vùng trời. Cô Nguyên cũng chen chân trong đám người ấy. Cô Nguyên mua một chục lay-ơn để chưng bàn thờ, hai bình cúc vàng để cúng giao thừa và rước ông bà chiều ba mươi Tết. Còn nữa, cô sẽ cắt mấy cành đào trong vườn nhà để đặt trên bàn ăn. Như vậy đã đủ ấm cúng chưa...? Gần hai mươi năm ăn Tết tha hương, dù cô có làm đủ những tập tục cổ truyền Việt Nam, nhưng lòng cô vẫn thấy có chút gì thiếc vắng xa xôi. Tình hoài hương chăng...? Bữa cơm chiều

ba mươi Tết cô sẽ nấu những gì nhỉ... Cô còn nhớ, mà cô chắc nhớ suốt đời những chiều ba mươi tết ở quê nhà. Dù rằng cô là người Sài Gòn, ăn Tết tại Sài Gòn, nhưng gia đình cô lúc nào cũng theo một nếp cũ. Để chuẩn bị một cái Tết, mẹ cô mua nào cả mấy trăm bánh tráng để chị em cô cuốn với thịt kho dưa giá, kẹp thêm miếng măng kho, một chục trái dưa hấu mua ở Cầu Ông Lãnh. Nếp ngon, đậu xanh vàng, mỡ thịt, lá chuối, dây lạt để hai mươi chín Tết mẹ cô và các chị, em, cùng gói những đòn bánh tết, mà chiều ba mươi sẽ được bốc lá, vẫn còn hâm hấp nóng để được đem cúng trên mâm cơm chiều cuối năm. Mẹ cô làm nhiều thứ, nào chả giò, giò thủ, xôi vò, gà luộc, nem, tré, bánh, mứt, rượu nếp, mắm tôm chua, dưa món, cải chua... Nhưng có một điều, mẹ cô lúc nào cũng có, món canh khổ qua. Có lần cô hỏi:

-Sao đâu năm mẹ nấu canh khổ qua đắng làm gì?

-Phải có món canh khổ qua để cúng, vì lúc ngoại còn sống, ông rất thích canh khổ qua, mà ba con cũng thích canh khổ qua. Khổ qua có vị đắng, nhưng tuột vào cổ rồi thì sẽ có vị ngọt.

À thì ra vậy! Cô cũng bắt đầu tập ăn khổ qua từ đạo đó!

Khổ qua trắng, khổ qua xanh,

Khổ qua mắc nắng, khổ qua đèo

Có lẽ khổ qua trắng là loại khổ qua ngon nhất, nên đi chợ, mẹ cô thường lựa loại này, bà lựa những trái măt thưa, dài, thuông thả. Khổ qua xanh thường ngắn hơn, măt nhiều, không thưa, khía sâu hơn và có lẽ chúng đắng hơn. Còn loại khổ qua đèo thì đèo, teo, trái lớn nhất thường bằng ngón tay giữa, loại này có khía thật nhiều, màu xanh lá cây đậm.

Về được tính, khổ qua có tính hàn, hạ nhiệt, có nhiều chất xơ, tuy đắng nhưng trị được táu bón. Trà khổ qua thì giải nhiệt, hạ đường trong máu, nếu trẻ em bị nóng rát da vào mùa hè thì cũng có thể tắm bằng nước khổ qua đèo.

Người miền Bắc thường gọi khổ qua là mướp đắng, món ăn này ít được ưa thích ở miền Bắc, ở miền Nam, thường có trong bữa ăn hàng ngày. Khổ qua làm được nhiều món: nấu canh, kho, chiên, sốt cà chua, có khi luộc ăn với mắm nêm, mắm ruốc hoặc bào mỏng, xào với trứng, thịt bò, tôm... Thật là ngon khi ăn cơm với khổ qua đèo, luộc chấm với mắm nêm và

chén cơm bỗng trở nên ngọt ngào khi lùa vội cơm với miếng nước canh khổ qua dồn thịt, cá thát lát. Vị của khổ qua là đắng nhưng hậu ngọt. Ngon và biết thường thức là như vậy. Nếu dùng khổ qua trong việc chế biến thức ăn chay, thì cũng ngon tuyệt, nào là khổ qua dồn tàu hủ, bún tàu, nấu canh, hay kho. Khổ qua luộc, xào với trứng, tất cả đều ngon, đậm đà và dễ đưa cơm.

Cuộc đời đưa đẩy, món khổ qua thường là thực phẩm hằng ngày của cô. Khi miền Nam thay đổi màu cờ, cô là cô giáo tỉnh lẻ. Cái tỉnh Bình Dương của Việt Nam Cộng Hoà sát nhập với Bình Long, Phước Long để trở thành tỉnh Sông Bé của “Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa”. Ở “thời đồ đếu”, cái nghề giáo viên, lương tiền thì chỉ đủ húp cháo loãng, nghĩ mà uổng phí công cha mẹ dày công nuôi dưỡng và công của cô cũng đã miệt mài với chữ nghĩa, bằng cấp.

Những buổi chiều, một mình trên sân thượng của trường, nhìn về hướng Sài Gòn lòng cô nhớ nhà khôn xiết. Nhìn về hướng núi Tây Ninh, Bình Long thì lòng cô rối như tơ vò, tương lai mù mịt, xám đen như vùng núi xa xôi kia. Phía dưới hành lang của khu nội trú là những thửa ruộng rau cho mỗi đơn vị để trồng trọt, tăng gia. Bọn cô Nguyên là nhóm khoa học xã hội. Tất cả có bảy cô, bốn cô dạy văn, ba cô dạy sử địa. Trong bảy cô lại có đến bốn cô là dân Sài Gòn. Các tiểu thơ tiểu tư sản này lại là những kẻ không quen với lao động nặng. Cô Nguyên là người bị cười chế nhạo nhiều nhất khi cô vác cái cuốc chim, để lên giồng trồng khoai lang, hay đào ao để trồng rau muống. Nhưng để thi đua cải thiện, phòng xã hội cũng đạt được mục đích yêu cầu mà nhà trường đã đề ra. Sau này phòng xã hội được tuyên dương vì các cô có thêm giàn bầu, khổ qua của cô Ái và cô Nguyên, đám rau đắng của cô Hoà. Cô Ái là dân Quảng Ngãi, khôn lanh, mạnh mẽ, cũng có nhiều tài vặt như đánh đàn ghi-ta, làm thơ, viết văn và lao động cũng giỏi. Cô Ái đã khuyến khích cả phòng cùng nhau để dựng giàn trên những giồng khoai lang để trồng bầu. Phần cô Nguyên cũng gieo những hột khổ qua, cho chúng leo ăn có lên giàn bầu.

Bầu thiếu nước, bầu không có bụng...

Khổ qua không nước, khổ qua teo.

Rau muống, phân tro, xanh như mạ,

Rau đắng bon chen cũng ngẩng đầu.

Ngôi trường cô Nguyên dạy, thời 75, mới được xây dựng, nằm trên quốc lộ 13, trên đường đi Bến Cát. Sau lưng trường là đất rừng chưa khai phá. Trước cổng trường, phía bên kia quốc lộ là đồng ruộng, xa xa mới có một căn nhà dân, họ ở trong những căn nhà cũ đã mẩy chục năm tuổi, thường thường họ là những chủ vườn tiêu, vườn điêu. Ngôi trường nhà lầu hai tầng, khang trang, rộng rãi, gồm khu lớp học, khu nội trú của học sinh, khu cho cán bộ, thư ký, cấp dưỡng, giáo viên, cũng như có câu lạc bộ và khu nhà bếp. Trường này nằm giữa rừng, nhưng cũng có điện sáng vào buổi tối, máy điện chạy bằng dầu đến 10 giờ thì cúp, để học sinh đi ngủ. Nước ở vùng này rất hiếm, nhưng trường cũng có nước dùng tạm đú, bởi mỗi buổi chiều, máy rút nước từ dưới giếng lên. Nước tươi rau, đọng ở những ruộng rau muống là do nguồn nước thải từ các nhà tắm. Ruộng rau muống của phòng xã hội luôn luôn xanh vì lúc nào cũng đầy nước, do đó ruộng của chúng tôi thường bị xé bờ. Mỗi lần như vậy cô Ái thường vác cuốc để đắp bờ. Sở dĩ trường này có tiêu chuẩn cao như vậy là vì trường là cơ sở đào tạo tầng lớp của Đảng. Trường này của giai cấp Công Nông, nghe muốn điếc tai. Hiệu trưởng là đảng viên, bí thư Ba Hà, phó bí thư chuyên môn là Ba Nứa, phó bí thư văn phòng, “cán bộ khung” là Tám Hội. Đám học trò cũng là đảng viên, đầu hai thứ tóc, có chức cao, nhở mấy chục năm kháng chiến cướp miền Nam, trình độ văn hoá kém nên được đi học bổ túc. Còn đám học trò nhỏ, 14 tuổi trở lên là thành phần con liệt sĩ cũng theo học tại đây. Đám cấp dưỡng, chị nuôi là những giao liên trung kiên. Còn cô, thầy giáo, đa số là những sinh viên miền Nam, có lý lịch, “tiêu chuẩn A” mới được dạy trường này. Có một nhóm thầy giáo Bắc kỳ 75, những người này, họ ở một phòng, ngoài việc giảng dạy, họ sinh hoạt riêng, không dính dáng với nhóm thầy giáo miền Nam. Có lẽ như vậy mà các cô cũng ít tiếp xúc với họ. Đối với cô Nguyên, họ là những anh chàng xấu xí về hình dáng, giọng nói thì chói tai, lời lẽ thì hay phê bình khó nghe, cử chỉ thì thô kệch. Có lẽ vì miền Bắc nghèo nàn, cơ cực vì XHCN nên họ sống rất ít kỷ, ít có tinh thần hỗ trợ lẫn nhau. Thầy Hoàng dạy toán, mặt dài và hẹp như con bọ ngựa, lại có đầu tóc như bộ đội, thầy ta thường lê đôi dép râu, tay cầm dao, tay cầm rổ, để xin các cô phòng xã hội ít rau muống, để luộc cho bữa cơm chiều. Có nhiều lúc các cô xỏ lá mời các thầy Bắc ăn mướp đắng, thì cứ tự nhiên hái, còn rau muống đã hứa cho cấp dưỡng để nấu cho học sinh. Thầy Hoàng tiu nghỉu, cắp rổ không, quay về phòng và miệng cũng phân trần:

-Các cô chăm bón tro và nước, rau muống ngon quá, phòng của chúng tôi, ăn nhiều rau muống mà chẳng thấy nào chịu chăm sóc, chỉ toàn rau già, ăn dai nhách.

Khoảng 76, chúng tôi hưởng lương thực theo tiêu chuẩn. Gạo mốc, vụn thỉ 5 kg, thêm 10 kg khoai sắn, bột mì độn, 1kg muối hột đen. Thật là vô cùng cơ cực, muốn ăn ngon cũng không có tiền, vì đảng trả lương quá thấp, đồng tiền cũng bị mất giá, nếu không hà tiện, chúng tôi sẽ không có tiền về xe đò. Thật là quá khó khăn cho “kẻ sĩ”. Đúng là cũng nhở ruộng rau muống và giàn bầu, bí, khổ qua kia... “Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch”. Buổi điểm tâm thì sáng nào cũng có miếng bánh mì kẹp rau muống chan xì dầu. Buổi trưa ăn cơm với khổ qua luộc chấm chao. Buổi chiều lại ăn “nui” bột mì nấu với rau muống. Chúng tôi không có nước mắm, chỉ dùng nước muối làm nước nem hằng ngày. Tuổi trẻ chúng tôi, cứ sống nhởn nhơ, nghèo nàn. Ban ngày, lên lớp đủ 8 tiết, giảng bài khan cả cổ. Dạy Văn phải có hứng thì mới giảng được. Ai thì cô Nguyên không biết, riêng cô thì khi giảng bài cô thấy mình hình như lạc giọng, âm thanh lao xao, hình như lúc đó không phải là cô... Thế mà các cô cứ sống như thế, hơn được 5 năm, thì phòng xã hội tan rã. Cô Diệp theo chồng về Đức, cô Ái về Thủ Đức, cô Lo về Củ Chi, cô Hoà về Trưng Vương, cô Nguyên về quận Nhất, cô Ngọc về Bún, cô Vẹn về Gò Đậu (Bún, Gò đậu thuộc Bình Dương). Việc này xảy ra, hiệu trưởng Ba Hà đã phải lúng túng. Phòng Xã hội đánh du kích trận này, thắng lớn! Đối với cộng sản là như thế. Nếu mà để chúng biết, kế hoạch sẽ bị kiểm thảo và sẽ bị trù dập. Cô Nguyên về Sài Gòn, vừa đi làm thống kê giáo dục cho các trường học cho quận Nhất, vừa dạy thêm cho công ty thuốc Roussell, công ty thuốc sát trùng, cũng vừa đi buôn bán lẻ ở chợ Bến Thành. Đầu óc cũng thông thả hơn, cô không còn phải đọc lén lút thư của người cô yêu gửi từ trại tù miền Bắc về.

Cô còn nhớ, ngày chàng chuyển trại từ Bắc vào Nam, chàng của cô tập trung ở Z30C, cô cũng hành trang đi thăm. Sáng khởi hành từ 3 giờ sáng trên chuyến xe đò, mà bến tập trung ở đường Phạm Viết Chánh, gần bệnh viện Từ Dũ. Chuyến xe gấp ghênh, bò như con rùa trong sương khuya. Đến 10 giờ sáng thì đến rừng lá, trình giấy tờ thủ tục, tận đến 12 giờ thì mới được gặp mặt thân nhân, nói được có vài câu, nước mắt đã chảy dài. Gặp nhau được chừng nửa tiếng, rồi lại chia tay, nồng trưa oi bức, nhưng lòng mọi người hình như lạnh lẽo, buồn ly biệt, không ai thấy đói dù từ khuya đã chưa có gì ăn bụng.

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

Xe chuyển bánh để đưa thân nhân về lại Sài Gòn, người đi, kẻ ở, ai ai lòng cũng buồn rầu, chiếc xe nặng nề vì xe buôn thêm than, gạo, nếp, đậu... Đến ngã ba ông Đồn thì trời vừa tối. Xe mồi ngừng để mọi người đi vệ sinh, ăn uống. Cô Nguyên lòng dạ như tơ vò, không thấy đói, nhưng cô cũng đã ăn một trái khổ qua nấu canh. Böyle giờ, sum họp bên nhau, mỗi khi ăn canh khổ qua cô đều nói với thầy:

-Canh Khổ qua là canh tình nghĩa, khi em đi thăm anh, chỉ nhai canh khổ qua cho qua cơn đói và mệt, không có ăn thêm một hột cơm nào!

Lại một lần, cũng vì canh khổ qua mà cô Nguyên cũng trở thành kẻ có tội, khi Ba cô thích tô canh khổ qua nêm thêm ít muối, mà Ba cô chỉ được phép ăn nhạt sau cơn nǎm bệnh viện 6 tháng. Ông đã tự ý bỏ thêm muối vào tô canh, và cô đã đem chuyện này nói lại với mẹ, thế là Ba cô, đã bỏ đi lên nhà truớc, ông đã giận và không ăn món canh ông thích. Böyle giờ gần 30 năm qua, cô vẫn còn nhớ đôi mắt giận hờn của Ba khi ông nhìn cô mà không nói...

Len vào những lối đi, đầy ắp hàng Tết, cô Nguyên đẩy xe vào chợ. Làm nội tương thật khổ, đầu óc cũng phải tính toán đâu vào đấy, để đủ cho kinh tế gia đình... Thịt kho, dưa giá, dưa chua, măng kho, chả giò, cari, bánh mì, bánh té, dưa món, gỏi gà luộc, cháo gà, chả lụa-xôi vò, dưa hấu, mứt, bánh in, mâm ngũ quả cho cúng giao thừa.. Đầu chưa nhỉ...?

-Khổ qua hôm nay ngon, trắng, rẻ, chỉ có 65 cent. Đầu năm mà ăn khổ qua, không kiêng cử à?

Tiếng ai như giọng chị Hoàng Daisy. À thì ra chị cũng đang lựa khổ qua. Hằng ngày chị thường nấu canh khổ qua cho những buổi cơm gia đình. Cô Nguyên đã đặt cho biệt danh cho người bạn láng giềng vui tính này là “Hoàng Khổ Qua”.

-Không kiêng cử gì cả, tôi cũng nấu món canh khổ qua thịt cá thát lát Tết này. Hai chục năm nay rồi, Tết mình trên xứ Mỹ, như không có Tết.

Chiều 30, Cô Nguyên lui cui nấu nướng một mình với

các món ăn cô đã chuẩn bị cho bữa cơm rước ông bà. Lúc nào cô cũng một mình. Con cô, đứa thì đi học, đứa thì đi làm, chồng cô cũng còn trong häng xưởng... Thức ăn đã xong, cô dọn ra bàn, toàn là những món ăn giống như ngày nào mẹ cô đã làm, bốn mươi năm về trước. Món cuối cùng cô cũng trịnh trọng bưng lên, món cơm trắng và canh khổ qua, nước canh trong, có điểm hành xanh, tiêu thơm, bốc khói lảng đãng.

Mùi khói nhang, mùi trầm, mùi bông hoa, mùi thức ăn hoà quyện trong hư không.

...Và hình như có đôi mắt buồn, hiền từ, tha thứ của Ba cô ẩn hiện trong gian nhà chiều ba mươi Tết...

Hoa Trạng Nguyên

HOA TƯ TUỞNG

* *Một chương trình tốt cho hôm nay thì hơn một chương trình hoàn hảo cho ngày mai*

Gorge S Patton

* *Tại sao phải nhắc lại sai lầm cũ, nếu còn phạm quá nhiều những sai lầm mới*

Bertrand Russel

* *Kẻ dại đi tìm hạnh phúc nơi xa, người khôn vun trồng nó ngay dưới chân mình*

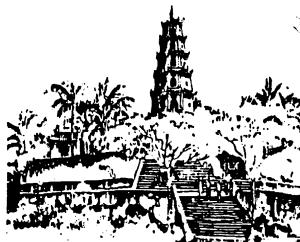
James Oppenheim

* *Không phải giàu có hay cao sang tạo hạnh phúc, nhưng chính là sự tinh lặng và công việc*

Thomas Jefferson

LÊN NÚI NGHE CHUÔNG NGÂN

Tặng Bạch Yến, các con và các cháu



Không Đạt

*Lên núi nghe chuông ngân
An lạc trong tâm thần
Nhìn mây giăng đâu núi
Lòng chợt thấy lâng lâng*

*Lên núi nghe chuông ngân
Ngõ lạc xa hồng trần
Mến cảnh chùa tĩnh mịch
Đời bõng nhẹ bước chân*

*Lên núi nghe chuông ngân
Đời tĩnh mơ bao lân
Nỗi chìm trong huyền mong
Sao lầm lúc bâng khuâng*

*Lên núi nghe chuông ngân
Bờ giác xa hay gần
Đường tu xa thăm thăm
Bao giờ ngộ chữ Không?*

Không Đạt
Byodo-In Temple, Hawaii, 11-2010

THƠ XƯỚNG HỌA

Đặng Đức Bích phụ trách

Bài Xướng

SÀI GÒN HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG



*Trải bao thế kỷ vẫn Sài Gòn
Hòn ngọc khoe màu với nước non
Đã trót nhuộm chàm vườn trẻ thắm
Lại còn bối nhợ bức tranh son
Mị dân đổi chủ không thành có
Đổi trả thay ngôi mất lại còn
Thành phố trả về cho xứ sở
Trải bao thế kỷ vẫn Sài Gòn*

Triều Phong Đặng Đức Bích

Bài Họa

(Sắp theo thứ tự thời gian nhận bài)

Bài Họa 1

NHỚ SÀI GÒN

*Trong tim tôi mãi nhớ Sài Gòn
Hòn ngọc Viễn Đông với nước non
Tà áo Gia Long, lòng chợt mát
Sân trường Đại học, gót chân son
Nam Kỳ khởi nghĩa: tiêu tan tất
Công lý, tự do: cũng chẳng còn
Cường bạo, Chí nhân Trời thường phạt
Trong tim tôi mãi nhớ Sài Gòn*

Thái Tấu



Bài Họa 2

SÀI GÒN THÂN THƯƠNG

*Thân thương hai tiếng gọi Sài Gòn
Số phận thăng trầm với nước non
Tiên tổ dày công xây dựng được
Cháu con gắng sức điểm tô son
Nam quan đổi chủ kêu không mệt
Hải đảo thay tên hỏi có còn?
Danh tánh sơn hà dần xóa bỏ,
Thân thương hai tiếng gọi Sài Gòn*

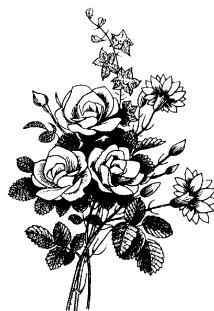
Ngô Đình Phùng

Bài Họa 3

SÀI GÒN MUÔN THUỐ

*Muôn đời mãi mãi gọi Sài Gòn,
Thế cuộc xoay chiều vận nước non.
Thành phố vang danh nơi lịch lâm,
Viễn đông nổi tiếng chốn vàng son.
Ông cha thuở trước công xây dựng,
Cháu chắt đời sau quyết sống còn.
Chuyển chủ thay tên đen đổi trắng,
Muôn đời mãi mãi gọi Sài Gòn.*

Nguyễn Vũ



Bài Họa 4

SÀI GÒN MÃI TRONG TA

*Gãm càng luyến nhớ cảnh Sài Gòn
Từ thuở gắn liền với nước non
Thế cuộc đổi thay, không mất biệt
Địa danh ghi khắc, mãi vàng son
Vững tin quê Mẹ, đang hồi phục
Nhất quyết Thủ đô, vẫn sống còn
Phiên bạc đâu phai tình cố quận
Trong ta ôm ấp mãi Sài Gòn*

Huyền Vũ Lê Văn Huyêñ

Bài Họa 5

CHUYẾN ĐI LĂNG LẼ

*Chuyến đi lặng lẽ giữa Sài Gòn
Hổ với gia đình, hẹn nước non
Bước tới, đau lòng người vận bĩ
Trông vời, úta lệ kẻ lòng son
Đã thề chối bỏ đời u tối
Là quyết xem khinh chuyến mất còn
Năm tháng nhạt nhòa, tôi vẫn nhớ
Chuyến đi lặng lẽ giữa Sài Gòn*

Nguyễn Công Hoàng



Bài Họa 6

NGÀ Y XƯA BẾN NGHÉ
NAY SÀI GÒN

*Ngày xưa Bến Nghé, nay Sài Gòn
Ai đã nghe chặng tiếng nǚ non
Tùng, Cúc thời nào khoe sắc thăm
Mai, Lan thuở ấy động lòng son
Đổi tên mặc kệ, dân đâu có
Thay chữ ô hay, nghĩa vẫn còn
Trả lại phồn vinh cho nước Sở
Ngày xưa Bến Nghé, nay Sài Gòn*

Nguyễn Thế Giác

Bài Họa 7

SÀI GÒN CÒN MÃI

*Chiều xuân đất khách nhớ Sài Gòn
Biểu tượng kiêu hùng của nước non
Quê Mẹ triền miên cơn khói lửa
Thân trai vẹn giữ tấm lòng son
Với trông hào kiệt như sao sớm
Thương cảm dân gian nỗi mất còn
Vận nước hanh thông thời thế đổi
Trăm ngàn năm vẫn gọi Sài Gòn*

Bùi Thúc Khán



Bài Họa 8

SÀI GÒN

*Miền Nam đẹp nhất ở Sài Gòn
Thành phố Thủ Đô rạng nước non
Do bời thay tên toàn sắc đỏ
Tại vì đổi chữ hết vàng son
Tự do kiếm mãi không đâu có
Công lý tìm hoài chẳng chút còn
Trả lại nguyên xưa cho đúng nghĩa
Mai sau con cháu nhớ Sài Gòn*

Nguyễn Công Lượng

Bài Họa 9

SÀI GÒN TRONG TA

*Xuân tha hương chợt nhớ Sài Gòn
Dâu cúc, cành mai, hoa cỏ non
Hòn Ngọc sáng ngời nhiều thế hệ
Viễn Đông vàng chói tựa hoa son
Thủ Đô một thuở niềm hy vọng
Đất Việt ngàn năm tiếng vần còn
Hồn nước linh thiêng, nguyên đổi chủ!
Mai ta về lại chốn Sài Gòn*

Cù Hoà Phong



Bài Họa 10

HÒN NGỌC SÀI GÒN

*Viễn Đông hòn ngọc vân Sài Gòn
Khoe sắc đua màu giữa núi non
Rạng rỡ Năm Châu dung mạo quý
Chói ngời Đại Á nết tình son
Trải bao năm tháng an bình vững
Suốt bấy thời gian phẩm cách còn
Đổi mặt thay tên trò dối giả
Viễn Đông hòn ngọc vân Sài Gòn*

Kiều Lam Nguyẽn Công Luận

Bài Họa 11

SÀI GÒN

*Miền Nam đẹp nhất ở Sài Gòn
Thành phố Thủ Đô rạng nước non
Do bởi thay tên toàn sắc đỏ
Tại vì đổi chữ hết vàng son
Tự do kiếm mãi không đâu có
Công lý tìm hoài chẳng chút còn
Trả lại nguyên xưa cho đúng nghĩa
Mai sau con cháu nhớ Sài Gòn*

Nguyẽn Diêu

Bài Họa 12

SÀI GÒN VÂN ĐÓ



*Thay đổi đổi lại cũng Sài Gòn
Hanh diện giữa trời với nước non
Thế kỷ có hơn gìn tiết tháo
Trăm năm dư lè giữ vàng son
Minh châu đất Việt luôn ngời sáng
Hòn ngọc Viễn đông mãi sống còn
Đẫu có trời long hay đất lở
Thủ đô yêu dấu vẫn Sài Gòn*

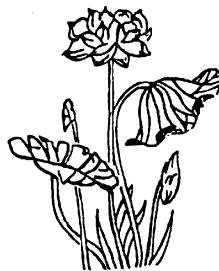
Nhất Dạ

Bài Họa 13

SÀI GÒN MUÔN THUỞ

*Không khôn mới xóa chữ Sài Gòn
Tên đẹp lòng người, hợp nước non
Hòn Ngọc không còn tên luyến mến
Thành Đô mất hẳn chữ vàng son
Tên xưa hiện tại dù đang mất
Chữ cũ tương lai sẽ mãi còn
Hãy trả tên về cho đất nước
Không khôn mới xóa chữ Sài Gòn*

Hữu Lê



Bài Họa 14

NHỚ VỀ SÀI GÒN

*Thủ đô Nam Việt ở Sài Gòn
Muôn thuở vang rền khắp nước non
Hòn ngọc viễn đông luôn sáng giá
Danh lam thắng cảnh mãi tô son
Đô thành phát triển giàu thêm có
Làng xóm phồn vinh mất vẫn còn
Dân chúng ngậm ngùi khi cưỡng chiếm
Thủ đô Nam Việt ở Sài Gòn*

Mỹ Vân

Bài Họa 15

NHỚ SÀI GÒN

*Bao năm xa cách nhớ Sài Gòn
Lưu lạc quê người lúc trẻ son
Trở lại nhà xưa đường phố cũ
Quay đầu hồi tưởng tháng ngày son
Tự Do thời ấy vui chân bước
Công Lý giờ đây đã chẳng còn
Đất mẹ thênh thang lòng lạc lõng
Bao năm xa cách nhớ Sài Gòn*

Chu Hà

CHUYỆN CÁC PHO TƯỢNG THỜI TÂY SƠN

■ Trang Xuyên

Tính từ lúc anh em nhà Tây Sơn phất cờ khởi nghĩa cho đến nay dòng lịch sử Việt Nam đã trải qua 239 năm. Trải qua khoảng thời gian khá dài như vậy, đất nước và dân tộc chúng ta đã phải gánh chịu quá nhiều đau thương, mất mát do những cuộc nội chiến và chiến tranh chống ngoại xâm. Những di tích, di vật lịch sử của các triều vua, các chế độ chính trị cũng chịu chung số phận đó! Riêng về những di tích, di vật về nhà Tây Sơn phải chịu một số phận khắc nghiệt hơn, do bị hủy diệt vì lòng hận thù nhỏ nhen của Gia Long. Do đó, việc phát hiện ra những di vật có tính cách lịch sử liên quan đến nhà Tây Sơn rất là hiếm hoi. Trong số những di vật hiếm hoi đó có hai tượng phật và một tượng Quan Thánh hiện nay vẫn còn. Các tượng này trước năm 1978 được thờ tại Chùa Phước Sơn, toạ lạc tại thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú huyện Tây Sơn, Bình Định ngày nay. Chùa này do nội tổ của tướng Võ văn Dũng là ông Võ Văn Thọ xây dựng. Nhưng số phận những pho tượng này thật oái oăm! Thay vì được tiếp tục thờ phụng một cách tôn nghiêm tại ngôi chùa đầu tiên được dâng cúng, ngày nay các pho tượng này “bị” đem trưng bày tại nhà Bảo tàng Tây Sơn như những hiện vật lịch sử khác. Điều này đi ngược lại sự tín ngưỡng của phật tử địa phương, những người đã từng đem mạng sống của mình và bao công lao cố bảo vệ các pho tượng đó để được tồn tại cho đến ngày nay.

I.-Nguồn gốc 3 pho tượng :

Theo lời kể lại cho con cháu biết, ông Võ văn Thiều (tục gọi là Phụng Bính), và ông Võ Hoàng (tục gọi là Giám Dật) là cháu đích tôn đời thứ 8 và thứ 9 của họ Võ (tính từ Võ

văn Dũng), thì nguồn gốc 3 pho tượng đó như sau: Cả ba pho tượng đều do tướng Võ văn Dũng đem từ Bắc Hà về, trong đó riêng tượng Quan Thánh được tướng Võ văn Dũng mua từ Quảng Đông trong khi ông đi sứ sang Trung quốc. Còn 2 tượng phật bằng gỗ mít là tặng vật của một vị tướng(mà quê hương vị tướng này là một làng quê ở Bắc Hà chuyên tạc tượng bằng gỗ mít) đã tặng tướng Võ văn Dũng để đem về nam, dâng cúng vào chùa Phước Sơn do nội tổ tướng Võ văn Dũng lập ra..

Chi tiết này chỉ được kể lại cho con cháu, chứ không có ghi lại trong gia phả họ Võ. Chúng ta không thể đoán được vị tướng nào là bạn của Võ văn Dũng đã tặng ông những pho tượng phật này

Theo sử liệu cũng như theo lời kể lại của con cháu họ Võ có sự ăn khớp với nhau về tượng Quan Thánh. Đúng là vào tháng 4 năm Nhâm Tý (1792)Võ văn Dũng cùng Nguyễn Quang Thùy, Phan Huy Ích, Võ Huy Tấn đưa giả vương Phạm Công Trị sang Yên Kinh chúc thọ vua Càn Long, nhà Thanh. Như vậy, chúng ta có thể kết luận ba pho tượng thờ trong chùa Phước Sơn từ năm 1978 trở về trước đúng là di vật có nguồn gốc rõ ràng, đã được Võ văn Dũng đích thân đem từ Bắc Hà về nam dâng cúng vào chùa Phước Sơn. Cả ba pho tượng đã có mặt trong chùa Phước Sơn sau ngày Võ văn Dũng theo sứ bộ trở về nước năm 1792

Theo tập Kỷ yếu có tên là Tây Sơn Bình Định của Hội nghị nghiên cứu phong trào nông dân Tây Sơn và anh hùng Nguyễn Huệ do Ty Văn Hóa Thông tin Nghĩa Bình ấn hành năm 1978 cũng công nhận 3 pho tượng này có từ đời Tây Sơn (trang 124, sđd)

II.-Chùa Phước Sơn và những thăng trầm:

Sự hình thành và tồn tại của chùa Phước Sơn có thể chia ra làm các giai đoạn sau:

1/Từ lúc được lập nên đến năm 1945: Theo gia phả họ Võ (được Võ thừa Khuông, cháu 9 đời tính từ Võ văn Dũng, viết lại dựa theo bản gia phả viết bằng chữ Hán) và theo thầy Thích Thanh Hiển, trụ trì chùa Phước Sơn hiện nay, thi

chùa Phước Sơn được cụ Võ văn Thọ, nội tổ của tướng Võ văn Dũng lập nên khoảng đầu thế kỷ 18, tại xóm Phú Lộc, thuộc ấp Phú An, tổng Thời Đôn, huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn (hiện nay là thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định) Chùa nằm trên khu đất thuộc quyền sở hữu của gia đình họ Võ. Phía đông, trước mặt chùa là một cánh đồng thuộc thôn Phú Thọ, kéo dài đến tận đồng Cây Da Dù thuộc thôn Phú Hiệp. Phía nam chùa, cách một vài khoảnh đất thở là một nhánh mương thuộc hệ thống mương của đập Lộc Đỗng dẫn nước từ Hầm hô đến các thôn Phú Thọ, Phú Hiệp, Phú Xuân. Phía tây và tây nam chùa là Rộc Bàu, một vùng ruộng sâu, đã được gia đình họ Võ đào con mương chảy ngang qua thôn Phú Mỹ (gọi là Mương Ngang) khai úng cho vùng ruộng này, biến thành vùng ruộng rộc tốt, có thể cấy được nếp. Phía bắc chùa là con đường mới làm, nối liền thị trấn Phú Phong và Khu Du Lịch Sinh Thái Hầm Hô.

Trong thời gian trên 2 thế kỷ này, chắc chắn là chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu mà chúng ta không thể biết được vì trong gia phả họ Võ không có đề cập đến. Cho đến tháng 8 năm 1945, chùa Phước Sơn là một ngôi chùa được xây bằng gạch, lợp ngói, móng bằng đá ong.

2/Từ năm 1945 đến năm 1960: Sau tháng 8 năm 1945, theo lệnh tiêu thổ kháng chiến của Việt Minh, tất cả các đình, chùa, am, miếu đều bị đốt sạch. Trong một đêm, riêng tại thôn Phú Mỹ, cán bộ Việt Minh đã ra lệnh cho dân quân thôn Phú Mỹ đốt miếu Phú Mỹ và chùa Phước Sơn. Phật tử trong thôn hay tin chạy đến để cố cứu các pho tượng quý đó ra khỏi chùa đang ngập trong biển lửa. Ông Trần Khai, tục gọi là Biện Khai đã quên cả tính mạng mình, xông vào lửa cứu được ba pho tượng quý đó. Ngày hôm sau, phật tử thôn Phú Mỹ dưới sự lãnh đạo của các phật tử có danh vọng tại địa phương như các ông: Nguyễn Thuật, (cựu lý trưởng làng Phú Phong, tục gọi là ông Xã Hùng), ông Trần Phương, (tục gọi là ông Bầu Châu), ông Trần quang Trí (tục gọi là ông Ba Phê) đã quyết định cất tạm ngay một chùa mới bằng mái tranh, vách đất trong vườ xoài của ông Nguyễn Thuật thuộc vùng Gò sộp, cách nền chùa cũ chừng 2 km về hướng tây nam. Chùa mới nằm trong vườ xoài rậm rạp sát chân núi, xa khu dân cư, vừa che mắt người tò mò,

vừa che tầm nhìn của máy bay Pháp vẫn thường bắn phá các mục tiêu nghi là của Việt Minh. Ba pho tượng liền sau đó được đem về an vị dưới mái chùa mới nghèo nàn, nhưng vẫn được phật tử trong thôn tiếp tục hương khói chiêm bái. Sau đó ít lâu, nền chùa cũ được cán bộ Việt Minh cho lệnh san bằng và cất lên đó một căn nhà dài cũng bằng mái tranh, vách đất để làm trụ sở làm việc của xóm 1, thôn Phú Mỹ (tên gọi chính thức là Trụ sở Trung 1, thôn Phú Mỹ)

3/Từ năm 1960 đến năm 2004: Năm 1954, Việt Minh tập kết ra bắc, chính quyền quốc gia tiếp thu miền nam, tự do tín ngưỡng được phục hồi. Tuy chùa Phước Sơn trong thời điểm này đã được trùng tu, tạm thời đã có vẻ khang trang hơn trong cảnh nghèo, nhưng vẫn còn ẩn trong vườn xoài vùng Gò Sôp. Mãi đến 6 năm sau, nhờ sự ra công vận động nhiều năm của ông Nguyễn Thuật, chính quyền quốc gia địa phương nhận giúp đỡ, và Hòa thượng Thích Huệ Chiếu, trụ trì Tổ đình Thập Tháp ở An Nhơn đã chứng minh lẽ tái thiết chùa Phước Sơn mới trên nền chùa cũ vào năm 1960. Và cũng từ đây, ba pho tượng lại được dời về thờ dưới mái chùa mới tường vôi, mái ngói đàng hoàng. Tổ đình Thập tháp giao cho thầy Sáu, (không rõ pháp danh) về trụ trì chùa Phước Sơn sau khi chùa hoàn tất việc tái thiết

4/Từ năm 2004 đến nay: Trải qua hơn 40 năm, chùa Phước Sơn đã bị hư hại khá nhiều. Ngày 9/2/2004 thầy Thích Thanh Hiển, trụ trì chùa Phước Sơn đã ra cáo bạch, vận động phật tử trong và ngoài nước đóng góp tiền bạc để trùng tu lại chùa. Tại Canada, Võ đình Trí, một hậu duệ thuộc đời thứ 10 của Võ văn Dũng đã ra công vận động và quyên góp được một số tiền khá lớn, gởi về, để một lần nữa trùng tu chùa. Lần này chùa Phước sơn nguy nga, tráng lệ hơn ,như bao chùa khác trong khắp nước nhờ tiền bạc của phật tử khắp thế giới gởi về.

II.-Những thăng trầm của ba pho tượng chùa Phước Sơn:

Sau khi miền nam lọt vào tay cộng sản , ngày 6/6/1977 đảng ủy tỉnh Nghiã Bình (gồm có Quảng Ngãi và Bình Định sát nhập lại) đã ra quyết định số 318/QĐ/TV-TU nhằm “thu gom

các hiện vật mang tính cách lịch sử từ thời Tây Sơn để đem về trưng bày trong nhà Bảo tàng Tây Sơn và cung cấp dữ liệu cho trung ương”. Nhà bảo tàng này được cất lên trên nền Điện Tây Sơn cũ, dựng lên trong thời chính phủ quốc gia. Để xoá hết mọi tàn tích của chế độ cũ để lại, Điện Tây Sơn bị san bằng. Văn bia do thi sĩ Quách Tấn phụng soạn kể công đức nhà Tây Sơn, khắc trên đá cẩm thạch, dựng trước điện cũng chịu chung số phận. Tượng đồng bán thân vua Quang Trung đặt trước điện cũng biến mất! Dưới mắt cán bộ đảng những gì “nguy quyền” làm ra cũng đều là phản động, chỉ có đảng mới có được đặc quyền vinh danh anh hùng dân tộc!

Trong chiến dịch này, từ đường họ Võ thờ Võ văn Dũng, từ đường họ Bùi thờ Bùi thị Xuân, chùa Phước Sơn đều được chính quyền tận tình chiêu cố. Lấy danh nghĩa là “mượn” đem về trưng bày trong ngày khánh thành nhà bảo tàng, chính quyền tỉnh Nghĩa Bình đã cử cán bộ Ty Thông Tin Văn Hóa tỉnh, phối hợp cùng công an huyện và công an xã lần lượt đến 3 nơi này đọc công văn “mượn” các vật thờ trong hai từ đường và 3 pho tượng ở chùa Phước Sơn. Theo lời kể lại của thầy Sáu, trụ trì chùa Phước sơn ,việc “mượn” 3 tượng phật diễn tiến như sau:

Sáng hôm ấy trong lúc thầy đang ở trong chùa, chú điệu chạy vào báo có công an áo vàng đến muộn gấp thầy. Linh tính báo cho thầy biết có chuyện chẳng lành sắp xảy xa. Thầy bảo chú điệu mời công an vào chùa và mời nước, xong thay vội áo vào tiếp khách.Khách gồm có 3 vị : 2 công an, một của huyện, 1 của xã, và 1 cán bộ Ty Thông tin văn hóa tỉnh. Họ trao cho thầy công văn của tỉnh “mượn” tạm 3 pho tượng về trưng bày trong dịp lễ khánh thành nhà bảo tàng, xong lễ sẽ đem trả lại. Thầy lấy cớ kém mắt nhở họ đọc công văn. Nghe xong thầy tự nghĩ, nếu cho mượn 3 pho tượng, chùa còn đâu tượng chính để phật tử chiêm bái, mà không cho mượn cũng không xong. Thầy bèn nghĩ ra một kế hoãn binh và nói với 3 vị khách “đi mượn có đem theo súng để thị uy “rằng :”mời quý chú uống nước, để tôi làm lễ tắm 3 ngài xong sẽ để quý chú thỉnh các ngài đi”. Ý của thầy Sáu là muốn thỉnh ý thánh thần trước khi để công an “giải” 3 pho tượng đi. Thầy vào ngay chính điện bái phật và ngài Quan Thánh, niêm xin một quẻ xem lành hay dữ. Thầy bốc được xăm có câu: ”nhứt phàm phong thuận” (có nghĩa là “một cành buồm

thuận gió”). Thôi rồi, một đi không trở lại! Thầy rơm rớm nước mắt khóc trong khi cùng chú điệu làm lễ tắm 3 pho tượng. Xong lễ, công an bắt thầy ký vào biên bản đồng ý cho mượn 3 pho tượng đó, rồi dùng xe đã chờ sẵn chở 3 pho tượng về nhà bảo tàng Tây Sơn.

Đúng như quẻ xăm thầy Sáu đã xin, 3 tượng phật đã từ giã ngôi chùa thân thương vĩnh viễn, vì từ ngày ấy đến nay đã hơn 32 năm, ba pho tượng quý ấy không được ai đốt cho nến hương chiêm bái, an vị ở đó như bao hiện vật tầm thường khác mà chính quyền đã thu thập được, rồi tự tạo ra những huyền thoại gắn vào những vật tầm thường đó.

Theo lời kể của anh Võ văn Diệu, cháu đích tôn đời thứ 10 của họ Võ hiện đang phụng tự từ đường họ Võ, thì tại từ đường này, cũng ba cán bộ đó đã lấy đi phiến đá mà gia đình họ Võ đặt trước hiên nhà khách để mùa mưa khách đến thăm có chỗ đứng rửa chân bùn trước khi bước vào nhà. Viên đá này đã được cán bộ nhà bảo tàng Tây Sơn gắn cho một huyền thoại bằng một bảng ghi chú : ”Tướng Võ văn Dũng đã từng mài gươm trên phiến đá này”!

Nhân đây cũng xin vạch ra những sai sót mà những người tự cho mình độc quyền suy tôn anh hùng dân tộc đã làm, khi thực hiện Quyết định 318/QĐ/TV-TU ngày 6/6/1977 của UBND tỉnh Nghĩa Bình

Trong bài “Kết quả công tác sưu tầm di tích lịch sử và văn vật về phong trào Tây Sơn”, đăng trong Kỷ yếu Tây Sơn Nguyễn Huệ do Ty Văn Hóa và Thông tin Nghĩa Bình xuất bản năm 1978, Trưởng Ty Văn Hóa Thông tin Nghĩa Bình là Nam Hà đã viết sai các địa danh lịch sử:

-Trang 117, dòng 22, 23 viết :” Cách thị trấn Phú Phong 8 km về phía đông có dấu tích đập Lộc Đỗng (xứ Đồng Hươu),.....”

Rõ ràng là “anh mù nói mơ”!

Cách Phú Phong 8km về phía đông là thôn Lai Nghi, thuộc xã Bình Nghi, chẳng có dấu tích gì về đập Lộc Đỗng cả!

Lộc Đỗng là địa danh chỉ một vùng thung lũng và đồng bằng nằm giữa hai dãy núi (một bên là dãy núi Xà Kính, Chớp Vàng, Xà Cù chạy theo hướng Tây Nam, Đông Bắc; một bên là dãy núi làm ranh giới giữa 2 xã Bình Phú và Bình Tường ngày nay, chạy theo hướng Bắc nam. Hai dãy núi gặp nhau tại Đồng Dội, thuộc thôn Phú Mỹ). Vùng này có hình tam giác có 3 đỉnh là : Đồng Dội (đỉnh phía tây nam), thôn Phú Hoà (đỉnh phía đông) và thị trấn Phú Phong ngày nay (đỉnh phía tây). Vùng này còn gọi là Đồng Hữu (theo Quách Tấn trong Nước non Bình định, chữ HỮU không có Ô vì Bình định không gọi con nai là con HƯƠU như người Bắc), có sông Đồng Hữu (còn gọi là sông Đá hàng) chảy qua. Trong thời Mai xuân Thưởng chống Pháp tên Lộc Đỗng chỉ căn cứ kháng chiến đặt bắn doanh tại vùng này, cùng với tên Linh Đỗng, chỉ mật khu nơi nghĩa quân rút về cố thủ, nay thuộc vùng Đồng Le, nằm về phía tây Hầm Hô.

Còn đập Lộc Đỗng, theo gia phả họ Võ, do nội tổ Võ văn Đỗng là Võ văn Thọ xuất tiền bạc ra xây đắp, bằng đất, đá và bồi, đem nước tưới cho đồng ruộng thôn Phú Mỹ và các thôn Phú Thọ, Phú Hiệp, và Phú xuân. Về sau có hai vị con cháu nhà Lê là Lê Kim Bôi và Lê Kim Bảng giúp hoàn chỉnh hệ thống đập này. Dấu tích xưa còn lại tại địa đầu suối Hầm Hô là những đoạn kênh đục vào đá làm mương dẫn nước, sâu khoảng 3m và rộng khoảng 5m. Cạnh bờ kênh đá này còn có dinh thờ hai vị tiền hiền này. Ngày nay, miệng đập đã được xây bằng xi-măng thay cho cát, đá và bồi.

-Trang 124, dòng 18 và 19 chép :..... ”chùa Phước Sơn thuộc thôn Phú THỌ, xã Bình Phú.....”. Thay vì phải chép là thôn PHÚ MỸ thì ngài trưởng ty đã chép sai là thôn Phú Thọ!

-Trang 125, từ dòng 9 đến dòng 12 cho rằng Hòn Dũng thuộc thôn Phú Mỹ cũng hoàn toàn sai! Hòn Dũng thuộc xã Bình Tường, bên kia sông Đá Hàng (còn gọi là sông Đồng Hữu, hoặc sông Hầm Hô). Từ Phú Mỹ đến Hòn Dũng phải qua bến Sông Sáu hoặc qua bến Đá Giăng để đến thôn Hạnh Lâm, thuộc xã Bình Tường, rồi phải đi bộ một quãng đường dài nữa mới tới Hòn Dũng. Còn một con đường khác có thể từ Phú Mỹ đến Hòn Dũng là vượt qua đèo Trưởng Lưu, thuộc xóm Đồng Lầy, thôn Phú Mỹ để sang địa phận xã Bình Tường, từ đó đến

Hòn Dũng còn phải qua một đoạn đường khá dài nữa.

Tập kỷ yếu này có trang đính chính, nhưng không thấy đính chính các sai lầm nêu trên, chứng tỏ sai sót này không phải từ một “ngài trưởng ty thông tin văn hoá của tỉnh” mà là cả tập thể ban biên tập quyền ký yếu kia. Đây là việc làm tắc trách, thiếu khoa học, hay đó chỉ là do sự ngu dốt?!

Ôi! thật đáng thương cho số phận của 3 pho tượng có giá trị lịch sử quý giá ấy! Những pho tượng đã từng được những bàn tay thiện nghệ xứ bắc tạc thành, từng lưu dấu những bàn tay của vị anh hùng dân tộc Võ văn Dũng, từng được những phật tử liều thân bảo vệ; từng được bao bàn tay của nhiều vị sư kính cẩn lau tẩm trải hơn hai thế kỷ qua.

Phật tử thôn Phú Mỹ đã nhiều lần làm đơn xin lại 3 pho tượng về chùa Phước Sơn, nhưng cho đến thời điểm này, 3 pho tượng ấy vẫn còn ngồi làm vì tại Bảo tàng Quang Trung cho mọi người đến để dòm qua, chứ không phải để chiêm bái.

Xin tha thứ những lời cuối. Bài viết này tuy có dựa trên người thật, việc thật xảy ra trong khoảng thời gian 65 năm tính từ 1945 đến ngày nay, nhưng không có đủ chứng cứ xác đáng để được xem như một tài liệu khả tín góp phần làm sáng tỏ một di tích lịch sử cùng với những di vật lịch sử có từ thời Tây Sơn. Chúng tôi chỉ là một nhân chứng địa phương muôn qua bài này nhằm gởi đến quý đồng hương một thông điệp cho biết rằng tại quê hương chúng ta còn có một ngôi chùa với những di vật lịch sử có từ thời Tây Sơn đáng được quan tâm nghiên cứu để đưa di tích cũng những di vật lịch sử quý giá này vào đúng chỗ trong lịch sử.

Bắc Cali những ngày nhớ quê,

Trang Xuyên

RỪNG VÀNG BIỂN BẠC

■ Đỗ Hùng



Q

uê tôi nằm cạnh biển đông
Thiên nhiên cảnh đẹp người trông nghĩa tình
Trường Sơn cao ngút trời xanh
Chạy dài Nam Bắc như thành trì cao
Tài nguyên khoáng sản dồi dào
Là cửa đất nước tương lai dân giàu
Biển đông xanh biết mốt màu
Hải sản đủ loại còn đâu chạy xe
Bình nguyên lúa trái sum sê
Còn nhiều màu phụ Thu về dân no
Tài nguyên phong phú trời cho
Rừng vàng biển bạc là kho gia tài
Tiền nhân để lại hậu lai
Canh tân đất nước tương lai phú cường
Nhưng ôi bài học nhà trường
Bây giờ thời thế khác thường sử Danh
Rừng vàng để cho đàn anh
Tự do khai thác núi xanh trọc đầu
Biển bạc cũng để cho Tàu
Hải quân bọn chúng đâm tàu ngư dân
Bắt người đồ tiền thuộc thân
Hải sản ngư cụ chúng mần sạch trơn
Hành động hải tặc y-bon
Ngư dân vô tội chịu đòn đắng cay
người nhà nhận được tin hay

Vợ con than khóc trận nảy trăng tay
Sổ nhà Bìa đỏ cầm vay
Nợ nần chông chát phen này làm sao
Hỡi người nhà lớn quyền cao
Sao không ngó xuống dân nào tội chi
Cùng lúc miền Tây báo nguy
Đồng bằng Nam bộ còn gì lúa kho
Đòng sông Mê-Kong cạn khô
Đầu nguồn Tàu chận dưới khô còn gì
Con người vạn vật cầm y
Đòng nước ngọt thiếu lấy chi sinh tồn
Tổ quốc đe doạ mất còn
Anh láng giềng tốt ngó dòm từ lâu
Ngàn năm trước quyết không sau
Dân Việt cương quyết đuổi Tàu đầy gian
Đòi lại biển đảo, Nam quan
Tổ tiên đã giữ bốn ngàn năm qua
Bây giờ lúc con cháu ta
Quyết tâm bảo vệ Sơn Hà Việt Nam

Đỗ Hùng

HOA TƯ TUỔNG

* Một giọt nước rơi xuống hồ nước, chẳng hề được nhận biết. Nhưng khi rơi trên một lá sen, nó tỏ sáng như viên ngọc. Chúng ta cần chọn nơi tốt nhất để tỏ sáng.

* Khi vươn tới các vì sao, có lẽ chúng ta cũng chẳng nắm được chúng, nhưng không phải kết thúc bằng một nắm bùn trong tay.

Leo Burnett



QUÊ HƯƠNG CỦA MÌNH

□ Quách Tú

Như thường lệ mỗi sáng Thứ Bảy, tôi ngồi bên đứa cháu ngoại lên tám để chỉ tập đọc và làm toán. Sáng nay, bắt đầu bài tập đọc với tựa đề Quê Hương Của Chúng Ta (Our Country). Với giọng tiếng Anh nhỏ nhẹ, đứa cháu gái tôi bắt đầu đọc: “Khi nhìn lên bản đồ Hoa Kỳ, chắc em còn nhớ như đã học trước đây, Hoa Kỳ là một giải đất rộng, thuộc Tây bán cầu, và lục địa Bắc Mỹ. Florida là một bán đảo được xem như một ngón tay chỉ về hướng nam của vùng biển Caribbean. Florida được người Tây Ban Nha khám phá ngay sau cuộc hành trình của Columbus...”

Cháu tôi dừng lại từng hồi rồi hỏi tôi: “Hemisphere là gì và Continent là gì ông Ngoại?” Tôi xoay bản đồ địa cầu trên bàn và giải thích cho cháu tôi. Đến phần trả lời những câu hỏi. Câu hỏi đầu tiên là: “Hãy nhìn lên bản đồ Hoa Kỳ, em được sinh ở Tiểu bang nào?” Cháu tôi đưa ngón tay nhỏ bé và chỉ ngay vào ô dài có chữ CA và nói: “Con sinh ở California.” Rồi cháu tôi đưa ngón tay tiếp tục dò tìm về hướng đông của bản đồ nước Mỹ vừa nói: “Để con xem Katie, con cậu Ba sinh ở đâu”. Như tìm ra được một món quà, nó nói lớn: “Here, New York!”. Cháu tôi quay lại hỏi tôi: “Ông Ngoại sinh ở Tiểu bang nào?” Tôi chưa kịp trả lời thì cháu tôi vội nói: “Sorry, I am sorry! Có một lần con nghe mẹ con kể rằng ông Ngoại, bà Ngoại và mẹ con sinh ra ở Việt Nam”. Câu hỏi vô tình của cháu tôi như đánh thức tôi. Vì mải mê, bận rộn với công việc làm tôi đã quên cái

vết thương của kẻ tha phương. Nước Mỹ là quê hương của cháu tôi vì nó được sinh ra và lớn lên ở xứ này. Còn quê hương của tôi thì xa vời với bên kia bờ Thái Bình Dương.

Sau khi làm xong bài, cháu tôi tò mò hỏi:

- Lúc còn nhỏ ông Ngoại có được đi học như con không?
- Có, ông Ngoại có đến trường để học.
- Mỗi sáng ông Ngoại ăn Cheerios và milk trước khi đi học?
- Không, ông Ngoại ăn cơm nguội với nước mắm.
- Cơm nguội là gì ông Ngoại?

Tôi trực nhớ ra trong gia đình từ khi đến đây không thường dùng chữ cơm nguội nên cháu tôi không hiểu. Cơm còn dư chút ít thì bỏ đi, còn nhiều thì hâm microwave để ăn nên lúc nào cũng là cơm nóng. Tôi giải thích cho cháu tôi:

- Cơm nguội là cơm nấu từ ngày trước, còn dư để lại ngày sau ăn trước khi đi học, đi làm.

Cháu tôi hỏi tiếp:

- Có xe bus đến đón ông Ngoại đi học?
- Không, ông Ngoại đạp trên cỏ đi trên bờ ruộng bờ ao để đến trường.

Cháu tôi mỉm cười và tiếp:

- Con thích được đi trên cỏ như ông Ngoại.

Cháu tôi hỏi thêm:

- Ở trường ông Ngoại có computer và games để chơi không?
- Không, trường ông Ngoại không có computer, cũng không có games và điện.
- Không có điện làm sao ông Ngoại thấy để học?
- Trường phải mở tất cả cửa sổ và cửa lớn để có ánh sáng vào học.
- Ông Ngoại không có computer và games, rồi ông Ngoại chơi với cái gì?
- Ông Ngoại chơi đánh bi và đánh đáo.

Cháu tôi lắc đầu và nói:

- “I don’t know those games.”

Những câu hỏi của đứa cháu đã gợi tôi nhớ lại cả một thời thơ ấu ở quê nhà.

Tôi bắt đầu đi học lớp một và lớp hai, thời đó gọi là lớp năm và lớp tư. Trường học của tôi là một cái Miếu cổ. Thời Việt Minh đã đập phá tất cả cửa, hình tượng và trang thờ. Chỉ còn lại vỏn vẹn một cái trang thờ dùng làm bàn thầy giáo. Học trò chúng tôi ngồi trên các băng gỗ cũ kỹ, lắc lư. Nhiều hôm giữa giờ học, con kắt kè trên mái nhà kêu lớn lên làm chúng tôi giật mình, trước khi dứt kêu nó rên è, è... Thằng bạn học ngồi gần nói với tôi: “ Hôm nay trời chuyển mưa, nên con kắt kè nó mệt nó rên; nay mai trời sẽ mưa, lúa tốt được mùa.” Tuy còn nhỏ, nhưng nghe chữ “được mùa” tôi cũng vui lây vì biết năm nay nhà đủ gạo ăn. Nhà tôi cách trường qua một khu ruộng ao. Mùa hạ tôi thường bước đi trên những vỡ đất cày để đến trường. Mùa đông, tôi phải vượt qua những lỗ sinh lầy trên bờ ruộng, nên tôi thường mặt quần đùi đi học. Khi lên lớp ba, tôi được đến học ngôi trường Cơ Bản Tiểu Học khang trang hơn. Trường có trống chầu, điểm một hồi ba tiếng buổi sáng thúc dục học sinh đi học, báo hiệu vào lớp, ra chơi và một hồi dài vào buổi xế chiều báo giờ tan học.

Lên lớp bốn tôi được lên trường thuộc cấp xã để học. Chính quyền cấp xã cho một ngôi chùa cũ làm lớp học. Năm lớp bốn là năm cuối của bậc tiểu học. Thầy giáo tôi trạc tuổi trung niên, thân mật nhưng rất nghiêm, và chúng tôi nghe thầy có uy tín vì là một đảng viên.

Một hôm thầy chúng tôi đứng trước lớp, trông rất nghiêm-nghị hơn mọi ngày thường, cho chúng tôi biết vị lãnh tụ vĩ đại của Liên Xô là Stalin đã qua đời vì ông làm việc cho nhân dân quá sức nên bị đứt mạch máu não. Chúng tôi nhìn nhau, không đứa nào dám nói một câu gì trong giờ phút nghiêm trọng này. Tôi thầm nghĩ: làm việc quá sức bị đứt mạch máu não, mình đừng học quá sức cũng có thể bị đứt mạch máu não. Thầy tôi nói tiếp: “Chúng ta phải khóc để tỏ lòng thương tiếc vị lãnh tụ vĩ đại và sự mất mát lớn này.” Tôi thấy mắt thầy tôi đỏ hoe, rồi ông cầm khăn lau nước mắt. Học trò cả lớp chúng tôi

ngồi yên như tượng đá, không đứa nào khóc. Thầy tôi đảo mắt nhìn một vòng, rồi ông lớn giọng: “Các em ngu dại quá, các em không có trái tim, không biết đau xót trước sự mất mát vĩ đại.” Tôi đảo mắt nhìn mấy thằng bạn ngồi gần và thầm nghĩ chúng có cùng một ý nghĩ như tôi: “Thầy nói vậy chứ mình có mất mát gì đâu!” Rồi thầy nói như ra lệnh: “Ngày mai, các em phải để tang một tuần lễ bằng cách mang vòng băng tang đen trên cánh tay trái.” Tôi hôm đó tôi về năn nỉ chị tôi thức khuya may cho tôi một cái băng tang đen băng những miếng vải đen cũ trong rổ may vá để ngày mai tôi đeo khi vào lớp.

Tôi bị gián đoạn việc học hành một thời gian, vì nhà nghèo không đủ khả năng đi học ngay sau ngày Chánh Quyền Quốc Gia tiếp thu Miền Nam năm 1954. Mấy năm sau tôi ra tỉnh học bậc Trung học. Tuổi đã lớn nên tôi phải học trường Tư thực Tân Bình. Với số tiền ít ỏi, tôi phải hỏi thăm mấy thằng bạn chồ nào cho ở trọ và nấu cơm tháng rẻ nhất. Chúng rủ tôi đến ở xóm chài Khu 2 sát bờ biển. Tôi thật may mắn vào ở trọ nhà Chú thím Bình, một gia đình nghèo nhưng lòng dạ rất tốt. Chú thiêm coi chúng tôi như con cháu. Mỗi tháng chỉ trả 400 đồng cá ăn ở, băng phân nửa các nơi khác. Dù khó khăn, mỗi sáng thím mua cho chúng tôi một đĩa bánh hỏi ăn lót dạ. Bảy đứa học trò cùng chia sẻ nhau một đĩa bánh hỏi, mỗi đứa thường được ba miếng. Đêm đến học bài, hai đứa cùng chung một cái đèn bóng hột vịt, thắp bằng dầu lửa vì lúc đó xóm chài chưa có điện. Khi đi ngủ hai đứa cùng nằm chung một cái giường chõng, giường mùng thì ba đứa. Chú thím Bình cũng nhận thấy gia đình quá đông, nhưng phụ huynh cứ đến năn nỉ thím giúp cho con ở trọ. Thím là người nhẹ dạ và thương người, nhiều khi tôi thấy thím rướm rướm nước mắt vì thương hoàn cảnh rồi cho vào ở. Cuộc sống cứ như vậy ngày qua ngày cho đến khi tôi đậu Trung học.

Sau khi thi Trung học Đệ Nhất Cấp mấy tuần lễ, tôi chờ đến ngày đi coi bản. Từ Phú Phong đến Qui Nhơn băng xe đò, xuống xe tôi đi bộ như chạy vào trường, thấy tên mình tôi nhảy lên vì mừng quá! Tôi muốn chạy về nhà ngay. Nhưng đã xế chiều đâu còn chuyến xe chờ khách nào. Tôi về nhà Thím Bình nghỉ. Đêm đó nhà thím quá đông vì có cả phụ huynh đi xem bản. Tôi nằm trên mui xe Lam của Chú Bình đậu trước nhà. Nỗi vui mừng kích thích đầu óc tôi nên không thể nào ngủ

được. Tôi thức trăng đêm nhìn trăng chiếu lên xóm chài, chiếu trên mui xe Lam tôi đang nằm. Trăng như muốn chia sẻ niềm vui của tôi.

Tuổi thơ qua thật mau, sau ngày đậu Tú tài tôi vào quân ngũ. Rồi ngày tàn chiến cuộc, tôi là một nạn nhân, một kẻ mang danh tay sai và bán nước. Sau bao năm lao tù, tôi được cho về với gia đình nơi nương rẫy. Ngày nhận hộ chiếu xuất cảnh tôi vui mừng cho tương lai con cháu tôi. Hôm lên máy bay ra đi, cách nay 20 năm, gia đình bà con đến tiễn đưa, nhiều giọt nước mắt đã rơi. Tôi thấy thương người ở lại. Máy bay cất cánh lên cao, rồi lên cao lòng tôi nhẹ nhàng phơi phới. Có điều khác lạ trong tôi là trước đó 22 năm, khi tôi du học khóa Hoa tiêu ở Mỹ, máy bay cũng cất cánh ở Phi Trường Tân Sơn Nhất này; khi lên cao độ tôi quay nhìn lại quê hương lòng buồn man mát. Tôi không muốn khóc nhưng những giọt nước mắt cứ tràn ra khoé mắt tôi. Lần này ra đi, tôi bỏ lại đằng sau bao nhiêu thương nhớ, nhưng tôi không có giọt nước mắt nào! Tôi đã chạy trốn khỏi quê hương dưới bàn tay Cộng Sản như một tên tù vượt ngục, chỉ lo thoát thân. Khi máy bay lên đủ cao độ bình phi, tôi yên lòng vì biết không có trực trặc gì con tàu phải quay lại, và biết đâu gia đình mình không có cơ hội thứ hai. Ánh sáng lờ mờ trong tàu và tiếng động cơ đều đều cho tôi những giây phút êm đềm để hồi tưởng lại. Ra đi, tôi mang theo nhiều thương nhớ gia đình, tôi giã từ những kỷ niệm và tình tự quê hương. Nhưng tôi cũng trút được những phiền toái, bất công, kỳ thị và phân biệt của một chế độ thối nát trên quê nhà. Tôi không còn chịu cái cảnh ngồi lê lết trên nền xi măng của hội trường xã để nghe ông Bí Thư Xã nói dài dòng về ba “Giòng Thác Cách Mạng”, ông Trưởng Công An nói về “Tinh Úu Việt của Chủ Nghĩa Xã Hội”. Những con vẹt ngu ngốc, không có bộ óc, đứng ra làm thầy phân tích chữ nghĩa. Tôi ra đi tránh được cái cảnh mùng ba Tết đi đào ao cá Bác Hồ, mùng bảy Tết đi làm công tác thủy lợi đập Trị An. Cái cảnh sàn lọc lý lịch con Ngụy Quân Ngụy Quyền không được vào đại học. Tôi đã mất quê hương vì phải xa lánh bạo quyền.

Sau 20 năm lưu lạc trên xứ người, dù quê hương đã mất nhưng tình tự quê hương vẫn sống mãi trong tôi. Ánh trăng tròn mười sáu như cô gái thận thùng nứp sau lũy tre làng. Giòng

nước Sông Côn trong xanh ngọt ngào chảy ôm bờ tre với màu xanh muôn thửa. Tiếng hát đưa tình thanh thót đêm trăng cấy lúa ruộng ao. Xuân về đi xem hát bộ đứng gần cô gái xóm trên thật dễ thương! Và còn nữa, làm sao kể hết!

Quê hương của mình tình tự và dễ thương quá, nhưng đành phải xa cách. Nay trên quê hương người, có kẻ gọi là quê hương thứ hai. Tôi đồng ý về phương diện sinh sống làm ăn. Nhưng trong tâm khảm con người chỉ có một quê hương, đó là nơi chôn nhau cắt rốn. Nơi mình được sinh ra và lớn lên.

Qua nhiều năm dạy học ở Mỹ, đứng giữa lớp nói chuyện với học sinh tôi thường dùng chữ “Our Country” rất nhiều lần. Nếu phân tích theo ngôn từ và ý nghĩa thì tôi đã dùng chữ sai, cố ý nói lầm, vì quê hương này là của đám học trò chứ đâu phải của tôi. Nhưng theo quan niệm người Mỹ dùng chữ “Quê Hương” rất rộng rãi. Dù ai sinh ở đâu, nhưng đến đây hợp pháp, cùng chia sẻ sống chung trên mảnh đất và đóng góp vào đất nước này thì có thể xem và gọi Hoa Kỳ là “Our Country”. Đây chỉ là cách xưng hô, nhưng trong lòng của kẻ tha hương, quê hương mình thực sự đã bị bỏ lại đằng sau.

Một mai khi cháu tôi lớn lên, đọc lịch sử nó sẽ hiểu nguyên nhân hàng triệu người đã bỏ quê hương Việt Nam ra đi. Ông Ngoại mình là một trong đoàn người đó. Nó sẽ hiểu được nguồn gốc của mình. Nhưng không bao giờ nó hiểu được nghĩa “Quê hương của mình” trong tâm khảm của mỗi người. Cháu tôi là người có quê hương, còn tôi là kẻ đã mất quê hương của mình.

Quách Tứ

HOA TÙ TUỔNG

Bất cứ khi nào phải quyết định, điều tốt nhất bạn có thể làm là làm việc đúng. Điều tệ nhất bạn có thể làm là không làm gì cả

Theodore Roosevelt

MỘT ĐỜI VÌ THƠ

(Nhân lúc Xuân về đọc lại Thi Nhân Việt Nam)

■Buì Thúc Khán

Trong thời kỳ từ 1931 đến 1942, phong trào THƠ mới đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền văn-học nước nhà. Các nhà thơ của thời kỳ đó đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản-ảnh khá trung thực tâm trạng của lớp thanh niên tân học, cuộc sống có nhiều trăn trở trước hiện trạng của đất nước thuở đương thời.

Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình-thức nghệ-thuật, THƠ mới thực sự đã thu hút sự chú ý của khá đông bạn đọc yêu thơ. Đó cũng là sự đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của thể loại và minh chứng khả-năng biểu đạt phong-phú của tiếng Việt.

Ngay từ thời điểm đó, hai tác giả HOÀI THANH và HOÀI CHÂN đã sớm nhận ra giá trị của những sự kiện trên và đã kịp thời sưu tầm giới thiệu các thành-tựu của phong-trào THƠ mới qua tác phẩm THI NHÂN VIỆT NAM, xuất bản vào đầu năm 1942.

THI NHÂN VIỆT NAM là sự khám-phá và đánh giá đầu tiên đối với THƠ MỚI. Việc lựa chọn tác-phẩm và tác giả đương thời, nhất là những người mới xuất hiện trên văn đàn là việc làm hết sức khó khăn. Dù vậy, với sự cảm thụ sâu sắc và cái nhìn tinh tế, các tác giả đã chọn được những chùm hoa giàu hương sắc trong VƯƠN THƠ MỚI gửi tặng những người yêu thơ. Chính vì thế, THI NHÂN VIỆT NAM đã được bạn đọc cả nước đón nhận và tán thưởng . Sách ra đầu mǎn 1942 được tái bản cuối năm ấy. Sự say mê THƠ MỚI, sức quyến rũ của THƠ MỚI lúc bấy giờ quả là lớn lao.

Sau tháng 8, 1945, cuộc dien đất nước thay đổi, rồi

tiếp đến cuộc chiết tranh Việt Pháp hình thành những vùng đất thuộc hai thế chế chính-trị đối nghịch nhau. Trong chế độ Việt Minh Cộng Sản, sự thưởng thức đánh giá văn học cũng theo trào lưu cách-mạng Mác-xít mà đổi khác. Văn học, văn chương tư-sản, tiểu tư-sản, bị phê-phán đả phá dữ dội.

Là một trong những người được Đảng Cộng-Sản giao trách-nhiệm lãnh-đạo lĩnh-vực văn học nghệ-thuật, HOÀI THANH đã nhiều lần lên tiếng phê-phán, đánh giá lại THO MỚI và THI NHÂN VIỆT-NAM cũng như cuộc đời hoạt-động văn-hoa nghệ-thuật của cá nhân ông.

Năm 1951, trong tiểu-phẩm “Nói chuyện thơ kháng chiến” ở chương 2 “Nhìn lại thơ cũ 1932-1945”, có đoạn HOÀI THANH viết: “Còn xét về phuơng-diện khách-quan thì ngày trước mơ mộng vẫn vơ cõng đều là đồng-minh của giặc. Giặc chỉ có thể xây dựng cơ đồ của chúng trên phần bắc-nhược của con người...”

Tám năm sau, và đầu năm 1959, trong bài soạn “Về văn thơ lãng-mạn tiểu tư sản 1930-1945 để giảng cho lớp Văn III Đại Học Sư-Phạm và Đại Học Tổng-Hợp Hà-Nội, Hoài Thanh viết trong phần kết luận:

“Thơ lãng-mạn tiểu tư-sản có thể xem là một sức phá hoại, vừa phá hoại chế-độ thực-dân phong-kiến vừa phá hoại nhiệt-tình cách-mạng. Trong thơ lãng-mạn tiểu tư-sản vẫn có một thứ lòng tin mà bọn thống-trị cũ có thể dựa vào, tức là lòng tin rằng cuộc đời là thế, không thể thay đổi được. Cách-mạng phải tiến-hành đấu-tranh với thơ lãng-mạng tiểu tư sản (...). Có những câu thơ rầu rĩ nó cứ ngân-nga âm-ỉ trong lòng, bám vào đầu óc như đỉa. Cần phải bôi vôi vào mà rút nó ra”.

Trong các bài viết khác cũng như trong sổ tay ghi chép sau này, HOÀI THANH vẫn khẳng định một mặt chính của THƠ MỚI là... tiêu-cực! Năm 1964 HOÀI THANH có lần viết:

“Nhìn chung THƠ MỚI chìm đắm trong buồn rầu, điên loạn, bế tắc. Đó là chưa nói đến phần hiển-nhiên là sa-đoạ. Hình như không buồn rầu, không điên loạn, không bế-tắc thì không hay, không sâu.

Tựu-trung, đối với THI NHÂN VIỆT NAM, đưa con tinh thần của mình, HOÀI THANH đã tự phê phán hết sức nghiêm khắc. Trái lại không ít những nhà nghiên-cứu, phê-bình, nhà thơ, nhà văn có tên tuổi, đã đánh giá THI NHÂN VIỆT NAM đạt tình, thấu lý hơn.

Chẳng hạn, ĐĂNG THÁI MAI trên báo Văn-Nghệ số ra ngày 10 tháng 04 năm 1982:

Người viết sách rõ ràng đã bị giới-hạn về nhiều phương-diện trong khi trình bày một tập văn tuyển khá phức-tạp như vậy. Dầu sao HOÀI THANH và HOÀI CHÂN cũng đã đọc hộ chúng ta trong ngoài một vạn bài thơ và bao nhiêu bài văn khác nữa. Dầu sao thì qua gần 400 trang sách ấy chúng ta cũng đã bắt gặp khá nhiều ấn-tượng khá nhiều suy nghĩ về nghệ-thuật THƠ MỚI. Riêng về phần tôi, sau khi xem lại bài tựa cuốn sách, tuy tôi không đồng ý với hai tác giả về một số điểm nhưng quả tình tôi vẫn để ý tới nhiều đoạn văn thật sự hấp-dẫn.

TRƯỞNG CHÍNH trong lời giới-thiệu tuyển tập HOÀI THANH:

HOÀI THANH là người yêu THƠ MỚI từ buổi đầu chớm nụ, chăm chú theo dõi suốt mươi năm cho đến ngày nở hoa, đơm quả, chọn những bài hay nhất trong hàng nghìn bài đăng trên mặt báo, có bài còn là bản thảo, in thành “hợp tuyển” kèm theo những lời phê bình trang-nhã, duyên-dáng đầy cảm xúc. Đề đầu Sách là một bài nghiên-cứu công-phu về phong-trào THƠ MỚI, qua đấy có thể thấy Anh say THƠ MỚI đến mức nào.

Qua các sự kiện vừa trình bày trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy những lời phê-phán có vẻ nghiêm-khắc của HOÀI THANH có thể chỉ là một phương cách giữ mình, bảo-vệ chố đứng của mình: Tự phê mình để khỏi bị người khác phê-bình, có khi là sự kê kích vượt khỏi lĩnh-vực văn học nghệ-thuật.

Đối với tác giả THI NHÂN VIỆT NAM cái say THƠ MỚI đã thấm vào máu thịt, đã trở thành máu thịt nên không dễ gì rút bỏ. Về cuối đời HOÀI THANH vẫn thấy mình ấp ú mè say đó, hay đúng ra đã nhận-thức những gì là chân-lý có giá trị vĩnh-cửu. Những gì đó không phải là ý-thức-hệ Mác-xít, là

nghệ thuật vị-nhân-sinh mà thực chất là vị Công-Sản. Chúng ta còn nhớ, trong cuộc tranh luận nghệ-thuật hồi 1935-1935 kéo dài cho đến 1939, HOÀI THANH được xem như là chủ-tướng của phái “Nghệ-thuật vị nghệ-thuật”

Theo lời kể của TÙ SƠN, người con trai của HOÀI THANH:

Đầu năm 1982, HOÀI THANH thường xuyên là bệnh nhân nằm ở phòng cấp cứu khu B, bệnh-viện Việt Xô Hà-Nội vì suy tim nặng. Tối tối Từ Sơn vào bệnh viện chăm sóc và bàn chuyện thơ, chuyện đời với ông. Một hôm Từ Sơn kể chuyện một cháu bé lai Pháp đi cùng bố mẹ sang Hà-Nội thăm người thân trong một bữa tiệc gia đình, cháu bé đã ôm chắc con vịt trời bị thương còn sống, khóc nức nở và phản đối người nhà định làm thịt chiêu đãi bố mẹ cháu và cháu. Từ chuyện này, Từ Sơn than phiền với HOÀI THANH: “Trẻ con nước ta hiện nay ít được giáo-dục về nhân-bản quá. Văn học ta hiện nay cũng chưa xem trọng vấn đề này.” Ông trầm ngâm một chút rồi nói: “Có lẽ phải nghĩ lại xem chúng ta có quá nhấn mạnh đến vấn-de đấu-tranh gai-cấp không?”

Khoảng vào ba tuần trước khi HOÀI THANH mất, nhà xuất-bản VĂN HỌC báo cho ông biết: “Tuyển tập HOÀI THANH tập I” đã bắt đầu xếp chữ. Ông mừng lắm, nhưng tỏ ra khó có hy-vọng được thấy mặt quyển sách của mình. Nhân dịp này Từ Sơn có hỏi: “Tại sao cha không cho tuyển MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA ?” Ông trả lời dứt khoát: “Lúc này chưa nên”.

Một lần khác vẫn ở bên giường cấp cứu, mấy người thân bàn về thơ “Chân Dung Nhà Văn” đang lưu hành trong giới văn-chương. HOÀI THANH khe khẽ đọc lại mấy câu “Thơ Chân Dung” nói về ông mà ai đó đã đọc cho ông:

Vị nghệ-thuật một nửa đời.
Nửa đời lại phải vị người cấp trên
Thi nhân còn một chút duyên
Chẳng cầm cho vững lại nền cho đau!

Đọc xong HOÀI THANH nói: Tay này biết mình mè Kiều nên nó dùng lối lẫy Kiều để vẽ chân dung mình khéo thật.

Tuy vậy câu thứ 2 nói oan và nói ác quá. Mình biết có không ít người nghĩ như vậy về mình. Nói xong ông có vẻ hơi buồn buồn.

Từ sau năm 1943, tác phẩm THI NHÂN VIỆT NĂM không được in lại vì đất nước lâm vòng chinh chiến, vì văn chương lãng-mạn tiểu tư-sản bị đả phá v.v.. Đầu những năm 1960, TNVN được trường Đại Học Tổng Hợp Hà-Nội in roneo làm tài-liệu tham-khảo cho sinh viên. Ở Miền Nam (VNCH) năm 1968 nhà xuất bản Hoa Tiên Sài Gòn in lại Thi Nhân Việt Nam. Năm 1985 nhà xuất bản Đông Nam Á in lại TNVN ở Paris. Riêng nhà xuất bản Văn Học Hà Nội sau khi có phong trào đổi mới, từ 1988 đến 1999 đã tái bản TNVN đến 12 lần...

Trong thời kháng chiến, ở Liên Khu V (vùng VMCS) quý Thầy giáo dạy Việt văn muốn có cuốn Thi Nhân Việt Nam để tham khảo, trích bài giảng dạy nhưng hình như không tìm ra, kể cả các trường lớn tại Bắc và Nam Bình Định. Có thể có người còn giữ tác-phẩm trên nhưng giấu kín, đưa ra sợ bị phê phán thế này thế nọ và sợ sẽ bị tịch thu !

Chúng tôi may mắn được “nhận diện” được học, được đọc tác phẩm quý giá đó khi học năm đầu bậc Trung Học và mấy năm sau đó. Thầy dạy chúng tôi là một nhà thơ (khuyễn hướng cổ-điển) có một vị thế đặc biệt trong Thi Nhân Việt Nam. Thầy ở nhóm nhà thơ Bình Định: Quách Tấn, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Yến Lan có mặt trong TNVN. Cuốn TNVN của Thầy do các tác giả tặng, xuất bản lần đầu tiên.

Thầy cho chúng tôi trích giảng những bài thơ hay trong tác phẩm đó, thường thường Thầy ngâm thơ trước khi bình giảng. Chúng tôi được truyền cho niềm yêu thích và say mê Thơ nói chung, THƠ MỚI nói riêng. Thầy nói, có ngâm thơ mới cảm nhận hết cái hay của bài thơ và dạy cho môn sinh các cách ngâm thơ. Về sau chúng tôi thường được Thầy chỉ định ngâm một bài thơ mà Thầy sẽ dạy và đó là...điều bắt buộc !

Cũng do chỗ “dễ dạy”, chúng tôi được Thầy cho mượn cuốn TNVN về chép lại những bài thơ mà trí óc non nớt của mình lúc đó cảm thấy là những bài thơ hay và ưa thích học và thuộc nằm lòng. Đến bây giờ vẫn còn nhớ những bài thơ ấy và

lấy làm mừng khi biết đó đúng là những bài thơ hay, người đời và thời gian nhìn nhận! Chúng tôi còn chép và thuộc cả những lời bình thơ về mỗi nhà thơ, có thể nó như ai đó là “uống từng bài, từng câu”, thấy nó đầy hương vị...Bài Cung Chiêu Anh Hồn Tản Đà cũng thuộc và thường đọc lại cho bạn bè nghe. Bài Một Thời Đại trong Thi Ca, cả bài Nhỏ To, chúng tôi đã đọc rất nhiều lần, hiểu một cách tương-đối, về sau đọc lại mới sáng ra nhiều.

Điều đáng nói và xin được nói trước hết là lời bình thơ, giọng văn của tác giả TNVN thật duyển-dáng, nhẹ-nhàng, giàu cảm xúc..., đã hấp dẫn, lôi cuốn tâm-hồn thơ trẻ của chúng tôi và đeo đuổi, quyến rũ cho đến bây giờ. Những năm 1950, 1951 thỉnh thoảng chúng tôi được đọc tập san TIẾNG THƠ của Hội Văn Nghệ Việt Nam từ Việt bắc gửi vào Nam cho nhà trường. Chúng tôi tìm đọc trước hết những bài bình thơ của Hoài Thanh. Bấy giờ có ai còn nhớ bài bình thơ “Em ơi đợi Anh về” của Simonov (một nhà thơ Nga) mà Tố Hữu đã dịch ra thơ 5 chữ tiếng Việt. Bài bình thơ thật hay !

Năm 1968 chúng tôi mới có trong tay cuốn Thi Nhân Việt Nam do nhà xuất-bản Hoa Tiên ấn hành tại Sài-Gòn.. để đọc lại, đọc kỹ và ...xếp vào tủ sách gia đình.

Qua biến cố năm 1975, đất nước, quê hương, nhà cửa, sách vở với nhiều thứ khác, tất cả đều mất sạch. Năm 1988, sau mấy năm có phong-trào đổi mới, tôi thấy ở Sài Gòn có phát hành cuốn TNVN (do Hội Văn Học Hà-Nội và Hội Giảng dạy Văn-Học ở Sài-Gòn xuất-bản trên giấy xấu) tôi cũng nhịn tiền tiêu mua được một cuốn làm sách gói đầu giường.

* * *

Trong việc tiếp nhận các giá trị văn-học nghệ-thuật có một chân lý hiển-nhiên: Mỗi thời đại, mỗi lớp người có những thái độ và mức độ tiếp nhận khác nhau.

Các tác phẩm dở và các giá trị giả-tất-nhiên sẽ bị công chúng và thời-gian vứt bỏ, đào thải không thương xót. Các tác phẩm hay, các giá trị văn-học nghệ-thuật chân chính của dân-tộc và nhân-loại, đều có những hạn chế lớn do lịch-sử và thời-đại

tạo ra, bao giờ và ở đâu cũng có sức sống trong lòng công chúng và được công chúng giữ-gìn và trân trọng.

THI NHÂN VIỆT NAM của HOÀI THANH và HOÀI CHÂN từ trước kia cũng như sau này, ý kiến hầu hử thống nhất, xem đó là tác-phẩm hay nhất viết về THƠ MỚI.

Hoài Thanh đã cảm nhận được cái mạch ngầm, cái hồn dân-tộc gởi gắm vào tiếng Mẹ thương yêu. Ông có khả năng cảm -thụ và bình thơ thật hiếm có, nǎm bắt được cái thần của một tác giả, một bài thơ và diễn đạt bằng một lối văn trong sáng, ý-nhi và duyên-dáng.

Với từng nhà thơ, Hoài Thanh có một lối viết, thích-hợp, xuất nhập, biến hoá linh-hoạt, không để thấy có sự trùng lặp hay đơn điệu.

Ngay đối với những nhà thơ không tiêu biểu lắm, tác giả vẫn có sự chất chiu trân trọng, cũng có được một vài ghi nhận tinh-tế, gây được hứng thú trong lòng người đọc.

Trải qua gần bảy mươi năm, Thi Nhân Việt Nam vẫn là một tác-phẩm nghiên-cứu, phê-bình có nhiều ưu điểm đáng trân trọng, đáng được phổ biến rộng rãi. Có thể coi Hoài Thanh là nhà phê-bình, nhà văn xuôi vào bậc nhất của nền Văn học Việt-Nam.

Còn đây niềm ngưỡng mộ, than-phục tác giả và tác phẩm của mọi thế hệ trước và sau, nhất là những ai được sống trong Tự-do và quý trọng sự Tự-do.

Nam California, Xuân 2010

Bùi Thúc Khán

(a) Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, sinh ngày 15 tháng 07 năm 1909 tại Nghi Lộc, Nghệ An. Mất ngày 14 tháng 03 năm 1982 tại Hà Nội.

Hoài Chân em ruột Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Phiên, sinh ngày 11 tháng 04 năm 1914 tại Nghi Lộc, Nghệ An.

HOÀI THU ĐẤT KHÁCH



Lê Công Thành

*Gió thoảng qua thêm tiếng lá rơi,
Lững lờ mây xám dệt ngang trời.
Nắng vàng hôn nhẹ lên hàng lá
Hiu hắt mưa phùn lất phất rơi.*

*Liễu rũ bên hồ dáng thưốt tha
Sương lam nhè nhẹ thoảng bay qua
Không gian tĩnh mịch trong trầm lắng
Đàn bướm nô đùa trước khóm hoa.*

*Một thoáng Thu xưa bỗng hiện về
Hàng cây trút lá đứng chờ vơ
Cánh chim lạc lõng trôi theo gió
Thu đến trong ta quá hững hờ !*

*Mỗi độ Thu về, nhớ chuyện xưa,
Muà Thu bên ấy, đã về chưa?
Quê hương biền biệt, bao mùa lá,
Nhớ quá đi thôi, nói chẳng vừa....*

BÁO CÁO SINH HOẠT CỦA HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA NĂM 2010



■ Đường Anh Đồng

Mỗi năm một lần tờ Đặc San Xuân lại đến với Đồng Hương và Thân Hữu, ngoài việc thuởng thức nội dung văn học từ truyền ngắn, thi ca, những bài nghiên cứu về lịch sử, khoa học rất công phu của những cây viết chuyên nghiệp cũng như nghiệp dư, Hy vọng Đặc San Xuân Tân Mão như là một món quà tinh thần đầu năm, đem lại một chút niềm vui để nhớ về quê hương.

Đặc San Xuân của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali cũng mang đến Quý Đồng Hương và Thân Hữu bản báo cáo đầu năm qua những sinh hoạt của năm cũ. Giống như mọi năm trước, mỗi năm Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali có hai lần tổ chức chính đó là buổi tiệc Tân Niên họp mặt đầu năm và Hè Hội Ngộ dành cho gia đình và thiếu nhi của Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định, trong đó có giải Khuyến Học dành cho những học sinh xuất sắc là con em của quê hương Bình Định.

1. Tiệc Tân Niên năm Canh Dần 2010

Tiệc Tân Niên năm Canh Dần 2010 đã được tổ chức vào ngày Chủ Nhật 21 tháng 02 năm 2010 từ 11 giờ trưa đến 4 giờ chiều với sự tham dự của 300 đồng hương và thân hữu Bình Định tại nhà hàng Phú Lâm ở số 302 Story Road, San Jose, CA 95127.

Chương trình buổi tiệc gồm có:

- Múa lân chào mừng Xuân mới năm Canh Dần

-Giới thiệu Đặc San Xuân Canh Dần

-Văn nghệ mừng Xuân gồm các tiết mục như: Bài chòi, cải lương, ngâm thơ, biểu diễn võ thuật và xổ số lấy hên đầu năm. Ngoài ra các cháu thiếu nhi dưới 12 tuổi được ăn uống miễn phí và nhận tiền lì xì từ quý ông , quý bà cao niên trao tặng

-Điểm đặc biệt năm nay trên khán đài chính của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã được bài trí bàn thờ Tổ Quốc, trong đó có bức chân dung của Hoàng Đế Quang Trung Nguyễn Huệ. Quý vị cao niên của Hội trên 75 tuổi đã đại diện Đồng Hương, thấp hương hướng về tổ quốc Việt Nam, đặc biệt là quê hương Bình Định của chúng ta để tưởng nhớ đến công ơn dựng nước và giữ nước của Tiên Nhân. Trong đó Vua Quang Trung Nguyễn Huệ là một trong những anh hùng xuất chúng sản sinh từ đất Tây Sơn Bình Định đã đánh thắng quân Thanh và thống nhất sơn hà, làm cho giặc phương Bắc bao phen phải nể sợ.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn hai nhân vật điểu khiển buổi họp mặt Tân Niên năm nay đó là Bác Sĩ Trương Thế Phiệt và một khuôn mặt mới của tuổi trẻ Bình Định là Nguyễn Cường đã làm cho không khí ngày họp mặt được vui tươi và sống động. Mong thay các bạn trẻ cùng góp một bàn tay để kế thừa các lớp đàn anh sẽ ra đi và gìn giữ văn hoá Việt ở xứ người, tạo được sự kính trọng từ các chủng tộc khác.

Chúng tôi cũng đã nhận được sự ủng hộ về tài chánh rất tích cực của Quý Đồng Hương và Thân Hữu. Ngoài việc ủng hộ cho mỗi phần ăn \$35.00 Quý Đồng Hương còn yểm trợ cho Đặc San Bình Định để chúng tôi có phương tiện thực hiện việc in ấn và chi phí trong khi tổ chức.

Sau đây là danh sách Đồng Hương và Thân Hữu đã ủng hộ Đặc San Xuân Canh Dần 2010:

Số TT	Họ và Tên	Số tiền
1.	Trương Toại	100.00
2.	BS Đặng Phương Trạch	35.00

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

3. Lâm Sanh Thứ	\$20.00
4. Nguyễn Ngọc Thọ	\$20.00
5. Nguyễn Đình Hình	\$10.00
6. Quyền Lê	\$5.00
7. Nguyễn Bá Quang	\$10.00
8. Hà Khôi	\$10.00
9. Trần Vĩnh Anh	\$10.00
10. Nguyễn Mai	\$10.00
11. Nguyễn Hoè	\$10.00
12. Nguyễn Thường	\$20.00
13. Bích Hứa	\$10.00
14. Hoa Hậu Jenny T Đinh	\$10.00
15. Đặng Văn Ngọc	\$20.00
16. Nguyễn Tung	\$5.00
17. Tạ Chương Trí	\$20.00
18. Đỗ Hùng	\$10.00
19. Lê văn Bổ	\$5.00
20. Đoàn Thi	\$5.00
21. Lê Doãn Kim	\$10.00
22. Đoàn Ngọc Trường	\$20.00
23. Quách Tứ	\$50.00
24. Thái Ngùng	\$30.00
25. Nguyễn Tiến Hưng	\$50.00
Tổng Cộng:	\$505.00

Ngoài việc ủng hộ cho Đặc San Bình Định Xuân Canh Dần tại bữa Tiệc Tân Niên, chúng tôi còn nhận được những ủng hộ tài chánh từ các Đồng Hương sống khắp nơi ngoài Tiểu Bang California gửi về ủng hộ trước khi Đặc San Xuân được ấn

hành, danh sách này được đăng ở trang cuối của Đặc San Bình Định Xuân Canh Dần 2010.

Một lần nữa chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ quý báu từ Quý Đồng Hương, Chúng tôi quan niệm rằng, tờ Đặc San của Hội Tây Sơn Bình Định mỗi năm chỉ phát hành có một lần, và được xem như là linh hồn của hội, nó phản ảnh sinh hoạt văn hoá, quan điểm, lập trường chính trị của Đồng Hương Bình Định Bắc Cali.

2. Hè Hội Ngộ

Hè Hội Ngộ và Giải Khuyến Học 2010 của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã được tổ chức vào ngày Chủ Nhật 18 tháng 07 năm 2010, từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều tại Cunningham Park ở 2305 South White Road, San Jose, CA 95122.

Từ tờ mờ sáng Quý Anh Chị trong Ban Chấp Hành và một số bạn hữu cũng là đồng hương Bình Định đã tự nguyện đóng góp công sức trong việc tổ chức ngày Hè Hội Ngộ. Trong đó có anh chị Phan Thanh Hùng, anh chị Phan Thái, anh chị Đường Anh Đồng, anh Nguyễn Mỹ, anh Đoàn Hữu Đức, anh Phan Minh Lượng, anh Nguyễn Thường, anh Bảo Tố các bạn trẻ Võ Hân, Khúc Minh... mỗi người một tay, kẻ dựng lều trang trí khán đài, thiết trí hệ thống âm thanh, người mang thức ăn, nước uống, tất cả làm việc trong tinh thần tự nguyện mình vì mọi người.

Đến 10 giờ sáng số lượng đồng hương và thân hữu Bình Định đã đến rất đông, đa số tìm bạn cũ để ngồi tâm sự, các em thiếu nhi tìm đến những trò chơi giải trí như nhảy trên Jumper, xem các anh chị đang tập dượt võ thuật..

Sau buổi lễ chào cờ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà, anh Hội Phó Phan Thanh Hùng Trưởng Ban Tổ Chức tuyên bố khai mạc buổi họp mặt Hè và Giải Khuyến Học của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali. Tiếp đến anh Hội Trưởng Tony Định ngỏ lời chào mừng quan khách và đồng hương.

Chương trình được tiếp nối bằng những màn biểu diễn

võ thuật, xổ số trúng thưởng, tranh giải bóng chuyền giữa các bạn trẻ, hát karaoke và một bữa ăn trưa cho mọi người thật thịnh soạn. Tất cả đều miễn phí, từ ăn uống, giải trí vui chơi. Nhìn những cháu bé tung tăng vui đùa trên jumper, các bạn trẻ tranh nhau giải bóng chuyền, quý đồng hương hàn huyên tâm sự từng nhóm một, lòng chúng tôi cảm thấy sung sướng vì được thấy những người khác đang hạnh phúc.

Toàn thể Ban Chấp Hành và những thiện nguyện viên làm việc hoàn toàn trong tinh thần tự nguyện, họ là những người đến sớm nhất để tổ chức và về trễ nhất để thu dọn, cái mà họ được hưởng là nhìn thấy người khác được vui, vui thật trọn vẹn trong ngày, những tấm lòng vị tha như thế chúng tôi rất mong được nhân lên nhiều hơn trong những kỳ tổ chức kế tiếp.

3. Giải Khuyến Học

Nhằm mục đích động viên con em Đồng Hương Bình Định Bắc Cali chăm chỉ học hành, liên tiếp trong sáu năm, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã trao giải khuyến học cho những học sinh giỏi từ lớp Mẫu Giáo đến lớp Mười Hai, có những thế hệ lớp mười hai đã lanh lợi cách đây sáu năm, đã tốt nghiệp Đại Học ra trường và trở lại giúp đỡ Ban Khuyến Học.

Với sự cộng tác của quý phu huynh và nỗ lực học tập của các cháu, Hội Tây Sơn Bình Định đã tuyển chọn được 14 học sinh xuất sắc nhất trong niên khoá 2009-2010 từ lớp Mẫu Giáo đến lớp Mười Hai là con em của Đồng Hương Bình Định Bắc Cali như sau:

<u>STT</u>	<u>Họ và Tên</u>	<u>Lớp</u>	<u>Điểm GPA</u>
1.	Sophia Trần	1	Excellent
2.	Karen Cao Nguyẽn	1	Excellent
3.	Alex Nguyẽn	4	Excellent
4.	Helen Cao Nguyẽn	4	Excellent
5.	Jackquelyne Nguyẽn	4	Excellent

6.	Vicky Nguyễn	4	Excellent
7.	Shiela Trần	6	3.8
8.	Như N Trần	7	3.8
8.	Danny T. Nguyễn	9	3.8
9.	Minh Tiên Lê	10	4.00
10.	Trân Nguyễn	11	4.00
12.	Vy Vy Nguyễn	11	3.8
13,	Miêng Nguyễn	11	4.00
14.	Minh Thi Lê	12	4.00

Ngoài bằng khen của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, mỗi học sinh được lãnh một phần thưởng trị giá \$70.00 do hội đài thọ. Trong buổi lễ trao giải, cháu Minh Thi Lê, một học sinh xuất sắc và lớn nhất trong mươi bốn em được lãnh giải đã đại diện nhóm học sinh giỏi đọc diễn văn cảm ơn phụ huynh và Ban Khuyến Học đã giúp đỡ khuyến khích các cháu học tập để trở thành những người hữu ích cho xã hội mai sau.

Cũng cần nói thêm cháu Lê Minh Thi, là cháu ngoại của anh chị Nguyễn Mai, ở Thôn Vĩnh Lộc, xã Bình Hoà, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Tuy cháu từ Việt Nam mới qua chỉ có ba năm, ngay từ năm đầu tiên cháu Thi đã đạt điểm straight A+ trong ba năm liên tiếp, cháu đã ghi danh ở năm trường Đại Học ở California và cả năm đều nhận, cuối cùng cháu đã chọn trường Đại Học Berkeley, đứng đầu trong mươi trường Đại Học nổi tiếng nhất của nước Mỹ về Psychology Colleges.

Rất mong quý vị phụ huynh góp một bàn tay với Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, Ban Khuyến Học, đóng góp ý kiến, tạo điều kiện tốt nhất để khuyến khích con em chúng ta học thật giỏi, và có hạnh kiểm tốt, giữ gìn truyền thống văn hoá Việt Nam dù chúng ta đang sống trong xã hội của xứ người với nhiều nền văn hoá khác nhau. Làm thế nào để con em chúng ta luôn luôn hân diện là người Việt Nam có một nền văn hoá tốt đẹp. Những hình ảnh sau đây minh họa những sinh hoạt của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali trong năm 2010



Tiệc Tân Niên Xuân Bính Dân 2010



Ông Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đọc diễn văn chào mừng quan khách



Quý vị cao niên Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali dại diện Đồng Hương thấp nhang trước Bàn Thờ Tổ Quốc.



Bàn thờ Tổ Quốc với chân dung của Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ được trang trọng đặt giữa khán đài.



Các cháu thiếu nhi tặng quà cho đoàn múa lân chào mừng quan khách dự tiệc
Tân Niên Xuân Canh Dần



Các cháu thiếu nhi đang sắp hàng để nhận tiền lì xì lấy hên
đầu năm mới Canh Dần



Các bạn Đoàn Ngọc Trường, Đường Anh Đồng và Quách Tú gặp nhau trong ngày Hè Hội Ngộ



Ông Jose Estate Thị Trường Milpitas đang trao quà lì xì
cho các cháu thiếu nhi



Ông Phan Thanh Hùng, Hội Phó ngoại vụ tuyên bố khai mạc Hè Hội Ngộ và Giải Khuyến Học 2010



Ông Tony Đinh HỘI TRƯỞNG HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI đọc diễn văn chào mừng quan khách tham dự Hè Hội Ngộ và Giải Khuyến Học năm 2010



*Đồng Hương và Thân Hữu Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali nghiêm chỉnh
chào Quốc Kỳ Hoa Kỳ và VNCH*



*Đoàn múa lân chào mừng quan khách tham dự Hè Hội Ngõ và Giải Khuyến
Học năm 2010*



Đoàn muá lân đã đến chung vui với từng người, từng em bé thiếu nhi trong tiếng trống rộn ràng của ngày hội



Các bạn trẻ gặp nhau trong ngày Hè Hội Ngộ : Thảo bên phải từ San Diego Nam Cali, Mỹ bồng con từ San Jose Bắc Cali



Các võ sinh Vovinam chào quan khách trước khi biểu diễn



Các nam võ sinh đang biểu diễn võ thuật



Một nữ võ sinh Vovinam đang biểu diễn muay kiếm



Bằng khen và giải thưởng dành cho học sinh giỏi



Các cháu học sinh giỏi đang đứng trước khán đài lãnh giải



*Ông Đường Anh Đồng Trưởng Ban Giải Khuyến Học đọc danh sách và mời
quan khách danh dự lên trao giải*



Ông Tony Đinh Hội Trưởng đang trao giải cho học sinh lớp 12
Cháu Thi Lê đạt điểm GPA 4.00 straight A+



Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh trao giải thưởng cho học sinh xuất sắc cháu Alex
Nguyễn học lớp 4 với thành tích Excellent



Bác sĩ Phạm Đức Vượng đang trao giải thưởng cho cháu Trần Nguyễn, học sinh lớp 11 xuất sắc nhất với điểm GPA 4.00



Các cháu thiếu nhi đang vui đùa trên jumber trong ngày
Hè Hội Ngộ 2010

CHUNG TRÀ TÁI NGỘ.



Đặng Phú Phong

Gia đình tôi nhận được tin vui là ông bà Bob sẽ về ăn tết Việt Nam với chúng tôi năm nay. Tôi dùng dịp nghỉ cuối tuần giáp tết để lo dọn dẹp nhà cửa vườn tược. Sau hai ngày tận lực dọn dẹp, căn nhà khang trang ra phết. Tôi mua bốn chậu cúc vàng hai chậu lan đất và thêm những chậu lan của nhà cũng đang trổ hoa, thế là trong nhà đầy hoa. Ngoài vườn những cây hồng hạnh diện khoe sắc mấy bông hoa hiếm hoi bên cạnh bụi dâm bụt vàng cũng đầy hoa. Vợ tôi được dịp chứng tỏ rằng mình có lý khi không chịu bán căn nhà dư hai phòng để mua một căn Condo theo ý của tôi. “ Đó ông thấy chưa, nếu nghe lời ông thì hôm nay làm sao có chỗ tiếp ông bà Bob và con cháu mình về ăn tết.” “ Ủ, thì lúc nào bà chẳng có lý”

Hai mươi hai năm trước, vợ chồng tôi lê thê lách thêch dắt hai đứa con , đứa lên bảy đứa lên hai xuống phi trường Virginia. Ông bà Bob đã lo cho chúng tôi từng li từng tí. Đầu đủ vật dụng trong nhà, đến lo chở đi làm giấy tờ, rồi dạy lái xe, rồi kiểm việc làm. Hai người lo cho chúng tôi trong vui vẻ và nồng ấm . Nhưng cả gia đình chúng tôi không ai chịu nổi cái lạnh tê điếng của vùng này nên muốn dọn sang California nắng ấm.

Đứa con gái lớn than lạnh, vợ tôi giục, người bạn hứa lo cho tôi ở Cali cũng giục, nhưng vợ tôi và tôi đều không thể nào mở miệng với ông bà Bob. Cuối cùng tôi nghĩ được cách là viết thư gửi cho họ trước ngày khởi hành một ngày. Đến Cali một tuần sau tôi gọi điện thoại về, cả hai ông bà giọng đầy xúc động. Ông Bob bảo với tôi là ông sẵn lòng đón chúng tôi về lại bất kỳ khi nào, còn bà Nancy thì cùng khóc với vợ tôi. Một năm sau Bob và Nancy bay sang thăm , cả hai ở khách sạn vì gia

đình tôi sống chen chúc trong một căn Apartment một phòng ngủ. Họ ở chơi được một tuần rồi từ biệt . Chúng tôi không còn gặp nhau nữa cho đến hôm nay. Lần này chúng tôi mới thực sự ở chung một nhà.

Tôi tổ chức Tết theo cổ truyền theo lời yêu cầu của hai ông bà. Bob đã từng là sĩ quan trong quân đội Mỹ tham chiến tại Việt Nam, ông rất thích nhiều món ăn Việt còn bà Nancy cũng rất thích phở và chả giò. Sau khi cúng Giao thừa cả gia đình tôi cùng ông bà Bob đi chùa hái lộc. Trời ướt sương nhưng khách thập phương quá đông nên không khí bớt lạnh. Vợ tôi và bà Nancy đứng cầu nguyện trước tượng Quán Thế Âm . Thằng con trai tôi hỏi về đùa đùa:

- Bà cầu nguyện gì thế bà Nancy? Bà và mẹ con cùng rất nhiều người đều cầu nguyện một lúc và bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, làm sao Đức Phật nhận hết được?

Bà Nancy nhìn nó một thoáng rồi nghiêm trang trả lời:

- Cái computer của cháu cùng một lúc nhận rất nhiều e-mail phải không? Vậy thì đầu óc của những bậc siêu phàm chính là những cái máy computer vô cùng tinh vi đó thôi.

Thằng con tôi không còn có vẻ đùa nữa, nó nắm tay bà Nancy gật gật khen bà trả lời hay quá.

Về đến nhà gần hai giờ sáng, ông bà Bob đều tỉnh táo không muốn đi ngủ, đòi uống trà. Tôi bày đồ nghề lên bàn gồm cái bếp gas, cái ấm, bộ lọc ấm và gói trà Thiết Quan Âm rồi châm lửa nấu nước . Nước sôi bùng tôi tráng bình rồi bỏ trà, châm nước, chờ nước ngấm đều, rót bỏ xong châm nước lại rồi chuyên ra chén tống. Hai người im lặng theo dõi tôi pha trà, đến bảy giờ bà Nancy mới cất tiếng nhẹ nhàng:

-Hơn hai mươi năm rồi cách pha trà của ông cũng vậy, ông Nguyễn à.

- Vâng thưa bà cuộc đời cũng có nhiều cái không thay đổi.

Nhà thật yên ắng, mùi trà nhẹ nhẹ ngọt ngào tỏa trong không

khí ấm áp dẽ chịu. Tôi nhìn hai người nâng chung trà nhỏ lên tận mũi khoan khoái hít nhẹ rồi từ từ hớp thật nhỏ cho thấm môi, cách uống y hệt người Á Đông. Ông Bob như hiểu ý, bảo:

- Ông dạy chúng tôi uống trà hồi đó ông nhớ chứ, về sau ông đi, bà nhà tôi ra phố Tàu mua về uống như ông vậy.

Tôi nhớ tôi có lấy chuyện uống trà trong truyện ngắn Hương Cuội của Nguyễn Tuân kể cho ông bà nghe. Cả hai đều rất thích thú. Tôi có cảm tưởng hai người là dân Việt Nam. Tôi nói lên ý nghĩ của mình. Bà Nancy cười thú vị:

-Ô, có lẽ kiếp trước hay có thể là kiếp sau tôi là người Việt nam đấy.

Ông Bob theo đạo Phật từ hồi ở Việt Nam, trở về Mỹ ông giảng kinh Bát Nhã cho bà Nancy, bà đâm mê, tìm tòi nghiên cứu kinh điển hơn cả Bob. Ông Bob chiêu một ngụm trà rồi ngã người lên lưng ghế, nói giọng mơ màng:

-Khi nhận được thư ông , tôi không đọc và đưa cho Nancy, vì biết rằng ông đã đi rồi. Bà ấy vô lấy thư đọc thật nhanh , rồi kêu lên “Trời ơi, họ đã bỏ chúng ta. Bob,sao anh không đọc, sao anh tĩnh bơ như thế”. Tôi an ủi Nancy và bảo còn có duyên thì còn gặp em không nên thẳng thốt quá. Và bây giờ chúng ta lại gặp lại nhau thật đông đủ và thật vui phải không?

Tôi rót tiếp hai chung trà đặt tận tay hai người, nhìn thật sâu đôi mắt màu hạt dẻ của Bob và xám xanh của Nancy. Tôi chợt liên tưởng đến sắc mây chiều của quê tôi, rồi bỗng tự hỏi sao mình lại nhận thấy quê hương mình từ người ngoại quốc?

Và, tôi tự trả lời...

Xin cảm ơn, thật vô cùng , Bob và Nancy.

Đặng Phú Phong

MỜI BẠN ĐI THĂM QUÊ TÔI



Từ Lê Ngô

Mời bạn đi thăm quê tôi: Tỉnh Bình Định. Ta đi từ đầu
tỉnh phía Bắc, vô cuối tỉnh phía Nam:

Ngôi dưới vườn dừa Tam Quan, uống ngum nước dừa
tươi mát. Nhìn các cô gái da trắng buốt, lòng diệu vợi lâng
lâng.

Vô Bồng Sơn thăm thành phố cổ, hai bên quốc lộ. Bước
lên cầu soi bóng dòng Lại Giang. Vô Phù Mỹ thăm chùa Hang,
hang động thạch nhũ tuyệt đẹp.

Xuống thăm biển Đề Gi, đầm nước ngọt. Buổi chiều
ghe thuyền tấp nập, tôm cá đầy khoang. Theo ven biển đến
Chánh Oai, có thiếu phụ bế con đứng đợi chồng về. Lâu năm
biển thành tượng đá.

Vô Phù Cát mua chiếc nón lá Gò Găng, tặng bạn tình.
Phụ nữ đội nón Gò Găng thật duyên dáng dễ thương vô cùng.
Đi tắm nước nóng Hội Vân, có chất diêm sinh, chữa lành nhiều
bệnh tật.

Vô Đập Đá thăm chùa Thập Tháp. Nhiều sư, tăng về
cõi Phật nơi này. Tâm sự ngổn ngang như được giải bày. Lòng
nhẹ nhõm giữa không gian trầm tĩnh.

Vô thăm vùng đất Thành Bình Định. Nơi Trung Ương
Hoàng Đế (Vua Thái Đức) ngự trị một thời. Đi xem Tháp Cánh
Tiên và vị trí thành Đô Bàn. Di tích thời vàng son của dân tộc
Chiêm Thành

Theo Quốc Lộ 19 đi lên, ghé qua An Thái, An Vinh,
xem gái trai làng múa roi, luyện võ. Dân vùng này có truyền
thống giỏi võ

Dừng chân thị trấn Phú Phong, ăn chim mía ram, ngon tuyệt. Qua cầu sông Côn, thăm điện thờ Ba Hào Kiệt Tây Sơn. Anh hùng xuất thân từ nghèo khó. Tài dụng binh thần tốc, bách chiến bách thắng. Nhân loại đều nể phục. Hồn dũng sĩ giúp ta thêm vững mạnh.

Ngược Quốc Lộ 19 đi xuống, quẹo phải lên Vân Canh, uống rượu cần. Xem các gái Thượng ở trần làm nương rẫy. Xuống Tuy Phước ăn nem chợ Huyện, chưa nơi nào làm nem ngon hơn.

Ta đi thăm thành phố biển Qui Nhơn. Bên trái của lối vào thành phố, có hai ngôi Tháp cổ (Tháp Đôi) như đôi nhân tình trắc trở, đứng nhình nhau không nói nên lời! Đầm Thị Nại mở rộng vòng tay chào mời, người từ khắp nơi về đây sinh sống. Cảng Qui Nhơn sinh động, ghe, tàu vận chuyển hàng hoá ngày đêm. Bên kia dãy núi Phước Lý, Phước Minh, có nhiều hang đá. Giang sơn của loài chim yến, cho ta nhiều sản lượng yến sào.

Thành phố Qui Nhơn không xối xả ôn ào, còn giữ nét Đông Phương phong cách. Nam trọng bạn hiếu khách. Nữ nhã nhặn đầm dang. Các nữ sinh duyên dáng đoan trang, đi bộ trên hè phố. Bao thế hệ thanh niên trồng cây si nơi đó. Tóc hoa râm đi nhặt lá tương tư. Ngày đêm làm thơ ca ngợi tình người.

Buổi sáng lên Suối Tiên, nơi tiếp giáp đất, trời. Đi trong những cụm mây sà xuống thấp. Mây hiểu lòng người, cố tình che khuất, cho các đôi uyên ương. Buổi chiều lên Gành Ráng, thăm mộ thi nhân. Ngồi ngâm thơ, ngắm cảnh. Buổi tối nằm trên bãi cát biển, thấy thương quá ngọn hải đăng. Đứng cô đơn, chớp mắt suốt đêm không ngủ. Vì nhớ thương người ở viễn xứ, nhiều năm chưa trở về.

Nếu bạn đến Bình Định vào những ngày đầu Xuân. Bạn sẽ thấy khắp nơi tưng bừng mở hội. Những sinh hoạt văn hoá truyền thống của địa phương. Như hái lộc đầu Xuân, bài chòi, hát bộ Bình Định. Nhất là ngày lễ Đống Đa. Nhiều vạn người từ khắp nơi, hân hoan đến điện Tây Sơn dự lễ, vô cùng trọng thể. Ngoài phần nghi thức lễ, kể lại sử tích Anh hùng Hào Kiệt Tây Sơn. Với những chiến thắng hiển hách, tiêu diệt nhiều chục vạn quân của đại quốc xâm lăng phuơng Bắc. Có

biểu diễn nhạc võ Tây Sơn, võ thuật Bình Định, biểu diễn trận thư hùng của quân Tây Sơn đại thắng quân Thanh.

Về mặt kinh tế, tỉnh Bình Định còn nghèo khó. Người dân Bình Định luôn luôn cố gắng giữ truyền thống đạo đức. Tình cảm của người Bình Định rất chân thành. Nữ đảm đang, chung thủy. Nam chịu khó, nhiệt tình. Đất khó nghèo rèn luyện con người nhẫn nại, có ý chí cao. Dù nắng, mưa, nóng, lạnh, dù bất cứ hoàn cảnh khó khăn, khắc nghiệt nào, người dân Bình Định đều thích nghi mọi hoàn cảnh, đứng vững đôi chân.

Cảm ơn các bạn vừa đi một vòng, thăm quê tôi: Tỉnh Bình Định.

CHUYỆN CƯỜI

Một đêm mưa bão các cánh cửa bị gió lắc mạnh, người chủ nhà phải đội mưa ra sửa lại các then cài bị bật ra.

Đang lúi hüi làm thì ông bị một người nào đó đá cho một cái trót giáng bồ nhào.

Sáng hôm sau ra quán ăn sáng, ông ta nghe ông hàng xóm kể chuyện:

- Tôi hôm qua, lúc đang mưa to, nhìn qua cửa sổ, tôi thấy một bóng đen đang cạy cửa vào nhà anh. Tôi liền chạy qua đập cho nó một cái. Xóm giềng mình phải giúp nhau chứ!

Nỗi Niềm Cảm Tác



Lê Công Thành

Một mình mở nhạc hát...rao kê

Để đuổi xua đi nỗi nao nè.

Trầm bồng tiếng đàn nghe thánh thót

Thấp cao dòng nhạc thấy đê mê...

Văn Cao dẫn đến niềm : “Hoài cảm”

Cung Tiến mang vè cạnh: “Suối mơ”

Sống cảnh tha hương nơi đất khách

Khi buồn ca nhạc với làm thơ..

Seatle Tháng 10, 2010

Lê Công Thành



Sau hơn 30 năm từ ngày xa cách quê hương, tôi có dịp về lại thăm làng cũ và mộ phần tổ phụ. Con đường lớn từ tỉnh lỵ về quê đã hoàn toàn thay đổi. Nhà cửa hai bên đường chen nhau san sát, sang, hèn, lớn, nhỏ đủ các mô hình. Tôi không tài nào nhận ra chốn cũ ngày xưa. Mãi đến lúc xe đưa đến một đoạn phố xá rộn rịp, tôi mới kịp đọc một tấm bảng nhỏ sơn hai chữ "Diêu Trì". Lòng tôi nhói lên một quặn thắt bất ngờ, vì hai chữ địa danh này nhắc lại trong tôi bao hình ảnh thân thuộc của vùng quê nơi thôn xóm tôi sinh ra và lớn lên. Tôi không ngăn được ký ức đưa tôi về một dĩ vãng xa xôi; tôi nhớ lại nhiều việc lớn nhỏ đã xảy ra nơi đây suốt thời thơ ấu; tôi hình dung lại quang cảnh đậm màu quê cũ. Cùng đi một chuyến với nhóm đồng hành, tôi tự do miên man thả hồn liên tưởng đến chuyện ngày xưa...

Từ trên nguồn Hà Thanh chảy về, con sông cái lặng lẽ uốn khúc qua các làng mạc hẻo lánh để trút nước ra cửa biển Qui Nhơn, qua Đầm Thị Nại. Đến khúc quanh ở làng tôi, sông cái trở thành Sông Vân, vẫn dòng nước lặng và trong chảy viền theo bờ tre xanh, tiếp đến những bãi cát trắng dài.

Sông Vân ngày nay còn đó và đã chứng kiến biết bao thay đổi lớn lao, từ những ngày xa xưa khi chúng tôi còn bé, nô đùa dưới bãi với các trẻ chăn trâu. Con sông còn ngăn cách làng tôi, làng Vân Hội với làng Phú Thịnh cho đến những tháng ngày rộn rịp trên bãi với đoàn người và xe cộ, máy móc kéo

đến để xây một chiếc cầu đúc bắt ngang...

Tôi còn nhớ một chiều Đông lạnh, Ba tôi và tôi đi Giã (1) về, đến bến sông thì trời vừa tối. Bác chèo đò đã rời bến, về đậu bên kia sông. Chỉ khi nào có khách sang sông thì bác mới chèo qua, còn ban đêm lạnh lẽo thì bác rút về cái chờ gần bến để nghỉ ngơi. Chờ mãi không thấy đò qua, Ba tôi lên tiếng gọi thật to để sang sông, nhưng phần thì sông rộng, phần thì gió to, tiếng lại lảng đi xa, bác lái đò vẫn không trả lời và bóng đêm thì càng dày đặc. Tuy ngắn cổ bé họng, tôi cũng phụ họa theo Ba tôi, nhưng tiếng léo nhéo của tôi đủ để xua đuổi các con giun, con dế ở quanh vùng lau sậy gần đó. Gọi mãi không thấy tăm hơi bác lái đò, nhưng quả thật là bác ta vẫn còn ở bên kia sông vì ánh đèn còn leo lét trong túp lều bác ở.

Giờ đây, nhắc đến đêm gọi đò hôm ấy, tôi bỗng liên tưởng đến mấy câu thơ của cụ Tú Xương: “ Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò ” trong mấy câu thơ của cụ lúc cụ trở về thăm chốn cũ (sông Vị Hoàng ở Nam Định):

*“Sông kia rày đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai;
Vắng nghe tiếng éch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò!”*

(SÔNG LẤP NAM ĐỊNH- TÚ XƯƠNG)

Tôi lại miên man tưởng tượng đến hình ảnh con sông Vị Hoàng ngày cũ, cánh đồng ngày nay với các nếp sinh hoạt trồng ngô, trồng khoai, đầy cả cái vẻ thanh bình nơi làng mạc quê xưa, thật là hạp tình, hạp cảnh với thời ấy. Rồi tôi lại đánh bạo dịch mấy câu ấy ra chữ Hán, vì tôi rất thích cái cảnh tình mộc mạc và u tịch do mấy câu ấy gợi ra trong trí tôi:

*Thứ hè kim dĩ thành điền,
Sở vi ốc xá, sở thành cốc viên;
Viễn lai thanh oá nhĩ biên,
Hốt tâm hoàn tưởng khiếu thuyền độ giang.*

Cuối cùng trong đêm ấy, bác Hai lái đò cũng nặng nề chèo đò qua rước chúng tôi.

Cũng trên sông này, nếu về mùa Đông là mùa mưa, dòng sông tràn trề nước lũ từ bờ bên này sang bờ bên kia xa lắc, nước đục xoáy ngầu chở cành cây gãy riết bợt mênh mông, việc qua lại đò giang thật là bất tiện; thì về mùa Hạ nắng ráo, dòng sông lại khô cạn hoàn toàn, cát trắng phơi mình từng đoạn dài, lòng sông cạn và hẹp, thuyền bè không qua lại được; bãi cát rộng thênh thang, dân làng qua lại thật nhọc nhằn, nhất là những ngày hè rực lửa!

Thời xa xưa ấy, Chính quyền chưa làm cầu đúc, còn cầu ván, cầu tre không thể áp dụng được vì sức mạnh của dòng nước lũ về Đông sẽ dễ dàng cuốn trôi các loại cầu ấy.

Đến khoảng tháng Tư năm 1931, nơi làng quê hẻo lánh này bỗng một hôm hiện đến một đoàn bốn, năm người lạ mặt, áo quần Âu phục, đầu đội mũ trắng, chân mang giày Tây, tay xách cặp da, mắt đeo kiếng mát. Đoàn người dạo qua chợ một vòng rồi do làng hướng dẫn, họ vào nhà cha mẹ tôi. Tôi nhớ lại họ toàn nói giọng Huế, giọng nói rất quen thuộc với tôi vì mẹ tôi cũng nói giọng Huế. Biết là khách lạ từ phương xa, Ba tôi vốn là người hòa nhã lại rất hiếu khách, vội đón đá mời vào nhà Trên, trà nước vui vẻ. Sau câu chuyện qua lại, họ cho biết là thuộc về một nhà thầu góp phần xây cất cây cầu tương lai cho con sông chảy qua làng Văn Hội gọi là sông Cây Da. Đoàn người tiên phong này đến trước để sắp đặt nơi ăn chốn ở, và thiết trí một Văn phòng Công trường. Sau đó, có quan chức đại diện Sở Lục Lộ tỉnh ly đến tiếp xúc với họ với nhiệm vụ giám sát công tác xây cầu.

Rồi tiếp theo những tháng ngày sau này, cuộc xây cất khởi công.

Từng đoàn xe vận tải đến, chở theo vật liệu để làm trước nhiều gian nhà cho thợ và phu ở, nào là chất chứa sắt, gỗ, gạch, đá xi măng v.v..., chuẩn bị cho một công trình dài hạn. Bãi sông cát trước đây rộng dài như sa mạc, giờ trở nên một công trường sầm uất, lố nhố đầy người từ xứ thuộc các gia đình được nhà thầu mộ đến xây cầu. Những bà nội trợ nâu sồng

vừa giọng Nam, giọng Bắc, giọng Quảng, giọng Trung, ra vào lo cơm nước. Những đám trẻ loại choai nô đùa vô sự, trong lúc các ông lực lưỡng làm việc nặng nề. Họ đào hầm, đóng trụ, đổ móng, bắt giàn, thật là rộn riph nhịp nhàng, náo động cả một khu làng. Tất cả tạo ra một khung cảnh đặc biệt khác hẳn với cái vẻ tĩnh mịch của làng xưa với con sông trầm lặng bao đời...

Tôi say sưa đứng nhìn cái hoạt cảnh náo nhiệt đó: Nơi đây một giàn máy đóng trụ cầu, có một khối đúc nặng móc vào dây xích thả rơi từ trên cao xuống trụ đúc. Mỗi lúc chiếc dây xích khổng lồ thả rơi khối nặng là cái trụ đúc lún xuống một chút, vang ra một tiếng động giật mình; chỗ kia, một đoàn khác hì hục đào hố, máy bơm nước, máy điện nổ vang trời, vòi nước vọt ra xa lắc; chỗ khác một lớp người chè tre, đan thành những tấm sạp tre dài và chắc chắn, ráp nối tiếp nhau để làm thành hai luồng đường cho xe bò và xe chở nặng chạy, tiếp tế vật liệu cần thiết.

Công tác và kinh phí xây cầu là nặng nề như thế!

Nhưng thời cuộc đảo điên, nghiệt ngã xảy đến cho xứ sở bất hạnh của ta, đã phụ bạc và phủ nhận tàn nhẫn những công trình tích cực đó. Cây cầu mới này, mặc dù đã mang lại cái lợi ích công cộng lớn lao bấy lâu bỗng chốc bị phản bội, và cầu bị phá hủy khoảng năm 1945-1946, bởi tập đoàn tàn độc.

Thử xem họ đã phá hoại cây cầu đó như thế nào?

Đối nghịch lại kỹ thuật văn minh xây cất hồi đó, họ đã dùng nhiều thủ đoạn tiểu xảo để phá cầu: họ không thương tiếc đem người đục phá lớp xi măng ngoài xây móng trụ cầu ở chân cầu, cho đến khi những thanh sắt to tròn hiện ra ngoài, rồi dùng rơm khô chất đầy quanh móng cầu. Họ châm lửa đốt nhiều đoạn trong một lúc. Sức nóng của đám lửa khổng lồ đốt nóng đỏ như than hồng các giàn sắt tròn, rồi giàn cốt sắt mềm dần, sụp đổ dần do sức nặng của thành cầu ép xuống khiến cho các nhịp cầu kéo nhau sụp gãy chồng chất lên nhau!

Than ôi! Hình ảnh đau lòng này để lại trong lòng tôi từ ấy một ấn tượng kinh hoàng, càng nghĩ càng ghê sợ cho thế cuộc tang thương.

Vòng đi trở về, qua khỏi đoạn sông ấy, chúng tôi đến tỉnh ly, lòng bồi hồi nghĩ đến các dinh thự, công cụ xưa, nay đã tiêu tan hết. Nhất là nói đến hình ảnh khuôn viên ngôi trường Trung Học ngày đó, khoảng từ 1934 trở về sau.

Từ địa phận đầu núi là ngõ vào của thành phố Quy nhơn, tôi nhớ lại con đường lớn có tên là Rue Odenthal chạy dài xuyên qua nhiều phố nhỏ. Dọc theo là hàng keo tây cất xén ngay ngắn bao bọc một khu đất rộng có cơ sở hơn chục phòng lớp học của trường xưa. Đầu còn nữa hai trụ xi măng cao ở cổng vào, có gắn trên đầu trụ một tấm bảng gỗ dài sơn mẩy chữ tên trường: “ COLLEGE DE QUINHƠN ” đèn bóng như hiên ngang giới thiệu với khách qua đường ngôi trường quý công ích lớn cho bốn tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận thuộc miền Nam Trung Kỳ thời đó.

Con đường đá rộng từ cổng dẫn vào gian phòng chính nối liền với hai bên tả hữu mỗi bên năm phòng lớp, trông rất chỉnh trang. Hai bên hàng rào xanh viền dọc theo, bên tả có văn phòng chính và thư phòng riêng của Hiệu Trưởng, bên phải là tư thất của tổng Giám Thị.

Chợt trong đầu tôi thoát đến mấy câu của một bài phú tôi không nhớ rõ xuất xứ, mấy câu vang âm như phản ảnh cuộc đổi đời vô thường này:

“ Thế sự thăng trầm,
Du du ngã tâm;
Bể trần sóng gió âm âm,
Đừng chân đứng lại, đường lầm chưa xa...
.....
Thế lộ kham kha,
Vân như chi hà;
Mặc dù gió táp mưa sa,
Lâm tuyến đâu tá, ai dà biết ai?... “

Thâm tâm tôi cảm xúc rất sâu đậm và thích thú mấy câu nhớ sót lại đột nhiên, nhất từ miệng của thầy tôi lúc ấy là Giáo Sư Trần Cảnh Hảo. Tôi hồi tưởng lại như mới xảy ra gần đây, dáng Thầy trên bục giảng lớp Đệ Tứ Niên, đọc lên mấy

câu ấy; lại miên man tưởng đến tác phong đạo đức của thầy, tấm lòng trung thực và nhân ái mà bao nhiêu năm mô phạm Thầy đã gieo trong lòng sĩ tử bao niềm kính yêu nhớ tiếc... Rồi tôi cũng nhớ đến vài câu chuyện đã xảy ra trong các kỳ thi cử vào những niên học 1942, 1943 và 1944. Câu chuyện không có gì ly kỳ, nhưng nó đã in sâu đậm vào lòng tôi về lòng nhân hậu và khoan dung của Thầy:

Số là trong kỳ thi tốt nghiệp bằng DEPSI năm 1943, có giờ thi Chính tả chữ Pháp rất quan trọng với hệ số 4 (coefficient 4); đầu đề thi đọc lên, âm rất khó nhận, và nghĩa rất khó hiểu, do một vị Giám Thị Pháp đọc trước. Đám Thị sinh chúng tôi hiểu mơ hồ và có phần hoảng loạn, đang ngập ngừng chưa biết sẽ viết như thế nào?. Đến lượt Giám Thị Hảo tiếp đọc lại, Thầy đã nhẹ nhàng và rất tự nhiên khéo léo sửa giọng phát âm rõ ràng, chậm chạp để hướng dẫn chỗ lắc léo, hóc búa của mấy chữ danh tự trong đề thi.

Nói cụ thể ra, câu đề là: "La transhumance des nomades dans le desert" (Chuyến "len trâu" của dân du mục qua sa mạc), của Alphonse Daudet. Chữ phụ âm "s" đứng sát chữ "h" là một phụ âm câm (h muet), ta phải đọc như đứng trước một nguyên âm(voyelle) "u", đọc đúng nghe là "zu", vậy phải đọc là: "tơ-răng-zuy-man-xơ". Nhưng nếu Thí sinh sơ ý viết thiếu chữ "h" thế là lỗi rồi.

Thầy đã cảm thông điều ấy, nên thầy đọc theo ý của thầy để cứu Thí sinh nên thầy đọc là: "tơ-răng-xơ-huy-măng-xơ". Sau dịp đó mọi học sinh đều thầm lặng cảm đội lòng nhân ái của Thầy.

Thêm một chuyện nữa tôi đã có dịp nhắc đến trước đây. Hôm ấy cũng trong khóa thi DEPSI kỳ I năm 1944, có bài dịch Hán Văn ra Pháp Văn. Bài Hán Văn dài 75 chữ, viết phấn trên bảng đen. Bốn chữ trên đầu bài là "Sơn Nam Chi Trúc", không khó lầm, nhưng cả bài thi thì chúng tôi mù tit, không ai đọc được, vì từ trước không ai chịu chú tâm học môn này ở lớp cả, bây giờ lấy đâu mà dùng! dịch thế nào được!

Ông Giám Thị phòng thi là ông Casimir Michel, đương kim Hiệu Trưởng và cũng là Chủ Tọa Hội Đồng Thi, đồng Giám

Thị vẫn là Giáo Sư Trần Cảnh Hảo.

Biết được chõ nhược của Thí sinh và sự quan trọng của bài thi, Thầy liền có thái độ, ngỏ lời với ông Michel, Thầy nói:

“ Monsieur Michel, laissez moi relire une fois le texte, pour qu’ il n’ y ait pas d’ erreurs! (Thưa ông Michel, để tôi đọc lại một lần bài này cho khỏi có có sự sai lầm...).

Vậy là sau lần đọc ấy, mọi người cố gắng thu thập nghe và nhớ các câu văn để tùy nghi dịch ra Pháp Văn.

Thật là đại phúc cho chúng tôi, nếu không có lòng nhân từ thông cảm của Thầy thì hậu quả tất yếu thế nào chúng tôi đã rõ.

Sinh hoạt náo động chung quanh đã đem tôi về thực tại . Trong lòng lẩm nhẩm mấy câu Thu Hứng của Đỗ Phủ đời Đường, thế kỷ thứ 8, khi ông diễn đạt cảm tưởng của ông, ngày ông trở về lại cố đô Trường An, trong một loạt bài tuyệt phẩm:

“Văn đạo Trường An tự dịch kỳ,
Bách niên thế sự bất thăng bi;
Vương hầu đệ trạch giai tân chủ,
Văn võ y quan dị tích thì.....”
Nghe nói Trường An tựa ván cờ,
Thế sự thăng trầm luống thẫn thờ;
Nhà cửa Vương Hầu nay đổi chủ,
Áo xuân Văn Võ khác xa xưa.

(Phạm Doanh dịch)

Và, với tấm lòng tưởng nhớ sự an bình của chốn Cố đô:

“ Cố quốc bình cư hữu sở tư”

Đỗ Phủ.

Đến đây, đoạn này xin kết thúc bài gòp chuyện của chúng tôi.

TRÚC NHI

Cuối năm Canh Dần, Dec. 2010.

BÃI BIỂN ĐẠI LÃNH

Tặng Bạch Yến

Không Đạt

*Chợt nhớ ngày trại trường
Ngày xưa có người thương
Cô nữ sinh Cường Đế*

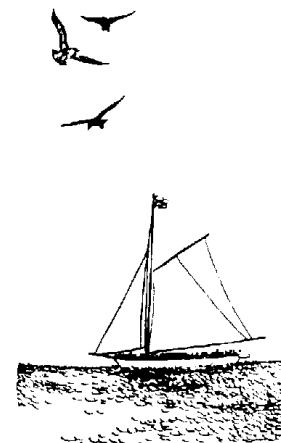
*Nhớ trăng rằm tháng tám
Vừa nhô khỏi chân trời
Giác vàng cả biển khơi
Anh ngắn ngơ đứng ngắm*

*Trưa em ra nhìn sóng
Môi má ửng nắng hồng
Tung tăng dưới rặng thông
Trông em như cánh bướm*

*Tâm hồn anh mới lớn
Tim anh vừa biết yêu
Nhìn dáng em yêu kiều
Lòng anh như lửa cháy*

*Sáng tinh sương thức dậy
Nằm trên cát nhìn trời
Ước có em cùng bơi
Anh nâng em trên sóng*

*Tuổi thơ anh năng động
Có em anh yêu đời
Cuộc sống thêm vui tươi
Ôi tình yêu kỳ diệu!*

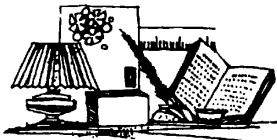


KĐ

November 14, 2010

Chú thích: Trại trường Cường Đế 1959

Một câu kệ quan-trọng nhất trong Phật-giáo.



BÙI THẾ TRƯỜNG.

T

heo truyền thuyết khi Đức Phật được sinh ra, Ngài đi
được bảy bước, dưới mỗi bước có hoa sen, một tay chỉ
trời, một tay chỉ đất, Ngài đọc bài kệ: "Thiên thượng thiên hạ.
Duy ngã độc tôn» câu này thường thấy trong những ngày Phật
Đản nơi các cửa chùa có treo một biển ngữ lớn.Vậy ta hiểu
nghĩa ra sao?

Đây là một lời khai thị rất ư là quan trọng ngay ngày
Đản sinh Của Đức Phật cho chúng sanh trên cõi ta bà nầy hiểu,
Nói theo lý luận kiểu khoa học bây giờ để dễ hiểu là Đức Phật
đưa ra một mệnh đề. Và suốt cuộc đời của Ngài là thuyết giảng
để chúng sanh hiểu về ý nghĩa của mệnh đề đó..

Vấn đề: Làm sao biết được ngã?

Vấn đề nêu ra là: Nếu ngã của con người và tùy thuộc
vào con người thì con người phải có quyền kiểm soát sự vận
hành của nó. Nếu gọi, tự ngã là tự mình, là tôi, là chính ta, là
thuộc về mình hoàn toàn, thì mình bảo nó phải nghe, tôi bảo tôi
phải đẹp, tôi không được bình tật gì hết, tôi thế nầy, tôi thế kia,
thế nọ vv. Nhưng không được. Tôi vẫn là tôi. Nó cũng là nó.
Vẫn cứ thế. Tôi không trở thành đẹp hơn khi trời đã cho xấu,
tôi cũng khỏi bị bình khi tôi muốn khỏe mạnh, tôi không thể
nầy, tôi chẳng thế kia. Vậy thì tôi (hay ta) không có ngã thật sự,
vì thân ta vẫn tùy thuộc vào mọi sự khổ đau và làm ta không
ứng ý. Hiểu sâu rộng hơn, mọi sở hữu như thân thể ta, ngũ uẩn,

kể cả mọi vật chất ngoài ta, nhiều hay ít, mà ta có, lại không tùy thuộc vào ta, và ta cũng đứng ảo vọng hảo huyền là ta tin la có quyền lực làm chủ nó hay sai khiến nó, hay hoàn toàn có quyền dùng nó một cách trọn vẹn. Đó là một ảo giác. Vì là ảo giác nên lầm khi kết quả không như ý, nên chính ta chịu kết quả khổ đau, vì do chính ta nhất quyết cho rằng những thứ ấy cứ tưởng thật là của ta. Nhà cửa, danh vọng, địa vị, vợ con, do mồ hôi của ta tạo ra nó môt cách lương thiện. Tất cả là của ta ư? Khi CS vào, chúng cướp hêt, còn bắt ta đi tù và ta lại bị chết trong túi nhục, Vì những lý do ở trên, Có đó, rồi không còn có đó nữa, nghĩa là mất đó ngay khi có đó. Có không, không có, tất cả được gọi là vô thường. Nên vô thường là khổ. Không còn thì khổ. Mà khổ là do ngã. Ngã là ta. Ngã nầy gọi là chấp ngã. Chấp ngã chính là chấp cái ta, ta có cái nầy, ta có cái nọ, chấp luôn của kẻ khác xí cho là của ta. « Nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý ». Người ngu hay kém trí thì hô hởi, phấn khởi, hô hởi hay phấn khởi là do cái ngã tạo ra, nhưng ảo tưởng như chủ thiệt. Thật tế, đó là trò bip, là bánh vẽ. Chấp kiến là cho rằng quan niệm hay ý kiến nầy thuộc ta. Chấp sở là mọi sở hữu của ta, và nhiều khi không phải là của ta, vì nhiều lý do, ta quyết bảo là của ta. Ôi mọi khổ đau đều do từ ngã mà ra.

Từ những quan niệm trên giúp ta có thêm một nhận định cần thiết: Mọi sự vật, của cải, mọi pháp, mọi người, không bao giờ là của riêng tôi, thuộc về tôi, vì nếu tôi chấp là của tôi như thế, cho rằng tất cả là của tôi, thì tất cả đó đều là nguồn gốc của mọi sự khổ đau sẽ đến với tôi. Tại sao? Lý luận theo kiểu biện chứng, bởi mọi thứ trên, chúng có cách vận hành của riêng chúng, sự biến dịch của chính chúng không ngừng nghỉ, khác với cách vận hành của ta muốn theo ý ta, cùng với sự biến dịch của ta. Nên tất cả không phải là sở hữu mà ta mà cứ tưởng là sở hữu của riêng ta, cái khổ đau do từ cái tưởng đó, đều là do ngã mà ra hết. Đó gọi là chấp ngã là chấp là của ta. Chấp là của ta được gọi là ngã sở.

Khi Đức Phật hỏi Ông Tu Bồ Đề như sau: Giả sử có người nói rằng Đức Phật đã từng thuyết giảng về Ta, về Người, về chúng sanh, và kiếp sống tất cả là không thật có, thì tại sao Phật lại đề cập chúng làm chi? Người hỏi như vậy có hiểu lời ta không? Ông Tu Bồ Đề đáp: "Như Lai nói bốn tưống trên, có

mà là giả có, nhưng không phải thật có. Nhưng chúng sanh sinh lòng chấp như thật mà ra. Chúng sanh không cho là giả có mà là thật có, như chấp có Ta (là chấp Ngã) là thật. Chính cái Ta khi thích thì sanh long tham luyến. Bất cứ ai, hay cái nào nghịch lại Ta thì ta lại sân si kiện ra nét mặt. Chính vì cái ta mà chúng sanh tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi. Nhưng than ôi, vì cái ta không phải là thật, mà chỉ do các duyên hoà hợp, đã tạo ra không biết bao nhiêu điều đau khổ ở trần thế này. Nêú nghĩ rằng một khi duyên hết, thì Ta cũng hết, là điều giúp chính ta được tỉnh thức.

Xét về con người, thấy có ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, và thức uẩn. Như thế, sắc uẩn gồm có nội sắc (thân mình) và ngoại sắc (tha nhân và thế giới vật lý); thọ uẩn gồm có nội thọ (cảm thọ) và ngoại thọ (gồm có các cảm thọ về sắc, thanh, hương, vị, xúc). Thọ uẩn gồm những cảm nhận về hỷ, lạc, xả (ly), ưu, khổ. Tưởng uẩn gồm những kinh nghiệm về sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp, tưởng và ký ức. Thức uẩn thì ghi nhận sự có mặt của các pháp qua tai, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý. Còn hành uẩn gồm tư duy, nghĩ về điều thiện, ác, v.v.. Do đó, trong sự giải thích mọi lý giải của con người về thế giới thực nghiệm cũng phải dựa vào năm yếu tố trên thì nhận thức của ta và niềm tin của ta về một thực thể sẽ sai lầm, sai lầm đó là do từ cái ngã mà ra. Nên Đức Phật ra đời giúp ta thấy được sự sai lầm này.

Đức Phật dạy: “Không có sự hiểu biết tường tận về năm uẩn thì không thể đoạn diệt hết tận khổ đau. Do vậy cần phải biết thế nào là ‘Sự đoạn tận tham, sự đoạn tận sân, sự đoạn tận si được gọi là liễu tri’”. Làm sao thấy và giải quyết tận gốc. Đó là nhờ Thiền. “Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập Thiền định. Tu tập Thiền định thì hiểu biết một cách như thật. Hiểu biết thế nào goi là một cách như thật? - Sắc tập khởi là sắc đoạn diệt, thọ tập khởi là thọ đoạn diệt, tưởng tập khởi là tưởng đoạn diệt, hành tập khởi là hành đoạn diệt, thức tập khởi và thức đoạn diệt”. (Kinh Tương Ưng Bộ III tr. 32 ;tr.16.). Năm uẩn tập khởi có nghĩa là toàn bộ khổ uẩn tập khởi, và Năm uẩn đoạn diệt có nghĩa là toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt.

Định nghĩa về ngã?

Ngã hay tự ngã ấy chỉ là danh từ rỗng, một tên gọi, là gã danh, không thực có, nhưng nó cứ hiện diện nêu cho là giã có. Con người lại thường thích hư danh hão huyền, nên sự đau khổ và hạnh phúc đầy huyễn hoặc cũng do bởi chính cái danh từ rỗng đó mà ra. Ngã quả thật khó nhận, và phải trải qua nhiều nỗi đắng cay mới cảm nhận thấy nó. Nó núp kín, ngụy trang, biến hóa, rất khó lay chuyển. Nó như bóng ma trời, gây ra nhiều vô số mộng tưởng điên đảo chỉ làm khổ con người cũng bởi vì người có nó Tiểu ngã hay Đại ngã cũng là khái niệm gã danh không hơn không kém, chúng không thực có và tạo đầy mộng tưởng đảo điên và hão huyền. Vì vọng tưởng, vì hão huyền, nhất là vì lòng tham, là vì để sinh tồn, ngã biến thành ngã chấp, nghĩa là chấp cái nào đó là chính của ta. Khi thành ngã chấp rồi, và nếu là kẻ có ngã chấp đó là kẻ có quyền lực, nó càng làm cho kẻ đó nhiều mộng tưởng đảo điên ngút ngàn, và kẻ đó làm khổ biết bao mọi người để được thỏa mãn cái ngã của hắn ta và cũng từ đó chính hắn ta cũng chuốc cái khổ mà hắn ta gây nên, bởi thật chất của tất cả mọi thứ đều là mộng ảo, hắn sẽ nhận ra cái quả không sớm thì chầy.

Thế nên, ngã chỉ là một aó tưởng trong tâm thức của con người, và ngã cũng là cội nguồn của mọi thứ tham, sân si, biến con người thành kẻ ích kẽ, bọn côn đồ lưu manh tràn ngập nhất là trong xã hội hiện tại mà trong đó đạo đức và mọi giá trị nhân bản đều nát bét. Còn ngã là còn tham ái. Tham ái còn, là còn nhiều khổ đau, còn nhiều trầm luân, và còn ngụp lặn trong sinh tử luân hồi. Còn tham ái là còn có cái thân nầy phải vất thêm những gánh nặng trên lưng. Diệt ngã là diệt tham ái. Diệt tham ái là bỏ gánh nặng xuống là tìm con đường giải thoát. Vô ngã là niềm hạnh phúc an lạc và niềm hạnh phúc lớn lao nhất của con người.

Ngã là ta. Ngã là thứ ảo tưởng, thì chính ta cũng ảo tưởng. Ngã là cội nguồn của tham, sân si, thì chính Ta cũng là cội nguồn của tham sân si. Còn tham ái là còn có ngã. Có tham ái là vì còn có ta. Diệt tham ái là diệt ngã, diệt ngã là diệt cái ta. Khi diệt được ngã hay diệt cái ta là thấy con đường đến giải thoát.

Thế nên, có người dịch ra câu kê trên là:

Thiên thượng thiêng hạ. Duy ngã độc tôn

(Trên trời và dưới trời.Chỉ có Ta trên hết).

Bài kệ hai câu do truyền thuyết là Ngài nói ra chứa đựng một bí ẩn lớn lao của tâm nguyện của Ngài là cứu đời, và vì căn cơ của chúng sanh chưa dát, nên đã làm một số người hiểu lầm. Bởi Đạo Phật là đạo vô ngã, tại sao vị giáo chủ lại đề cao cái “ta” của mình quá đáng như thế .Đạo Phật là đạo phá chấp, thì làm sao đề cao cái ngã như là tiền đề trong ngày Đản sinh của Đức Phật? Trong 49 năm thuyết Pháp, Đức Phật đã để 22 năm nói di, nói lại về Đại Bát Nhã Tâm kinh, gồm trên 600 quyển, trong đó, Đức Phật dạy phá bỏ mọi chấp, để đạt được cái thực tại an lạc.

Nếu câu trên được dịch ta từng chữ như ở trên, làm lầm người không hiểu, họ cho là ý nghĩa đi ngược lại ý của Đức Phật và toàn thể kinh điển Phật giáo. Trong nhiều tác giả viết về Phật giáo kể cả các Thầy và các cư sĩ tại gia, và hầu hết các chùa chiền đều viết và dịch câu kệ trên trong những biển ngữ lớn treo trước cổng vào, chỉ có một ít tác giả viết sách và cũng dịch ra y như câu trên, nhưng phải giải thích cà năm sáu hàng thêm cho rõ nghĩa và làm sao đừng phản lại kinh điển Phật giáo. Họ giải thích và đề nghị là ngã ở đây thuộc về chơn ngã. Nhưng Ngã, tiểu ngã, đại ngã, chơn ngã hay cả siêu ngã, tất cà chỉ là danh từ rỗng tuếch, chỉ là tên gọi, chỉ là aở tưởng không thật. Lại có người giải thích câu dịch trên và cho rằng lên thiên đàng hay xuống địa ngục, lên hay xuống tất cả đều do ngã duy nhất mà ra. Thiên đàng hay địa ngục, cũng chỉ là huyền mộng, không thực, chỉ là tên gọi, chỉ là giả danh. Học và Hiểu đạo Phật là phải quét sạch mọi ý niệm của ý niệm trên khỏi đầu óc của mình. Bởi vì, khi nói hay giảng kinh hay kệ về Phật giáo, mà còn đầy ngã trong đầu, thì người đó không nên và cũng không được giảng kinh hay kệ của nhà Phật. Do đó, kinh hay kệ được giảng thì không tránh khỏi sự nhiễm ô từ sự tham sân si.

Vậy thì phải giải quyết ra sao ?

Giải quyết vấn đề của Ngã:qua Duyên khởi và Tánh Không.

Muốn hiểu ngã là gì thì cần phải hiểu Duyên khởi? Vì

Duyên khởi là giáo lý mà từ đó Đức Thế Tôn giác ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác dưới cội Bồ-đề sau 49 ngày; Duyên khởi là căn bản của Đạo Phật. Duyên khởi cho rằng, vũ trụ này có được đều là do hằng hà sa số duyên hợp đủ khắp mọi chiêu mà hợp thành. Ngay chính con người cũng do duyên hợp mà tạo thành. Tuyệt nhiên không phải do thần linh hay một tối cao nào cả mà tạo thành hay làm nên vũ trụ hay con người. Vô ngã là thời Pháp thứ hai cũng được Đức Phật giảng tại vườn Lộc Uyển cho năm huynh đệ của Tôn giả Kiều-trần-như sau khi nghe Tứ đế mà chưa đoạn trừ hết lậu hoặc. Còn Tứ đế là giáo lý mà Thế Tôn thuyết giảng lần đầu (Sơ chuyển Pháp luân tại Lộc Uyển) cho năm huynh đệ Tôn giả Kiều-trần-như;

Đức Phật có dạy trong Kinh A Hàm: Người nào thấy được lý Duy ên khởi (nhân duyên) thì người ấy thấy được Pháp. Thấy được Pháo là thấy và hiểu được Đạo, thấy được Đạo là thấy được Phật. Theo lý Nhân duyên hay còn gọi là duyên khởi thì muôn vật trên thế gian của cả vũ trụ này không có vật nào tự nó mà thành, mà do nhiều nhân duyên kết tụ lại. Nói rõ hơn, chúng có được không phải do ngẫu nhiên mà có, cũng không do một vị nào làm ra nó, lại cũng không do một nhân duyên duy nhất mà thành, mà phải do nhiều nhân duyên trùng trùng điệp điệp đủ khắp các chiêu hợp lại đủ thì chúng thành hình, khi thành hình rồi mà nhân duyên bỗng lại thiếu mất đi thì vật ấy không còn được dùng, phải ly tán, hay bị hủy diệt.

Chứng minh về lý duyên khởi, cụ thể khi tôi đi Mỹ, đến tiểu bang Arizona, tôi được chở đến một nơi hơi xa, cũng tại Arizona, chính là Petrified National Park, mà thuở xưa cách đây trên 300 triệu năm, một khu rừng nguyên thủy tại Arizona USA này, sau một cơn địa chấn mạnh, cả khu rừng bị chôn vùi dưới biển cả không biết bao nhiêu trăm triệu năm.. Rồi cũng do những cơn địa chấn khác, làm cho cả khu rừng bị chôn vùi lại được trồi lên mặt đất, tất cả các cây cổ thụ, từ vỏ đến các cành đều biến thành “đá”, có những cây có đường kính gần 2 m, và có chiều dài khoảng 25-30 m, cùng những thân cây tự cát khai ngang thân đã thành những lóng nhỏ và đang nambi rát trên mặt đất cát nóng bỏng tại Arizona hiện tại. Cây gỗ được hóa đá là kết quả của trùng trùng duyên hợp tạo thành nó, hẳn nhiên không phải do ai hay một vị chúa tể nào làm nên. Điều này làm

cho tôi vững tin vào thuyết duyên hợp của Đức Phật một cách tuyệt đối.

Bây giờ ai cũng có và cũng biết chiếc xe đạp. Không có một bộ phận nào của chiếc xe đạp mà lại được gọi là chủ thể, vì không có chủ thể, nên không có tự tánh độc lập, vì không có tự tánh độc lập nên chúng phải lệ thuộc vào nhau để được tồn tại, để thành hình, thành chiếc xe đạp. Nếu các bộ phận của xe có đầy đủ, và nếu hợp các bộ phận đó được hợp lại, nghĩa là ta có chiếc xe là do các bộ phận độc lập đầy đủ duyên kết hợp lại, khít khao và chính xác. Cái xe đạp đó có được, trong đạo Phật được gọi là tạm có hay giả có. Giả có hay tạm có vì chính nó không có chủ thể. Vì không có chủ thể, nên khi đủ duyên (đủ các bộ phận) thì còn được dùng nó, khi thiếu duyên (thiếu hay hư một vài bộ phận) thì không còn có thể dùng. Sự hiện diện của nó có hay không là do duyên hợp hay duyên tan mà thành hay hoại. Nói rộng ra, muôn vật, muôn loài, hay muôn pháp và kể cả chúng ta, ở trên thế gian này cũng đều do duyên hợp mà ra, cũng đều không có chủ thể, nên gường gá nhau, gọi là có nhưng mà không thật có, nên tạm gọi là tạm có hay giả có. Vì mọi vật không có tính lấp vá.

DANH NGÔN

* *Từ đâu đến không quan trọng bằng đi về đâu*

C. Ponder

* *Bản chất của chân hạnh phúc rất kín đáo, ta tìm thấy nó trước hết trong nội tâm.*

Joseph Addison

* *Buồn phiền có thể tự giải khuây, nhưng muốn tìm được giá trị trọn vẹn của niềm vui, bạn phải có người để cùng chia sẻ*

Mark Twain

* *Tinh vui vẻ không mất tiền mà mua được tất cả.*

Mãi Nhớ

Mãi Thôi Em Con Gái



Phan Tưởng Niệm

*Anh chưa ngủ mắt trời đã tinh giấc
cả đêm rồi anh thao thức cả đêm
khoảng không gian anh cứ mãi mơ tìm
hình bóng cũ - một thời em con gái .*

*Năm tháng đó bây giờ chỉ còn lại
từ trong anh là sâu thẳm nỗi buồn
cuộc đời anh nhiều bão nổi mưa tuôn
ngược dĩ vãng - cả một trời ký ức .*

*Ba năm năm giữa sóng đời ngờ vực
con lốc xoay bao trăn trở cuộc đời
vẫn là em - người con gái ngày thơ
cắp sách nhỏ bên anh chiều tan học.*

*Ngày xưa ấy - không gian như suối tóc
chung quanh anh - chỉ thấy bóng mặt trời
đường tương lai - anh bước nhẹ thảnh thoát
đời rực sáng đang chờ anh phía trước .*

*Rồi vận số có ai ngờ biết được
đêm hoa đăng bỗng trời đổ mưa về
cuộc đời anh chìm nổi giữa biển quê .
chùn nhớ mãi - cái thời em con gái .*

Phan Tưởng Niệm (San Jose 21/10/2010)

Nơi Sách Cuả Ngôi Xóm



■ Tiểu Sơn

Tuổi đời của tôi đã sém tới 70, lớp tuổi “chẳng biết làm gì”, vì sức kiệt, không tài. Tôi đã nghỉ hưu, dưỡng lão nên thời giờ lăm lúc cũng tạm gọi là rảnh rỗi, nhàn hạ hơn là thời trước; lúc mà ngày đêm tôi phải đi làm, lo cho cuộc sống bản thân, cho gia đình. Thời gian này, lăm lúc buồn vui lẫn lộn nên tôi đọc lại sách xưa để giết chết bớt thời giờ rỗng tuếch.

Thật tình mà nói, cái việc đọc sách của tôi hôm nay cũng chẳng học thêm được là bao điều gì nữa; vì “cái trí nhớ” của tôi đã dần rời bỏ ra đi, mà “cái trí quên” nó lấn lướt, nó trỗi dậy. Đọc rồi như gió thoảng ngang tai, xếp sách lại thì chẳng còn nhớ điều gì! Thật tội nghiệp cho cái thân già sém tới tuổi “thất thập cổ lai hi”!!! Thời kỳ suy tàn của một thân xác trong kiếp con người.

Tuy thế, khi nhận được lời khuyến khích nhấn gửi qua Email của thư ký hội Bình-Định Bắc Cali, nên tôi lấy quyển Nam Hoa Kinh (NHK) đọc lại. Tôi chọn được mấy đoạn văn mà tôi cảm thấy hay hay, xin trích ra đây để quý đồng-hương đọc và suy gẫm:

Đoạn 1- (Trang 363-NHK do Nguyễn Tôn Nhan dịch-Chương THIÊN VÂN).

Trang-Tử viết: “Trời có vận chuyển không? Đất đứng yên bất động chăng? Mặt trời, mặt trăng có tranh giành nhau chỗ ở chăng? Ai chủ trương việc ấy? Ai duy trì việc ấy? Ai an cư vô sự mà thúc đẩy những việc ấy? Xem ra, phải chăng có lẽ có mày móc gì bất đắc dĩ chạy hoài chăng? Nó phải vận chuyển mãi mà không tự dừng lại được chăng? Mây là vì mưa chăng?

Hay là mưa vì mây? Ai làm mây tụ làm mưa? Ai an cư vô sự hay vui vẻ quá độ mà khuyến khích những việc đó? Gió nổi dậy từ phương Bắc, lúc Tây, lúc Đông, lại cuốn lốc trên không trung, ai thở hít vậy? Ai an cư vô sự mà đi khởi động những cái đó? Xin hỏi tất cả là sao vậy?”

Người viết bài này xin mạn phép luận giải: đoạn này Trang-Tử đặt ra nhiều câu hỏi về con người và vũ-trụ. Vận hành của vũ-trụ do đâu, tại sao như vậy, có mục đích gì? Con người cần phải làm gì?

Có phải chăng thời xa xưa đó, vì khoa-học kỹ-thuật chưa phát triển như ngày nay, nên Trang-Tử mới đặt ra những câu hỏi đó chăng? Chúng ta mới đọc qua, chúng ta có thể cho đó là những câu hỏi ngớ ngẩn. Vì những sự kiện mà Ông đưa ra là tự-nhiên như vậy mà hỏi làm gì? Ai không biết mưa là do mây gặp lạnh tụ lại; gió là do áp suất không khí thay đổi chênh lệch nhau thành gió; mặt trăng có ban đêm; mặt trời có ban ngày; vậy mà hỏi, nói làm gì?

Tôi xin thưa rằng: đoạn văn này nằm trong chương THIÊN VẬN nên Trang-Tử muốn gợi ý cho chúng ta biết mọi sự việc, sự vật trong vũ-trụ đều vận hành theo TỰ NHIÊN của TRỜI ĐẤT KHIẾN LÀM NHƯ VẬY. Chúng ta không nên hiểu TỰ NHIÊN theo lối xử dụng bình thường hằng ngày, mà chúng ta phải hiểu là “TỰ NHIÊN NHƯ NHIÊN”(Nghĩa là: không vậy không được). Chẳng hạn như: đói ăn, khát uống v.v. là những sự kiện bình thường, là tự nhiên. Nhưng chúng ta nên thử hỏi thế này: đói không ăn được không?; khát không uống được không?

Chúng ta thử tiếp tục hỏi và tự trả lời nhiều sự việc, sự vật, nhiều sự kiện xảy ra trong suốt chiều dài cuộc sống. Thế là cả một vấn nạn cho chúng ta khó mà giải đáp. Giả thử đặt câu hỏi: quả đất nặng bao nhiêu tấn? Ai làm nó quay? Chừng nào nó ngừng? Con người có thể làm nó ngừng lại không? v.v. và .v.v.

Nếu chúng ta dùng trí để hiểu biết tất cả mọi sự việc, sự vật trong vũ-trụ thì càng ngày càng phiền toái thêm mà thôi. Người ta thường nói “càng học thì càng ngu “ là vậy! Trong môn THIÊN cũng có nói: “khi biết cái vừa rồi thì cái kế tiếp

không biết”.

Nếu chúng ta cứ thắc mắc hết sự việc này rồi đến sự việc khác, thì thử nghĩ với sức người có giải đáp hết được chăng?, thoả mãn hết được chăng? Ngày nay, con người làm việc với computer, với điện thoại di động, với con tàu vũ-trụ, với vệ-tinh v.v. Kết quả, chúng ta cũng phải loay hoay trong cái mục-tiêu là nuôi sống cái thân xác, hay hơn một chút là làm đẹp cái tấm thân; Rộng hơn nữa là xây dựng gia-đình, xã-hội càng ngày càng đồ-sộ, hoành tráng, hoa mỹ v.v. Cụ thể như chúng ta thấy càng ngày càng có nhiều thành phố những căn nhà cao tầng mọc lên như nấm. Hay rồi đây con tàu vũ-trụ sẽ chở những du khách đặc biệt lên không gian để kề vai sát má ôm ấp Hằng Nga, nhàn du tiên cảnh .v.v.(Xin mở ngoặc: nếu nữ du khách thì thăm chú Cuội ngồi gốc cây đa.)

Những thành quả mà chúng ta có được, thử suy gẫm chúng có trường tồn mãi mãi trong thân xác chúng ta không?; hay trên quả địa-cầu này không? Chúng ta sẽ thấy thân xác chúng ta bị huỷ diệt trước. Cái danh, cái chức yà tất cả cái gì từ bên ngoài sẽ bị huỷ, ngoại trừ cái BẢN THỂ ; vì tất cả mọi sự việc, sự vật trong vũ-trụ đều thuộc về phần HIỆN TƯỢNG, chỉ có BẢN THỂ là thuộc về phần siêu-hình. BẢN THỂ và HIỆN TƯỢNG là MỘT cũng giống như hình với bóng; hình mất thì bóng mất, nhưng có hình mới có bóng, chứ không thể nào không có hình mà có bóng; cũng có thể có trường hợp có hình mà không có bóng.(Xin chú ý: “Trong vũ-trụ không có gì thêm, không có gì bớt ”).

Như vậy, chỉ bằng chúng ta cứ thuận theo cái THIÊN VÂN(cái vận hành tự- nhiên), cái TỰ NHIÊN NHƯ NHIÊN kia! Để kết luận đoạn văn trên, tôi xin trích mấy lời Trang-Tử đã viết:

— “Nếu biết thuận theo TÁNH TỰ NHIÊN mà sống, thì hạnh phúc có ngay trong lúc đó, không phải cầu cạnh ở bên ngoài”.

— “Có nhiều việc sức người không thể thay đổi được, đó là tinh huống thực-tế của sự vật. Con người nên coi TỰ NHIÊN là CHA ĐÈ CỦA SINH-MỆNH thì tự thân sẽ yêu quý nó(TỰ NHIÊN), huống gì sống chết là điều biến hoá đột ngột nhất của TỰ NHIÊN”.

Đoạn 2-(Trang223-NHK-Nguyễn Tôn Nhan dịch-chương
ĐẠI TÔNG SU).

Trang-Tử viết:

“Nhan Hồi nói: Hồi tiến bộ rồi.

Khổng-Tử hỏi: tiến bộ thế nào?

Nhan Hồi đáp: Hồi đã quên NHÂN NGHĨA.

Khổng-Tử nói: được đấy , nhưng chưa đủ.

Vài ngày sau gặp Khổng-Tử, Nhan Hồi nói: Hồi đã tiến
bộ rồi.

Khổng-Tử hỏi: tiến bộ thế nào?

Nhan Hồi đáp: Hồi đã quên LỄ NHẠC.

Khổng-Tử nói: được đấy, nhưng chưa đủ.

Vài ngày sau lại gặp Khổng-Tử, Nhan Hồi nói: Hồi đã
tiến bộ rồi.

Khổng-Tử hỏi: tiến bộ thế nào?

Nhan Hồi đáp: Hồi TỈNH TOẠ QUÊN THÂN.

Khổng-Tử ngạc nhiên biến sắc nói: TỈNH TOẠ QUÊN
THÂN là thế nào ?

Nhan Hồi đáp: huỷ hoại thân thể, phế trừ trí-tuệ, rời bỏ
hình hài, trừ bỏ tri-thức, hợp cùng cảnh giới ĐẠI ĐÀO. Đó là
TỈNH TOẠ QUÊN THÂN.

Khổng-Tử nói: hợp cùng ĐẠI ĐÀO là không còn ham
muốn, thuận theo biến hoá là không cố chấp vào lẽ thường.
Quả nhiên con đã hơn người, Khâu này theo sau con rồi!”

Người viết bài này mạn phép luận giải:

Nhan Hồi là đệ tử của Khổng-Tử. Trang-Tử luôn kịch liệt
đả kích cái quan niệm về Nhân, Nghĩa, Lễ Nhạc của Khổng-
Tử. Trang-Tử đóng vai Khổng-Tử làm thầy dạy Nhan Hồi. Kết
quả, Nhan hôi đã đạt được cảnh giới Đại Đạo trước Khổng-Tử.
Đây là một lối văn hư cấu mà Trang-Tử sử dụng rất nhiều trong
Nam Hoa Kinh để bài bác và châm biếm Khổng-Tử một cách
nhẹ nhàng.

Trang-Tử quan niệm ĐẠI ĐẠO là bậc thầy lớn của mình(Đại Tông Sư). Trang-Tử bắt gốc từ Đạo Đức Kinh của Lão-Tử nên quan niệm gần giống với Lão-Tử về Đạo, Nhân, Nghĩa, Lễ nhât.

Trong chương 38-ĐĐK- Lão-Tử viết: “Phù Lễ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ. Tiên thức giả Đạo chi hoa, nhi ngu chi thuỷ”. (Dịch nghĩa:Lễ là sự trung tín mỏng manh, là mầm mống của loạn lạc. Tri thức là màu mè của Đạo, là đầu mối của ngu muội.)

Trang-Tử viết:”Nêu cao Nhân, Nghĩa giống như khua chiêng trống mà tìm đứa con đi lạc. Và Nhân Nghĩa làm nhiễu loạn bản tính con người, chính là mối họa lớn nhất”.

“TỈNH TOA QUÊN THÂN” là cách thức hành Đạo của Trang-Châu. Theo đó, con người muốn đạt tới cảnh giới tối cao(tức Đạo)thì cần loại bỏ trí-tuệ; không dùng tri thức để nhận biết sự việc, sự vật. Vì tri thức luôn làm lu mờ cái tâm sáng giống như cái gương kia bị che lấp bụi cần phải lau chùi hằng ngày. Tri thức cũng thường đánh lừa con người khi nhìn sự việc, sự vật là có thật. Nhưng trong thâm sâu tất cả sự việc, sự vật (tức là HIỆN TƯỢNG) là có nhưng không thật, vì chúng biến đổi luôn luôn.

Trang-Châu chủ trương: “huỷ hoại thân thể, rời bỏ hình hài” có nghĩa là cần phải quên cái thân xác, coi trọng phần tinh-thần, đặt nặng vào cái chính TÂM. “Hợp cùng với cảnh giới Đại Đạo” tức là hoà tâm mình với tâm của vật(huyền đồng).

Chương 1-ĐĐK- Lão-Tử viết:”Đồng vị chi huyền, huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn”(Giảng giải: Chỉ gọi được là Huyền diệu,Huyền diệu rồi lại Huyền diệu, đó là cửa ra vào của vạn sự vật-tức là Đạo). Ông quan niệm: con người muốn đạt đến cảnh giới tối cao chúng ta cần phải quên cái ta, lìa bỏ bảm ngã (tức là cái được bồi đắp bằng trí năng, trí lực). Chúng ta cần phải lìa xa bảm ngã vì nó chỉ là hình tướng có như vậy nhưng không thật. Con người là một tiểu vũ-trụ, một tế-bào cũng là một tiểu vũ-trụ; hằng ngày, trong thân-thể của chúng ta có biết bao tế-bào sinh ra và biết bao tế-bào bị huỷ đi trong

từng giây, từng phút. Như vậy, con người hay cái thân xác làm gì có thật. Cái hình hài mà chúng ta có được cũng đâu phải là do của ta tự làm nên; có phải là do của cha mẹ chúng ta không, được nuôi dưỡng bằng cách vay mượn từ bên ngoài (không khí hít thở, nước uống .v.v.). Lão-Tử cũng đề cao: “Dứt thánh khử trí” để đi vào ĐÀO.

Để kết luận đoạn văn trên tôi xin trích đoạn văn sau đây thuộc chương Đại Tông Sư NHK-do Nguyễn Nhan dịch:

“Phiên dịch: Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hỉ. Nhiên chi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã. Tàng tiểu đại hữu nghi, do hữu sở độn. Như ợt phù tàng thiên hạ ư nhi bất đắc sở độn. Thị hằng vật chi đại tình dã”

“Dịch nghĩa: Thuyền ẩn dấu trong vực, núi ẩn dấu trong đầm, có thể nói là rất kín đáo, thế mà người có sức có thể khiêng thuyền chạy, kẻ ngu đâu có biết! Lấy cái nhỏ dấu trong cái lớn là thích đáng lắm thế mà vẫn mất; nếu như đem thiên hạ dấu vào trong thiên hạ thì đâu có mất được. Đó là tình hình chân thực nhất của vạn vật vĩnh hằng.” Tiếp theo Ông viết:

“Phiên dịch: Đặc phạm nhân chi hình nhi do hỉ chi. Như ợt nhân chi hình giả, vạn hoá nhi vị thuỷ hữu cực dã, kỳ vi lạc khả thăng kế da! Cố, thánh nhân tương du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn. Thiện yếu, thiện lão, thiện thuỷ, thiện chung, nhân do hiệu chi, hựu huống vạn vật chi sở hệ, nhi nhất hoá chi sở đai hồ.”

“Dịch nghĩa: Người ta được cái hình thể làm người ta đã vui vẻ lắm. Nếu như cởi bỏ cái hình thể ấy trở thành thiên biến vạn hoá vô cùng thì chẳng khoái lạc hơn sao? Cho nên thánh nhân muốn ngao du nơi vạn vật mà không bao giờ mất, cộng tồn mãi cùng vạn vật. Đối với già, trẻ, sống, chết đều lấy lạc quan xử sự với người, tất cả hãy bắt chước họ, huống gì tất cả cái gì thuộc về vạn vật đều dựa vào ĐÀO mà biến hoá”.

Tôi cũng xin có một câu kết luận: Trong cuộc sống hằng ngày, tất cả, dù tốt hay xấu, dù vui hay buồn, dù mất hay được, dù sung sướng hay gian nan .v.v. và .v.v., chúng ta nên vui vẻ chấp nhận khi chúng nó đến với mình. Có như vậy thì chúng ta

đã hiểu được phần nào chữ ĐÀO rồi!

{Luôn tiện, tôi có bản dịch của Thu-giang Nguyễn duy Cân, kính mời quý vị đọc để hiểu thêm và suy gẫm:
(Trang 394-NHK-quyển 3)}

_Nhan-Hồi nói: “Hồi được thêm”.

_Trọng-Ni nói: “Là nghĩa gì”.

_Hồi nói: “Tôi quên Nhân Nghĩa”.

_Trọng-Ni nói: “Được nhưng mà chưa trọn”.

Một hôm khác, lại ra mắt và nói: “Hồi được thêm”.

_Là nghĩa gì thế?

_Hồi quên Lê Nhạc.

_Được, nhưng chưa trọn.

Một hôm khác nữa, lại ra mắt mà rắng:

_Hồi được thêm.

_Là nghĩa gì thế?

_Hồi “ngồi mà quên” rồi.

Trọng-Ni ngạc nhiên hỏi:

_Ngồi mà quên, là thế làm sao?

Nhan-Hồi nói: Giải thể, bỏ thông minh, lìa hình bỏ trí, đồng với Đạo lớn. Đó là “ngồi mà quên” vậy.

Trọng-Ni nói: Đồng(với Đạo lớn) thì không còn ham muốn nữa; hoá(cùng vạn vật) thì không khư khư chấp nhất nữa. Quả Hồi là người hiền. Khưu nầy nguyện theo sau đó }.

Đoạn 3-Trang 504-Có tựa đề: Cá vui- Quyển 3-NHK-Chương THU THUÝ-Thu Giang Nguyễn duy Cân dịch.

“Trang-Tử cùng Huệ-Tử đứng chơi trên cầu sông Hào.

-Trang-Tử nói: Đàm cá xanh bơi lội thung dung. Cá vui.

+Huệ-Tử nói: Ông không phải cá, sao biết cá vui?

-Trang-Tử nói: Ông không phải tôi, sao biết tôi không biết?

+Huệ-Tử nói: Tôi không phải ông, nên tôi không thể biết

được ông. Còn ông không phải cá, ông cũng hẳn không sao biết được cái vui của cá!

-Trang-Tử nói: Xin hãy xét lại câu hỏi đâu. Ông đã hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới có hỏi làm sao biết ... Thì đây, làm thế này: tôi đứng trên cầu sông Hào mà biết được.”

Người viết bài này xin có thêm đôi điều:

Trang-Tử và Huệ-Tử là hai nhà tư tưởng lớn ở Đông phương cùng thời với nhau, vào khoảng cuối thế-kỷ thứ ba, đầu thế-kỷ thứ tư trước công nguyên. Mặc dù hai ông có tư tưởng gần như đối nghịch nhau, nhưng hai ông vẫn thường gặp nhau đàm đạo. Cuối cùng, Trang-Tử trở thành một đạo gia có tư tưởng thanh thoát, nhẹ nhàng; còn Huệ-Tử là một nhà lý-luận rất cao thâm.

Qua câu chuyện “Cá Vui”, Trang-Tử và Huệ-Tử đối đáp thật tuyệt vời, ít người có được. Tôi xin bái phục các cao-nhân ngày xưa. Tuy nhiên, câu trả lời cuối của Trang-Châu hơi khó hiểu, không được rõ ràng và chưa dứt khoát. Nay tôi mạn phép trả lời một cách dứt khoát và rõ ràng là: “Tôi với cá là MỘT nên tôi biết cá vui”.

Trong NHK cũng có câu chuyện Trang-Châu chiêm bao thấy mình là bướm, bay lượn ngao du khắp phương trời. Khi tỉnh dậy, Trang-Châu không biết mình là bướm hay là Trang-Châu nữa. Thật vậy, Trang-Châu với bướm là MỘT không phải là HAI, vì mộng và thực là MỘT. Đó là lỗi đi với về của Đạo học.

Tất cả vạn vật trong vũ-trụ, nếu chúng ta nhìn bằng “con mắt nhị-nghuyên”(Phân biệt) thì không có vật nào giống vật nào. Trái lại, nếu chúng ta nhìn bằng “con mắt nhứt nguyên”(Tổng thể) thì tất cả chỉ có MỘT. Người xưa đã nói:”MỘT mà HAI, HAI mà MỘT”, vì:”Trong dương có âm, trong âm có dương”./.

Ngày 11-10-2010.(Mồng 4 tháng 9 âm lịch-Canh Dần).

Tiểu Sơn.

MÁ OI ! CON BIẾT LÀM SAO ?..

■ Thiên Tâm

*Tình Mẹ và con đẹp đắt trời,
Như loài hoa mai nở xinh tươi
Bão giông, son sắt nào lay chuyển,
Dâu biển, keo sơn mặc đổi dời
Chín chữ cù lao ơn sánh núi,
Một câu hiếu thảo đạo làm người
Sớm hôm săn sóc, dù mưa nắng,
Ôi cõi thần tiên mong tuyệt vời ! ...*



*Vời trông mây nước nోi dương trần,
Lệ thảm sụt sùi khóc mău thân.
Nỗi khổ sinh ly còn hữu hạn,
Niêm đau tử biệt quả vô ngần.
Trái tim quặn thắt sâu bao trận,
Núm ruột vò tan xót bấy lân.
Kỷ niệm ngập tràn, hồn chết điếng,
Chỉ dành cầu nguyện báo thâm ân...*

Thiên Tâm

5-5-2010

Khai Bút Đầu Xuân



Thiên Tâm

Đầu năm nghe pháo nổ xa gần,
Tỉnh giấc, mừng Xuân viết mây vần.
Mưa lát phát rơi vừa ướt cỏ,
Nắng nhàn nhạt chiếu đủ vàng sân.
Mây trôi biến gió, trời xanh biếc,
Vườn nở giờ lan, dóa trắng ngân.
Hương vọng giang sơn lời khấn nguyện,
Thái bình sớm trở lại quê Tân.

Thiên Tâm

MẪU NGƯỜI VĂN HÓA VIỆT

■ TD Nguyễn Việt Nho

Trong ngày hợp mặt văn hóa kỳ 4 227 PHONG CHÂU MỞ HỘI TIỀN RỒNG (12 tháng 8/2009) do nhóm Vietology của GS Trương Bổn Tài tổ chức tại San Jose, GS Lưu Văn Vinh có đưa ra tiêu chuẩn HIỀN LÀNH làm đại diện cho mẫu người của Văn Hóa Việt và lấy Trạng Trình Nguyễn Bính Khiêm làm người tiêu biểu. Theo tôi, nói thế chưa được chính xác, muốn thưa lại cùng GS và giờ muốn đăng vào đặc san để rộng đường dư luận, về các điểm sau đây:

1. Về Văn Hóa Việt Với Con Lý Số Chỉ Ra Mẫu Người Văn Hóa:

Điều đặc biệt hơn mọi nền văn hóa của nhân loại, Văn Hóa Việt có hai nhánh văn hóa, VĂN HÓA HỮU NGÔN (VHHN) và VĂN HÓA VÔ NGÔN (VHVN)

@ Văn Hóa Hữu Ngôn: dùng lời nói và chữ viết để diễn ý. Đây là thể loại văn hóa thông dụng cho cả Đông Tây, xưa và nay. Cái đáng nói của văn hóa này là nó được xây dựng trên ý niệm của con người đặt lên trên sự vật: “Người là thước đo mọi sự” - Protagoras.

Sự xác định giá trị không theo tiêu chuẩn khách quan minh triết mà đánh giá tốt xấu, đúng sai dựa vào cảm tính cá nhân cho là có lý “cái gì có lý là thực và cái gì thực là hợp lý” (Hegel), lấy ý của ta đặt trên sự vật, khiến nó mang tính cách nói về hay mô tả sự vật bằng ngôn ngữ chữ không là cái chính sự vật nó hiển lộ ra như chính nó, đây là điều lầm lạc tệ hại của

nền văn hóa kiểu triết Tây và cũng là sự khác biệt giữa triết Tây và Minh Triết Việt và đó là điều đáng lưu ý và cần mở xé thêm:

Văn hóa hữu ngôn được đặt trên nền tảng ý hệ mà ý hệ thì thiếu tính khách quan mà đầy chủ quan được dẫn dắt bằng cảm tính sẽ dẫn đến nhiều khác biệt dễ đi đến chống đối khiến nó “đi đến đâu gieo sất máu đến đó” (Heidegger). Ngược lại, Văn Hóa Vô ngôn Minh Triết (sẽ được đề cập dưới) để cho sự vật chung ra, sự vật tự “nói” lên chính nó thay ta nói về nó, sẽ làm cho chân lý hiển lộ (1).

@ Văn Hóa Vô Ngôn: là nhánh thứ hai của Văn Hóa Việt, rất độc đáo, không dùng ngôn tự mà dùng “triết tự văn hóa”, là đạo tự Càn () Khôn () [huyền tự gọi là Tiên Âm, Rồng Dương] để viết nên các con Lý Số (con số chứa cái lý) để qua đó, sự vật và sự việc sẽ hiển lộ qua tượng hình và tượng ý như chính nó mà ta có thể thấy được, thay vì nói về chúng theo lối của VHHN. Điều này cũng có nghĩa là VHVN sẽ giúp ta trực thị sự vật, thấy sự vật và sự việc bằng mắt thay vì nghe nói về chúng! Dĩ nhiên, cái thấy bao giờ cũng chính xác hơn là cái nghe: “Trăm nghe không bằng một thấy”! Và, thấy như thế nào đã được đề cập trong Giải Mã Huyền Thoại Việt (2), phần viết về Huyền Số và Huyền Đồ, đã được trình bày trong bài tham luận của tác giả.

Nhắc về nhánh văn hóa này ở đây, nhằm giúp ta nhận diện Mẫu Người Văn Hóa của GS Vịnh cũng như cái Mẫu Người đích thực của đích thực của Văn Hóa Việt.

@ Mẫu người của nền Văn Hóa có thể “thấy” được bằng con lý số LI ():

Con lý số chỉ ra Việt Đạo là con LI () được xếp nằm phía Nam hình Bát Quái Hậu Thiên. LI có nhiều nghĩa, trong lãnh vực Đạo Lý, LI có nghĩa là sáng, là Chân Lý, là Đạo hay Chủ Đạo Văn Hóa Việt (Việt trong nghĩa mang tính siêu việt, đúng mọi lúc, mọi nơi nên Khổng Tử cho rằng đây là điểm mạnh của phương Nam, người quân tử ở phương này: “Nam phương chi cường quân tử cùi chi”).

Về cấu trúc, LI () là cơ cấu của mẫu người Táo Việt: Nói về cơ cấu, Táo Việt khác hẳn với Táo Tàu, Táo Việt là một tổ hợp ba thành phần gồm hai Ông một Bà: “Thế gian một vợ một chồng, đâu như vua táo hai ông một bà”, còn Táo Tàu chỉ duy nhất là một tên đực rựa. Xin đọc: Ngày Xuân Nói Chuyện Táo Quân www.anviettoancau.net của Nguyễn Việt Nho. Tổ hợp ba thành phần làm nên một Táo: Hai Ông là hai nét Dương Càn () và một bà là một nét Âm Khôn () nằm giữa con LI ().

Cấu trúc âm dương bằng Đạo tự Càn (), Khôn () cho ta biết cái Lý Tam Tính của Đạo LI cũng là Mẫu Người Văn Hóa Việt!

Ngoài tục lệ thờ Ông Táo của ta nhằm nhắc về Đạo Lý LI, dưới thời Thủ Tướng Trần Trọng Kim que LI còn được chọn làm biểu tượng của quốc kỳ để nêu bật cái Đạo của người Nam (đến thời các chính phủ sau ông, vì không hiểu được ý nghĩa của con Lý Số LI cũng như cái di chúc truyền dòng của giống Hồng Lạc là xuôi Nam tìm nắng ấm (biểu tượng của LI (Hỏa) trên Địa là sắc vàng (nền của cờ), là LI Địa Tấn) (2) và ngại rằng LI là li cách, chia lìa cũng là biểu tượng của chiến tranh, nên các vị này đã thay con LI bằng con Càn với ba sọc đỏ, thành ra tượng Thiên Địa Bỉ do ba sọc Càn/Thiên trên nền vàng Khôn/Địa tạo nên, ứng với số phận miền Nam trước 75 (3)

Phật Giáo gọi cái Lý Tam Tánh Hai Dương Một Âm, Hai Ông một Bà này là Phật Tự Tánh hay Phật Tam Thể BI, TRÍ, DŨNG. Thiên Chúa Giáo gọi là CHÚA BA NGÔI với ý rằng: Ngôi 1 là Đức Chúa Cha (TRÍ của PG), Ngôi 2 là Đức Chúa Con (BI hay tình thương hay Nhân lành) và Ngôi 3 là Đức Chúa Thánh Thần (Dũng). Điều này được thấy rõ qua phép làm dấu thánh trong TCG và nói Ba Ngôi là Một, gọi là mẫu nhiệm Đức Tin!

Đối chiếu với mẫu người Táo Việt: Hai hào dương của con LI là hai ông trong tổ hợp Táo, biểu trưng cho Trí và Dũng, tương ứng với TCG: Trí (Chúa Cha, làm dấu thánh chỉ Đầu) Dũng (làm dấu tay chỉ hai vai) và hào âm nằm giữa hai hào dương tương trưng cho Đức Nhân tương ứng với Ngôi Hai TCG

(Ngôi Hai xuống thế làm người) là Tánh BI của PG. Qua đó ta có thể nói: Mẫu người Văn Hóa Việt phải là Mẫu người Quân Tử của NGUYÊN NHO hay VIỆT NHO (Khổng Tử nói người quân tử ở phương Nam là vậy). Nghĩ cũng cần nói thêm Nguyên Nho là nền nho học có trước HÁN NHO, không sử dụng ngôn từ mà sử dụng triết tự để diễn ý, tận thời Bách Việt khi chưa bị Hán xóa sổ, như trong lời Kinh thờ Quốc Tổ Hùng Vương còn ghi lại: "Kinh Châu Dương Việt hai miền, triết tự văn hóa lưu truyền sử xanh" ...

2. Về Bản Tính Hiền Lành Của Mẫu Người Văn Hóa Của GS Vịnh

Qua điều thấy được bằng mắt xuyên qua hình ảnh Táo Quân hay con Li, mẫu người văn hóa Việt là mẫu người toàn diện chẳng khác Ba Ngôi Thiên Chúa hay Phật Tam Thể của Phật Giáo. Cái khác biệt là cái phương tiện diễn ý: Hai tôn Giáo lớn của nhân loại sử dụng ngôn ngữ, là lời qui ước, còn VHV diễn ý qua tượng hình và tượng ý của con Lý Số LI hay tổ hợp Táo, nhờ đó ta có thể mạc khải (thấy trực tiếp bằng mắt) Ba Ngôi Chúa hay Tam Tánh Phật. Ưu việt thay nền văn hóa Việt Nho trong ý chỉ ra rằng "trăm nghe không bằng một thấy"! Chính nhờ cái "văn hóa thấy" mới thấy được cái Ba Ngôi là Một và thấy được điểm tương đồng của ba nền văn hóa lớn của nhân loại!

Cũng qua con lý số LI này ta sẽ biết được cái lý được cảm nhận bằng cảm tính thông qua ngôn ngữ thông thường của GS Lưu Văn Vịnh về Mẫu Người Hiền của VHV là cũng không sai, nhưng chưa đầy đủ, ông chỉ nêu lên được tính BI hay tính Nhân là tính của hào âm nằm giữa của con LI () mà không thấy được tính Trí và tính Dũng của Tam Tính biểu trưng bằng ba hào Dịch viết thành con LI.

3. Mẫu Người Của Văn Hóa Việt Là Mẫu Người Nào? Cụ Trạng Trình Là Đại Diện Mẫu Người Của Nền Văn Hóa Nào?

@ Về mẫu người Văn Hóa Việt: Xin thưa ngay rằng: Mẫu người VHV là mẫu người của Tam Tính hay Tam Tài Việt qua hình ảnh Táo Quân với tổ phợp Ba thành phần Thiên Địa Nhân, xuyên qua hình ảnh con LI vừa nói, nói rõ ra là mẫu người

của Văn Hóa Việt là mẫu người Minh Triết Việt Nho và Nho nằm trong định nghĩa “Thông thiên, Địa, Nhân viết Nho”. Nói rộng ra là: Nhà Nho là người thông suốt cả chuyện trên Trời (là những qui tắc tự nhiên của Thiên Nhiên, là hào Dương thứ ba trên cùng của con Li), là người hiểu một cách cung triệt những qui luật biến hóa và tiến hóa của muôn loài, muôn sự xảy ra trên mặt Đất (hào 1 Dương của con LI), cũng là người hiểu cách hành xử đúng hợp của con Người đứng giữa Trời Đất (hào 2 âm của con LI). Ba hào đại diện cho ba Tài, gọi là Tam Tài: Thiên Địa Nhân.

Có lẽ quý vị thấy tôi cứ nhắc, cứ nhấn mạnh VIỆT NHO, điều này muốn lưu ý rằng nền Nho Học có hai nhánh: Nhánh của Huyền (nguyên) là nhánh có trước của dòng Việt tộc (Bách Việt), không sử dụng ngôn từ mà cơ cấu trên đồ hình và lý số Tiên Âm Khôn (___), Rồng Dương Càn (___), truyền ý qua tương hình và tương ý, có con chủ đạo văn hóa là vài ba 2/3 Thủy Phong Tỉnh. Khác hẳn với Hán Nho mang nặng tính duy dương, với con số chủ Đạo là tham lưỡng 3/2 “tham thiên lưỡng Địa nhi ý số”, nếu chuyển sang Dịch số sẽ là con Phong Thủy Hoán (Hoán là cải sửa lại). Bởi cái cải sửa mang tính duy dương, trọng Nam khinh Nữ, trọng vua (giới cai trị) hơn dân, đặt con 3 trên 2 thay vì 2 trên 3 theo kiểu Việt do vậy, Ông Cha ta cho rằng Tàu đã đi lệch hướng, nên gọi họ là “Tàu chệch” (đi sai lệch với cái ban đầu của Việt Nho) tạo ra mẫu người “Quân Tử Tàu” bị người Việt xem thường, chế diễu.

Nghĩa của VIỆT NHO (nguyên nho) như vậy là nghĩa thật tròn đầy, có thể hiểu như là một nền nho học siêu việt, gồm cả BI, TRÍ, DŨNG thì NHO không thể nào đồng nghĩa của NHU trong nghĩa NHU NHƯỢC, bởi NHO này đích thực được soi sáng bởi Trí và được hỗ trợ bởi Dũng trong thế vững bền vững của chiếc “kiềng ba chân Thiên-Địa-Nhân”:

*Dù ai nói ngã nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân”*

Kiềng ba chân Thiên Địa Nhân là kiềng ÔNG TÁO VIỆT, là con LI chỉ ra Tam Tài Ba Ngôi là Một! Còn Cái HIỀN đơn thuần, đứng lẻ loi thì “Hiền” sẽ dễ thành “Hèn” vì thiếu vắng Trí và Dũng như chiếc kiềng bị gãy mất hai chân mà

thành “Hiền quá hóa ngu”

Trên hiện thực, những bậc chân tu rất hiền lành, những vị vua đầy lòng thương người, thương dân, thương nước và thương cả kẻ thù như dưới thời Lý Trần, là những Minh Quân HIỀN mà không HÈN, là đại diện của mẫu người QUÂN TỬ đích thực của VIỆT NHO, đã dùng 232 cương nhu dĩ giáo, bất báo vô Đạo .

Hiền không hèn và Dũng cũng không thành vũ phu nhờ Trí (thuộc Thiên hào 3 quái LI) và Dũng, Hùng thuộc Địa (hào 1 con LI) kết hợp cùng Đức Nhân nằm giữa. Chốt lại, Mẫu Người Táo Quân Việt Nho mới đúng là người Mẫu của Văn Hóa Việt.

Ở thời cận đại, người hiền, Đấng chân tu như Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ, đại diện chân chính của người hiền lương chịu thương khổ: “Ta chịu khổ là khổ cho nhân loại”, vẫn có được cái dũng của một đấng anh hùng: “... Quyết một trận chùa am đóng cửa, tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha, đền xong nợ nước thù nhà, thiền am đóng của Phật Đà Nam mô (4)

Những mẫu người quân tử hiện thực tiêu biểu trên được vậy hẳn nhờ thẩm nhuần cái Đạo Lý Minh Triết Kiềng Ba Chân của con LI phượng Nam vậy!

@ Về mẫu người cụ Trạng: Cụ Trạng là Mẫu Người Việt Nho với đủ Trí, Dũng và Bi

_ Cụ Trạng là một người TRÍ

Cụ Trạng là người thông nho, rất thông nho, Ông đã viết Sấm Trạng đặt trên cơ sở Nguyên Nho dựa trên đồ hình Đồ Thư (hình căn bản cho Dịch Lý) như Ông nói ở phần mở đầu của Sách Sấm:

*“Nước Nam từ thuở Hồng Bàng
Đổi thay cuộc thế, gian sang chuyển vần
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần thuở trước
Đã bao lần vận nước đổi thay
Núi song thiên định đặt bày*

Đồ Thư một quyển xem ngay mới rành”

Về Đức Trí: Trí tuệ Ông có được là nhờ vào nghiên cứu sách Đồ Thư của Nguyên Nho Việt Dịch do đốt trúc gây thâm tạo nên (5). Khổng Tử “học Dịch cho bớt sai lầm”, Cụ Trạng nghiên cứu Dịch để trí tuệ thông sáng, biết mọi sự mọi việc trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Nhờ TRÍ mà cụ Trạng thấy được cái nội tình vào thời của Cụ như là việc “định tại thiên thư” (6). “Sông có khúc, người có lúc” và đất nước thì có vận hạn của nó như thế được an bài vậy. Yếu tố nhân định “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều” (7) cũng cần đòi hỏi thời vị, phải hội đủ “thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa” thì việc mới thành tựu... Tình thế đất nước vào thời Cụ không thể cứu chữa, cụ thấy được điều này nên không tham chính mà trở về “vô vi”, sống với thiên nhiên, hưởng nhàn như cụ tâm sự:

“... Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn người đến chốn lao xao

Thu ăn măng trúc đồng ăn giá

Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao

Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”

_ Cụ Trạng là Một Hiền Nhân

Về Đức Nhân hay tâm lành: Qua sự thở lộ tâm tình của Cụ như trên, tưởng chừng như Cụ tiêu cực, sống ngoài lề xã hội, buông xuôi phó mặc cho dòng đời để định mạng an bài, cụ đã “vô vi” (không làm). Nhưng thực chất thì không phải vậy: Đó là cái thấy hời hợt bế ngoài, thực chất Cụ đã “Vô vi nhi vô bất vi”. Cái trí của cụ sáng suốt đã đành, mà tâm của Cụ cũng to lăm. Vì cái tâm lành mà cụ đã hành động không vì danh lợi riêng tư, không vì danh, không lợi cho cá nhân (không ra làm quan để hưởng bỗng lộc), Cụ không làm nhưng cũng không không không làm, nghĩa là Cụ có làm hay không gì không làm!: “Vô vi nhi vô bất vi”. Cụ thấy được vận nước và đã làm chính trị với ý nghĩa chân chính là giúp dân, giúp nước mà không cầu lợi cho mình:

Cụ lui về “vô vi” nhưng thấy dân khổ, nước loạn cũng không thể bỏ mặc cho đời và vì bối tâm lành nên Cụ Trạng đã thi hành kế sách “vô vi nhi vô bất vi”: 1) Để ngăn chặn giặc Bắc lợi dụng tình hình loạn li của nước ta mà sang xâm lấn, cụ cho học trò đến cố vấn cho nhà Mạc chiếm lĩnh vùng Cao Bằng. 2) Cụ khuyên Chúa Trịnh núp dưới bóng nhà Lê để hưởng phúc, nhằm giữ sự ổn định tạm thời trong tình thế rối ren, phức tạp 3) Cụ xúi dòng Nguyễn vào Nam nhằm mở mang bờ cõi với câu: “hoành sơn nhất đáy, vạn đại dung thân” ... Chưa kể việc Cụ để sấm truyền để răn dạy và hướng dẫn những nhà chính trị đời sau.

_ Cụ Trạng và Đức Dũng

Về Đức Dũng: Dũng có hai loại, Dũng hướng ngoại và hướng nội. Dũng hướng ngoại nhằm thắng người; Dũng hướng nội nhằm thắng mình. Dũng nhằm thắng mình là cái dũng của các bậc chân tu, cái Dũng của các bậc chân nhân!

Cái Dũng hướng ngoại thì dễ thấy, nó được thúc đẩy bởi lòng háo thắng, háo danh: “làm nên đấng anh hùng đâu đó tổ” (8)... “Làm trai cho đáng nên trai, Xuống Đông, Đông tịnh, lên Đoài, Đoài tan”...

Cái Dũng hướng nội nhằm tu than để chế ngự cái thắt tình lục dục trong ta, là những cái: tham, sân, si, hỉ, nộ ái, ố. Có được Đức Dũng này thì thắng được tánh háo danh, tham lợi, sống chết không làm run sợ, xem chúng như là qui luật tất yếu thản nhiên đón nhận nó. Không trách Người, không oán Trời, hùng tráng đứng giữa Trời Đất mà không ý cậy vào, giữ vững tư thế của Ngôi Nhân Hoàng “Trung lập nhi bất ý cường chi kiểu”

Cái dũng này chỉ những bậc Thánh Nhân mới có được. Kẻ phàm phu thường hướng cái dũng của mình vào thắng người mà không chịu thắng mình.

Cụ Trạng quả là nhân tài gồm đủ Nhân, Trí, Dũng, là mẫu người tiêu biểu của người quân tử Việt Nho, vượt trên Người Hiền đơn thuần do cảm tính mà ta nghĩ về Cụ.

Chốt lại, vẫn biết viết theo kiểu không chính qui, không

theo qui cách phương tây thì khó tìm sự đồng thuận của học giả chuyên nghiệp, nhưng những điều trình bày trên hẳn không là chuyên bia đặt do cảm tính cá nhân, mà là từ môn Lý Sổ xây dựng trên nền tảng của nền Văn Hóa Việt Nho, tuy đã bị phai nhạt qua thời gian, mờ nhạt tưởng chừng như huyễn hoặc, nhưng lại đầy tính khách quan của khoa học, vì nó y cứ trên các con toán số... Mà, đã là toán số, thì tự thân nó đã mang tính khách quan rồi! Điều này cũng có nghĩa nữa là: Bài viết không là trước tác, mà là trước thuật: Tôi chỉ thuật lại cái vốn có sẵn từ trước chứ không chế tác: "Ngô dĩ Thuật nhi bất tác"!

Cái nền văn hóa giúp ta thấy thay vì nghe nầy nghe chừng khó lọt tai (?), nhưng quen dần rồi sẽ thuận mắt và khi đã quen mắt thì dễ đi đến đồng thuận vì tính khách quan của thể loại văn hóa này: Với mắt thấy thì ai cũng sẽ thấy như nhau, cái còn lại chỉ là biết cách "đọc" bằng cách nhìn thể loại văn hóa tượng hình, tượng ý để dẫn thẳng vào Đạo Lý, đúng với qui trình đọc nó phải là: "Bỏ lời lấy tượng, bỏ tượng lấy ý, bỏ ý lấy Đạo"

Cái thói thường là: Muốn bỏ một thói lè đã được chấp nhận từ trước, của nhiều người, qua nhiều thế hệ, không phải là dễ dàng. Đây không phải là chuyện của ngày một, ngày hai mà đòi hỏi phải nhiều thời gian và công sức của nhiều người, có khi đòi hỏi qua nhiều thế hệ nữa không chừng, mới thuyết phục người khác, nhưng điều quan trọng ở đây là: Vấn đề đặt ra và y cứ vào có khách quan hay không ? có để hướng tới sự chân chính (Chân), có hướng về điều thiện lành (Thiện) và chúng ta có đủ kiên nhẫn (Nhẫn) để đeo đuổi cái Thiện, cái Chân nầy chăng ? Nói khác đi, ta có đủ bộ Tam Tài Thiên Địa Nhân, Tam Tánh Bi Trí Dũng hay Ba Ngôi Cha Con và Thánh Thần, cũng là tượng hình và tượng ý của mẫu người Táo Việt mà người quân tử Việt Nho chọn làm hướng để đi theo chăng ?

Thật ra tác giả không mong sớm có đồng thuận của nhiều người, được vậy thì càng tốt, còn không, chỉ mong được như là một sự đóng góp nhỏ nhoi để tiếp tục truyền lại cái di chúc Văn Hóa Truyền Dòng, để con cháu Tiên Rồng vốn "không mong ruộng cả ao liền mà mong cái bút cái nghiên anh đồ", hoặc của các cô gái chân quê vốn nặng lòng với Văn Hóa

Tiên Tổ:

*"Em thực tình công danh không chuông
Cửa nhà to, ao ruộng cũng không
Mà mong sao được tấm chồng
Văn hóa tiên tổ (9) người không hững hờ !"* (10)

Riêng tôi, tôi vững tin rằng Văn Hóa Việt tuy liên tục bị các thế lực ngoại lai phản động đã nhiều lần bức tử, từ giặc Tàu đến giặc Tây cho đến giặc Cộng ... nhưng nền văn hóa này đã không chết, nó đang hồi sinh, phục sinh ... nhất định sẽ sống lại để dẫn nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới này.

Chú thích:

- (1) Nguồn: Minh Triết Việt 2 trên mạng An Việt, tác giả Nguyễn Việt Nho
- (2), (3) Nguồn: Quốc Kỳ và Ý Nghĩa Của Nó Qua Các Thời Dưới Lăng Kính Dịch Lý _Mạng An Việt _ Nguyễn Việt Nho
- (4) Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ
- (5) Nguồn: Nguồn Gốc Kinh Dịch _ Văn Hóa Cổ Việt _ Nguyễn Việt Nho _ XB 2004
- (6) Lý Thường Kiệt
- (7) Kiều _ Nguyễn Du
- (8) Nguyễn Công Trứ
- (9) Văn Hóa Việt Nho được diễn đạt bằng Đạo tư Ông Dương Càn (____) và Bà Âm Khôn (_ _)
- (10) Thơ Nguyễn Việt Nho

DANH NGÔN

Hạnh phúc tuyệt đỉnh của cuộc đời là xác tín rằng chúng ta được yêu thương.

Victor Hugo

Chachacha **Ánh Xuân**

Nhạc & lời: Nhật Hạnh

Kia Xuân đến mang ánh Xuân rắc gieo ngàn nơi.
...đến mang ánh dương sáng lên trán gian.

Dàn bướm Nhạc tấu

khoe đôi cánh nhung thước tha tuyệt vời.
vang nồng tiếng ca thiết tha nhịp nhàng.

Muôn chim vui lìu
Xuân láng láng ý

lo tung cánh bay rợp trời. Hoa đua chen sắc hương đón mừng Xuân
thơ yêu ánh trăng mơ màng. Xuân mang cho giấc...

tối. Mùa Xuân... mơ được cuộc sống giàu sang.

Vui mừng Xuân tấu lên khúc nhạc tung bừng. Hân hoan vang

ca Chúa Xuân giao hòa nhân thế. Nhà nhà yên vui nơi nơi ấm no yêu

đời. Cho nhau tình người nụ cười rạng rỡ trên môi.

Kia Xuân đến mang lá hoa ướm lên ngàn cây.
...đến mang ước mơ ấm no tự do.

Tỏa ngát Ngàn trẻ

hương tố điểm thêm thắm tươi cho đời.
thơ thôi hết lo sống trong mong chờ.

Xuân se duyên kết
Xuân mong sao thế

tơ cho lứa đôi sum vầy. Xuân cho cô gái mơ đôi má hồng hây

gian thôi chiến tranh lan tràn. Xuân bao la thiết...

hây. Mùa Xuân... ...tha người người sẽ bình an.

NHỮNG CÁNH THIỆP GỎI VỢ



Lê Tấn Phước

27th Anniversary

N. yêu dấu,

Thật tình anh chẳng biết nói gì với em nhân kỷ niệm hai mươi bảy năm ngày thành hôn của hai chúng mình. Những lời lẽ yêu đương nồng nàn đã được nói lên hằng ngày, những hành động chứa chan tình cảm đã được làm hằng phút, thì giờ này anh còn biết nói thêm gì được nữa đây.

Đã ba mươi bốn năm từ ngày quen nhau, đã hai mươi bảy năm từ ngày sống chung với nhau, cứ mỗi một ngày mới đến, là mỗi một ngày anh thấy em đáng yêu hơn, là mỗi một ngày anh thấy yêu em hơn, là mỗi một ngày anh thấy mình hạnh phúc hơn, là mỗi một ngày anh thấy cuộc đời quả là đáng sống.

Hai mươi bảy năm gần gũi nhau, hai mươi bảy năm cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, hai mươi bảy năm theo nhau đến các chân trời góc biển, hai mươi bảy năm chắt chiu từng kỷ niệm, hai mươi bảy năm tình mình ngày càng nồng nàn... Anh muốn được nhiều lần hai mươi bảy năm như vậy để cùng em sống hạnh phúc bên nhau trọn kiếp này và nhiều kiếp về sau.

Và, một lần nữa, Anh tặng trọn trái tim của anh cho em. Trái tim anh tuy nhỏ, nhưng tình của anh dành cho em thì bao la vô cùng vô tận...



Giáng Sinh 1998

N. yêu dấu,

Kể từ ngày hai chúng ta nêu duyên chồng vợ, anh lúc nào cũng yêu em nồng nàn chẳng khi nào phai. Anh lúc nào cũng muốn đem lại niềm vui cho em, đem lại sự thoái mái cho em.

Anh nghĩ rằng cuộc đời chẳng có bao lăm, chẳng có gì trường tồn vĩnh cửu, vậy thì sao lại chẳng chiều vợ để cho vợ được vui lòng, cho gia đình được hạnh phúc. Vì nghĩ vậy nên anh cảm thấy rất vui vẻ khi chiều em, dù rằng đôi khi những đòi hỏi của em có vẻ ngang bướng thế nào ấy. Anh nghĩ rằng em cũng biết là những đòi hỏi đó của em là ngang bướng, nhưng vì biết thế nào anh cũng chiều em, nên em vẫn cứ nhõng nhéo đòi cho bằng được.

Gần gũi nhau mấy mươi năm trôi, em đã đi guốc trong bụng anh, em đã hiểu quá rõ anh miệng-cứng-ruột-mềm, nên em cứ năn nỉ ỉ ôi một hồi là anh sẽ bằng lòng tất cả. Mà anh không bằng lòng sao được khi em là một người vợ xứng đáng được chồng thương yêu chiều chuộng, xứng đáng được hưởng tất cả niềm hạnh phúc trên cõi đời này, bởi vì em là một người vợ lý tưởng mà anh muốn cùng em chia ngọt sẻ bùi cho đến khi răng long đầu bạc.

Anh thành thật nghĩ rằng anh đã rất khéo tu từ nhiều kiếp trước, nên kiếp này anh mới được gặp em, được em thương yêu, và được em nhận làm vợ. Anh cảm thấy mình là một người may mắn, rất nhiều may mắn là đằng khác.

Anh thấy vậy là quá đủ. Đời đã dài ngộ anh quá nhiều. Anh không còn mong muốn gì hơn. Nếu có mong muốn chẳng là anh mong muốn được sống hạnh phúc với em như vậy cho đến thiên thu.



34th Anniversary
N. yêu dấu,

Anh khám phá ra rằng em và anh giống như hai bánh xe

trong một bộ máy. Sau tám năm yêu nhau, và sau ba mươi bốn năm làm vợ chồng, hai bánh xe này đã ăn khớp với nhau một cách tuyệt diệu. Những trục trặc, những vướng mắc của thuở ban đầu không còn nữa.

Bây giờ, nhiều khi anh không cần nói, em cũng hiểu anh muốn nói gì; ngược lại, em không nói ra, anh cũng biết em muốn gì. Và, cũng nhiều khi, những gì anh nghĩ trong đầu cũng là những gì em đang nghĩ đến. Chỉ cần một người nói ra, là người kia “ô” lên một tiếng, “em (hay anh) cũng đang nghĩ như vậy”. Và cả hai cùng cười lớn, cười cho cái suy nghĩ trùng hợp hết sức đáng yêu đó.

Có lẽ vì vậy mà người ta nói rằng, vợ chồng càng sống với nhau, càng giống tánh nhau. Nhiều khi anh thấy lâu thật là lâu mình không to tiếng cãi vã với nhau một lần nào. Anh thấy quả thật chúng mình đã tìm thấy Thiên Đàng, đang sống trong Thiên Đang. Vợ chồng yêu thương nhau, quý trọng nhau, chìu chuộng nhau, là gia đình hạnh phúc, là đang sống trong Thiên Đàng. Thiên Đàng chính là đây, ngay ở cõi đời này, không cần tìm ở đâu xa. Hạnh Phúc quả thật là giản dị, và Thiên Đàng cũng thật là dễ tìm!

Anh thấy mình sống như vậy là quá đẹp, là quá đủ. Bây giờ anh chỉ muốn cùng em dung dăng dung dể đi du lịch khắp nơi, đi xem những cảnh đẹp trên thế giới và thưởng thức những món ăn ngon của các nước. Cuộc đời như vậy là quá đẹp! Yêu em nhiều!



35th Anniversary
N. yêu dấu,

Tiếc rằng anh không phải là thi sĩ để làm những vần thơ
diễn tuyệt ca ngợi nét dịu hiền của em;

Tiếc rằng anh không phải là nhạc sĩ để soạn những ca
khúc trữ tình ca ngợi tình yêu em;

Tiếc rằng anh không phải là họa sĩ để vẽ nên những
họa phẩm để đời ca ngợi vẻ đáng yêu của em.

Anh chỉ là một người chồng bình thường lúc nào cũng yêu thương em, và càng ngày càng yêu thương em hơn bởi vì em là một người vợ đáng yêu đáng quý, mà anh thấy là mình khéo tu lǎm mới có được em làm người bạn đời trong ba mươi lăm năm qua, và sẽ còn thêm ba mươi lăm năm nữa.



36th Anniversary
N. yêu dấu,

Anh đang ngồi chờ Michael tại nhà hàng Ruth s Chris, nhìn khung cảnh quen thuộc, trong lòng bỗng dâng lên một niềm thương em dào dạt, nên anh phải lấy giấy bút ra ghi lại cảm xúc của mình.

Giống như khi nãy, vừa từ chỗ đậu xe bước lên, nhìn thấy tiệm cũ của chị Th., anh thấy nhớ em vô cùng. Anh thấy mũi mình cay cay, nước mắt ứa ra. Vậy đó, cứ mỗi lần nhìn thấy một khung cảnh quen thuộc, là anh bỗng chợt nhớ tới em, nhớ tới lúc trước em và anh đã cùng đến chỗ này; nghĩ tới đó, anh lại thấy mũi anh cay cay, và nước mắt lại ứa ra. Mười lần như chục; điệp khúc đó cứ tái diễn hoài hoài. Khi đang lái xe cũng vậy, bỗng dừng nhớ tới em, thì mũi lại cay cay, và nước mắt lại ứa ra.

Anh thường nghĩ mình là người cứng rắn, nhưng mỗi lần nhớ tới em, anh lại ứa nước mắt, thì chẳng cứng rắn tí nào; đã không cứng rắn, mà còn mít ướt nữa. Có bị cho là mít ướt, thì anh cũng chịu. Vì thương vợ, mà bị cho là mít ướt, thì anh cũng vui vẻ chấp nhận. Bỗng nhiên anh thấy hai chữ “mít ướt” đáng yêu vô cùng.



N. yêu dấu,

Khi tối, lúc đang dọn dẹp, anh tìm thấy hai cái áo uniform cũ của em, trong lòng anh bỗng dâng lên một niềm thương khó tả. Anh đưa áo lên hít một hơi dài. Một mùi thơm quen thuộc khiến cho anh thấy ấm trong lòng chi lạ. Và anh lại thấy

nhớ em, và niềm yêu thương em lại dâng lên trong lòng. Anh thấy tình yêu thương của anh dành cho em nhạy cảm dễ sợ; cứ hẽ một tí, lại dâng lên; dâng lên một cách nhẹ nhàng, và dâng lên thật dễ dàng.

Em thường nói, nếu em mất đi, chắc là anh thương em lắm. Anh đâu có đợi em mất đi, rồi mới thương em nhiều lắm. Böyle giờ anh đã thương em đến mức không còn thương hơn được nữa. Như anh đã nhiều lần nói rằng, anh càng ngày càng thương em; ngày hôm nay anh thương em nhiều hơn ngày hôm qua. Ngày hôm nay anh thương em hơn ngày hôm qua là vì thời gian em và anh cùng được sống chung bên nhau đã mất đi một ngày. Những ngày còn lại ít dần đi, những ngày còn lại bỗng thấy quý hơn; bởi vậy mà anh thấy mỗi ngày anh mỗi thương em hơn.



N. yêu dấu,

Chỉ còn vài ngày nữa là đến ngày kỷ niệm thành hôn lần thứ ba mươi sáu của chúng mình. Ba mươi sáu năm chung sống với nhau, cộng thêm tám năm yêu nhau, vị chi là em và anh đã bốn mươi bốn năm cùng nhau chia sẻ những ngọt bùi của cuộc đời. Bốn mươi bốn năm qua chúng ta đã cùng nhau lên thác xuống ghềnh, đã cùng nhau trải qua những giây phút vui buồn, và đã dắt díu nhau đi hầu như khắp mọi miền đất nước và những nơi nổi tiếng trên thế giới.

Vậy là quá đú! Anh thấy chúng mình đã được Ông Trên ưu đãi rất nhiều. Anh thấy rất hạnh phúc với cuộc sống hiện tại bên em (và bên Bambi). Anh rất thỏa mãn, không mong cầu gì hơn. Nếu được mong cầu, anh chỉ muốn được sống mãi mãi hạnh phúc bên em.



Valentine's Day 2008
N. yêu dấu,

Đã lâu rồi anh không còn thấy bức bình khi em quên tắt đèn, và cũng không còn thấy khó chịu khi em vặn tắt vòi nước không kỹ khiến cho nước còn nhỏ giọt.

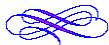
Trước đó, anh bực mình vì nghĩ rằng em lơ đãnh; anh thấy khó chịu vì nghĩ rằng em không có ý tứ. Nhưng dần dần anh mới nhận ra là không phải em lơ đãnh, và cũng không phải em vô ý tứ; mà chính thời gian - phải, chính thời gian - đã khiến cho em bắt đầu quên cái nầy, quên cái nọ; và cũng chính thời gian đã làm cho bàn tay em không còn mạnh mẽ như xưa. Bởi vậy mà em thường quên tắt đèn restroom, đèn bếp...; và cũng vì vậy mà em vặn tắt vòi nước không chặt, khiến cho nước vẫn còn nhỏ giọt.

Bây giờ, mỗi lần thấy em quên tắt đèn, anh âm thầm đi tắt đèn; mỗi lần thấy em vặn nước không chặt, anh âm thầm vặn lại. Anh không còn bực mình như xưa, anh không còn thấy khó chịu như trước.

Mà bực mình sao được, khó chịu sao được khi không phải lỗi ở em. Em có làm chi nên tội! Chính thời gian đã làm hao mòn trí nhớ, cũng chính thời gian đã lấy đi dần sức khỏe của chúng ta.

Đã bốn mươi bốn năm trôi qua kể từ ngày chúng ta mới yêu nhau. Bốn mươi bốn năm đã lấy mất dần tuổi trẻ của chúng ta -- của em và của anh, nhưng bốn mươi bốn năm qua cũng đã vun bồi cho tình yêu của chúng ta ngày càng đậm đà, ngày càng thắm thiết, ngày càng keo sơn, ngày càng bền chặt.

Thời gian đã hun đúc tình ta thành ngọn lửa thiêng cháy mãi ngàn năm. Và cũng chính thời gian đã biến mối tình non dại ngày nào thành tình thiên thu. Tình Thiên Thu!



Sinh Nhật 2010
N. yêu dấu,

Tối nay anh viết thiệp sinh nhật cho em. Lại thêm một ngày sinh nhật nữa đến. Lại thêm một năm nữa qua đi. Nhưng anh thấy em như càng ngày càng trẻ ra. Có lẽ em càng ngày càng yêu đời hơn nên trông em không có một nét nhăn nào của phiền muộn. Vì vậy mà nét mặt em lúc nào cũng tươi vui, cũng

yêu đời, cũng tỏa ra hào quang của hạnh phúc. Em tươi vui, em yêu đời, em hạnh phúc là vì anh càng ngày yêu thương em, càng chiều chuộng em.

Anh nguyệt sẽ mãi mãi yêu thương và chiều chuộng em suốt đời. Đời này, và những đời sau.



38th Anniversary (2010)

N. yêu dấu,

Thật là lạ, lúc nào anh cũng thấy ngày hôm nay anh thấy thương em nhiều hơn ngày hôm qua. Ngày hôm qua anh thương em vẫn thầm thiết, vẫn đậm đà, nhưng ngày hôm nay anh thấy anh thương em thầm thiết hơn và đậm đà hơn.

Và cứ như vậy, mỗi ngày qua đi, anh lại thấy thương em nhiều hơn ngày hôm trước.

Đã ba mươi tám năm trôi qua kể từ ngày anh và em kết duyên chồng vợ với nhau. Trong ba mươi tám năm qua, không ngày nào mà anh không thấy thương em nhiều hơn ngày hôm trước.

Nếu tình yêu có thể cân đo đong đếm được, thì giờ này tình anh thương yêu em sẽ không có một dụng cụ đo lường nào có thể cân đo được. Tình anh thương em cao vời vượt quá trời xanh và rộng mênh mông như vũ trụ bao la.

Mỗi tối trước khi ngủ anh đều cảm tạ Trời Phật đã ban cho anh một người vợ hiền và một đứa con ngoan (Bambi).

Và anh cảm ơn em đã yêu thương anh và chấp nhận chia ngọt sẻ bùi với anh trong suốt ba mươi tám năm qua. Có biết bao biến động trong ba mươi tám năm qua, nhưng anh và em vẫn sát cánh bên nhau, vẫn dắt đầu nhau tay trong tay đi chung hơn nửa đời người.

Và chúng mình sẽ tay trong tay cùng nhau đi trọn đường đời. Đời này, và những đời sau.

Em Xin Tạ Lỗi Cùng Người

□ Linh Vang

You Are
Loved

Năm đó trường còn mang tên Central Community College, chưa là Central Washington University như bây giờ. Trường đứng ra nhận chừng 30 thanh niên nam nữ Việt, phần lớn ở tuổi 20, chỉ có hai chị là 25, 26 tuổi, mỗi chị có mang theo được một cậu em trai choai choai, nên cả chị lẫn em đều được nhận học, cho ăn ở và học Anh Văn miễn phí nguyên mùa hè. Nam ở một khu, nữ ở một khu. Được cấp thẻ ăn: ăn sáng, ăn trưa, và ăn chiều.

Đang đầu mùa hè, lê táo còn nhỏ, nhưng trái mơ đã chín vàng và rụng đầy trên con đường chạy dọc theo mặt trước của ngôi trường. Thành phố nhỏ và êm đềm, sinh hoạt của nó gắn liền với trường, chỉ đi bộ chừng 10 phút từ trường là ra tới phố chính. Du biết có cái tiệm thực phẩm mang tên Albertson và cái quán kem mang tên Dairy Queen từ dạo đó. Dân tình ở đây rất thân thiện, gặp nhau trên lối đi, thường mỉm cười và chào hỏi nhau.

Có con lạch nhỏ chảy qua campus, hai bên bờ uốn éo buông lả xuống mặt nước những cành dương liễu mảnh mai. Những trưa, những chiều, đi học ngang qua đây, Du hay dừng lại, đứng trên cầu gỗ nhìn xuống dòng nước chảy êm á, Du lại nghĩ tới cầu gỗ ở Sở Thú. Nàng ở Hitchcock Hall. Đêm khuya thỉnh thoảng có tiếng còi xe lửa từ xa hụ về. Sau đó Du mới

khám phá là gần trường có đường rầy xe lửa làm nàng lại nhớ đến Cổng Xe Lửa Số 6 bên nhà. Những đêm nhớ nhà, nhớ người tình rồi không ngủ được, nghe tiếng còi xe lửa, Du thấy lòng buồn nẫu ruột.



Hết mùa hè, Du về sống với gia đình, quyết định vào đại học cộng đồng gần nhà. Bố mẹ nàng chỉ mong như thế để được gần con, vui mừng ra mặt, dù đại học Washington trên Seattle cũng đã chịu nhận nàng vào trường...

Còn những mươi lăm phút nữa, lớp English mới bắt đầu. Du vẫn còn xoa xoa hai bàn tay lạnh cứng, vẫn còn đứng phân vân ở khu giải lao có kê hai cái máy bán nước. Một bán những loại lạnh như nước cam, nước coke, nước chanh, nước cherry.... Một bán những loại nóng như cà phê, ca cao,...Trời lạnh, uống một ly gì nóng cho ấm bụng thì có lý hơn. Du móc túi lấy đồng 25 xu, bỏ vào máy, kê cái ly giấy vào, bấm nút mua một ly ca cao. Hầu như sáng mùa lạnh nào Du cũng làm như thế -nìn loại này loại nọ nhưng rồi chỉ chọn ca cao.

Ông Garrett đang làm trưởng ban của ban Anh Văn. Ngồi xe lăn, ông có khuôn mặt trắng trẻo, rất sáng, rất thông minh. Ông dạy nhiều lớp English, đủ trình độ cao thấp, mà trong đó có lớp English 100 này. Sáng nào, ông cũng vào lớp sớm, ngồi chấm bài, khi lớp học chưa có một đứa học trò nào, ngoài Du. Sau khi mua ly ca cao thì Du hay vào lớp, lợi dụng lúc lớp chưa bắt đầu, đem sách ra đọc hay dò lại bài tập. Nàng ngồi ngay bàn đầu, ở một góc lớp. Thỉnh thoảng, hai thầy trò ngẩng đầu, nhìn nhau, nhưng không ai nói với ai lời nào. Một hai lần nàng bắt gặp cái nhìn trìu mến của người thầy trẻ dành cho mình.

Mấy đoạn văn nàng viết được ông khen và cho điểm A, có bài còn được ông sao lại, dùng làm bài mẫu, phát cho cả lớp, dĩ nhiên là sau khi xin phép nàng-nàng lờ ngớ không hiểu sao ông cần xin phép. Sau đó không bao lâu, ông hỏi nàng có muốn làm tutor không? Nàng bảo nàng không biết tutor là gì và nàng làm có được không? Ông nói, là chấm bài của học trò, theo cuốn sách có giải đáp đúng hay sai; còn phần sửa câu văn thì để cho thầy sửa. Làm sau giờ học, 10 tiếng một tuần, được

trả lương giờ. Phải coi em có đủ điều kiện tài chánh không đã? Nghĩa là phải nghèo mà cần đi làm để có tiền đi học. Là dân tị nạn mới qua Mỹ, đang xin financial aid, khoản tài trợ để trả học phí và sách vở, nên xem như đủ điều kiện rồi. Ông viết cho nàng một tờ giấy, kêu nàng đem đến văn phòng tài chánh để nhân viên ở đó làm thủ tục cho nàng làm cho ông. Nàng vui mừng nhảy nhót chân sáo, muốn lúc đó chạy nhanh về nhà để báo cho ba má hay.

Học và làm việc, rồi ngồi xe buýt chiếm hết thời giờ ban ngày của nàng. Nàng cần bận rộn như thế để khỏi buồn vì nhớ chàng. Nhưng đêm về, cái khoảng thời gian như vô tận với nỗi nhớ thương, nàng gọi khẽ tên chàng bao nhiêu lần, trong đêm cô quạnh, trong giấc ngủ chập chờn. Những đêm trôi có trăng, trăng sáng rọi vào giường, khiến nàng thêm trăn trở. Böyle giờ, bên đó đang là ban ngày, chàng đang ngược xuôi cho cuộc sống mới hay đang làm gì, có khi nào chàng nhớ đến nàng như nàng vẫn nhớ đến chàng?

Không bao lâu nàng đã biết thành phố thân yêu giờ đã đổi tên. Nhưng cũng khá lâu nàng mới biết con đường chạy ngang qua nhà nàng cũng đã mang tên mới, tên một gã đặc công nào đã chết cho lý tưởng bên kia. Chàng có còn được đến trường, giảng đường Dược Khoa bên kia đối diện với Văn Khoa của nàng bên này? Có được tốt nghiệp hay không? Chàng có thích nghi được với thay đổi mới hay không? Nàng chưa một lần nhận được lá thư nào của chàng. Hai người vẫn không có cách nào để liên lạc, để biết tin tức của nhau. Anh ơi! Anh có biết em đang sống như thế nào không? Em ở đây mà đầu óc thì như chưa bao giờ rời Việt Nam, như vẫn quanh quẩn cạnh anh ở bên ấy. Nhớ ngày cuối em rủ anh cùng đi với gia đình em, anh bảo anh về xin phép ba mẹ anh đã. Nếu anh có quay lại thì em cũng đã đi rồi, vì mọi việc diễn tiến quá nhanh, không thể nào chờ anh được nữa. Em ra đi mà ân hận chưa nói với anh một lời từ biệt, chưa trao cho anh một nụ hôn cuối.

Nàng đi học bằng xe buýt. Hai chuyến buýt. Một chuyến từ nhà xuống phố, một chuyến từ phố lên trường. Lúc về cũng thế. May anh em Tuấn đã có xe - Tuấn học cùng trường

mà Du vừa mới quen biết. Những ngày ông anh lớn không có giờ học thì Tuấn lấy xe chở nàng về, dù là trái đường. Mỗi đầu nàng cũng ái ngại khi nhỡ một gã con trai mới quen biết đưa về, nhưng thấy đón xe buýt mất thì giờ và nhiều ngày lại gặp cảnh đứng đợi ngoài đường lạnh lẽo, mà Tuấn thì cứ nài nỉ nên nàng đã lên xe của Tuấn để anh chở về nhà. Sau nhiều lần thì bạn bè Việt đã bắt đầu dòm ngó, nhởn nhơ với nhau là Tuấn đang đeo đuổi nàng, và cho rằng nàng đã chịu Tuấn. Nói là bạn bè Việt vì chỉ một nhúm sinh viên Việt gần gũi nhau. Thời gian đầu là nước lợ cái, mọ rị bắt chước nhau lấy lớp, chọn môn học. Con trai nhiều hơn con gái, gấp ba gấp bốn lần, nghĩa là có năm đứa con gái mà có tới hai mươi mấy đứa con trai. Đám con trai này, có người đã đi học đại học bên Việt Nam, có người đã đi lính, làm lính trẻ măng, trong cơn hốt hoảng, một thân nhẹ gánh nén dẽ chạy. Böyle giờ tất cả vì sẵn còn được hưởng tiền trợ cấp xã hội nên đã ghi danh học trường đại học công đồng. Học để mà học, chứ không ai chắc chắn mình sẽ học hết hai năm hay bốn năm hay đi kiếm việc làm. Việc trước tiên là học ESL - Anh ngữ như ngôn ngữ thứ hai- và lấy lớp toán vì môn toán không cần biết tiếng Anh nhiều, với lại bên Việt Nam ai cũng học xong trung học nên khi lấy lớp toán bên này thì thấy môn toán rất dễ, giống như học lại. Thậm chí có người cũng chẳng buồn vào lớp. Dù vậy khi có bài thi thì vẫn lấy được điểm cao. Mỗi đầu ông thầy còn nghi là người đó vào thi dùm cho ai!

Năm đó, cuối tháng mười trời Tây Bắc có rất nhiều sương mù và đã bắt đầu lành lạnh, lá vàng còn trên cành mây tuân trước giờ đây đã rơi rụng đầy đường, mà nhà trường chưa kịp cho lao công quét dọn. Nàng đứng đợi khá lâu mới thấy xe của Tuấn trườn tới. Khi nàng bước lên xe, người vẫn run run thì Tuấn đã mau mắn vặn sưởi cho nàng ấm áp. Sưởi làm nàng dễ chịu ngay, nàng nhỏ nhẹ nói:

“Cảm ơn anh!”

“Có ngày Du về sớm à? Tôi ra 3 giờ, không thấy.”

“Vâng! Thứ ba, thứ năm, không có lớp nhiệm ý nên về hai giờ.”

“Những hôm đó, Du đợi tôi một tiếng được không? Tôi sẽ cho

Du quá giang, Du không phải đứng đợi buýt lạnh lẽo.”

“Sợ phiền anh quá! Vì không thuận đường.”

“Có gì mà phiền! Xe chạy chứ tôi đâu có chạy. Trời chiều mau tối, Du đứng một mình không nê.”

“Không sao đâu anh! Cũng có đám học trò nhỏ của trường trung học đệ nhất cấp bên kia đường, ra đón buýt cùng lúc.”

“Nhưng xuống phố rồi lại chờ chuyến khác?”

“Đúng vậy đó anh! Chờ cũng khoảng 20 phút.”

Tuấn nói như tiếng thở than giùm nàng:

“Mai mốt mùa đông...xứ này có tuyết!...thân gái ốm yếu...”

“Cũng đã nghĩ đến chuyện đó, nhưng chắc là cứ nai nịt cho kỹ thôi, anh à, không sao đâu.” Nói tới đây thì nàng cười:

“Người Việt mình giỏi sức chịu đựng mà anh.”

“Buổi sáng hai anh em đi chung với nhau...”

Nàng cũng hiểu được là anh muốn đi chờ nàng nhưng không tiện. Nàng hơi cảm động vì tình anh. Nhưng nàng vờ như không để ý câu nói lửng của anh, nàng nói nhỏ.

“Anh quẹo ra exit gần tới này, đi freeway cho mau.”

Nàng khá rành cái exit này vì thấy mỗi khi ba nàng đến đón nàng thì ông hay lấy exit đó. Ở thành phố này chỉ mới vài tháng, nàng chưa rành đường sá, chỉ biết một lộ trình xe buýt từ nhà đến trường, từ trường về nhà, và vài con đường mà người bảo trợ hay ba nàng chờ đi qua. Sao mà đường nào cũng giống đường nào!

Được Tuấn chờ về thì nàng được lợi cả tiếng. Nàng có thể có một giấc ngủ ngắn buổi chiều trước khi cả gia đình có

mặt đầy đủ ở nhà và cùng ngồi vào bàn ăn bữa cơm tối. Người trong nhà ai cũng bận, sau cơm tối có hai đêm ba nàng phải chở mẹ nàng đi học Anh Ngữ. Bà học chung với nhiều người Việt khác và cũng có nhiều bà Đại Hàn có chồng Mỹ đi lính nữa. Vùng này có hai trại lính.

Chiều nay, nàng thấy một lá thư để trên bàn học. Thoáng nhìn, nàng biết là của cô bạn thân hiện đang ở Canada. Nàng chưa rảnh để coi ngay. Quỳ là bạn từ thời Lê Bảo Tịnh. Năm đệ nhị, Quỳ đổi sang học Nguyễn Bá Tòng. Ở trường mới, Quỳ có bạn mới, nhưng nàng với Quỳ vẫn giữ liên lạc mật thiết, thường cứ vài tuần là gặp nhau. Tán gẫu, rủ nhau đi ăn quà vặt. Từ ngày gặp nhau ở Guam rồi mỗi người đi mỗi nước, tuy vậy, vẫn còn thư từ thường xuyên cho nhau. Vẫn là những than thở cô đơn của những ngày chưa quen nơi quê người xứ lạ. Nhất là mùa hè đầu tiên. Chao ơi là nhớ! Nhớ người, nhớ cảnh. Bỡ ngỡ với những cái mới. Quỳ có anh đi du học ở Canada nên khi gia đình Quỳ qua thì đã không bỡ ngỡ nhiều như gia đình nàng là không có người thân nào đã ở sẵn bên Mỹ này.

Hồi đó, tuy nàng có bạn mới và Quỳ có bạn mới, nhưng hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Vào năm đệ nhị, Quỳ đã tâm sự là cô đang có người yêu, là đại úy nhảy dù. Hùng chỉ mới 26 tuổi, nhưng nhờ có nhiều chiến công nên lén lon mau. Quỳ chỉ mới 18 tuổi. Hùng là bạn của ông anh lớn của Quỳ. Thư từ Hùng viết gửi về, Quỳ thường cho bạn mới là Phượng coi, có lẽ vì dạo ấy nàng ngây ngô quá, chỉ lo học thôi, nên Quỳ không hay kể lể nhiều chuyện tình của Quỳ cho nàng nghe. Nhưng Quỳ đâu có biết! Nàng đã có người đeo đuổi, yêu thương nàng. Và nàng cũng đã cảm động đón nhận tình của chàng. Chàng đang học năm cuối đại học. Hai người hứa hẹn sẽ làm lễ đính hôn một năm sau khi chàng ra trường, và đám cưới một năm sau nữa. Cho tới ngày nàng rời Việt Nam, cuộc tình đó đã được ba tuổi!

Cuộc tình gắn bó lâu dài đủ để bây giờ nàng ray rứt, khôn nguôi. Không ai biết cả! Ngay cả bạn nàng, ngay cả gia đình nàng - tưởng chàng chỉ là người kèm nàng thi Tú Tài, sau đó là người anh tinh thần! Nên không ai ngờ tại sao chạy thoát được ra nước ngoài mà nàng lại buồn đến như thế. Nàng mang

thân thể nàng ra đi mà hồn nàng thì nàng để lại. Nàng cứ nhớ mãi bữa đó, than ôi, sao mà cứ nhớ bữa đó, chàng đã đến thăm nàng, ngay lúc cả nhà sửa soạn ra đi. Nàng có nắn nỉ chàng hãy đi cùng. Nhưng chàng bảo anh không quyết định được ngay, anh còn phải về nhà hỏi ý kiến cha mẹ anh. Nàng không hiểu nổi chàng. Nhiều người nếu được cơ hội như chàng thì họ đã chụp lấy, cha mẹ anh em gia đình sẽ tính sau. Lúc ở trại tị nạn, nàng thấy nhiều người cũng đã phải bỏ vợ con ở lại-vợ dại con thơ dĩ nhiên hoàn cảnh của họ thảm thương còn hơn chàng nhiều.

Mỗi nhớ nhung kỷ niệm xưa, nàng không hay trời đã tối từ lâu. Trăng sáng rọi vào phòng. Trăng 15 hay trăng 16, nàng không nhớ, nhưng trăng sáng lầm. Trăng đưa bóng cây táo lung linh trong phòng. Nàng bật đèn nơi bàn học, đem sách ra học. Sưởi trong nhà đang chạy. Bên ngoài hẳn là lạnh lầm rồi. Căn phòng ấm cúng. Nàng thì thầm như nói với chàng. Anh ơi, đêm nay em sẽ chăm chỉ học hành, em sẽ không nói chuyện với anh, anh nhé, không phải là vì em không nhớ anh đâu, mà vì em bận học bài, em muốn bài thi được điểm cao. Anh nhớ giữ gìn sức khỏe nha anh.

Về đêm, nàng vẫn có thói quen “nói chuyện” với chàng trên những trang giấy, như là một loại nhật ký viết cho chàng. Viết để quên đi nỗi buồn đang cô đơn nơi xứ người, viết để quên nỗi nhớ chàng. Em mong một ngày nào đó anh sẽ đọc được nhật ký em viết cho anh.



Sáng hôm sau, vừa thấy nàng ở trường, Tuấn đi nhanh để bắt kịp nàng, và khi hai người song song nhau, Tuấn nói ngay:

“Tôi qua, muốn gọi phone cho Du...”

“Có chuyện gì không anh?”

“Không! Không có chuyện gì!”

Vừa nói hai người vẫn bước đi. Du vẫn bước nhanh vì muốn gấp ông Garrett trước khi ông có lớp, để xem ông có dặn gì nàng

không. Tuấn cũng bước nhanh theo.

“Khóa tối, tôi cũng có việc rồi.”

“Vậy hả anh? Du mừng cho anh. Anh sẽ làm gì vậy?”

“Tôi làm tutor ở phòng math lab, là kèm toán cho sinh viên đó.”

“Vậy là đúng “nghề” của anh rồi, cựu sinh viên trường Phú Thọ mà! Khả năng toán của anh thì kèm cỡ nào mà không được.”

“Bao giờ thì Du mới lấy lớp toán?”

“Chắc cũng khóa tối. Chừng đó, nếu bí, Du sẽ nhờ anh đó.”

“Tôi sẵn sàng. Chỉ sợ Du không gấp bí và Du không nhờ.”

“Thế nào Du cũng bí mà, vì Du theo ban C.”

“Hèn gì Du mới qua mà đã giỏi Anh Văn nên người ta đã muốn Du chấm bài học trò!”

Du cười vui:

“Chỉ may mắn được ông Garrett thương tình giúp đỡ thôi, chứ không phải giỏi giang gì. Nếu là anh, anh cũng làm được đó.”

“Du nói chơi! Tôi đang học ESL lớp thấp nhất. Hồi ở Việt Nam, tôi đã chọn Pháp Văn làm sinh ngữ chính, bây giờ!”

Du chia tay Tuấn ở lối đi này. Nàng theo cái lối xi măng dốc xuống khu English. Tuấn đi thẳng qua khu Hóa Học. Du chợt nhớ quay đầu nói to cho Tuấn nghe:

“Anh Tuấn! Chiều nay, Du sẽ về muộn, nên anh không phải đợi Du. Du sẽ về chuyến buýt trễ.”

“Tôi sẽ đợi Du ở khu English, sẽ đưa Du về.”

“Cảm ơn anh, nếu không phiền anh lắm.”

Du thấy vui vui trong lòng. Dù sao, có Tuấn đưa về vẫn tiện hơn là đợi buýt.

Trong đám bạn gái phần lớn đều đi xe buýt đi học. Chỉ có chị em Thu Hương, Thu Hiền là có xe, vì nhu cầu của gia đình và là con lớn trong nhà nên Thu Hương bắt buộc phải học lái xe. Nhà này có một con trai lớn là trung úy không quân nhưng vì có người yêu nên lén ở lại. Và cũng vì việc ở lại này của người con trai duy nhất mà ông bố đã như dở dở điên điên trong thời gian đầu. Hồi ở Việt Nam ông là tài xế cho hãng Mỹ, nhưng qua đây, ông thi bằng lái xe không được vì không biết tiếng Anh, khiến đứa con gái đầu phải gánh vác việc xe cộ. Bên Việt Nam, Thu Hương đã học xong lớp Đệ Nhất nhưng qua đây vì muốn có thêm thời gian để trau dồi tiếng Anh nên Thu Hương vào lại lớp 12, đi học chung với cô em kế. Học trung học ngang xương không đầu không đuôi như vậy còn cực hơn là vào thẳng đại học cộng đồng. Sau này, Thu Hương bảo vậy.

Ông bố của chị em nó cuối tuần cứ uống bia nhậu nhẹt để quên đời. Người nhà cũng khổ lắm vì chuyện say sưa rồi chửi bới của ông. Ông chửi Mỹ, chửi những người làm trong những chương trình lo việc định cư cho người tị nạn. Ông đòi Mỹ đưa ông về Việt Nam. Những người làm trong những chương trình tị nạn cứ thấy mặt ông là sợ: sợ ông chửi. Họ đặt cho ông một cái tên là “cha Việt Nam”.



Một sáng thứ bảy. Du đang tự tay nắn nót viết thiệp cưới. Gửi bạn bè của Du và cả bạn bè của Tuấn, vì Tuấn bảo nét chữ của nàng đẹp. Biết là Tuấn lười nên ninh đàm nàng, nàng chỉ cười và vui vẻ làm. Chỉ còn hơn tháng nữa là đám cưới...

Thoáng đó mà đã sáu năm. Sáu năm ở xứ người nàng cố gắng tạo dựng một đời sống mới và cũng là sáu năm Tuấn kiên nhẫn đeo đuổi nàng, cuối cùng thì nàng cũng đã nhận lời làm vợ anh. Trong thời gian qua, Tuấn không những là người bạn trai mà cũng còn là người bạn thân của nàng, cùng nhau

chia sẻ những ngày chập chững, bõ ngõ nơi xứ người. Thời gian trôi nhanh. Tuấn và nàng đều đã ra trường và đi làm được hai năm. Công việc tốt, đời sống đã rất ổn định. Không những Tuấn chờ đợi ngày quan trọng này mà chính cha mẹ nàng cũng mong nàng yên bề gia đình. Con gái lớn thì phải lấy chồng, con còn đợi chờ gì nữa?

Tuấn cũng đã đặt cọc mua được một căn nhà, một căn nhà bé nhỏ, xinh xinh, rất gần nhà cha mẹ nàng. Dĩ nhiên là Tuấn cũng có hỏi ý kiến nàng, đưa nàng đi coi nhiều căn nhà mới cất để tự nàng chọn. Rõ ràng Tuấn đã coi nàng như người vợ tương lai của anh. Nàng cũng biết là nàng may mắn gặp được người thương yêu nàng thật lòng.

Du đã quên chàng ư? Mới đâu thì còn nhung nhớ, từ từ thì nàng cũng quên được người xưa. Nàng tưởng vậy, hay cố để cho người thân của nàng tưởng vậy. Sáu năm trôi qua, không một tin tức nào về chàng. Còn sống hay đã chết? Vài năm sau thư từ qua lại đã được, dù có khi người đọc phải ráng hiểu ý giữa những hàng chữ! Với nhiều đợt vượt biên, tin tức về quê nhà đã mang ra nước ngoài dễ dàng hơn. Nàng mơ hồ chờ đợi một điều mà nàng biết rõ là trái tim của nàng muốn như thế. Là chàng đã ra đi được. Đang ở một nơi nào mà không phải Việt Nam. Sẽ liên lạc với nàng vào một ngày không xa. Nàng nhủ thầm mình sẽ chỉ đợi thôi. Thì cứ đợi!

Mỗi khi nhớ tới chàng, nàng vẫn thấy nhói nhói nơi tim. Tuy lúc nào cũng có Tuấn bên cạnh ân cần săn sóc và chiều chuộng nàng, nhưng lòng nàng vẫn thấy như thiếu vắng một điều gì, ngay chính nàng cũng nhận ra tâm trạng đó. Có những ngày nàng thẫn thờ, tự hỏi, mình đã thật sự quên chàng chưa? Có khi Tuấn cũng không còn kiên nhẫn với nàng nên đã trách móc, em như vậy thì có công bình cho anh không? Nói thì nói vậy, nhưng chỉ vài ngày sau thì Tuấn trở lại săn sóc, bày tỏ thương yêu nàng vì Tuấn sợ mất nàng. Nàng cũng biết Tuấn yêu thương nàng nên có khi nàng cũng có thái độ như là chẳng cần Tuấn, nghĩ bụng chịu không nổi thì đi kiếm người khác mà yêu thương, kết hôn đi, theo tôi làm gì? Bởi vì cũng có những lúc nàng cảm thấy “ngộp thở” vì Tuấn!
Một cuộc sống với người xưa? Mơ mộng viển vông! Cả người

thân cũng sẽ bảo nàng như vậy. Mẹ nàng thực tế nói, cho dù nó có qua đây thì đã làm được gì? Tiếng Anh tiếng U không rành! Băng cấp ở Mỹ không có. Công ăn việc làm cũng không! Chẳng lẽ cứ dang tay mà lo cho nó! Mày là con gái, không ai làm chuyện ngược đời như vậy!



Mơ thiệp cuối cùng vừa gửi đi xong. Nét mặt rạng rỡ, ánh mắt nhìn theo người đưa thư, sau đó Tuấn quay lại cười đùa nói với nàng, bây giờ em có đổi ý thì cũng không được, muộn rồi. Nàng không cười, nghĩ bụng, thật vậy không? Tuấn vẫn vô tình:

“Chỉ mới xong phần thiệp, sao mà vẫn lu bu nhiều việc quá, cũng còn cả tháng nữa, giá mà anh với em chỉ ra tòa ký giấy cho mau, anh sẽ không phải đợi từng ngày. Du ơi, anh muốn em là vợ của anh ngay...bây giờ!

“Ai cho chúng mình làm như thế chứ!”



Chỉ còn một tuần lễ nữa là đến ngày cưới thì Du nhận được một lá thư đặc biệt. Vừa nhìn thấy cái tên viết ở góc bì thư thì tim nàng đã đập nhanh. Tay run run, mắt như mờ đi, phải hồi lâu mới mở được cái thư. Nét chữ quen thuộc sờ sờ ngay trước mặt. Thư viết khá dài, kể lể nhiều điều. Nàng chỉ biết là, người xưa đã vượt biển được và đang ở Texas! Bao lần chàng đã tìm đường vượt biển, bao lần chàng nằm tù vì tội vượt biển. Anh từng lang thang tìm mối đi ở tận miền Trung, quê em. Anh vẫn chưa yêu thương ai, bao năm vẫn tìm kiếm em... Nếu em đã có chồng thì anh sẽ không làm xáo trộn đời sống của em đâu...

Đọc hết lá thư, hai tay ôm má, Du gục mặt xuống bàn:

“Em sắp có chồng...và anh đang làm ...xáo trộn đời sống của em! Duy ơi! Em phải làm sao đây? Làm sao đây? Bao năm em tưởng em đã quên anh! Ôi, ông Trời thật trớ trêu,...Sao lại là lúc này?”

Nàng thốn thức khóc, giọt ngắn giọt dài, mắt nhòa đi.

Ngoài kia, trời đang nắng thì mây đen kéo về, sắp mưa. Bão tố không chừng!

Nàng biết trái tim và cái đầu của nàng không đồng ý với nhau.

Nàng đang bối rối đứng ở ngã ba đường, biết rẽ về phía nào đây. Nàng sẽ chọn Tuấn, vì mọi việc đã đâu vào đó? Tình anh, sự mong đợi của cả hai gia đình.

Nàng sẽ bỏ tất cả để đi gặp chàng? Chỉ có anh mới bù lấp khoảng trống trong trái tim em, đúng vậy, Duy ơi.

Chắc chắn là sự chọn lựa nào của nàng thì cũng làm một người đau khổ... vì nàng!

Em xin tạ lỗi cùng người. Người nào đây?

LINH VANG

CHUYỆN THẬT NGẮN

Tôi về, ở lâu bốn khách sạn Hải Âu, Qui Nhơn. Mời anh em cùng khổ CD ngày xưa đến cùng nhau tâm sự... rồi cùng kéo nhau xuống tầng dưới ăn tối. Cửa cầu thang vừa mở đã thấy một nhóm người đứng trước, chẵn ngang... đôi bên cùng bỡ ngỡ nhìn nhau, một người ăn mặc bê vê nói lớn:

- “Đi dza...”

Các bạn tôi lách người ra, tôi giang tay cản lại và nói:

- “Xin các ông tránh ra một bên cho chúng tôi đi ra”

Người kia lại nạt lớn tiếng hơn:

- “Đi dza...nhanh nê...”

- “Các ông nên theo nếp sống văn minh, văn hoá mới...một lần nữa, yêu cầu các ông tránh qua một bên cho chúng tôi đi ra”

Một người trẻ trong nhóm kéo nhẹ người đó, chúng tôi đi ra. Tôi quay lại người bạn trẻ, nói nhỏ:

- “Cám ơn”

Đi được vài bước, lại nghe tiếng ông ấy với giọng hậm hực:

- “Bố nào, bố nếu...”

Tôi quay lại nhìn ông ấy mỉm cười..khi cửa cầu thang máy từ từ khép lại...

Và nghĩ...cùng một suy nghĩ với các bạn tôi:

“ÔNG ẤY ĐANG CHỦI CHÍNH ÔNG ẤY”

Tạ Chí Thành (không dê)

CHỚM THU

Uyên Thông

Ngàn lá Ca-li đã ngã hồng.

Liễu gầy run rẩy những ngày phong.

Mây treo lờ lững trên sườn núi.

Nước cuốn lao xao dưới đáy sông.

Lắc phắc sương bay khơi nỗi nhớ.

Chơi với tuyết đỗ gợi buồn lòng.

Lệ sâu cay đắng nhòa đôi mắt.

Năm tháng dong đầy nỗi nhớ mong./.

UYÊN THÔNG.

Hàng Xóm

Trường An

Cứ mỗi buổi chiều vào lúc 5 giờ là Ông Linh có thói quen đi ra công viên để tập thể dục. Dãy nhà của Ông quay về hướng Tây nên mặt trời vẫn còn phủ lên cái sân đậu xe của Ông và cửa anh hàng xóm Anthony, một tấm bạt màu vàng nhạt có nhiều lỗ hổng to tướng. Mặt trời tháng sáu đỏ ối nǎm giữa hai chảng cây bụi bên kia đường như đang nhìn trộm xe cô, nhà cửa bên này. Đi ngang qua nhà người hàng xóm, Ông thấy Anthony đang cặm cuội rửa xe, một tay cầm cái vòi xịt nước, một tay cầm cái giẻ, lau chùi tấm kiếng trước cửa cái xe Camry màu đỏ mà Ông thấy vợ của Anthony thường lái. Lần đầu nói chuyện với Anthony, nghe tiếng nói của Anthony chồ mạnh, chồ nhẹ không giống cái giọng trầm bổng của người Mỹ nên Ông Linh tò mò hỏi. “Ê, Anthony, hình như anh không phải người Mỹ, anh từ đâu tới?” Và qua cái lần nói chuyện đó, Ông Linh biết được anh chàng hàng xóm là người Hòa Lan, khoảng 45 tuổi và đang làm kỹ sư phần mềm cho hãng Symantec, cùng một hàng với thằng con lớn. Ông còn biết thằng Anthony có con vợ người Mẽ, có nước da ngăm ngăm đen, có cặp mắt to, đen như mắt bò. Hai vợ chồng Anthony có một đứa con nhỏ, tuổi biết đi chập chững.

Ông Linh dừng lại chào Anthony và nói :

—Ê, Anthony, hình như anh rửa lộn cái xe rồi. Anh phải rửa cái xe Celica kia mới phải. Vừa nói, Ông Linh vừa đưa tay chỉ cái xe hai chồ ngồi đang đậu ở lề đường trước nhà. Cái xe có màu xám cũ rích, cũ rác, móp méo lung tung, phủ đầy bụi, trông giống như cái xe bị bệnh đậu mùa bởi những giọt mưa rào.

Anthony thoảng giật mình, dừng tay nhìn cái xe và nhìn Ông hàng xóm, Anthony vừa nói, vừa nhúng tay vào sô nước xà

phòng và lau chùi trên cái trim xe, để lộ ra cái màu bạc, bóng loáng của cái niềng xe.

-Xe này của tôi mà. Lộn thế nào được. Ngày nào tôi cũng thấy nó, chăm sóc nó, tắm rửa nó.

-Ý tôi muốn nói cái xe này của vợ anh, không phải của anh. Tại sao anh không rửa cái xe Celica kia của anh, mà anh lại rửa cái xe camry của vợ. Lộn rồi chở còn gì nữa, Ông Linh vừa nói vừa cười. Ông Linh chỉ thấy anh chàng Anthony rửa xe cho vợ thôi, chả bao giờ thấy anh ta săn sóc đến cái xe Celica, rách nát, bụi bặm của mình.

Có cái gì đó không công bằng trong đời sống hai vợ chồng ở Mỹ. Nhìn thấy hai cái xe của một cặp vợ chồng thì thấy ngay sự bất công bằng này. Cũng như anh chàng Anthony hàng xóm, Ông Linh lái cái xe truck Toyota cũ rích, tróc sơn lung tung. Và Ông Linh cũng chỉ rửa xe cho vợ thôi, họa hoắn lầm Ông mới đem cái xe của mình ra rửa.

Rửa xe cho vợ cũng là một cách làm lành với vợ, Ông Linh tình cờ đã thấy cái chân lý đó. Ông Linh còn nhớ cách đây vài năm, hai vợ chồng Ông giận nhau, cãi vã với nhau một trận lớn lầm, bởi vì Ông lấy một số tiền ra xài mà không cho bà Linh biết.

Ngồi trên cái băng ghế cao ở cái “khán đài” của công viên Meadow edenvale, Ông Linh nhìn thấy ánh nắng chia hai bãi cỏ, bên kia lăng ranh là sân vận động phủ bóng chiều tà và một bên là sân bóng chày phủ bóng tối. Nắng chiều như còn lưu luyến, chưa chịu rút lui vào đêm.

Trời bắt đầu lành lạnh như cái hôm Ông Linh rửa xe cho vợ. Ông mặc một cái áo vừa rách, vừa cũ, cặm cụi lau cái xe cho bà. Ông mở cái hood, rút cây thăm dâu quan sát, lau chùi năm bảy lần trên tấm giẻ, lại còn đưa lên mũi hửi hửi nữa để xem có mùi khét không. Bà Linh đứng trong nhà đang nấu ăn, bà nhìn qua cửa sổ nhà bếp, thấy Ông Linh đang chăm chỉ, rửa xe cho mình trong cái không khí lành lạnh của 6 giờ chiều, chăm chỉ đến nỗi quên cả bóng tối, lại mặc cái áo may ô mỏng manh, nên đậm thương ngang ông chồng. Ông Linh nhận ra

có một sự biến đổi nhanh chóng trong tâm hồn của bà qua cái giọng lớn tiếng: “Ba tụi bay chưa ăn, mà sao tụi bay ăn? Ra mồi Ba vô ăn cơm”. Hai thằng con chưa kịp đi, thì Bà Linh đã hé cửa, thò cái đầu ra ngoài, gọi

lớn: “Anh Linh vô ăn cơm”.

Ông Linh thở ra nhẹ nhõm. “Gớm! cả đời mới nghe trở lại cái giọng ngọt ngào xa xưa ấy”. Ông tin tối nay có thể làm lành với vợ. Ông cảm thấy có hơi ấm trong lòng chuyển động từ cổ xuống bụng. Dầu sao cái dịu dàng, đầm thắm của vợ trên giường cũng tốt hơn là hục hặc, cau có mà ông phải đối diện mấy tuần nay. Không có lần nào ông ngũ được bên bà vợ cẩn nhẫn, mặc dầu bà nằm im thin thịt, làm bộ như chết. Không có nỗi sợ hãi nào cho người đàn bà bằng nỗi sợ hãi xe hư dọc đường. Và cũng không có người đàn bà nào không ưa thích có một người đàn ông biết cách chăm sóc cái cơ thể của mình và biết cách chăm sóc cái cơ thể của chiếc xe nữa. Biết như vậy nên Ông Linh cứ vài ngày lại đem cái xe của vợ ra lau chùi. Hình như từ ngày tự ý làm cái việc lau chùi xe cho vợ, ông Linh thấy vợ nhường nhịn mình hơn, nghĩ là biết “ăn ở” với mình hơn. Thỉnh thoảng bà Linh cũng lời qua, tiếng lại, nhưng ông xem đó như những lời nhắc khéo của bà đem cái xe đi rửa vây thôi.

Trong công viên vẫn còn hai bà đi bộ. Một bà có dáng hình trái lê, một bà có dáng hình trái táo. Tarde, manana, esta bien, mucho... Nghe tiếng xì xào, Ông Linh biết họ là hai người đàn bà Mẽ tập đi bộ cho bớt cân. Ông Linh nhìn góc bên phải có nhiều cây thông cao vút đứng sát vào nhau như sợ lạnh, trông xa xa như một con khủng long in trên nền trời sẩm tối, nơi đó là khu chơi của trẻ con, ông vẫn còn thấy những chiếc đu lên cao, xuống thấp đều đều. Hình như trẻ con và người lớn nơi đây đều chưa muốn về ăn cơm tối. Có lần đi ngang qua sân đu của con nít, vào lúc trời còn sáng hơn một chút, lúc đó vào tháng 6 đầu mùa hè, ông Linh thấy anh chàng Anthony đang đẩy cái đu cho con. Ông Linh đứng nhìn và nói:

-Ê, Anthony! Anh đang đánh đu con người khác, lộn đứa nhỏ rồi. Anthony nhìn thấy ông Linh và biết Ông hay nói đùa. Cũng

có thể lăm chữ, bởi chung quanh đây cũng có nhiều đứa nhỏ đang chơi, trong cái tranh sáng, tranh tối của buổi chiều muộn. Tuy nhiên anh chàng hàng xóm vẫn trả lời:

-Con tôi mà ông Linh, có ngày nào tôi không tắm rửa cho nó, chơi với nó và bây giờ cho nó đánh đu, lộn thế nào được. Vừa nói Anthony vừa đẩy cái đu lên thật cao làm thằng nhỏ đang cười bỗng nín thinh vì sợ hãi.

-Ý tôi muốn nói, thằng nhỏ này là con của vợ anh, chứ không phải con của anh. Ông Linh nói xong mới thấy mình lỡ lời, không chừng nói tầm bậy mà đúng. Con riêng của vợ hay của chồng, đó là chuyện bình thường trong cái xã hội Mỹ này, mình tò mò quá chăng? Lần sau mình không nên nói đùa đến đời tư của hàng xóm nữa. Nhưng cũng may, anh chàng Anthony cũng dễ tính, thay vì khó chịu với ông hàng xóm, anh ta lại nói toẹt ra về gia đình của mình:

-Đứa con gái 16 tuổi thường ấm thằng nhỏ này như ông đã thấy là con của vợ tôi, còn thằng nhỏ này là con của tôi và bà. Ngày hôm qua tôi thấy ông Linh nói chuyện với ai sau vướn vậy, đâu phải bà Linh?

- Lâu lâu anh mới thấy vợ tôi nên anh mới ngộ nhận, ngày nào tôi cũng ăn, ở và... ngủ với chỉ có một bà đó thôi. Có một điều tôi chưa bao giờ tắm cho bà. Chả có người đàn bà nào lộn cả.

Ông Linh biết Anthony bắc chước mình nói đùa. Ông Linh thoáng nhớ qua đứa con gái có nước da ngăm ngăm đen mà Anthony vừa nói là con. Ban đầu ông và bà Linh cứ tưởng là em gái của vợ Anthony. “Con nhỏ trông đẹp thật, cái đẹp khỏe mạnh! Đẹp từ khuôn mặt, cặp mắt, cái mũi, làn da con gái lán mượt”. Bà Linh nói với ông. “Gái Mẽ có khác! Đâu như gái VN”. “Trước như sau, sau như trước. Già rồi trông vẫn vậy thôi”. Ông Linh nói với mình, nhưng đủ để bà Linh nghe. “Ông già cà chớn, lại bắt đầu ăn nói lung tung”, bà Linh nói như là khinh bỉ ông chồng.

-Tôi nói đùa mà anh. Ông Linh nhìn Anthony, nhìn khuôn mặt của anh ta, nhìn mái tóc nửa vàng, nửa bạc, chải lật ngược ra sau, bết đầy “gel”, gió mạnh củng không làm rối, rồi lại nhìn

thằng bé đang ngồi trên ghế đu, rồi ông quả quyết với anh bạn hàng xóm:

-Nó giống anh như hai giọt nước. Ông Linh chuyển đổi đề tài. “Chúc mừng anh”. Ông Linh nói cái gì tôi không hiểu. “Anh có xem bóng đá không ? Hòa Lan thắng Đức được vào chung kết world cup. “Chúc mừng đất nước của anh”. Ông Linh nhắc lại và anh chàng hàng xóm muốn níu ông đứng lại nói cho hết chuyện bóng đá world cup, chuyện cầu thủ Hòa Lan với thẻ vàng, thẻ đỏ, bỏ mặc thằng nhỏ bắt đầu ngồi khóc trên cái đu không còn được người cha đưa đẩy nữa. “Ngày 11 tháng 7 này, ngày champion world cup, mời ông Linh qua nhà tôi chơi, xem bóng đá”. Ông Linh quay gót bỏ đi mà vẫn nghe tiếng Anthony đuổi theo. Anh ta thích nói dai, nói dài về bóng đá, bởi một điều dễ hiểu: anh ta là người Hòa Lan, một nước được vào chung kết world cup với Tây Ban Nha.



Ông Linh thức dậy, nhìn đồng hồ thì đã 7 giờ sáng. Ông nhìn sang phía vợ nằm thì thấy trống trơn. Ông nhìn ra cửa sổ thì thấy bà Linh đang cầm cái vòi nước tưới rau. Ông đẩy cửa, thò chân vào đôi dép, và bước ra ngoài. Ông thấy nắng chạy trên hàng rào, nhưng vẫn thấy lành lạnh, nên lại quay vào mặc thêm cái áo ấm, rồi bước ra, đến đứng bên bà Linh. Ông gợi chuyện với Bà:

-Bà không thấy lạnh sao? Lại không mặc áo ấm, ngủ không được hay sao ra vưởn sớm thế? Chà, lại mặc áo quên gài nút nữa. Bộ muốn khoe của với cây đào, cây mận nào ở đây? Ông Linh nói như có vẻ chăm sóc đến vợ.

- Ông bắt chước ai mà dạo này ông ăn nói như có đe dọa thế?

- Tại vì bà không giống những người bạn của bà. Bà vẫn còn giữ phong độ, vẫn còn giữ thân hình như con gái, chẳng bì với những người bạn của bà, toàn là hạt đậu phụng biết đi. Nếu trời không có ánh sáng, nếu cái vườn rau của bà là vườn địa đàng, nếu trời có gió hiu hiu, nếu biển tĩnh, sóng yên... thì tôi sẽ ôm bà như ngày xưa, ngày xưa, hì, hì...

- Cây lựu nhà mình năm nay ít trái mà lớn. Em thấy có vài trái bắt đầu nứt nẽ, hái cúng trên bàn thờ được rồi.

Mỗi lần nhìn cây lựu với những trái lựu có màu sắc nửa đỏ, nửa vàng, không hiểu sao bà Linh lại nhớ đến những trái lựu ở quê nhà. Cả đời bà chưa thấy cây lựu, bây giờ qua Mỹ bà mới biết, lại còn làm chủ một cây lựu sai trái nữa. Dọc theo hàng rào giáp 4 mặt hàng xóm là cây lựu, cây táo, cây cam, cây mận, cây hồng. Dọc theo chân hàng rào bà Linh trồng đủ các loại rau như rau răm, rau má, xà lách, rau cải, cà chua... Có cả bụi sả nửa. Buổi tối nghe mùi rau răm bốc lên làm ông nhớ đến mùi hột vịt lộn, hay nhìn cây sả, ông lại nhớ đến thịt gà xào sả ớt màu vàng nghệ, ăn với cơm thì tuyệt! Ở góc bên trái, bà Linh còn trồng bụi nho. Viêc vườn tược là thú vui đam mê của bà Linh. Thỉnh thoảng Ông Linh ra vườn giúp vợ đào đất, làm cái giàn cho cây nho. Bên hàng xóm có trồng cây su có vài nhánh bò lén qua giàn cây nho. Vợ ông có lần bảo ông leo lên kéo dây su bò về phía cái giàn nho của mình để nay mai ra trái vợ ông hái. “Tụi Mỹ không biết ăn su, không hiểu cái thằng hàng xóm trồng làm gì? Su mà nấu với sườn heo non thì tuyệt!”. Ông nhớ năm ngoái bà Linh bắc ghế thò tay qua hàng rào hàng xóm rức trộm hai trái. Bà Mỹ trắng, chủ nhân của cây su bên sau nhà, đứng bên trong nhìn ra, thấy bức mà không nói.

- Ông leo lên hái cho tôi ít trái lựu đi.

- Tôi đang mặc quần đùi mà leo lên thang, sợ ở dưới bà thấy...

-Ông ăn nói lựu đạn.

-Bà chưa nghe tôi nói hết. Sợ ở dưới bà thấy trái lựu... mà không có đạn. Hay tôi đứng dưới vịn thang, bà leo lên hái đi.

-Tôi cũng sợ ở dưới ông không thấy trái lựu mà thấy... vú sữa .

-Bà ăn nói cà chớn, kể cũng vui.

-À há, tôi thấy vú...mà không có sữa.

Người hàng xóm bên phải, bên trái là thằng Anthony người và gia đình Ông Mỹ đen, bên có cây lựu, cây táo. Phía

sau có đến 3 Ông hàng xóm, từ trái qua phải là Ông Gomez già có hàm râu tủa gọn ghẽ, chung quanh cái mồm nhô xíu, ông Đính nhỏ thó chính giữa và ông Ân Độ với bộ râu quai nón rậm rạp đến nỗi không thấy cái miệng ông ở đâu. Ông Linh nhớ cách đây 20 năm khi mua cái nhà này, Ông Realtor Hùng đã nói: “Ông mua cái nhà này sẽ làm ăn phát đạt, đó là theo phong thủy, cái đít nở hậu của cái nhà này bự lắm”. Ông Linh mê cái nhà có cái lô đất bự gần 10 ngàn square feet, lại có cả hồ bơi nữa. Hai thằng con ông sẽ tha hồ bơi, khỏi cần đi gym. Sở dĩ cái “đít hậu” bự là vì cái mặt tiền của dãy nhà phía sau nhà ông nhầm ngay khúc quẹo gần 90 độ của con đường Felan. Vì cái thích nhất thời ban đầu mà ông, kéo theo cả bà Linh nữa, vào những phiền muộn, nhất đầu với những đứa cháu tụ lại để tắm và 5 người hàng xóm. Sau 20 năm tới ở cái nhà này, hàng xóm còn lại chỉ còn có hai người. Đó là ông già Gomez và ông Đính.

Cái nhà của ông Linh, và có lẽ cả khu xóm này, xây năm 1960. Nhin chung thì 3 dãy hàng rào nhà ông, giáp mặt với 5 người hàng xóm, xiu vẹo, mục nát. Nhà người ta chỉ có 3 người hàng xóm thôi. Nhưng nhà ông có đến 5, bởi vì cái “đít” nở hậu. Nhưng khác những nhà khác, nhà ông Linh có thêm cái hồ bơi. Như thói quen hàng ngày, ông đứng nhìn cái bơm nước cho cái hồ. Ông thử bật cái circuit breaker, ông nghe tiếng máy chạy rè, rè và nước sủi bọt ộc ộc. Ông biết cái máy bơm vẫn còn sống. Nếu nó chết, dám mất 5 trăm để mua cái khác. “Hay là ta lắp cái hồ”, để nó tốn kém quá! Mà ta không bao giờ nhảy xuống tắm. Nào là bảo hiểm cao, nào là cuối tuần cả một lũ cháu chét kéo đến “tắm chùa”, mang nước vào nhà... Một ngày nào đó ta sẽ nói với vợ. Ông với tay lấy cái vợt, vớt những cộng rác trên mặt hồ. Cuối tuần này, thời tiết se lạnh, ông hy vọng không có đứa cháu nào đến tắm.

Ông Linh bắt chuyện với vợ:

-Anh để ý ngày thứ tư đổ rác, ai cũng đem thùng rác và thùng recycle vào nhà cuối ngày, nhưng cái gia đình ông “Mỹ đen” luôn để quên vài ngày mới đem vô, có khi hai thùng rác nầm lố ra đường làm cho anh rất là khó khăn mới lái được cái truck vào nhà. Ngày hôm qua, trong lúc anh kéo hai thùng rác của

ông bà hàng xóm vô nhà thì bà Mỹ đen về, bà ta không cám ơn mà còn làm ra vẻ khó chịu nưa chớ. Cái bụi cây nằm một nửa bên mình, một nửa bên nó, thành phố biếu chặt thấp hơn 3 feet, Nó bảo không có cửa, Nó bảo anh chặt luôn. Cái bụi cây lâu ngày lớn phình ra, người nọ nạnh người kia, cao đến nổi ông Linh lái xe ra không thấy những xe khác, rất dễ gây tai nạn, nên ông chặt triệt tới gốc luôn. Ông mất cả buổi sáng vất vả mới hạ được bụi cây, thế mà bà Bill về gặp ông hỏi tại sao lại chặt trụi lủi cái cây của bà.

Bà Linh chăm bẩm nhìn ông chồng tưởng như chưa bao giờ nhìn thấy lần nào. Sao ông nhỏ con thế! Chả trách sao thằng “Mỹ đen” bắt nạt. Chính bà đôi khi cũng bắt nạt ông một cách dễ dàng huống chi là người hàng xóm to người kia. Nếu bà là ông cũng chịu thua người hàng xóm thôi, bối vì chính bà cũng ngán thế nào ấy. Bà nói với ông Linh:

-Ông Mỹ đen ngày hôm kia phàn nàn với em: “Vợ nó nói cây táo choàng qua nhà nó nhiều quá, Nó không thích”. Ý Nó muốn chặt phải không? “Cái thứ đần bà ích kỷ quá trời, cây táo trèo qua có trái thì hái ăn, khỏi phải bỏ tiền đi mua, có gì phải chặt, tội tình cho cây táo của tôi, những nhánh mà Nó muốn chặt lại là những nhánh có trái nhiều nhất”. Và rồi đây Nó sẽ bảo chặt cây cam nữa cho mà coi. Chiều hôm đó, ông Linh vát cửa qua nhà thằng hàng xóm cưa hết mấy nhành táo đã có trái to bằng trứng gà đem về nhà. Bà Linh thấy mấy nhánh táo bị chặt thì mặt nhăn lại, tức lấm, nhưng chẳng biết làm gì hơn.

-Cách đây một tháng, thằng con của “Nó” chơi máy bay trực thăng, máy bay rớt trên mái nhà , tụi nhỏ qua gõ cửa thình thình trong lúc anh đang ăn cơm, yêu cầu anh leo lên mái nhà tìm cho nó. Cái thang thì thấp hơn mái nhà, anh leo lên không được, phải đứng vịn thang cho thằng nhỏ leo lên, ông Linh đang nói, bỗng nghe vợ lớn tiếng, tay phải giơ lên chỉ vào mặt ông.

-Ông dại vừa phải thôi chứ! Để người khác dại với chứ. Lỡ nó leo lên nó rơi xuống té chết, rồi ông tính sao?

Ông nghe vợ nói có lý. Lỡ thằng nhỏ chết trên mái nhà hay rớt xuống đất, tai nạn xảy ra, gãy tay, gãy chân thì biết

bao nhiêu là rắc rối cho mình, có khi lại đi ở tù lảng xẹt nữa. Ông Linh thấy thằng nhỏ Mỹ đen, dễ thương, khoảng mươi tuổi. Thằng nhỏ có nước da đen láng cón, có cặp mắt to đen của con nghé, nằm dưới hai hàng mi dài cong vút, tay chân động đậy, cái đít bự lắc lư không ngừng, năn nĩ ông để nó leo lên mái nhà tìm chiếc trực thăng, nên ông xiù lòng.

Sau vườn của ông Mỹ đen hàng xóm, thay vì để đất trồng trọt, ông Mỹ lại đổ cement làm thành cái sân chơi cho những đứa con. Cái nóng hừng hực hắt lên từ cái sân cement vào những ngày nắng nóng, làm cho ông thấy khó chịu. Cứ sau ba giờ chiều, là ba thằng nhỏ, có khi cùng với mấy thằng đen bà con tụ lại chơi banh, la hét ồn ào. Mỗi lần vụt trái banh dã cầu mà tụi nhỏ chụp hụt là trái banh đụng cái bịch vào miếng gỗ hàng rào là y như miếng gỗ muốn văng ra. Và hơn thế nữa, tụi nhỏ lại gõ hấn ra một miếng gỗ hàng rào để dễ chui qua lại, để lượm banh, hay đồ chơi văng qua nhà của ông. Nằm trong nhà, ông nghe hết, biết hết và bức bối vô cùng! Ông Linh muốn phàn nàn với người hàng xóm, nhưng thấy thằng hàng xóm trông có vẻ “bợm trợn”, khó nói, nên ông giữ im lặng mà rất khó chịu trong lòng. Ông bỏ rất nhiều thì giờ vác búa, đi tìm từng miếng ván hàng rào bị bung ra mà đóng đinh lại.

Một lần khác, thằng nhỏ không hiểu điều khiển chiếc máy bay trực thăng của nó thế nào lại rớt trên mái nhà của ông Linh. Thằng nhỏ qua gỗ cửa nhở ông leo lên lấy. Nhớ lời bà Linh lần trước, mặc thằng nhỏ năn nỉ nhiều lần, ông Linh vẫn lắc đầu từ chối. Thằng nhỏ như có vẻ “thù hận” bỏ chạy về, một lát sau trở lại với người cha khổng lồ của nó.

-Chào ông hàng xóm. Tôi tên Bill, hàng xóm của ông. Xin lỗi ông tên gì?

-Tôi tên Linh. Chúng ta là hàng xóm đã lâu, nhưng hôm nay mới được gặp.

Ông Linh nhìn người hàng xóm to lớn, dình dàng, có hàng lông mày như hai con sâu rộm nằm vắt ngang trên cái mặt như mặt Trương Phi thì tin chắc 100% mình sẽ không nói được gì.

- Tôi xin phép hỏi ông, hồi trai trẻ ông có chơi foot ball không?

ông to lớn, chơi foot ball thì tuyệt! Ông cần gì tôi giúp. A, Ông muốn tôi leo lên mái nhà lấy chiếc trực thăng cho con ông phải không? Cái thang của tôi thấp quá! Tôi leo lên đến bệ thang cao nhất mà chỉ đứng đến lưng quần ngang với mái nhà, Tôi lớn tuổi rồi, không thể chống hai tay lên mái nhà và nhảy thót lên như khi tôi còn trẻ, thành thử tôi không leo lên được, xin ông cảm phiền.

-Sao ông không để thằng con tôi leo. Ông Bill nói nhỏ nhẹ, làm ông ngạc nhiên vô cùng. Ban đầu ông cứ tưởng Bill với con đến gặp ông để gây sự, mà gây sự với hàng xóm và bất cứ người nào là điều ông tâm nguyện phải tránh né. Có lẽ mình nói nó có khả năng chơi foot ball nên đám ra nó cư xử dịu dàng với mình.

-Tôi sợ có tai nạn cho thằng con ông khi leo lên mái nhà, nên tôi không cho. Hôm trước tôi để thằng con ông leo lên, tôi đứng dưới vịn thang, nhưng tôi vẫn lo cho thằng nhỏ. Ông có muốn để con leo lên không? Có ông đây, ông chịu trách nhiệm. Mà ông để con leo lên, ông cũng không an tâm đâu, nhất là thằng Carl lúc nào trông nó như con khỉ, không chịu đứng yên một chỗ. Nếu có tai nạn cho con ông, cũng là một phiền hà lớn cho tôi!

-Thôi để tôi leo. Vừa nói, Ông Bill vừa leo lên cái thang. Cái thang rên lên kẽo kẹt dưới sức nặng của ông Bill hơn 250 pounds. Ông Linh nhìn ông hàng xóm bước trên mái nhà mà lòng ông đau đớn, vì mái nhà như lún xuống theo mỗi bước chân của Bill. Điều này, mùa đông sắp tới chắc mái nhà ông dột. Ông Linh định nói với Bill cấm thằng nhỏ chơi trực thăng, cấm Bill leo lên mái nhà của ông, nhưng sợ sợ ông hàng xóm, nhất là thằng nhỏ, cho dầu ông cấm, cha mẹ nó cấm cũng không được. Biết vậy, ngày mai ông Linh sẽ mua một cái thang 10 feet đem về, và chính ông phải leo lên mái nhà để lấy trực thăng xuống cho thằng nhỏ.

Một mụ Mỹ đen có dáng hình trái táo, có mái tóc tết con rết, có bước đi nặng chich như của ông Bill, bước ra cửa trước nhà, mà ông Linh đoán là vợ của Bill, gọi ơi ơi thằng Carl, về nhà ăn sáng, đi nhà thờ. Tiếng bà lớn lăm, có thể nói đứng cách một block đường cũng có thể nghe được.

Nghe tiếng đối thoại ồn ào bên ngoài, bà Linh tờ mờ

bước ra. Không ngờ bà “đụng” cả ông bà Mỹ nữa. Hai người đàn bà lịch sự chào nhau, nhưng ông Linh biết đó chỉ là bồ ngoài thôi, ông thấy rõ cái bên trong giả dối của họ. Cái mà cả hai người đàn bà muốn đóng kịch là làm ra cái vẻ: chúng ta là những người hàng xóm tử tế. Mà thật ra trong cặp mắt của bà Mỹ, bà thấy cái con mẹ hàng xóm này là con mẹ “đáng ghét” bởi vì nó có cái thân hình gầy gò mà bà không thể nào có. Và lại còn dê ghét hơn nữa, nó lái cái xe lexus mới toanh qua mặt bà. Và còn dê ghét hơn nữa nó trồng những cây gì không bông, không trái trước nhà, mất vẽ mỹ quan hàng xóm (cây quế, cây dền...), lại còn dê ghét hơn nữa, nó đã để bãi cỏ nữa vàng, nữa xanh... .

Bà Linh thì thấy cái con mẹ hàng xóm “làm xấu” hàng xóm, từ con người cho đến hai thùng rác, tuần nào cũng bỏ quên ngoài đường và thỉnh thoảng lại đậu cái xe thổ tả trước nhà bà, gần như bỏ quên.

-Thằng nhỏ cũng như con, cháu mình thôi, cứ xem con cháu mình phá phách thì đủ biết. Đã nhiều lần ông Linh nói với bà như vậy.

Ngay buổi chiều hôm đó, Ông Linh đi Home Depot mua cái thang 10 feet mang về nhà. Ông leo lên mái nhà một cách dễ dàng vì cái thang vừa tầm với mái nhà. Ông xem lại mấy chỗ ông Bill đặt chân và thấy yên tâm mái nhà không bị lún. Trong lúc ông Linh trên mái nhà thì vợ ông từ trong nhà đi ra, thấy cái thang nằm chình ình ngay cửa ra vào thì bà nổi giận:

-Ông lại vác tiền của tôi đi mua cái thang này, dùng cho chỉ một việc lượm đồ chơi cho thằng hàng xóm Mỹ đen. Còn cái thang để dựng sau hè sao không dùng?

Một thuang qua đầu bà Linh, hay là ta bán căn nhà này đi. Gia đình Mỹ đen này dọn về đây sẽ làm mất giá cái nhà của mình. Nhà đang xuống giá, nhân tiện đây mình sẽ mua căn nhà khác đẹp, rộng rãi hơn, và ở vùng khác tốt hơn. Và mình sẽ mua căn nhà không có hồ bơi, đỡ phiền phức với bà con, đỡ lau chùi và đỡ tốn kém hơn.

-Tôi đâu có vác tiền của bà. Bộ trăm bạc nặng lắm sao mà phải

vác. Tôi ký check thôi. Ông Linh nói giả lả cho vợ bớt giận, nhưng nghe tiếng đóng cửa cái rầm, ông biết vợ vẫn còn giận. Ông theo bà vào nhà, cứ tưởng vợ sẽ đay nghiến mình, không ngờ vợ đưa ra cái ý muốn bán nhà. Bà nói

-Trước khi bán nhà mình phải sơn lại bên trong, bên ngoài căn nhà, nhất là phải làm lại hàng rào chung quanh.

-Sơn trong ngoài thì dễ rồi, Tôi có thể làm được, nhưng còn làm hàng rào, nó liên quan đến 5 người hàng xóm, khó lắm. Trong thời buổi này tôi không biết người nào thất nghiệp, người nào không, người nào chịu và không chịu bỏ tiền ra để làm hàng rào.

Ngay cái buổi chiều Ông Linh vác thang về, thằng nhỏ lại làm bay cái trực thăng lên mái nhà. Lần này thằng Carl với người cha lại qua gấp ông. Thấy ông Linh vác cái thang mới đi lượm banh cho thằng “ Mỹ đen con”. Bà Linh bức lấm, nhưng nín thịnh vì cha con ông hàng xóm đang đứng lù lù trước nhà. Không cần đợi cha, con ông hàng xóm yêu cầu, Ông Linh tự xem như bốn phận của mình, ông leo lên cái thang mới, leo lên mái nhà lượm cái trực thăng đem xuống đưa cho thằng nhỏ .

-Ê, boy, lớn lên chơi foot ball chớ đừng chơi trực thăng nghe. Hai cha con ông hàng xóm và ông bật ra tiếng cười hì hì vui vẻ tự nhiên như bạn bè thân thiết. Ông Linh dẫn ông Bill đi xem cái hàng rào giữa nhà ông và nhà của Bill, và chỉ những tấm gỗ bong đinh, mục chân, có những tấm đưa tay ra rờ là rớt ra, có vài cây trụ xiu,xiu. Ông Linh không dám nói mấy thằng con ông cũng gợp phần làm cái hàng rào mau hư.

-Theo ông Bill thì nên sửa hay làm lại cái mới?

- Dãy nhà này có trên 30 năm nay, thì hàng rào cũng có trên 30 năm, cũng đến lúc phải làm lại thôi. Tôi đồng ý làm lại hàng rào mới.

Thế rồi ông Linh và Bill xách thước đi đo và tính ra tiền. Tất cả dài 80 Ft,hay 10 sections . Mỗi section tốn vừa công vừa gỗ red wood là 250 đô. Như vậy cái hàng rào của ông Linh và Bill tốn khoảng 2500 đô, mỗi người 1250 đô. Ông hàng xóm

Bill thấy số tiền lớn quá, nên phải nói với vợ mới được.

Cũng như ông Bill, ông Linh đem vấn đề hàng rào ra nói với bà Linh. Bà Linh tính nhẩm làm hàng rào tốn khoảng 4 ngàn đô về phần của ông, bà. Còn về 5 người hàng xóm, ông, bà chưa biết thế nào, ai thuận, ai không thuận. Ông nghĩ ba người hàng xóm phía sau mỗi người chịu 400 đô để có một hàng rào mới thì chắc họ chịu được nên ông không phải lo l้า. Ông Linh than:

-Khó quá. Khó có sự đồng thuận tất cả 5 người hàng xóm. Hay là ta mời hàng xóm đến nhà ta ăn BBQ một bữa, nhân tiện đó ta nói làm hàng rào.

- Ông nói sao cũng được.

Buổi chiều hôm đó ông Linh đi vận động 3 người hàng xóm phía sau nhà. Ông Linh còn nhớ có lần ông và ông Đính đã nói chuyện qua hàng rào và cả hai đã đồng ý nên làm lại. Ông Linh định vào nhà láo Gomez nhưng nghe tiếng chó sủa thuộc loại chó dữ nên ông cũng không vào. Còn trước nhà ông Ấm độ là 3 bà người đàn bà mặc váy, trùm khăn kín đầu ngồi thù lù 3 đống, vừa phơi nắng vừa chuyện trò nên ông cũng lờ luôn chuyện gặp ông Ấm. Thế là công dã tràng một buổi chiều!



Thằng Dự được nghỉ lễ Độc Lập một tuần, ở nhà thì thích l้า. Suốt ngày Nó ngồi coi world cup, không muốn giúp ông Linh sửa chữa nhà cửa, giọn sạch vườn tược để 3 gia đình hàng xóm cuối tuần này qua dự BBQ. Ông Linh than phiền với vợ thì bà Linh lại nói có gì đâu mà ông phải sai con, một mình ông đủ rồi. Thằng Dự lớn rồi, ra thanh niên rồi, ông cầm rìa cho l้า, năm tới lên đại học, trường gần Nó không chọn, lại chọn trường xa thì nhà này trống trơn cho mà coi. Bà biết tính thằng Dự ít nói. Im im mà ghê l้า! Có nhiều cái nó làm động trời mà hai ông bà không biết. Ông Linh thì đang nghĩ đến người con trai lớn tên Danh đang làm ở LA. Ông sẽ bảo Danh “cô-sai” cho ông mua cái nhà khác, ở khu đàng hoàng hơn, có những người hàng xóm tốt hơn.

Điều quan trọng là phải bán cho được căn nhà này. Điều quan trọng của buổi chiều BBQ này phải thành công, 3 gia đình hàng xóm đồng thuận làm hàng rào mới.

Đúng 4 giờ chiều gia đình ông Bill gồm có hai vợ chồng ông Bill, gia đình Anthony có hai vợ chồng, một em gái và thằng nhỏ 2 tuổi. Gia đình ông, bà Linh chỉ có thằng Dự, còn Danh bận công việc không về. Ông Linh mời tất cả hàng xóm ngồi trong cái nhà lục giác bên bờ hồ. Ông, bà Linh dọn những món ăn khai vị mà ông, bà mua sẵn như chả giò, gỏi tôm thịt... trong lúc chờ BBQ như thịt bò Đại hàn, cánh gà, oster... Ông khui bia Heiniken và corona mời khách. Thằng Dự đứng nướng. Thằng Dự hôm nay mặc cái quần Jean Levei, một cái áo may ô trắng cựt tay tới nách. Ông Linh nhìn thấy thằng Dự đã ra dáng thanh niên. Thằng Dự đứng chăm chỉ nướng thịt, khi thì trở qua trở lại, khi thì bổ thêm thịt vào, khi thì gấp thịt ra. Dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời tháng 7, mặc dầu đã 4 giờ chiều, và hơi nóng từ cái lò nướng bốc ra làm thằng Dự toát mồ hôi hột. Nó giữ im lặng từ đầu chí cuối bữa ăn trong cái ồn ào nhậu nhẹt của những người hàng xóm. Thỉnh thoảng thằng Dự ngoắc lên, cũng là lúc con Jeanet mang cái đĩa không đến chờ lấy thịt. Hai đứa không thèm nói với nhau một tiếng, không thèm nhìn nhau một giây. Hình như thằng Dự ghét con Jeanet và con Jeanet cũng ghét thằng Dự. Khác giống, khác nòi mà... Ông Linh lần này thấy con Jeanet đẹp thật! nhưng nó Mẽ, đồ... đồ chỉ biết yêu sớm...để nhiều, đồ chỉ biết nhậu. Và khi nghĩ đến nhậu, ông lại tiếp tục khui bia rót đầy ly cho Bill và Anthony. Còn bà Linh thì thỉnh thoảng lại thúc giục hai bà hàng xóm ăn dùm cho hết, thức ăn nhiều quá.

Thế rồi ngày world cup đến trong ngày hôm nay. Hàng xóm thấy anh chàng Anthony dậy thật sớm, bắt thang treo lá cờ lạ hoặc mà không ai biết của nước nào. Lá cờ chia làm 3 phần bằng nhau theo chiều dài: đỏ, trắng, xanh lơ. Không cần hỏi Anthony, ông Linh dư biết đó là lá cờ Netherlands, quê hương của Anthony. Mới 9 giờ sáng mà Anthony đã đi gõ cửa nhà ông Linh và ông Bill nhắc qua nhà. Nó ăn BBQ, xem đá banh. Nó còn nhờ thằng Dự qua chơi, giúp nướng BBQ. Trong bữa ăn, thằng Dự cũng chỉ đứng nướng thịt ngoài nắng và con Jeanet đi ra lại đi vào như con thoi đưa để tiếp tế đồ ăn. Nhưng có một

điếc hơi khác lần trước là thằng Dự để thịt,oster cháy nhiều quá. Và con Jeanet hình như có thoả một chút phấn hồng trên khuôn mặt, hay tại ánh nắng mặt trời buổi chiều nay, thường xuyên bám riết cái mặt của nó hay tại...

Trong khi đó trong phòng khách 3 người hàng xóm ngồi quay quần chung quanh một cái bàn tròn đầy bia, thịt. Họ vừa ăn, vừa để mắt theo dõi trận cầu mỗi lúc một sôi nổi, hào hứng. Người ta nghe ông Linh lớn tiếng, ồn ào nhiều nhất, bởi vì hôm nay ông ta uống có hơi nhiều. Ông Bill thì hình như chỉ thích có bóng bầu dục, nên không chú ý mấy vào màng hình, chỉ im lìm ngồi ăn. Còn Anthony thì như bị kích động mỗi khi đội tuyển Hòa Lan đá không thắng lưới đội Tây ban Nha suốt hai hiệp. Hai tay nó đưa lên cao như cổ vỏ cho gà nhà, rồi hai tay buông thẳng xuống thật nhanh, vì thất vọng Hòa Lan đá hụt. Bỗng nhiên thằng Dự nghe tiếng cãi nhau của ông Linh và ông Anthony.

-Hòa Lan chơi xấu quá! 8 thẻ vàng. È, thằng số 3 đẹp vào ngực Tây ban Nha. Thẻ đỏ. Tiếng ông Linh vừa nhai thịt, vừa lớn tiếng chỉ trích. Hình như mỗi lúc ông Linh càng không kiểm soát được mình. Hòa Lan chơi xấu, chơi xấu...

-Đội Tây ban Nha cũng chơi xấu đâu kém! 5 thẻ vàng ,Anthony gân cổ đáp lại ông Linh.

-Hòa Lan sẽ thua. Đá thêm giờ mà chỉ còn 10 cầu thủ. Mồm ông Linh oang, oang tiên đoán. Mà Hòa Lan thua thiệt.

Bỗng nhiên Anthony thấy ghét ông Linh vô cùng. Không phải vì Hòa Lan mất dịp thắng world cup, mà vì những lời của ông Linh trong đó có sự tham dự của hơi bia rượu, như lấy kim châm chích vào cơ thể của anh hàng xóm.

Bà Linh bức mình về ông chồng quá trời từ cái hôm ăn nhậu tại nhà hàng xóm. Cứ tưởng đi ăn để nói ất giáp rõ ràng về làm hàng rào mới, hóa ra ông Linh đã làm hỏng tất cả. Anh hàng xóm Anthony như muốn tránh mặt ông Linh sau đó. Cực chẳng đã chộ mặt mới chào cho có lệ, rồi mỗi người bước mau vô nhà.



Chuyện mua nhà, dời nhà của bà Linh như bất khả thi, bởi vì thằng Danh cũng muốn mua nhà cho nó để lấy vợ nên nó không thể “cô sai”, và ông, bà không thể “qua-lì-phai” cho cái “loan”. Ba người hàng xóm phía sau đang chờ ông Linh định ngày khởi công làm hàng rào, nhưng chờ hoài chả thấy. Mấy thằng nhóc con của ông Bill cũng không thấy qua lấy trực thăng. Và mấy miếng ván hàng rào cũng không còn gỡ ra như trước. Có lẽ chúng bắc đầu lớn, hay được ông Bill dạy dỗ “đừng làm phiền hàng xóm” từ cái ngày ăn BBQ. Trái lại ông Linh đạo này thường thấy những miếng ván tấm hàng rào bên phía Anthony hay rớt ra và ông phải vác búa đóng lại. Ông cũng chả thắc mắc tại sao chúng rớt ra. Rớt ra thì ông đóng lại, đóng lại rồi rớt ra, nhưng rồi không phải một, hai miếng mà cả một section ngã xuống. Ông Linh đem chuyện hàng rào bên phía Anthony ngã đổ nói với bà Linh, tưởng rằng bà sẽ nỗi giận, nhưng bà lại làm thính. Có lẽ bà chán chuyện hàng xóm rồi chăng?

Thật ra có nhiều điều đang lướt nhanh qua đầu bà. Có một lần bà thấy thằng Dự nói chuyện với con Jeanet, đứa đứng bên này, đứa bên kia hàng rào, bà thấy hai cái đầu đèn ngang tầm với hàng rào, di chuyển tới, lui. Ban đầu bà có vẻ khó chịu, vì cho rằng thằng Dự như thế, như thế sẽ bỏ học. Bà thấy bà khác những bà bạn của bà, sẽ có những đứa cháu lai Mẽ khỏe mạnh, mắt to, mũi nhọn...Bà Linh nói với chồng:

-Có sao đâu. Đâu cần gì hàng rào nữa. Và bà đem chuyện thằng Dự ra nói với ông Linh.



Ba năm sau ông Linh sơn lại bên trong và bên ngoài cái nhà. Ông còn làm lại cái mái nhà nữa. Anthony và Bill cũng bắc chước làm theo. Ba cái nhà hàng xóm trông có vẻ mới hoàn toàn. Con đường trước nhà được thành phố tráng nhựa lại nên cả khu xóm nhà ông Linh trông đẹp ra! Và dĩ nhiên chuyện hàng rào của nhà ông Linh và những người hàng xóm được làm mới một cách dễ dàng, vì họ là những người hàng xóm thân thiện nhất ở cái thành phố này. Cái hàng rào mới của họ cũng khác xa những hàng rào khác: Có cái cổng để hai gia đình đi qua lại, vì họ vừa là hàng xóm vừa là sui gia.

TRƯỜNG AN

THÁNG TƯ - MÙA THAO THỨC



Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

a trở giấc quàng tay em trống vắng

Đêm mịt mùng trời sương núi mưa bay

Hơi ấm cồn hương, hương đọng nơi này

Em để lại phòng đêm tràn giá lạnh!

Ta thao thức một phần đời canh cánh

Trận đòn thù cào rách trái tim đau

Em âm thầm chia nỗi khổ vì nhau

Từ thuở ban sơ đất nghèo quê mẹ

Ta chốn lao tù đời em quanh quẽ

Đổi gian nan nhận lấy vất vả cơm gầy

Chim mẹ móm mồi bầy sẻ thơ ngây

Bao năm tháng mởi mòn xuân tàn tạ.

Ta thức giấc đêm quê người xứ lạ

Em vẫn thân cõi lặn lội quanh năm.

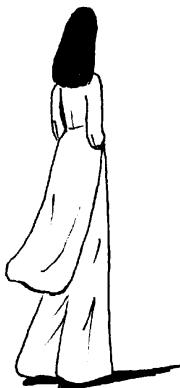
Hơi ấm nồng hương bên nửa em năm

Ta trăn trở suốt canh gà bỗng
Nước mắt trào dâng hồn đêm tê tái
Vết thương đồi ngỡ liền thịt trong da
Vết thương nào còn nhức nhối trong ta
Nghe hụt hẫng trên đất người phản bội
Dấu chém hàn sâu giữa ơn và tội
Nỗi nhọc nhằn thân xác nghĩa gì đâu!
Xé nát tâm can từ cuộc biển dâu
Muôn mảnh vụn của hồn ta trôi giạt
Nơi quê hương đang cuồng cơn bão cát
Ngập đỏ Sông Hồng, rát mắt Cửu Long
Chất chứa thương đau đớn lửa trong lòng,
Mẹ thắp sáng mắt ngồi mùa mong đợi...
Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

CHUÊN CƯỜI

Đi Đâu

- Má ơi ! Các ông mục sư khi chết lên thiên đường phải không ?
- Ủ ! Phải đấy con.
- Vậy con sư tử khi chết thì sao ?
- Nó là giống ăn thịt người, phải xuống địa ngục đèn tội.
- Vậy thì con sư tử ăn thịt ông mục sư khi chết nó đi đâu ?
- ? ? ?



Thơ Nhà

Gửi Em Đ.M,
Nghìn trùng cách xa....

■ Lê Phương Nguyên

Em ngoài đó mùa xuân sang mùa hạ,
Sao quê nhà mãi có một mùa đông !
Trong thư tôi nhớ gửi về Em nhé
Chút trời xanh và những phiến mây hồng...

Để tưởng nhớ xuân xanh màu mắt biếc,
Và mùa hè rực rỡ nắng vàng tươi;
Để còn thấy bốn mùa là cần thiết,
Cho những ai vẫn yêu mến cuộc đời...

Anh đã sống những năm dài buốt giá,
Tấm áo phong phanh ngực lép vai gầy,
Có những đêm ước mơ trời xù lụa,
Tự nhủ mình sông núi vẫn còn đây...

Sống bên đó Em vui nhiều hay ít ?
Thư viết về mai hỏi chuyện quê hương,
Chuyện quê hương là gì, Em đã biết,
Ngày Em đi oan nghiệt một « thiên đường » !

*Ngày Em đi anh cũng rời quê cũ,
Lang bạt sông hồ tìm chỗ trú chân ;
Đất nước rộng gấp đôi lần không đủ
Cho một người tha thiết muốn yên thân...*

*Vì lẽ đó anh xuôi dài khắp nẻo,
Sông một đời Do thái thuở điêu linh;
Khi phố chợ, khi núi rừng lạnh lẽo,
Lúc sông ngòi, biển mặn kiếp phù sinh....*

*Đêm gối đất bên những vì sao biếc,
Trời trên cao lồng lộng giấc mơ đời...
Nỗi gian khó lắm khi là cần thiết,
Như cánh buồm cõi gió lướt ra khơi.*

*Anh ném trải bao cảnh đời lam lũ,
Đã vui buồn theo những bản tình ca;
Chén cơm hẩm, manh áo hờ biết đủ,
Ngày hết ngày, tháng tháng, lại năm qua...*

*Chân xuôi ngược mà nghe lòng rướm máu,
Xác quê hương nằm đó hắt hiu gầy;
Trời tháng giêng hay trời sang tháng sáu,
Cũng một màu u ám khói mây bay...*

*Cả dân tộc cuộn trên dòng nghịch sử,
Bóng ngực tù rừng hết chỗ lên xanh;
Đời câm lặng buông tay chờ thác lũ,
Kiếp nhân sinh đầy đọa mải chưa đành !*

*Xã hội mới một lũ người ương dở,
Dốt nát, tham lam, dối trá, bạo tàn...
Ôi, đau đớn hồn Việt nam một thuở,
Bốn nghìn năm vận nước tuổi lầm than !*

*Bút và mực không làm sao chuyển nổi,
Sang cho em, trời đất nhuộm ưu phiền;
Trái hạnh phúc đã xa tầm tay với,
Vườn Địa đàng trắng toát mong bình yên...*

*Chuyện quê mình nói làm sao hết được,
Mà nói nhiều Em lè vướng ướt tờ thư;
Em cứ tin anh vẫn còn vững bước,
Không quay lưng cúi mặt trước cuộc đời.*

*Nhớ Em lắm, thư lại thường đến muộn,
Viết thật nhiều Em ạ, dở chờ mong;
Anh bên này sầu dây như sóng cuộn,
Vắng thư Em, thất lạc nửa linh hồn...*

*Em trách chuyện Mẹ già anh ít nói,
Khổ thân anh, xa Mẹ những năm ròng;
Nhưng anh biết Mẹ buồn như dáng núi,
Nước mắt người gom lại đã thành sông !*

*Em còn trách thư anh còn quá ngắn,
Sẽ viết dài, anh hứa chuyện ngày xưa...
Chuyện ước mơ chuyện biển trời rực nắng,
Chuyện cuộc đời Cha kể những đêm mưa...*

*Biết Em thích ngồi nghe anh đọc sử,
Thì thư sau kể chuyện những anh hùng,
Từng khốn đốn trước bạo quyền qui dữ,
Quyết bảo tồn nòi giống với núi sông...*

*Thôi Em nhé, anh dừng dây Em nhé,
Em tôi ơi ! thương Em trời phương xa,
Quả đất rộng nhưng hãy còn quá bé,
Vì đời ta vẫn thiếu một quê nhà...*

Lê Phương Nguyên
Việt nam 1983

KỶ NIỆM



VŨ NGỌC BÍCH

Tôi nhớ vào năm 1968, Hội nghị Liên Minh Thể Giới Chống Cộng nhóm họp tại khách sạn Majestic, Saigon. Bác sĩ Phan Huy Quát, lúc đó là Chủ tịch Liên Minh Á Châu chống Cộng. Phong trào này được chính quyền của Tổng thống Nguyễn văn Thiệu yểm trợ rất tích cực, được cấp ngân khoản rất nhiều để tổ chức Hội Nghị.

Hàng triệu đồng được bỏ ra để trang bị, sửa sang lại hội trường và thiết kế hàng loạt ống nghe thật tối tân theo tiêu chuẩn quốc tế. Bác sĩ Phan Huy Quát là một chính trị gia lão thành và có uy tín trong nước cũng như trong cộng đồng quốc tế thời bấy giờ. Ông là một người quốc gia chân chính và nổi tiếng là người có tinh thần chống Cộng.

Tổng thống Nguyễn văn Thiệu rất quý trọng bác sĩ Phan Huy Quát.

Hồi đó, bác sĩ Quát xin bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cho biệt phái một số sĩ quan để phụ giúp tổ chức Hội nghị. Tôi được đơn vị đề cử để cùng một số sĩ quan phụ giúp việc tổ chức. Tới ngày trình diện, bác sĩ Phan huy Quát tiếp chúng tôi tại phòng họp khách sạn Majestic, dưới hình thức một buổi trà đàm để chúng tôi có dịp gặp và làm quen với các bạn đồng sự. Bác sĩ Quát đãi chúng tôi ăn “croissant”, trái cây, các loại bánh ngọt, cà phê sữa và nước trà nóng. Không khí thật là đầm ấm và vui vẻ.

Sau đó ông phân chia công tác : Ông giao việc dịch thuật cho bốn sĩ quan (nguyên gốc là giáo sư Anh Văn) trưởng Sinh Ngữ Quân đội. Các sĩ quan cục Truyền tin, bác sĩ Quát nhờ họ trông nom phần âm thanh và ánh sáng. Riêng tôi, có thể ông nhận thấy mặt mũi cũng tương đối sáng sủa, bác sĩ Quát giao cho tôi đặc trách ban Tiếp tân tại phi trường quốc tế Tân Sơn Nhất. Ông còn bổ sung thêm cho tôi bốn cô nữ trợ tá xã hội thật duyên

dáng giúp tôi tiếp đón các chính khách ngoại quốc. Tôi cũng được bốn anh tân binh quân dịch giúp phần việc khuân đỡ hành lý cho các vị khách về tham dự Hội nghị. Bác sĩ Quát còn cho phép tôi sử dụng một chiếc xe du lịch hiệu Falcon mới toanh mầu đen do Hoa Kỳ viện trợ để tôi làm phương tiện đi lại. Đây là một trong số mười chiếc Falcon người Mỹ tặng cho Bộ Nội Vụ. Bác sĩ Quát cho sử dụng xe Hoa kỳ, loại xe thường dùng để rước dâu trong các đám cưới. Đoàn xe này đã được thuê sẵn, hiện đậu phía trước khách sạn để đưa đón các đại biểu. Kể ra, ban Tiếp tân của tôi cũng khá đông và nhất là tôi làm việc chung với các cô nữ trợ tá xã hội xinh xắn nên bác sĩ Quát khuyên tôi phải tỏ ra “ga lăng”, nhẹ nhàng và lịch sự với các người đẹp.

Tôi đề nghị với bác sĩ Quát cho tôi chia ban Tiếp Tân ra làm hai toán nhỏ. Một toán túc trực tại phi trường Tân Sơn Nhất và toán kia ở lại khách sạn Majestic. Toán ở phi trường gồm có tôi, trưởng ban Tiếp tân cùng hai cô nữ trợ tá xã hội và hai anh tân binh phụ giúp. Tuần lễ đầu tiên, trước ngày khai mạc, phái đoàn đại biểu từ các quốc gia tự do lần lượt đáp máy bay tới. Chúng tôi tiếp đón họ ngay chân cầu thang máy bay, hướng dẫn họ vào bên trong phi trường. Nhờ có chúng tôi đi cùng, các đại biểu được dành cho mọi sự dễ dàng. Thủ tục nhập cảnh được làm nhanh kỷ lục, và nhân viên quan thuế miễn cho việc khám xét. Sau khi nhân viên phái đoàn làm xong thủ tục nhận hành lý rồi, hai anh tân binh giúp khuân hành lý lên xe, đưa họ về khách sạn.

Cứ như thế, tôi cho luân chuyển toán 1, toán 2 rất đồng đều, chu toàn công việc tiếp đón tại phi trường cũng như tại khách sạn Majestic. Đặc biệt Sở Cảnh Sát công lộ cũng biệt phái 2 nhân viên cảnh sát đi mô tô hộ tống, nên việc di chuyển từ phi trường Tân Sơn Nhất vào tới trung tâm thủ đô Saigon không gặp trở ngại nào, kể cả vào giờ tan sở đông đúc xe cộ. Bác sĩ Phan Huy Quát lộ vẻ vui mừng. Ông vỗ vai tôi, và hứa sau khi bế mạc Hội nghị, sẽ trình lên Tổng thống Thiệu ân thưởng Chương Mỹ Bội Tinh cho các sĩ quan biệt phái đã gop công sức cho Hội nghị thành công mỹ mãn. Bác sĩ Quát giữ đúng lời ông đã hứa với chúng tôi. Một tháng sau ngày bế mạc Hội nghị, tôi nhận được Chương Mỹ Bội Tinh từ văn phòng Tổng Thống, do đề nghị của bác sĩ Phan Huy Quát. Đây là loại

huy chương dân sự cao quý để tưởng thưởng cho những người có công trạng.

Tôi cũng hân hạnh đón tiếp bà Suzane Labin, nữ văn sĩ người Pháp chống Cộng rất tích cực. Trước đó, tôi đã được đọc những bài viết về bà, và vẫn nhớ rõ một người nữ sĩ có tinh thần chống Cộng quyết liệt này. Lúc ấy, bà khoảng 40 tuổi, dáng người nhỏ nhắn và khuôn mặt xinh đẹp. Bà có dáng dấp của một nữ tài tử điện ảnh hơn là một nữ văn sĩ. Chúng tôi sử dụng Pháp ngữ trong lúc nói chuyện. Bà Suzane Labin tỏ ra thích thú khi biết tôi đã từng là một sĩ quan có kinh nghiệm tác chiến ngoài trận mạc. Bà nói điều là tôi giống một nghệ sĩ trình diễn trên sân khấu hơn là một người lính. Tôi cười, biết là bà nói dở, vì tôi cũng đã từng nói trông bà y như một tài tử điện ảnh vậy.

Trong buổi khai mạc hội nghị, có khoảng trên hai trăm đại biểu thuộc các phái đoàn của các quốc gia trong Liên Minh Thế giới chống Cộng đến tham dự. Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa là khách danh dự và ông được mời đọc diễn văn khai mạc Hội nghị. Khi đoàn xe hộ tống vừa ngừng, Tổng thống Nguyễn văn Thiệu bước xuống xe, ông được bác sĩ Phan Huy Quát, Chủ tịch Liên Minh Á Châu chống Cộng và ông Chủ tịch Liên Minh Thế giới chống Cộng đón tiếp ngay tại cửa. Tôi đứng cách xa ông khoảng 6 mét, có dịp quan sát vị Tổng Tư Lệnh Tối Cao của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Nét mặt ông đỏ hồng với nụ cười thật rạng rỡ. Thời kỳ làm Tổng thống, ông mới ngoài 44, nhưng lớp tóc phía sau gáy hầu như bạc trắng hết. Có lẽ những ưu tư về vận mệnh của đất nước (hay có thể những toan tính chính trị) đang đè nặng trên đôi vai của ông chăng? Tổng thống Thiệu mặc bộ “complet” màu xanh đậm kiểu mới, áo sơ mi trắng, thắt cà vạt màu đỏ có sọc. Ông nở nụ cười thật tươi và bắt tay các viên chức cao cấp. Rồi ông được bác sĩ Quát hướng dẫn vào ngồi ghế danh dự cạnh vị Chủ tịch Liên Minh Thế Giới Chống Cộng. Trong lúc bước vào, ông được toàn thể đại biểu trong Hội nghị đứng dậy chào mừng. Tiếng vỗ tay tưởng như không dứt. Sau khi ông Chủ tịch Liên Minh Thế Giới Chống Cộng tuyên bố khai mạc Hội Nghị, ông mời Tổng thống Thiệu lên đọc diễn văn. Bài diễn văn của Tổng thống Thiệu dài khoảng 15 phút và được phiên dịch sang các sinh ngữ chính như Anh, Pháp và Tây Ba Nha. Thỉnh thoảng ông phải ngưng

lại, vì những tràng pháo tay vang dội cả Hội trường.

Suốt thời gian làm việc cho Hội nghị, tôi được ăn ở tại khách sạn Majestic, và nhà hàng trên lầu 2 của phi trường Tân Sơn Nhất. Tất cả chi phí ăn ở đều do ngân sách của Hội nghị đài thọ. Sau khi Hội nghị bế mạc, chúng tôi được tham dự bữa dạ tiệc với phái đoàn, và xem buổi trình diễn văn nghệ giải trí tại rạp Maxim. Các đại biểu vui thích và khen thưởng khi được xem vở kịch “ Á Đào Say “ của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ. Tôi được sắp xếp ngồi bên cạnh nữ sĩ Suzane Labin. Phía bên phải tôi là một đại biểu người Tây Ba Nha, để tôi có thể thông dịch cho hai vị này hiểu phần nào những màn trình diễn. Ngày hôm sau, khi chúng tôi tiễn phái đoàn ra sân bay, nữ sĩ Suzane Labin tiến lại phía tôi, và cho biết rất vui được tham dự Hội Nghị Liên Minh Thế Giới Chống Cộng tại Saigon.

Lúc tôi chào từ biệt, bà chớp chớp mắt cảm động và ôm lấy hai vai tôi một cách thân mật.

Bà Suzane Labin cũng không quên trao tặng tôi một xâu chìa khóa với hình ngọn tháp Eiffel xinh đẹp, và nói “Adieu, mon Lieutenant!” trước khi bước lên phi cơ rời Việt Nam.

VŨ NGỌC BÍCH

BẠN CÓ BIẾT?

1. Điểm cạn thấp nhất trên trái đất?

Bờ biển Chết ở Trung Đông thấp 400 m dưới mặt biển. Vị trí thứ hai là Badwater ở Thung lũng chết (Dead Valley), California, ở vị trí 86 mét dưới mặt biển

2. California đang chìm dần?

Thực tế là một số phần của bang này đang bị như vậy. Sự xâm nhập sâu xuống của một số hồ nước tự nhiên ở dưới mặt đất khiến cho California lún xuống 11 cm/năm. Các hệ thống nước và cống ngầm có thể bị đe dọa

3. Con sông dài nhất?

Sông Nile ở Châu Phi dài 6,695 km. Tuy nhiên, mới đây các nhà địa chất còn khám phá về cội nguồn con sông này thì thấy chiều dài của nó còn lớn hơn rất nhiều

Thơ Tình Đỗ Hồng Châu

1-HẠNH PHÚC ĐÂU ĐỜI

*Yêu biết mấy! vòng tay em khép nhẹ
Ngực thanh tân, hơi ấm mẹ ngày nào
Lệ hạnh phúc ấm vai anh, có thật
Lòng anh xao xuyến quá ngỡ chiêm bao*

2-GỎI THẠCH THẢO

*Bóng thạch thảo ngả nghiêng lay trước gió
Người tình xa chìm nổi biển đâu đời
Trong cõi thật chẳng mong gì gấp gỡ
Hẹn cùng nhau kiếp ảo bạn tình ơi!*

3-LỜI CHO HOA THẠCH THẢO

*Em khiên tốn ví mình là phận cỏ
Nhỏ bé mong êm lót gót chân người
Suối tóc xanh và hương em dịu nhẹ
Dù anh vào cõi mộng đó, tình ơi !*



4-MỘT LẦN VÀ MÃI MÃI

*Còi tàu xé nát lòng người ở lại
Bóng ai về nhòa lần bóng chiều sương
Một lần tiên, rồi thôi, và mãi mãi
Người đi mang theo cả một trời thương*

5-MÂY & KHÓI

*Ví mình phận khói trong lò
Tôn anh mây trắng lững lờ trên cao
Cho dù bản chất khác nhau
Một bay khói cũng tuyệt mù tầng không
Thôi em! so vây đau lòng!
Ngang trời mây khói bênh bồng có nhau*

DL 7-10-2010

Notradamus và Những lời tiên tri cuối cùng

Ngày Tận Thế

N



Hà Thúc Hùng

Notradamus tên thật là Michel De Notre Dame. Ông được sinh ra vào lúc chính ngọ ngày 14 tháng 12 năm 1503 tại thành phố St. Remy thuộc miền Provence, miền Nam Nước Pháp. Gia đình cha mẹ ông rất giàu có. Do đó trong thời niên thiếu ống sống rất sung sướng và đầy đủ mọi thứ. Gia đình theo đạo Do Thái, nhưng bị cưỡng bức phải theo đạo Thiên Chúa. Tuy nhiên bên trong gia đình vẫn kín đáo giữ đạo Do Thái.

Năm 14 tuổi ông được phép lên Avignon thủ phủ miền Provence, một trung tâm học thuật của thời phục hưng. Ông theo học Triết học, ngữ pháp và thuật tư trì với các giáo sĩ Thiên Chúa giáo. Ông nội và ông ngoại của Notradamus là hai y sĩ riêng của vua René xứ Provence. Chính hai người này đã định hướng sự phát triển trí tuệ, nhân cách và cuộc đời của Notradamus sau này. Vì vậy, sau đó ông được học văn học cổ điển, lịch sử, y học, thuật chiêm tinh và cách chữa trị bệnh bằng cây cỏ trong dân gian. Những giờ rảnh rỗi ông say mê đọc các sách thần bí và chiêm tinh tại thư viện Giáo Hoàng, nguồn sách vở phong phú nhất thời bấy giờ. Cha ông không muốn ông trở thành một chiêm tinh gia. Ông nội ông thì muốn ông học về ngành thuốc vì người đời dễ chấp nhận một chiêm tinh gia vừa là thầy thuốc.

Năm 1922 ông theo học y khoa tại Đại Học Montpellier. Sau một thời gian học tập, ông đề nghị một vài phương pháp chữa bệnh riêng, không được các giáo sư chấp nhận, ông đâm ra bất mãn. Nền y khoa của thế kỷ 16 vẫn còn ở thời Trung cổ.

Ba năm sau, nhận được giấy phép đi hành nghề (thực tập), ông vội vàng rời Montpellier về miền quê để xa lánh sự dòm ngó của các giáo sư Đại Học và dễ thực hành các phương pháp trị liệu của riêng ông.

Trong thế kỷ 16 rất nhiều lần miền Nam nước Pháp bị tàn phá bởi bệnh dịch hạch. Notradamus đã tận tâm chữa trị ngày đêm cho nhiều bệnh nhân. Ông chế biến nhiều phương thuốc hiệu nghiệm. Nhờ vậy ông đã cứu mạng hàng ngàn người. Nhiều thành phố đã cầu cứu và nhớ ơn ông đã cứu sống gần như toàn vẹn. Đồng thời ông cũng là một nhà chiêm tinh tài giỏi. Trong thời gian đi đây, đi đó, ngược xuôi ở Miền Nam nước Pháp, ông làm quen và học hỏi về thuật thần bí với các y sĩ và dược sĩ người Do Thái đã cải đạo như ông. Nhiều nhà Phú hộ và quý tộc giàu có đã tìm đến ông, nhờ ông chẩn lá số tử vi và giải đoán vận mệnh cho họ.

Năm 1529 ông trở về Montpellier để thi lấy bằng y khoa Bác Sĩ. Sự chữa trị thành công của ông, cộng với tài hùng biện đã làm cho các giáo sư kinh ngạc. Ông được giữ tại trường để giảng dạy. Sau 3 năm tại trường, vì lời giảng dạy không giáo điều của ông đã làm phát lòng các đồng nghiệp, nên ông lại ra đi tiếp tục ngao du đây đó. Thời gian này ông lập gia đình và sống hạnh phúc 3 năm tại Agen. Năm 1537 bệnh dịch lan tràn đến Agen và cướp mất vợ con ông. Mọi người xa lánh chế diều và thưa kiện ông. Giáo hội Thiên Chúa Giáo muốn đưa ông ra pháp đình. Ông trốn khỏi Agen và lang thang suốt 6 năm tại miền Nam nước Pháp và Tây Âu. Chính trong thời gian này, khả năng tiên tri của ông phát triển tột bực.

Trận dịch hạch lại nổ lên ở miền Nam nước Pháp, ông tận tâm chữa trị và thành công rực rỡ. Ông trở về Salon năm 45 tuổi và lập gia đình với một goá phụ giàu có. Ông bắt đầu hưởng một đời sống an nhàn. Ban ngày ông hành nghề thầy thuốc, ban đêm ông miệt mài học hỏi các sách vở huyền bí chiêm tinh và các phép bí truyền khác. Dưới ánh đèn vàng vọt, Notradamus nghiên cứu đường đi của các tinh tú. Nếu vị trí của các vì sao cho phép, ông ngồi lên chiếc đinh đồng 3 chân trước một bát bằng đồng chứa đầy nước. Ông ngồi yên lặng tập trung tư tưởng, đầu óc trống rỗng mọi ý niệm khác và nhìn chăm chú vào bát nước đầy. Lúc đó ông nhập vào một trạng thái xuất thần. Ông nghe và thấy các biến chuyển trong tương lai. Những hình ảnh và âm thanh của các biến cố hiện lên không rõ nét lắm và các âm thanh văng vẳng như từ một cõi xa xăm nào vọng đến. Đó là cách tiên tri của Notradamus.

Bắt đầu từ năm 1554 ông lần lượt cho xuất bản tác phẩm Les Centuries (những thế kỷ) gồm 10 tập thơ tiên tri, có hơn 3000 câu thơ, và tiên tri hơn 1000 biến cố xảy ra trên thế giới trong 2250 năm.

Cái chết của vua Henry II năm 1559 đúng như lời tiên tri của Notradamus 4 năm về trước đã là danh tiếng ông vang dội khắp Âu Châu. Hoàng Hậu Catherine De Medici mời ông làm cố vấn và luôn hỏi ông ý kiến về tham vọng thống trị Âu Châu.

Năm 1564 Hoàng Đế Charles IX và Hoàng Hậu nhiếp chánh Chatherine phong cho ông chức cố vấn và y sĩ của triều đình, kèm theo bống lộc và vinh dự mà tước hiệu này mang đến. Nhưng ông không còn sống được bao lâu nữa. Ông đã tiên đoán rất chính xác về cái chết của mình trong đoạn thơ sau đây:

*Trên đường từ Sứ Quán về
Tặng vật của Hoàng Đế sắp đặt gọn ghẽ
Ta không làm gì nữa, ta sắp trở về với Chúa
Họ hàng, bạn bè, anh em, máu huyết
Sẽ thấy ta chết gục giữa giường và chiếc ghế dài.*

Ông chết y như vậy vào tháng 06 năm 1566.

Notradamus đã tiên tri hơn 1000 biến cố, sẽ xảy ra trên thế giới trong khoảng thời gian gần 2250 năm. Nhưng vì khuôn của bài viết, người viết chỉ đề cập đến 3 biến cố quan trọng sẽ xảy ra từ đầu thế kỷ thứ 21 cho đến ngày tận thế.

A. Một trận đại dịch sẽ tàn phá nhân loại:

Năm 1991 Erica Cheetham, một tác giả người Anh tại Luân Đôn đã đăng một bài trên báo Aidsed Newsletter số tháng 1, 1991. Theo đó Erica đã giải mã được một khổ thơ tiên tri bí hiểm của Notradamus. Ông đã tiên đoán rằng đầu thế kỷ 21 trên thế giới sẽ xảy ra một trận đại dịch tàn phá nhân loại khủng khiếp. Chúng ta hãy để phòng và chờ xem. Tuy nhiên Notradamus cũng nói thêm rằng nếu loài người biết ăn năn, sám hối tội lỗi của mình, thì có thể hoá giải được những biến cố tàn hại khủng

khiếp cho nhân loại.

B. Cuộc thánh chiến toàn diện chống lại Hoa Kỳ và các nước Tây Phương của người Hồi Giáo.

Cuộc chiến mà Notradamus tiên đoán sẽ kéo dài 27 năm . Trong đó 3 năm 7 tháng cuối cùng trước khi kết thúc chiến tranh. Cuộc chiến sẽ lan tràn khắp Âu Châu với hàng triệu người chết và một hậu quả tàn phá kinh khiếp. Trong khổ thơ 16 của Centuries số 1 như sau:

*“Khi lưỡi liềm kết hợp với thanh kiếm
Ở sao nhân mã đang lên cao nhất
Dịch bệnh, nạn đói, chiến tranh, chết chóc
Thế kỷ đến gần một cuộc đổi mới toàn diện.”*

Câu thơ thứ nhất, lưỡi liềm kết hợp với thanh kiếm. Lưỡi liềm tượng trưng cho Hồi Giáo. Thanh kiếm tượng trưng cho cảnh binh đao chiến tranh. Khi lưỡi liềm là dấu hiệu của Hồi Giáo cộng với thanh kiếm. Chúng ta hãy chờ đợi một cuộc chiến tranh do người Hồi Giáo phát động. Thanh kiếm còn là một phần dấu hiệu sinh ra Osama Binladen. Vậy là đã quá rõ ràng là người Hồi Giáo sẽ nhân danh Thánh Allah, để phát động cuộc chiến tranh toàn diện, chống lại Hoa Kỳ và các nước Tây phương. Về phương diện chiêm tinh thì lưỡi liềm là biểu tượng của Thổ tinh. Khi thổ tinh kết hợp với sao nhân mã trong thế đi lên, chứng tỏ trong thời kỳ chiến tranh còn có thêm dịch bệnh, nạn đói, động đất bão lụt triền miên. Và kết cục của chiến tranh sẽ làm cho bộ mặt thế giới thay đổi toàn diện (câu thơ thứ 4).

Theo Notradamus thì 2 liên minh lâm chiến: Một bên là các quốc gia Hồi Giáo, dưới sự lãnh đạo của một lãnh tụ quyền uy của họ mà Notradamus gọi là kẻ chống Chúa thứ 3 (Kẻ chống Chúa thứ nhất là Napoleon Bonaparte với tham vọng làm bá chủ Âu Châu với 2 triệu người thiệt mạng và 14 năm chiến tranh. Kẻ chống Chúa thứ 2 là Adolf Hitler với 6 năm chiến tranh và gần 50 triệu người chết). Liên minh kia gồm Hoa Kỳ và các nước Tây Phương dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ. Với khổ thơ 97 của tập Centuries 6 sau đây, dường như cuộc

chiến đã khởi đầu, nhưng chưa phải là giai đoạn toàn diện:

*“Bầu trời bùng cháy ở 45 độ
Lửa tràn ngập thành phố tân tiến và mới mẻ
Những ngọn lửa to lớn bốc lên trời cao”*

Tiểu bang New York nằm giữa vĩ độ 40 và 45, một sự trùng hợp kỳ lạ trong biến cố ngày 11 tháng 9 năm 2001 tại New York

Ngoài khổ thơ trên nói về một địa danh tại Hoa Kỳ còn các khổ thơ khác rải rác trong 10 tập Thế Kỷ đều nói về các địa danh xảy ra chiến tranh ở Âu Châu. Khổ thơ 33 của tập Centuries 10:

*“Giáo phái độc ác của người Hồi Giáo sẽ đến
Dấu kín vũ khí dưới tà áo thụng
Thủ lãnh của họ sẽ chiếm đóng Florence
Và đốt cháy nó hai lần
Họ đưa ra những người thông minh sắc sảo
Nhưng không tôn trọng một thứ luật pháp nào.”*

Âu Châu sẽ trở thành một bãi chiến trường với sự tàn phá khủng khiếp trong giai đoạn cuối cùng. Trước khi cuộc chiến tranh kết thúc với sự tham gia của hầu hết các quốc gia Hồi Giáo. Trong giai đoạn này Đức Giáo Hoàng cũng phải rời Vatican, nơi cư trú của Ngài để tị nạn.

Quê hương của Notradamus là nước Pháp nên ông rất quan tâm và lo sợ cho hậu quả của chiến tranh trên đất Pháp. Khổ thơ thứ 71 của tập tho Centuries 33 sẽ cho ta thấy:

“Nước Pháp bị tấn công 5 mặt vì quá chênh mảng . Tumisia và Algeria sẽ bị Iran xiú giục chống lại nước Pháp Leon Sevill và Bercelona sẽ đầu hàng, vì không được nước Ý cứu giúp.”

Nhưng cuối cùng thì Notradamus đã cho chúng ta biết cuộc chiến tranh sẽ kết thúc bằng sự chiến thắng vang vẻ vang của Hoa Kỳ và các nước đồng minh Tây Phương, và sau đó chính các nước Hồi Giáo sẽ chia rẽ và chống lại lanh tụ của họ.

*"Luật lệ chỉ có 2 quốc gia nắm giữ
Và họ giữ như vậy trong một thời gian ngắn
Sau 3 năm 7 tháng họ lại lâm vào
Cảnh chiến tranh chư hầu của họ chống lại họ
Người chiến thắng sinh ra trên đất Mỹ."*

Sau sự tàn phá ghê rợn của chiến tranh, dịch bệnh, nạn đói, thiên tai. Thế giới loài người sẽ được phục hồi và được sống một kỷ nguyên mới của thời đại hoàng kim lâu dài. Tất cả viễn cảnh này sẽ nằm trong những lời tiên tri cuối cùng của Notradamus.

C. Những lời tiên tri cuối cùng của Notradamus – Ngày tận thế.

Đây là thời kỳ sau thế hệ của chúng ta. Con cháu của chúng ta còn sống sót sau những biến cố của chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai... Đây là thiên niên kỷ của một thời hoàng kim. Đời sống trên hành tinh này kể từ đây sẽ là một đời sống thái bình, thịnh vượng kéo dài gần một nghìn năm. Trong phép tính toán của các nhà chiêm tinh có khái niệm về đại niêng, nghĩa là một tháng theo khoa chiêm tinh học kéo dài 2000 năm tính theo lịch mặt trời. Mỗi một tháng chiêm tinh này tạo thành một thời kỳ chính trong sự tiến hóa của nhân loại. Ánh hưởng của nó lên sinh hoạt tinh thần và vật chất của con người tùy thuộc vào dấu hiệu đặc trưng của tháng đó có tiềm năng tích cực hay tiêu cực, tốt hay xấu. Hiện tại chúng ta đang ở trong thời kỳ Bảo Bình (từ năm 2000-4000). Trước Bảo Bình là thời kỳ Song Ngư (từ năm thứ 1 trước Thiên Chúa Giáng Sinh cho đến năm 2000). Đây là thời kỳ của đạo Thiên Chúa. Khởi đầu bằng sự xuống thế của Đấng Kitô để cứu chuộc nhân loại.

Thời kỳ Bảo Bình là thời kỳ của Khoa học. Trong thời kỳ này con người sẽ đạt được nhiều tiến bộ về khoa học, chinh phục và du hành không gian. Chất khí ở chòm sao Bảo Bình có ảnh hưởng thúc giục trí tuệ và tinh thần của con người hướng về trời cao và các biên giới xa hơn của vũ trụ bao la vô tận. Ý thức này cũng tạo cho con người để thực hiện nhiều cải cách điều hành xã hội, về tương giao và quản lý con người một cách rộng rãi hơn. Vì vậy Notradamus đã tiên đoán rằng về mặt chính trị:

Một chính quyền duy nhất sẽ quản trị và điều hành mọi vấn đề trên toàn thế giới, thay thế cho các chính quyền của từng quốc gia. Con người sẽ ý thức được nhiều vấn đề cần thiết và cấp bách, không thể giải quyết riêng rẽ trong khuôn khổ của từng quốc gia, mà phải cần đến một chính phủ chung của toàn thế giới để được giải quyết ổn thoả và trọn vẹn. Nhân loại trong thời kỳ này sẽ được hưởng trọn vẹn gần một nghìn năm thanh bình từ năm 2028-3000. Đây chính là thời kỳ mà tôn giáo và khao học được kết hợp hài hoà, để đưa nhân loại đến một nhận thức cao hơn.

Trong thời kỳ này con người sẽ bắt đầu liên lạc được với các nền văn minh ngoài trái đất và thám hiểm các thiên hà gần chúng ta nhất. Khi đó con người có đầy đủ khả năng để sinh sống trên các hành tinh lân cận chúng ta. Đây là thời kỳ mà sự du hành liên hành tinh và liên thiên hà đã mở màn. Mặc dù Notradamus đã nhìn thấy nhân loại có gần một nghìn năm thanh bình, biên giới quốc gia đã xoá bỏ. Chính điều này đã làm cho con người say sưa với tự do và sức mạnh của mình. Từ đó con người trở thành tự mãn, ngông cuồng và hoang tưởng.

Nếu chúng ta nhìn thấy con cháu của chúng ta vào năm 3000, chúng ta sẽ giật mình và kinh ngạc với những gì chúng có thể làm được. Con người có thể du hành bất cứ hành tinh nào, có sự sống trong vũ trụ bao la. Tuy nhiên Notradamus cũng cảnh báo cho nhân loại biết rằng đây là thời kỳ mà thế giới đang tiến gần đến chu kỳ tử vong cuối cùng. Notradamus cho chúng ta được biết qua khổ thơ 67 của tập Centuries 10: “ Một sự tàn phá trái đất từ những nguyễn nhân ngoài trái đất. Trong khoảng thời gian từ năm 3755-3797 sẽ có trận mưa vẩn thạch rơi xuống trái đất, khởi đi từ bờ biển Hy Lạp:

*“Nơi mà Jason đóng con tàu nổi tiếng của mình (Hy Lạp)
Một trận lụt mãnh liệt và đột ngột dâng lên
Không có một nơi nào trên mặt đất mà không bị ngập lụt
Sóng đánh phủ đầu ngọn Olympus (9570 bộ)”*

Sự sống trên trái đất sẽ chấm dứt vào năm 3797. Notradamus cũng cho chúng ta biết là một số ít người còn sống sót sẽ lên sống ở chòm sao Bảo Bình, một sao ở chòm sao Bắc giải. Trái đất hoàn toàn không còn sự sống nữa. Đó là ngày tận thế

và nhà tiên tri Notradamus không còn nói gì thêm nữa.

Hà Thúc Hùng

Tài liệu tham khảo

-The final Prêcies of Notradamus

của tác giả Erica Cheetham, nhà xuất bản Futura Publication.

-Notradamus: Người nhìn thấy trước tương lai thế giới.
Biên khảo của Vũ Quân, Nhà xuất bản Hồn Việt.

DANH NGÔN

* *Không phương thuốc nào chữa trị được các chứng bệnh mà hạnh phúc đã bó tay*

Gabrid Garcia Maquez

* *Bạn ngắm nhìn một vì sao vì lẽ: Một là vì nó sáng, hai là vì nó vượt quá tầm hiểu biết. Bên cạnh bạn có một ánh sáng êm ái hơn và huyền bí hơn. Đó là người phụ nữ*

Victor Hugo

* *Phụ nữ đóm dáng là niềm vui chung của những người khác, nhưng là nỗi khổ của người làm chủ nàng*

Voltaire



Tình Vương Xóm Nại

Yêu mến tặng Thu Ba, Qui Nhơn

■ Võ Bá Hà

Câu Đôi ngã rẽ chia hai,
Đường lên Quốc lộ, Phú Tài còn xa
Đường vê xóm Nại bao xa,
Gặp nàng kiều nữ khiến ta mềm lòng.
Bao năm lạc bước phiêu bồng
Con tim lạc lõng, tình hồng nở hoa.
Dáng em nhẹ bước kiêu sa,
Bồng bènh mái tóc, mượt mà dáng tiên
Môi hồng nở nụ cười duyên,
Lung linh ánh mắt thuyền uyên mơ màng
Tơ vương tình cảm chúa chan,
Nhìn nhau bốn mắt rộn ràng con tim
Trong tay siết chặt tay mềm,
Như thầm trao gửi nỗi niềm yêu thương..
Nhưng...
Yêu sao lấm đoạn trường..
Người vê kẽ ở đôi đường phân chia
Nỗi đau nào hơn xa lìa?
Phương Đoài canh cánh nhớ về phương Đông
Ngày mai thôi hết phiêu bồng...
Tim ta vẫn giữ bóng hồng Thu Ba.

Võ Bá Hà

KHÁI NIỆM VỀ BÁT TRẠCH

Hay là

DUƠNG TRẠCH TAM YẾU

2

Lư Trung Tử

Trong đời người ta bất cứ làm việc gì ai cũng muốn thành công không ai mong thất bại. Muốn thành công bắt buộc người ta phải nắm vững ba yếu tố căn bản, đó là: THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI VÀ NHÂN HÒA.

Muốn biết “Thiên Thời”, người ta xem Tử Vi, Tử Bình, chỉ tay, dịch số, Độn lục Nhâm, lục Giáp v. v.... Muốn có Địa Lợi, người ta xem Phong Thủy, Bát Trạch cho chính ngôi nhà đang ở hoặc cơ quan, xí nghiệp, xưởng, tiệm mình đang làm việc hay là mồ mả của cha mẹ, ông bà, tổ tiên...

Muốn biết Nhân Hòa, người ta nghiên cứu học hỏi về cách xử thế, cách đắc nhân tâm, học mưu lược như Tam Lược của Khương Tử Nha, Lục Thao của Tôn Võ Tử, Võ Mục Di Thư của Nhạc Phi...để kinh bang tế thế.

Bài này người viết xin trình bày cùng quý độc giả những điều sơ lược căn bản về môn ĐỊA LỢI, cách xem một căn nhà, một cửa tiệm tốt, xấu ra sao để quý vị khỏi nhầm lẫn gọi là BÁT TRẠCH.

Tại sao gọi là Bát Trạch? Bát là tám, con số tám, Trạch là nhà ở. Nhà ở được tính toán xây cất theo sự biến chuyển của Bát quái: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài nên gọi là Bát Trạch.

Có nhiều cách tính khác nhau tùy theo từng trường phái từ thời nhà Hán đến cuối đời Mãn Thanh và hiện nay bên

Trung Hoa như thời nhà Hán có Thanh ô Tử, thời Tam Quốc có Quản Lộ, Nhà Tấn có Quách Phác, Hàn Hữu, nhà Đường có Lý Thuần Phong, Phù Đô Hoằng, Dương Tòng Quân (Dương thanh Tùng), nhà Tống có Lại Văn Tuấn, Lưu Tiêm, Nhà Minh có Lưu Cơ, Từ Mậu Học, Chu Nhan Tu, nhà Thanh có Nhược Quán Đạo Sĩ, Ngụy Thanh Giang, v.v.. và chia ra làm nhiều hệ phái, nhưng tựu trung vẫn là hai phái chính: Hình Phái và Lý Phái. Nhưng cũng có trường phái trung dung giữa hai phái Hình và Lý.

Phương pháp này gọi là: “ DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU ” của ông Triệu Cửu Phong đổi nhà Thanh gom cả hai phái của Dương Tòng Quân nhà Đường và Nhược quan Đạo Nhân nhà Thanh, là một nhà Địa lý danh tiếng nhất là áp dụng vào thực tiễn hữu hiệu nhất.

Các nhà địa lý gọi nhà ở là “ Dương Trạch ” để phân biệt với “ Âm Phần ” (nơi chôn cất người chết : mồ mả).

Muốn xem một ngôi nhà tốt xấu, người ta phải phân biệt làm hai phần: Bên ngoài cửa ngôi nhà, người ta gọi là Phong Thủy và bên trong cửa ngôi nhà, người ta gọi là Bát Trạch.

Phần bên ngoài chiếm ảnh hưởng 40% và phần bên trong, bát trạch chiếm

60% tốt, xấu của ngôi nhà.

I._ PHONG THỦY:

Phong thủy của ngôi nhà cũng chia làm hai phần: Hình và Thé.

_ **HÌNH**: là cuộc đất của ngôi nhà. Hình chỉ từ một trăm thước tính từ ngôi nhà trở ra. Phải biết xem nó thuộc hình gì, thuộc loại nào trong ngũ hành.

_ **THÉ**: là phong cảnh và thế đất cách ngôi nhà từ một ngàn thước trở lại.

Khi xem những cuộc đất lớn như Đô thị, hang xuống lớn, nhà

của những người giàu có lớn, nhà của vương tướng có từ 11 phòng ngủ trở lên, người ta thường chú ý đến Thế nhiều hơn Hình.

Khi xem những ngôi nhà bình thường người ta chú ý đến Hình nhiều hơn Thế.

Bình thường, một ngôi nhà hay một cửa tiệm, đứng từ trong ngó ra, phía bên ngoài được chia ra như sau:

_ Bên trái của ngôi nhà gọi là Thanh Long, tượng trưng cho phái nam thuộc tinh, nên trồng cây không thể làm đường đi được.

_ Bên phải của ngôi nhà gọi là Bạch Hổ, tượng trưng cho phái nữ, thuộc động, có thể làm đường đi và không nên trồng cây.

Nếu làm ngược lại, người ta gọi là “lấy động làm tĩnh và biến tĩnh làm động”, do vậy trong nhà có sự lộn xộn, trở ngại trong công việc làm ăn và tình cảm trong gia đình không hòa thuận, con trai con gái trong nhà gặp nhiều việc rắc rối khó khăn.

Phía trước ngôi nhà gọi là minh điện, phía sau ngôi nhà gọi là Sơn tọa.

Phía trước ngôi nhà cách 5, 3 trăm thước có gò đất nổi cao lênh gọi là Chu Tước

Phía sau ngôi nhà cách xa 5, 3 trăm thước có hồ, ao, đầm nước lớn hay có sông ngòi gọi là Huyền Vũ.

Phía trước mặt của ngôi nhà, đất phải thấp hơn phía sau ngôi nhà thì mới tốt được. Phía trước phải quang đãng, sáng sủa, không có con đường đi đâm vào nhà, không có cây to lớn ngay chính giữa mặt tiền nhà.

Phía sau ngôi nhà, đất phải cao hơn phía trước. Không thể làm hồ nước lớn mà nên làm giòng nước chảy.

Có nhiều nguyên tắc tỉ mỉ rắc rối về những qui định cho hai bên phải, trái, trước và sau của ngôi nhà như đào giếng, làm đường đi v.v... không thể kể hết ra đây được. (Coi chương

mua nhà).

II. _ BÁT TRẠCH:

Người ta còn gọi là Bát trạch Chu thư vì nó dựa theo Hậu thiên Bát Quái đổi Nhà Chu do Văn Vương sáng tạo ra mà tính đếm sự biến dịch ba phương vị chính yếu của ngôi nhà là: Cửa Cái (Cửa Chính), Bếp nấu ăn và Phòng ngủ chính của chủ nhà (Master Bedroom).

* Muốn biết ngôi nhà đó có hợp với chủ nhà hay không, để gia đình an ổn, trong nhà làm ăn phát đạt, con cái nêng người, hòa thuận hiếu đế, thì ta phải biết:

1. _ Tính cung phi của người chủ nhà là cung gì trong 8 cung: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài và được qui định như sau:

_ Khảm, Ly, Chấn, Tốn: Đông Mạng. (Khảm: hướng Bắc, Ly: hướng Nam

Chấn: hướng Đông, Tốn: hướng Đông Nam).

_ Càn, Đoài, Cấn, Khôn: Tây Mạng. (Càn: hướng Tây Bắc, Đoài: hướng Tây, Cấn: hướng Đông Bắc, Khôn: hướng Tây nam)

2. _ Sự biến đổi của các cung Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài phải học cho thật nhuần nhuyễn cũng như chúng ta học cửu chương trước khi học làm toán nhân chia vậy. Sự biến đổi này sinh ra tám kết quả tốt xấu xen kẽ nhau gọi là: Bát Tự Du Niên: Sanh Khí, Ngũ Quý, Diên Niên, Lục Sát, Họa Hai, Thiên Y, Tuyệt Mạng, Phục Vị. Hễ gặp Sanh Khí, Diên Niên, Thiên Y, Phục Vị thì tốt, nhưng nếu gặp Ngũ Quý, Lục Sát, Họa Hai, Tuyệt Mạng thì xấu. Nhưng phải biết hành của các du niên thì việc lý giải mới chính xác được, vì vậy nhiều khi gặp Sanh Khí hay Thiên Y mà không tốt được vì sai Ngũ hành với Cung của bản mệnh.

3. _ Cách đặt La Bàn cho đúng vị trí của ngôi nhà để phân cung điểm hướng cho ba nơi chính yếu của ngôi nhà, đó là: SƠN (TỌA : trung tâm cửa vách sau) và HƯỚNG (trung

tâm của vách trước), CỬA CHÍNH, BẾP và PHÒNG NGỦ chính (Master bedroom).

Đặt La Bàn tại trung tâm điểm của ngôi nhà, từ trung tâm của La bàn ta lấy một sợi dây giống tới trung tâm của Cửa Chính, thấy trong La bàn ghi cung nào thì cung ấy là Cung của cửa Chính. Bếp và Phòng ngủ chính cũng vậy.

Nếu ta đọc được trên La Bàn ba nơi chính yếu là Cửa Cái, Bếp nấu ăn và Phòng ngủ chính cùng một phe Đông Mạng hay Tây Mạng thì nhà đó là nhà có “ Tam điểm cát ” (Nhà ba có điểm tốt). Nếu cung phi của chủ nhà lại cùng một phe là Đông mạng hay Tây mạng hợp với ngôi nhà nữa thì được hoàn toàn 100% tốt.

Nếu đo thấy trong La Bàn, Cửa Cái và Bếp cùng một phe thì nhà đó đã được 50% tốt.

Việc luận giải tốt xấu cho một ngôi nhà đều dựa vào sự biến đổi của dịch số và sự tương sanh tương khắc của ngũ hành, bối vây người nào muốn am tường nghiên cứu về khoa Bát Trạch trước tiên phải học về Dịch số và Ngũ Hành, phải thuộc nằm lòng sự biến đổi của quẻ Dịch. Nhất là phải biết cách đọc La bàn, phải biết thế nào là âm dương tiêu trưởng, phải biết an vòng Tràng Sinh để phân biệt hướng nào là thịnh, vượng, suy, tuyệt, việc này phải có thầy dạy, phải học hỏi.

Ví dụ: Người đàn ông tuổi Quý Mùi, sinh năm 1943 có ngôi nhà 3 phòng ngủ Phòng ngủ chính là phòng thứ 3 sát vách sau của ngôi nhà; vách sau thuộc hướng Tây, Đoài, tường phía trước và cửa chính ở hướng Đông, cung Chấn, Bếp ở hướng nam cung Ly (đo được trên La Bàn) như vậy nhà này tốt hay xấu, nếu tốt thì tốt ở điểm nào và xấu là xấu cái gì, nên sửa chữa ra sao?

_ GIẢI:

– Người đàn ông tuổi Quý Mùi cung phi bản mệnh là cung CHẤN, nhà quay mặt về hướng Đông là được Phục Vị, con cái trong nhà nay hiếu thảo, làm nên sự nghiệp.

_Cửa Chính là cung Chấn biến một lần đến cung Ly (hướng Nam) là Bếp được chữ Sanh Khí thuộc sao Tham Lang Mộc, tương hòa với bản mệnh của người chủ nhà cung Chấn thuộc Mộc, do vậy nên người chủ nhà này sẽ được làm ăn phát đạt trong 3 năm liền.

Nhưng theo cách tính sanh biến thì Phòng Chính của nhà này thuộc hành Mộc là sao Tham Lang, thuộc du niênh Sanh Khí, nhưng vì Sơn Chủ (tức là trung tâm của vách sau) là cung Đoài thuộc Kim khắc với Phòng Chủ là Tham Lang Mộc nên gia chủ làm có tiền mà không giữ được, vợ chồng chủ nhà thường hay kình cãi và làm ăn phát được 3 năm (vì Cửa Chính đối với Bếp được Du Niên: Sanh Khí) thì càng ngày càng suy bại , vợ chồng chủ nhà hay bị đau bệnh hoặc hay gặp những tai nạn bất ngờ.

Muốn sửa chữa ngôi nhà này thì ta phải làm sao cho cái Phòng Chủ là phòng thứ năm trong ngôi nhà để Phòng Chủ trở thành Sao Cự Môn Thổ (trong phép sanh biến) sanh được Sơn Chủ Đoài Kim thì sẽ đại phát, nghĩa là ta phải thêm 2 phòng nữa ở phía trước hoặc bên tay phải của cái phòng chính đó. Nếu làm được như vậy thì 5 tháng sau trong nhà sẽ có sự biến chuyển thuận lợi, gia chủ sẽ có cơ hội phát đạt, mọi sự thuận ý.

Do vậy, qua ví dụ trên, ta có thể suy ra rằng: không thể nói trong bất cứ ngôi nhà nào hướng Tây Nam là thuộc “ Cung Tài lộc ”, hay hướng Tây cũng thuộc “ Cung Tử Tức ” (Con cái) được vì mỗi gia chủ đều có cung mạng khác nhau.

Hoặc cũng không thể nói: tôi là người Đông mạng, tôi chọn hướng nhà thuộc phe Đông mạng mà sao không thấy tốt, toàn gặp chuyện bất như ý? Xin thưa là: Hướng nhà tuy cùng phe đúng với cung bản mệnh, nhưng ba nơi cửa chính, bếp và phòng ngủ khác phe với nhau thì cũng chẳng ích lợi gì mà còn nguy hại nữa. Dịch số là biến đổi, chỉ sai một ly là đã khác rồi, bởi vì có nhiều khi cùng phe mà vẫn bị trở ngại và cũng có lúc khác phe mà vẫn an ổn. Nó có luật bù trừ của nó. Phải đi sâu vào Dịch số mới biết được.

Kính thưa quý vị, môn học nào cũng phải có sự nghiên cứu sâu xa của nó huống chi là môn Bát Trạch và Phong Thủy,

nó không đơn giản một tí nào. Không những đọc sách nghiên cứu mà chúng ta cần phải có thực hành, phải có thảy chỉ vẽ, truyền đạt kinh nghiệm, chỉ cho cuộc đắt nên hư mới có thể coi nhà được.

Âm phần là sự nêu hư cả một giòng họ, nhưng coi dương trạch chỉ ảnh hưởng cho gia đình đó mà thôi, nếu thấy không an ổn, ta có thể bán mà mua nhà khác may ra có cuộc sống an ổn hơn.

Viết về Bát trạch và Phong Thủy, người ta phải viết vài ba cuốn sách cũng chưa đủ, bài viết này chỉ kể khái quát sơ lược về môn phong thủy và bát trạch mà thôi để quý vị có một vài nhận thức cơ bản về môn này, mong quý vị niệm tình thứ lỗi cho.

Lư Trung Tử

CHUYỆN CƯỜI

Khách thuê phòng check out, phàn nàn với viên quản lý:

- Sao ông tính cả tiền trái cây cho tôi? Tôi có ăn tí nào đâu?
- Ngày nào chúng tôi cũng đặt trái cây tươi trong phòng. Ông ăn hay không là chuyện của ông.

Khách gật đầu hiểu, ký check và đưa cho quản lý. Viên quản lý nhìn check, nói:

- Sao ông ký thiếu mất 60 đô?

Người kia thản nhiên:

- Vì ông hôn vợ tôi, mỗi ngày phải trừ đi 20 đô.
- Sao? Tôi hôn vợ ông bao giờ?
- Bà ấy ở trong khách sạn ông suốt ba ngày hôn hay không là chuyện của ông!



Thương Nhớ Bốn Mùa

■ Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ

“ Lắm lúc thả hồn mơ dĩ vãng.
Nghe lòng nuối tiếc những ngày xưa.
Bao năm xa cách quê hương cũ.
Thương nhớ trong tôi trọn bốn mùa.

“ Thấy bóng xuân về rộn sắc hoa.
Gọi buồn man mác Tết phương xa.
Bao năm lạc xứ bao thương nhớ.
Lẫn chút tình riêng với nước nhà.

“ Một thoáng xuân qua xuân đã tàn.
Mỗi lần hè đến nhớ m ênh mang.
Ước chi hóa nhạn bay về xưa.
Từ tỉnh đến quê những xóm làng.

“ Ngàn thông lác lá vàng rơi.
Thoảng gió heo may chớm lạnh rồi.
Lặng dâng mây giăng khói nỗi nhớ.
Những mùa thu đến đất quê tôi.

“ Nghe từng cơn bắc rót qua song.
Nhớ nắng cố hương thật ấm lòng.
Một thoáng nắng hồng xuyên lối cũ.
Tìm hoài chỉ thấy gió mênh mông.

“ Nhớ thương nói mấy cho vừa.
Thèm đón bốn mùa mảnh đất xưa.
Rất muốn trở về nơi chốn cũ.
Còn e ngọn gió chưa giao mùa.

HẬN THÙ LÀM CHI!

Nguyễn Tâm Linh

1. Xin trích nguyên một đoạn văn trong quyển ‘Thần Đạo Học’ của cố giáo sĩ J.D. OLSEN trang 748: Chữ ‘thế gian’, nguyên văn Hy Lạp là Kosmos, nghĩa đen là trật tự hiện tại của đời này. Chúa Jēsus dạy rằng Satan là thủ lãnh của trật tự ấy. Làm sao Satan chiếm được uy quyền ấy. Chúng ta không thể nói được. Song nếu chúng ta kê cứu nguyên tắc điều khiển trong các giới nào là thương mại, chánh trị, xã hội và quốc tế thì ai dám chối rằng Satan không thống lãnh mọi vận động của cả các giới ấy ư? Ta thường thấy trong trường thương mại thì có sự ganh đua lường gạt; trong trường chánh trị thì có độc tài áp chế; trong

xã hội có sự nghèo nàn, đốt nát; trong trường quốc tế lại có sự ghen ghét xâu xé nhau. Những điều ấy nếu không do sức vận động của Satan mà ra, thì tự đâu mà có? Quả nó là vua chúa cầm quyền trong thế giới tối tăm này.

2. Vậy giờ ngồi nhớ lại những ngày trên đất nước mình – bên kia, bên này – anh em xâu xé, đánh đấm, giết lẩn nhau trong hận thù. Ngày mà tôi phải cầm cái ‘sự vụ lệnh’ lên đường trình diện vào trường bộ binh Thủ Đức, nhận lãnh quân trang, quân dụng trang bị từ đầu đến chân, chỗ ăn, chỗ ở, lương hường … trong phạm vi bị ràng buộc trong bảy tháng ròng rã. Học chịu đựng, học phải cúi đầu theo lệnh. Học đánh, học bắn giết nhau, cùng bạn đánh kẻ thù từ miền Bắc. Cả quãng đời tuổi thanh xuân coi như mất. Phải xa cha mẹ, bạn bè, anh em trong thương nhớ khôn cùng, xa luôn cả hội thánh, nơi mà mình được dạy dỗ bởi lời Chúa: ‘Phải yêu kẻ thù, và cầu nguyện cho người khủng bố, hành hạ các con’ (1). Nghĩ đến người miền Bắc, cũng là người Việt, mình ở miền Nam, sao coi họ là kẻ thù? Hai ‘thế chế’ khác biệt có gì mà phải tranh chiến trong hận thù? Không hận thù sao được khi Satan làm mù lòng người, gieo rắc cái mầm độc hại để con người cùng một đất nước phải hờn thua,

ghen ghét, giết hại nhau mà quên mất ‘tình yêu đời đời’ từ trời cao. Đến bây giờ cái ‘mầm độc hại’ đó vẫn nứt tược ra nhánh, ra hoa, ra trái từ trong nước ra tới hải ngoại, người người vẫn làm đúng ý đồ của Satan, cho đến bao giờ mới chấm dứt?

3. Việt Nam mình là một xứ nhuốm tiếu, nghèo đói. Bao nhiêu người sống no đủ? Bao nhiêu người sống lây lất qua ngày? Tiền của đâu để chi phí cho cuộc chiến phi nghĩa trên quê hương mình? Súng đạn, xăng dầu, xe tăng, tàu chiến, máy bay, quân cụ, quân phí... cả hai bên đều phải trang bị để đọ sức nhau. Ai chi trả? Lòng đã biết Satan là kẻ chủ mưu, tìm lợi bất nghĩa trên thế giới hồn độn từ đó đến nay – bao nhiêu người đã gục ngã – đã biết mình bị Satan lừa phỉnh, gạt gẫm đi vào cuộc chiến đẫm máu, sao còn hận thù làm chi? Bạn đã từng biết con số quân nhân Mỹ và Đồng Minh chết trên đất nước Việt Nam không nhỏ? Số tử vong người mình trong cuộc chiến tương tàn trên hai miền Nam Bắc càng nhiều hơn? Không kể số thương vong. Bao nhiêu người phải bỏ nước ra đi tìm sống nơi xứ lạ quê người, chết trong rừng sâu, trên biển cả, vì cớ gì chắc ai cũng rõ? Bao nhiêu kẻ phải chết trong những trại tù ‘cải tạo’ cũng không ít? Tình trạng người Việt hiện nay tìm nhiều mọi cách đến các nước trên thế giới để mưu cầu điều chi? Chúng ta đã thấy bao nhiêu tai họa dồn dập đã đổ trên đất nước mình bấy lâu cho đến bây giờ vẫn còn tiếp tục. Nguyên do là vì cớ Satan vẫn lừa dối con người xâybỏ, khước từ Thượng Đế, khiến dân mình đi xông hương và phục vụ các tà thần không mỉm khép mệt. Lời Chúa phán: ‘Đừng thờ thần tượng! Đó là điều Ta gớm ghiếc’ (2).

4. Cái lý do con người ghim gút sự thù hận vì đã lọt bẫy Satan. Bởi lẽ sự thù hận đưa tới sự ghen ghét, ghen ghét sinh ra tranh chấp, tranh chấp sinh ra tranh chiến, tranh chiến dẫn đến tai họa như đê vỡ bờ, đâu còn thấy điều gì tốt đẹp nữa đâu? Chỉ thấy hồn độn, lộn lạc đủ mọi thứ gian ác mà Satan đã lừa dối, phỉnh gạt con người bấy lâu. Nếu Nam Bắc vẫn còn ôm mãi hận thù tức cả hai vẫn còn bị Satan sai khiến, vẫn đi đúng hướng đã vạch sẵn của Satan, lại càng xa cách Thượng Đế càng nhiều. Nếu còn thù hận nhau thì làm sao tâm trí nhìn thấy sự tha thứ từ trời cao? Cái thù hận bám dính chặt vào lòng người, cách nào xóa tan? Thù hận lấy chi gột rửa? Thù hận đưa tới bằng hành

động chỉ làm cho đất

nước mìn tan hoang, rách nát, tơi tả thêm mà thôi! Thế hệ con cháu sau này sẽ bước theo dấu vết bánh xe thù hận của ông cha ngày trước, chẳng ném biết được cái ngọt ngào yêu thương của Đấng Tạo Hóa, không nhìn biết được sự thương xót của Cha thiên thượng. Đó là chương trình, kế hoạch mà Satan đã làm trong quá khứ, trong hiện tại và tương lai.

5. Bạn và tôi làm được gì khi hận thù vẫn còn châm rẽ trong lòng? Làm được gì khi biết được mình chỉ là ‘tên lính đánh thuê’ hay là ‘đây tớ’ của Satan ngày nào? Tự do bị tước đoạt, phải chịu ngồi trong xó tù mắt không thấy chấn song. Chẳng lẽ cúi đầu mãi chờ đến lúc đi chung ‘con đường của loài người’? Chỉ có một cách duy nhất ‘hãy tìm kiếm Chúa khi Ngài còn cho gấp, hãy kêu xin Ngài khi Ngài còn ở gần, hãy bỏ những việc gian ác, loại các tư tưởng xấu xa! Hãy quay về với Chúa, Ngài sẽ thương xót cho’ (3).

Lời kinh thánh còn nói rõ: ‘Chúa đã cho anh em được tự do...được tự do để phục vụ lẫn nhau trong yêu thương’ (4). Trong yêu thương có sự tha thứ, trong tha thứ đâu còn thù hận? Hận thù nhau làm chi, phải không bạn?

Kinh thánh trích dẫn : (1) Mathio 5:44 (2) Giêrêmi 44:4b (3) Esai

55:6,7

(4) Galati 5:13

DANH NGÔN

* *Hạnh phúc vốn có từ hoạt động, nó là dòng suối chảy chứ không phải ao tù nước đọng*

John Mason Good

* *Phải mất hai năm để học nói, và cả một đời để học im lặng.*

Tối Thủ



Võ- Ngọc- Uyển

*Thật ra thì không có hiện tai,
Chỉ có quá khứ và tương lai,
Giòng sông trôi không bao giờ trở lại,
Một sát-na này là quá khứ liền ngay.*

*Bởi vì thế, trong vi trần thoáng nghĩ...
“Ta yêu Em” đã vào cõi sương mù,
Chớp bể mưa nguôn trên giòng thương hải,
Một hiện tại này đã chết giữa thiên thu!...*

*Và khi nói ta yêu em mãi mãi...
Là cố tình ta lừa phỉnh em thôi !
Ý trước tình sau luôn luôn biến đổi,
Khi nói yêu là đã phụ em rồi !...*

*Ta là kẻ luôn thấy mình phụ rãy,
Ta ngoại tình mà em nào có hay !
Trôi mãi trong nghịch thường sóng dập,
Tự thú rồi... Em cứ hận ta đi...*

*Cứ hận đi... để yêu ta từng phút...
Nguyên rủa đi... để nhớ ta từng giây..
Và như thế là vô cùng hạnh phúc...
Được người Yêu trong cuồng hận mê say !*

BÌNH KHÊ - TRẬN ĐÁNH CUỐI CÙNG

Hà Quế Linh

N

gày 30 tháng 4 lại đến, thế là 35 năm tôi xa rời quân ngũ, chuỗi ngày lưu vong cũng sắp tàn, thất thập cổ lai hy ngày một mong manh thêm, còn một chút gì để nhớ để quên trong đời binh nghiệp, lưu lại nghĩa tình với quê hương. Đó là trận đánh cuối cùng của trung đoàn 42 để bảo vệ mảnh đất Bình Định thân yêu.

Hơn 12 năm lăn mình trong trận mạc, từ chiến trường Hẹ Lào, Khe Sanh, Bến Hải vòng qua Tam Biên, Ban Mê Thuộc, Đakto, Pleime, Kontum rồi đổ về đồng bằng Bình Khê, Tuy Phước, Phù Mỹ, Bồng Sơn, Tam Quan, An Lão. Tôi cầm súng với tư cách một chàng trai trả nợ núi sông, không hanh diện khi ưỡn ngực nhận lanh huy chương. Một cuộc sống âm thầm chịu đựng. Chiến công có, nhưng không đủ bù vào lệnh phạt: Bỏ đơn vị đi chơi theo tiếng gọi con tim, bênh vực kẻ cô thế, ném lon lá thăng trầm theo mùa chinh chiến và chức vụ cũng trôi sụp theo. Không một lệnh lạc nào, không một thượng cấp nào có thể ràng buộc tôi phải thi hành triệt để chỉ thị nếu tôi không thích. Nhưng lần vượt qua tất cả, đó là trận đánh cuối cùng để bảo vệ mảnh đất thân yêu Bình Định, Qui Nhơn.

Tháng 3 năm 1975, Bắc quân đã chiếm trọn Ban Mê Thuộc, lân lượt Kontum, Pleiku rồi ô ạc đổ đèo Mang Yang tràn vào Bình định. Sư đoàn 22 thay phiên các trung đoàn cầm chân địch. Trận chiến ngày càng ác liệt phải áp dụng mọi phương sách chiến thuật; xa luân chiến, rút lui chiến thuật, nắc thang, co cụm dường sức thay quân. Trận chiến lúc đầu còn giũ được

từ đèo An Khê băng qua Vĩnh Thạnh rồi thụt dần đến quận Bình khê. Sau khi mãn khóa Bộ binh cao cấp tôi còn 5 ngày phép đang chuẩn bị đưa gia đình vào Cam Ranh, nhận được lệnh của Đại tá trung đoàn trưởng 42 trình diện bộ chỉ huy hành quân gấp. Tôi có thể phớt lờ lệnh này vì trên tay giấy phép chưa hết hạn. Đắn đo suy nghĩ, tôi tức tốc đưa gia đình vào Cam Ranh, rồi vội quay ra trình diện BCH hành quân. Tại sao tôi có thể làm một chuyện ngu si khờ dại, nguy hiểm xông vào cõi chết trước mặt. Lần lượt tin tức từ mặt trận gởi về, các Tiểu đoàn trưởng của các trung đoàn anh dũng tử trận. Thiếu tá Nguyễn tấn Hạnh, thiếu tá Tuấn sưa, cả trung đoàn phó cũng gầy bô mang. Biết bao người tìm cách tránh xa vùng lửa đạn, trốn chạy khỏi chiến trường. Tôi đã bỏ mặc gia đình, mẹ già, vợ dại con thơ nhào ra đội đá vá trời, làm anh hùng rơm không sợ lửa. Không, không, một cái gì thầm kín âm vang trong lòng tôi lúc này. Có phải tiếng vi vu rặng liễu mỗi chiều gió khơi để nhìn “Áo biển Qui Nhơn” hay ngân nga tiếng chuông chùa Long Khánh ru tôi vào cõi thiền định mơ màng. Hồi chuông hối thúc vang lên từ nhà thờ tháp nhọn đưa tôi vào những mùa Noel rộn ràng tuổi thơ. Qui Nhơn từ thời tiêu thổ kháng chiến, xác xơ, hoang tàn, rừng keo, bãi xương rồng chen nhau trên đống gạch đổ nát, không nhà cửa, không đường phố. Nay là thành phố trẻ, xinh đẹp nép mình bên biển đông. Tôi hân diện được làm đứa con ruột thịt của thành phố này từ thời ấu thơ đến trưởng thành, giờ này phủi tay chạy trốn sao? Đừng nói tôi yêu nước, yêu Tổ Quốc, xa vời, yêu ngay cái quê hương nhỏ bé, gói ghém bao kỷ niệm, gieo trồng bao hy vọng nay tan biến sao? Bao nhiêu xương máu của cả đồng đội tôi nhuộm thắm trước cây xăng ông Tề cứu Qui Nhơn thoát nạn trong đợt công kích tết Mậu Thân (405 thám kích). Xương máu của trai Bình Định đã trải dài trên đất nước, và không ít nằm xuống trên mảnh đất quê hương từ đèo Bình Đê, Tam Quan kéo dài theo Trường Sơn vào tận đèo Cù Mông. Nay tôi ngoảnh mặt chạy trốn sao? Giọng nói run run của bà xã tôi vẫn còn réo gọi; Chưa hết phép ở Cam Ranh vài hôm với các con, tội nghiệp chúng. Nhưng không, giặc tôi nhà đàn bà phải đánh, tôi vội vã ra đi. Trước khi đến đơn vị, tôi rảo quanh một vòng Qui Nhơn, tất cả cơ quan hình như vắng vẻ, đoàn xe y tế của Tân Tây Lan rời bệnh viện di tản, dân chúng ô ạt tản cư vào Nam. Tôi gấp D/úy Phú cảnh sát (Cường Đế) được tin tính trưởng ra lệnh tử thủ, cảnh sát và quân nhân cắm-

trại 100%. Tôi nghĩ bụng mừng thầm, Qui Nhơn sẽ kiên cường đứng vững.

Đúng 3 giờ chiều ngày 28 tháng 3 năm 75, tôi vào trung tâm hành quân nhận nhiệm vụ. Đại tá Nguyễn Hữu Thông thân mật vỗ vai tôi và nói : “ Toa phải vào thay thế Thiếu tá Chấn, tiểu đoàn trưởng 2/42 bị bao vây 2 ngày và bị thương tại căn cứ Lai Nghi (Đại Hàn)”. Nhìn lên bản đồ hành quân, những chấm xanh đỏ ly ty chằng chịt. Trần Đăng Phong (Cường Đế), trưởng ban 3 trung đoàn lập kế hoạch đưa tôi vào trận địa và cho biết sơ qua tình hình địch, bạn. Địch đang sử dụng sư đoàn 3 Sao Vàng và các trung đoàn biệt lập ô ạt tấn công, Sư đoàn 22 được phối trí: 41 Bình khê, 42 cầu Đen Bà Gi, 47 phi trường Phù Cát, trung đoàn 40 tăng phái dù vào Nha Trang, Khánh Dương. Ba giờ sáng ngày 29/3, lực lượng giải vây căn cứ Lai Nghi do trung tá Lê Tuấn Trí- tiểu đoàn trưởng 3/42 cùng thiết giáp phải dùng kỹ thuật đánh đêm quét sạch các chốt 2 bên đường từ cầu Đen đến Lai Nghi, đã bắt tay với quân trú phòng. Tôi tiến hành kế hoạch bàn giao. Thiếu tá Chấn bị thương ở bắp đùi, đoàn xe tiếp tế lương thực, súng đạn từ hậu trạm 42 tiếp tục đổ vào. Nhiệm vụ khẩn cấp đưa thương binh và binh sĩ các đơn vị bạn, Biệt động quân, địa phương quân bị thất thủ từ Pleiku, An Khê chạy vào xin tá túc ra về. . Tôi nghĩ không thể dùng thành phần này sơ sẩy gây hoang mang và không tin tưởng. Dụng tinh hơn dụng đa. Cho người dìu Chấn lên xe, Chấn nhìn đồng hồ tay chậm rãi nói 4:30 sáng rồi đợi 6 giờ sẽ ra. Bên ngoài súng vẫn ầm ầm nổ, tôi khẩn cấp họp các Đại đội trưởng, duyệt lại khả năng tham chiến, xem cách phòng thủ, vị trí đóng quân... Đúng 5 giờ sáng, trận pháo kích bùng nổ, khói lửa mù trời. Đây là loại đánh cổ điển “tiền pháo hậu xung”, vấp phải nhiều lần, tôi ra lệnh không được nổ súng bừa bãi, để giữ kín vị trí phòng thủ và hỏa lực cộng đồng, 2 khẩu 105 ly hạ nòng chờ bắn trực xạ chống biến người với đạn bêchive. Trong sương mờ buổi sáng, từ cầu Nước xanh, từng tốp, từng tốp ùa lên quốc lộ, chực chỉ chạy thắng vào cổng đồn, không nhận ra bạn hay địch .Tôi phân vân vì khi hôm nhận báo cáo, cầu Nước xanh có điểm đóng quân của 42 trinh sát. Kinh nghiệm xương máu năm 1972 tại Đakto, quân trú phòng đã bấm mìn claymore gây tử vong cho quân bạn bị đánh ở ngoài rút vào. Đoàn người mũ tai bèo cứ rầm rập chạy, quyết xô ngã con ngựa sắt trước cổng

tràn vào, chúng tập trung hò hét như chõ không người. Chúng tôi vẫn im lìm chưa nhận ra bạn hay thù, vì trinh sát 42 cũng đội mũ tai bèo. Bỗng có tiếng la trong máy “đép râu Đại bàng ơi”... Oanh oành, hai tiếng nổ vang trời, mìn claymore đã gài sẵn nổ lớn, đồng loạt súng lớn nhỏ, lựu đạn và cả pháo binh trực xạ được lệnh nổ vang. Thượng thay những cậu lính trẻ bị ru ngủ bởi lời nguyền “sinh Bắc tử Nam” đã làm tròn câu thề. Còn sót lại những tên bị thương vừa hốt hải bò thụt lui nhìn chúng tôi với vẻ mặt cầu xin tha chết. Tôi ra lệnh không được bắn, để họ còn thấy cái khoan dung của người lính miền Nam, quyết liệt chống trả, nhưng không bạo tàn thù hận. Đợt tấn công được hạ màn, ngoài bờ rào ngổn ngang xác chết, súng đạn.

Thiếu tá Chấn ngồi trong hầm hút thuốc, bảo lính đỡ đứng dậy bước lại bên tôi nhìn ra phòng tuyến, Chấn hé: “Bắn bỏ mẹ nó đi đứng bở sót một tên”. Trời sáng mọi hành động của họ đều thấy rõ, đứa chui vào bụi cây bên vệ đường dấu thân, đứa nằm dài bên bờ ruộng chờ đồng bọn tản thương. Chấn vừa đứng thẳng người sau lô cốt cạnh tôi thì bật ngã, tưởng chân Chấn bị thương không đứng vững, tôi cúi xuống đỡ dậy nhưng anh không bao giờ còn đứng dậy được nữa, một viên đạn vô tình hay đã canh sẵn từ bên ngoài bắn xuyên qua lớp mũ nhựa, nếu cao hơn một tí sẽ chạm vào mũ sắt, tình thế có thể thay đổi. Trung đoàn 42 thật sự mất đi một tiểu đoàn trưởng trẻ tuổi, gan dạ. Thiếu tá Đào Ngọc Chấn, xuất thân võ bị nguyên thủy quân lục chiến.

Chiến trường lại im lặng, căng thẳng. Hai giờ chiều ngày 29 tháng 3, nhận 2 mảnh điện từ phòng 7 Tổng Tham Mưu, mảnh điện thứ nhất: Cho tôi biết khả năng tham chiến của trung đoàn 141, đơn vị đã tấn công tôi lúc 5 giờ sáng, mỗi tiểu đoàn quân số còn lại không hơn 40 người, có bao nhiêu vũ khí loại gì, tên họ cấp bậc các cấp chỉ huy địch từ trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng, và sở trưởng chiến thuật của đơn vị này. Tôi như được tiếp sức, nắm chắc phần thắng trong tay, không sợ địch tấn công tràn ngập. So sánh lực lượng hai bên vũ khí, quân số, và tinh thần tôi trội hơn họ nhiều. Tiếp đến mảnh điện thứ 2, tôi đọc đi đọc lại và thuộc lòng: TRONG GIỜ PHÚT NGHIÊM TRỌNG NÀY CÁC ĐỒNG CHÍ KHÔNG LÀM TRÒN NHIỆM VỤ LÀ ĐẮC TỘI VỚI ĐẢNG NHÂN DÂN VÀ TỔ

QUỐC . Đây là lệnh của thượng cấp buộc sư 3 Sao vàng bắn mọi giá phải triệt hạ căn cứ của tôi để tiến về Qui Nhơn, càng sớm càng tốt. Đây trở thành tuyến đầu và cũng là nút chặn cuối cùng sau khi trung đoàn 41 rút lui chiến thuật lúc 10 giờ sáng. Đánh với quân chính qui cộng sản nhiều lần, nên biết rõ giờ giấc hành động của chúng. Tấn công không được, rút ra liền, hốt xác tản thương, báo cáo, nhận lệnh lập kế hoạch khác và nghỉ giải lao ăn uống. Chính lúc này phòng 7 mới nhận được mọi tin tức của các đơn vị địch báo cáo nhận lệnh lẫn nhau và thông báo cho tôi kịp thời để đối phó. Nắm được qui luật này, lợi dụng kẽ hở, tôi ra sức chỉnh trang phòng thủ, xác định được mặt tấn công chính của địch, dồn hỏa lực .Về phía tây nam căn cứ, có một đại đội của tôi quan sát xuống cánh đồng thấy rõ mọi hoạt động của chúng, chỉ điểm cho 81 trong căn cứ thấy đến, chúng chạy đâu là 81 nã đến gây thiệt hại đáng kể². Rất tiếc phi trường Phù Cát đã bỏ chạy không còn một chiếc máy bay chiến đấu nào yểm trợ, nếu có cánh đồng Bình khê Lai Nghi sẽ là mồ chôn tập thể của Sư 3 Sao vàng. Cuộc rút quân của trung đoàn 41 tôi không được thông báo và không biết tự ý hay có lệnh cấp trên. Nếu so sánh với trận chiến mùa hè đỗ lửa 72 ở Tân Cảnh, sư đoàn 22 gánh chịu, mà trung đoàn 42 lãnh đủ, ở đây địch chưa dùng tới xe tăng thiết giáp, đại pháo 130 ly, và vũ khí mới AT 3 thế mà cả trung đoàn bỏ chạy, tôi ngỡ ngàng tự hỏi tại sao và tại sao? (AT3 là một loại hoả tiễn được điều khiển bằng những sợi dây sau đuôi, vận tốc chậm, bay lờ đờ với khối lửa 3 màu đỏ, vàng, cam và trắng xanh, có thể lên cao, xuống thấp, quẹo trái hay phải, chúng rất hảo nhiệt, thiết giáp ta vừa nổ máy trong tích tắc là chàng đã có mặt ngay, toàn bộ thiết giáp không bắn được quả nào, bị tiêu diệt. Chúng xuất hiện trên chiến trường vào khoảng 7 giờ chiều ngày 23 tháng 4 năm 72, kéo đến sáng 24 thiết giáp địch tràn vào. Trong căn cứ không có một khẩu M72 chống chiến xa, buộc lòng phải áp dụng chiến thuật bắn rải. Kể từ đó, bộ tư lệnh sư đoàn và BCH trung đoàn 42 tan rã). Tất cả vũ khí chống chiến xa đều dồn lên căn cứ biên phòng Ban hết. Khi thấy thiết giáp địch xuất hiện lúc 8 giờ tối đêm 23 đành chịu, trở tay không kịp. Đây là sự sai lầm chủ quan của cấp chỉ huy, tưởng rằng thiết giáp địch không thể bò đến Tân Cảnh BTL sư đoàn.)

Lúc 10 giờ sáng ngày 30 tháng 3, vụt qua 2 chiếc GMC

một ít lính tráng và gia đình vợ con chạy trong làn đạn từ chi khu Bình Khê về Bà Gi, xe mở hết tốc độ, cán bừa lên những xác chết, súng đạn của địch còn nằm ngổn ngang trên mặt lô trước căn cứ, tôi yểm trợ tối đa không cho địch trào ra. Tất cả những ổ phục kích bị lộ diện tôi kêu pháo binh triệt hạ.

Sau đó khoảng 15 phút, 3 chiếc M113 nối đuôi chạy vội vã trên đường lộ trong đó có Đại tá trung đoàn trưởng 41. Đồng loạt các ổ súng chống chiến xa B40, B41, sơn pháo 75 bắn tới tấp đuổi theo không chiếc nào trúng đạn, rất nguy hiểm. Chạy qua khỏi căn cứ tôi khoản 300 mét, tài xế bỏ xe tất cả chạy bộ. Tình hình lúc này bắt đầu hỗn loạn. Nhìn lên cánh đồng về phía tay trái quốc lộ, rộn rip kẻ chạy người đi, kẻ bắn đuổi người chống trả. Địch dàn quân một mặt nên cuộc rút quân trung đoàn 41 không thiệt hại mấy. Có lẽ lúc sáng, chúng bị tôi cho một trận đòn trí mạng nên không dám lò đâu ra truy kích. Đáng kể nhất trong lúc đầu sôi lửa bùng này, một mặt tôi phải yểm trợ cho 41 rút quân, một mặt tôi phải lo phòng thủ sơ địch thừa thắng xông lên trào vào căn cứ và cũng không quên mở rộng vòng tay nghĩa hiệp đón nhận đơn vị bạn. Trong số này có Thiếu tá quận trưởng Bình Khê, ông đơn thân độc mã lội bộ vào bờ phờ hốc hác, được tôi tiếp vào hầm chỉ huy trò chuyện và hỏi thăm tình hình. Tôi hứa khi nào có lệnh rút sẽ đưa ông ra khỏi vòng vây. Mặc dù 41 đã rút xong, tình hình lắng dịu, tôi hỏi trung đoàn trưởng có lệnh gì cho tôi, ông bảo : "CHỞ". Thế là đơn vị tôi là cây gai trước mắt của sư 3 sao vàng. Nếu không nhổ được cây gai này là họ sẽ đắc tội với Đảng, nhân dân và Tổ Quốc. Tôi biết chắc điều gì sẽ đến, ra sức củng cố hệ thống phòng thủ. Không hiểu lệnh lạc bên pháo binh thế nào, Trung úy trung đội pháo 105 nằm trong căn cứ lấy 2 quả lưu đạn màu cam M14 phá nòng định phá hủy súng bồ chạy, nhưng đại đội trưởng tôi kịp thời ngăn chặn buộc phải ở lại chiến đấu và hạ nòng chuẩn bị.

Đúng 5 giờ chiều, một loạt pháo tối tấp đủ loại: cối 81, 82, pháo 105,155, hỏa tiễn 122(chúng lấy pháo của ta từ Pleiku, Kontum kéo về) nhưng lạ thay chúng không bắn vào căn cứ, chỉ bắn dọc theo quốc lộ trước mặt. Các dây nhà lụp xụp lúc quân Đại hàn còn đóng, dân cư ào ào đến mở quán xá, nhà thổ, nay bốc cháy ngùn trời. Tôi tự hỏi nếu hoả tập này trút

vào căn cứ cũng đủ tiêu diệt chúng tôi, họ đâu phải bắn sai, khi sáng pháo rất chính xác. Sự suy nghĩ đấu trí bắt đầu. Địch đang dùng chiến thuật gì đây? Tôi gọi sĩ quan đê lô pháo binh ra lệnh cho anh ta xin bắn hiệu quả vào những toạ độ địch đang bắn khi có lệnh (dọc theo dãy nhà cháy và mép ruộng phía sau). Đúng như dự đoán, sau khi các dãy nhà trước mặt cháy rụi, không còn chướng ngại vật cho sơn pháo 75, B40, B41, và đại bác 95 bên kia đường bắn trực xạ vào các pháo đài phòng thủ của chúng tôi. Đồng thời chúng chuyển pháo vào căn cứ. Suốt 12 năm trên trận mạc chưa có trận pháo kích nào dồn dập và đủ loại, khốc liệt hơn lần này. Bộ binh của địch nằm dưới mép ruộng trồi dậy, băng qua vùng nhà cháy tràn vào. Lệnh bắn được truyền ra, pháo binh từ Bà Gi tha hồ nhả đạn, 2 khẩu 105 trong căn cứ chực sẵn với đạn beehive chống biển người, lựu đạn, súng lớn, súng nhỏ đua nhau nổ vang. Trong địch pháo ta, ngoài ta pháo địch. (Trong địch pháo o, ta có hầm che chở. Ngoài ta pháo, địch đỡ đạn bằng lưng). Tiếc thay, những đôi dép râu vĩ đại đạp nát trường sơn từ Bắc chí Nam phải duỗi chân tức tưởi, nằm dài trên quốc lộ 19 trước căn cứ Lai Nghi thuộc quận Bình Khê nhận danh xưng anh hùng liệt sĩ. Một lầm lẫn của đối phương tưởng cả trung đoàn 41 bỏ chạy, một căn cứ nhỏ bé cấp tiểu đoàn làm sao có thể chống lại với một lực lượng như nước vỡ bờ của quân đội nhân dân, họ đâu ngờ phải chạm trán với những tên liều mạng quyết chặn bước chân đẫm máu mang cuồng vọng xâm lăng.

Chiến trường trở nên yên lặng, yên lặng rợn người. Phần địch lo hốt xác, phần tôi lo tìm đường rút lui. Đáng lý tôi có lệnh rút sau khi yểm trợ hoàn tất cho 41, nhưng trung đoàn trưởng tôi quá cẩn thận bảo mật, không ra lệnh trên máy, mà viết bức thư nhỏ, đưa cho một sĩ quan vượt vòng vây vào căn cứ trao tận tay, cũng dễ hiểu thư không bao giờ đến. Và tôi chờ mỏi mắt, cuối cùng ông đành bạch thoại trong máy nho nhỏ: bằng tiếng Anh “rút về phòng thủ Qui Nhơn”. Một lần nữa rút quân không theo sách vở, vũ khí nặng cho rút sau và phá huỷ, 81 vẫn bắn cầm canh, đại liên thỉnh thoảng nổ dòn, nói cho địch biết ta vẫn chờ đây. Thật sự chúng tôi đã về đến BCH trung đoàn lúc 12 giờ khuya. không quên mang theo hai sĩ quan tử trận: Thiếu tá Chấn và Đại tá Hạnh đại đội trưởng chỉ huy. Đoàn xe GMC chờ sẵn, Đại tá Thông biết tôi là người Qui

Nhơn, thuộc địa hình nên cho đi đầu và lệnh cho tôi đến vực ông Đô rẽ vào tay trái qua quận Tuy Phước xuống chợ Dinh, qua Cầu Đôi về bờ biển Qui Nhơn. Trên đường đi, một vài nút chặn của du kích chúng chịu sao nỗi với hỏa lực tối đa nôn nóng về giải cứu thành phố thân yêu. Nhưng sau được lệnh về ngã 3 Diêu Trì dừng quân và bố trí chờ lệnh. Tại đây liên lạc về hậu cứ An Sơn, thì ra sư đoàn đã không sinh hoạt bình thường. Gọi về tiểu khu để biết tình hình, cũng im hơi lặng tiếng. Cuối cùng bắt gặp lời kêu gọi lẻ loi còn sót lại trên bãi biển của Đại tá tư lệnh phó sư đoàn 22 bảo về Nha Trang phòng thủ, tàu thủy chờ sẵn ở biển. Lần lượt các đơn vị bạn tập trung về 47 như rắn mắt đầu, 41 hệ thống chỉ huy rời rạc, mạnh ai nấy đi...BCH trung đoàn 42 chính đốn đội ngũ, tung những cánh quân thăm dò, thiết giáp và bộ binh đi vào đèo Cù Mông gặp địch, một đại đội bộ binh băng qua cầu sông Ngang về bến xe Mới bị chặn đánh. Cái háo hức, cái vội vã trở về thành phố phòng thủ giờ tan biến. Qui Nhơn đã bỏ ngỏ, các ngã đường vào thành phố bị phục kích. Cuối cùng mở đường máu đi đường Quang Trung đến liên đoàn 6 công binh chạm địch, phía sau các bồn xăng bùng cháy, tiến thoái lưỡng nan, thiết giáp vừa bắn vừa chạy, bộ binh phải băng vào nghĩa địa men theo sườn núi ra biển.

Đi trước mặt tôi là Đ/u Đại đội trưởng trinh sát 42 với khẩu AK47, anh đã tủa những tên du kích lấp ló trên đường ra biển, băng qua trung tâm huấn luyện nhân dân tự vệ của ông Võ Trấp trước sân, khẩu đại liên 50 vẫn còn nằm trên giá súng, không còn một người lính canh gác, tôi dựng nòng bắn thử vài phát, nổ dòn. Chứng tỏ địch chưa tới ta đã bỏ súng chạy. Lệnh cấm trại và tử thủ của tỉnh trưởng lạc nơi nào? Nhìn chung tình hình Qui Nhơn lúc bấy giờ chỉ có một ít du kích và thị đội. Nếu trung đoàn 42 được lệnh tái chiếm và phòng thủ, chỉ trong vòng 12 tiếng sẽ quét sạch. Nhưng lệnh trên đã bỏ, buôn thay!

Cảnh tượng hãi hùng lần đầu tiên trong đời được chứng kiến. Thiết giáp chờ đầy nghẹt binh sĩ, vợ con chạy ùa ra biển để rồi chết chìm. Trên mặt nước lúc nhúc người bơi, bị súng cối và B40 đặt trên sân thượng trường Nữ trung học bắn xối xả trên đầu không cho bơi ra và tàu không vào gần bờ để cấp cứu. Những điểm hẹn thơ mộng ngày nào nay là ổ tử thần phục kích, không cho rút quân ra biển Lăng Hàn mặc Tử, Trường Sư

phạm, Eo nín thở, trờng Nữ trung học. Gọi các cấp chỉ huy, Tư lệnh sư đoàn nằm im ngoài khơi .Tỉnh trờng mấy ngày trước ra lệnh tử thủ nay không thấy tăm hơi. Tôi mò tần số liên lạc với trung tá D chỉ huy chiến hạm xin tiếp cứu. Ông đề nghị chúng tôi băng qua bãi biển Qui hoà (trại cùi), ca nô mới có thể vào được. Cũng trên tần số này liên lạc được thiếu tướng tư lệnh sư đoàn, tôi báo cáo tình hình các đơn vị trên bờ, hình như ông bất lực thở dài vì vậy mới biết ông đang mẫn trên tàu lớn ngoài khơi. Xong trung tá D hải quân ngõ lời xin lỗi và hẹn gặp lại trên tần số khác sau khi ông ổn định nội bộ. Trời trở gió đổ mưa, sấp có giông bão nên mọi việc cấp cứu quân bạn trở nên khó khăn.

Thế là hết, những chiếc ca nô gào thét, găng gượng bơi ngược xuôi cấp cứu những người sống sót đã từ từ rút lui. Các tàu lớn trở mình, rục rịch phun những cụm khói đen, buôn thảm báo hiệu sẽ nhổ neo, bỏ Qui Nhơn cho bầy kên kên phượng Bắc.

Có lẽ Thiếu tướng cũng ngâm ngùi theo tàu xuôi Nam đành bỏ lại đàn em trong vòng vây nguy khốn. Thế mới biết nhứt tướng công thành vạn cốt khô!

Liên lạc BCH trung đoàn: “Đại Bàng gọi Bắc Hà, Đại bàng gọi Bắc Hà ..” im lặng vô tuyến.

Tôi lặng lẽ ngồi tựa lưng vào gốc thông già nhìn trời, nhìn biển. Hơn 2 ngày không ăn uống, tinh thần và thể xác mệt mỏi, biết làm gì hơn với tình thế này. Tôi nghẹn ngào nói với các Đại đội trưởng qua máy vô tuyến: “Tôi không muốn chúng ta chết trong giờ thứ 25 này và cũng không muốn gây thêm tang tóc cho thuộc cấp. Những kẻ ăn trên ngồi trước, có phương tiện đã bỏ ta rồi, vậy các bạn hãy tìm cách sống. Tạm biệt các bạn.”

Tôi rút khẩu colt 45 và tấm bản đồ gói kín, chôn sâu dưới gốc thông già, cẩn thận làm dấu, nghĩ rằng có dịp sẽ lấy lại tiếp tục con đường đã chọn. Đời binh nghiệp của tôi cũng vài lần mất súng, mất xe bỏ chạy nhưng rồi cũng làm lại. Lần này vĩnh viễn già từ vũ khí để làm tên lính bại trận không lối thoát.

Một con én không dựng nỗi mùa xuân, để rồi bị cuốn vùi trong cơn bão táp, oằn mình theo đất nước đau thương đói rách, tù dày và lưu xứ.../.

Cali Mùa quốc hận 2010
HÀ QUẾ LINH .

Nụ Cười Tây Mỹ

Một người Mỹ đang ăn sáng ở Paris (với bánh croissant, bánh mì, bơ, mút và cà phê) thì có một người Pháp lại ngồi gần. Người này đang nhai gum. Người Mỹ tiếp tục ăn, trong khi người Pháp tìm cách bắt chuyện.

- Người Mỹ các anh có ăn hết cả ổ bánh mì không?

- Dĩ nhiên rồi.

- Bên Pháp thì không. Tui tôi chỉ ăn phần ruột, còn vỏ bánh thì gom lại vào thùng, chế biến lại, làm thành bánh croissant rồi bán cho các quốc gia khác.

Nói xong người Pháp phá lên cười. Người Mỹ im lặng lắng nghe.

- Người Mỹ các anh ăn bánh mì với mút à?

- Dĩ nhiên rồi.

Người Pháp thởi cho nổ tung một bong bóng rồi nói:

- Chúng tôi thì không. Ở Pháp chúng tôi chỉ ăn trái cây tươi cho bữa sáng, sau đó thì gom vỏ, hột và các phần thừa vào thùng, chế biến lại làm mút rồi bán sang các nước khác.

Sau một chút im lặng, người Mỹ hỏi:

- Thế bên Pháp người ta có làm tình không?

- Có chứ, sao anh hỏi vậy?

- Vậy sau khi làm tình thì người Pháp làm gì với bao cao su?

- Thì vứt đi thôi.

- Chúng tôi thì không. Bên Mỹ người ta gom lại, chế biến lại thành kẹo Gum và bán sang Pháp.

Mùa Xuân Vàng Áo Em Bay

Thơ: Đỗ Thị Thu-Ba

*Niềm tin cuộc sống lúc này rất cần thiết. Nó đồng nghĩa với
MÙA XUÂN với hình ảnh của người gieo hạt

Yêu sao màu áo em vàng

Mềm như cánh bướm nhẹ nhàng bay bay

Không còn tuổi má hây hây

Cho tôi hôn nhẹ má gầy em yêu.

Tóc em bụi phấn vương nhiêu.

Cho tôi làm ngọn gió chiêu mơn man.

Sân trường hoa điệp nở vàng,

Hoa rơi trải thảm, lót đường em đi

Mùa Xuân vừa mới trổ vè,

Bên trang giáo án mơ gì hờ em?

*Cho tôi làm ngọn lửa đèn,
Soi trong khoé mắt em nhìn tin yêu.
Đâu năm sương muối còn nhiều,
Rồi đây nắng ấm bao nhiêu hẹn hò.
Cho tôi lửa tuổi học trò,
Để nghe em giảng những giờ văn chương.
Tiếng em hòa tiếng quê hương,
Buồn vui theo những chang đường đấu tranh.
Ca dao nồng thắm nghĩa tình,
Tôi xin chọn một câu dành cho em:
Lời ru nào của mẹ hiền,
Ngọt thơm dòng sữa đưa em vào đời.
Tôi thèm nghe tiếng à oi,
Võng đưa kẽo kẹt của thời bé thơ.
Tôi thèm nghe chuyện ngày xưa,
Tìm câu cổ tích ước mơ của đời;
Nâng niu từng chút tình người,
Đau trong gian khó vẫn người niềm tin.
Mùa Xuân vàng áo bên thềm,
Yêu người Gieo Hạt, yêu thêm Cuộc Đời.*

Đỗ Thị Thu Ba



Làng Xuân Hòa ngày xưa thuộc Tổng Phú Phong, Huyện Bình Khê, Tỉnh Bình- Định, hiện nay là khối Phú Xuân thị trấn Phú Phong , huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình-Định. Nơi đây là quê hương Nữ Tướng Bùi thị Xuân trong triều đại nhà vua Tây- Sơn. Làng Xuân Hòa có bốn xóm gọi là tứ lý. Gồm có Lý đông, Lý nam, Lý trung và Lý bắc (Bắc),

Lý bắc có nhà của cha mẹ bà Bùi thị Xuân tức Ông Bùi đắc Kế (Chí). Mỗi Lý có một cái miếu để thờ một vị thần được nhà Vua phong sắc- chỉ, để phù hộ người dân trong xóm đó.

Lý đông có miếu thờ Hà bà vì xóm này có bến đò qua lại làng bên kia sông là Dõng Hòa.

Lý nam có miếu thờ thần Sơn lâm, vì xóm này gần sát núi đa phần người dân ở đây sống về nghề đốn gỗ, bức mây, bẻ lá nón, nhất là lấy dầu rái, loại dầu này dùng để trét ghe sông.

Lý trung có miếu thờ Thần nông, xóm này ruộng nhiều mà ruộng loại tốt, hạng nhất đắng điền hoặc thượng đắng điền. Lý bắc (Bắc) có miếu thờ Thần Mục đồng,vì xóm này có gò để thả trâu bò ăn, Gò Lăng rộng nhất giáp ranh với làng Phú phong. Đặc biệt ở đây còn có hai miếu nữa, Miếu Ông ở phía trên, Miếu Bà phía dưới, nhưng không rõ thờ Ông gì và thờ Bà gì? Hai Miếu này đều quay mặt ra bãi cát sông Côn hướng về phương Bắc, lưng quay hướng Nam.

Năm 1970 tôi có đến dự cúng Xuân kỳ Thu tế ở Miếu Bà, tôi có hỏi hai cụ Trần Đóng và Huỳnh Ân đang trông coi hai miếu này, thì hai cụ nói một cách không rõ ràng. Sở dĩ hai Miếu này không có sắc chỉ của Vua là vì thờ hai quan Đại Thần nhà Tây Sơn, căn cứ vào giấy tờ ruộng đất để canh tác lấy hoa lợi cúng tế thì ghi cúng Ông quan Đại thần ngày...tháng.. và cúng Bà quan Đại thần ngày...tháng.. Từ chỗ đó người ta suy ra Ông chính là Trần quang Diệu và Bà là Bùi thị Xuân, nhưng không dám ghi tên rõ ràng vì sau khi Vua Gia Long lên ngôi tìm mọi cách giết hại con cháu nhà Tây Sơn cũng như các Tướng tài của Tây Sơn, vì vậy người dân trong xóm âm thầm lập Miếu thờ để nhớ ơn Ông Bà. Chính người lập Miếu cũng có dụng ý, Ông ở phía trên, Bà ở phía dưới cả hai đều ngó mặt ra hướng Bắc coi như Ông Bà còn nhớ đến Vua Tây Sơn. Cũng như sau này Anh hùng Mai xuân Thưởng người thôn Phú lạc trước khi chịu chết quay mặt về hướng Bắc lạy ba lạy tạ ơn Vua, quay về hướng Nam lạy bốn lạy tạ ơn cha mẹ.

Vua Gia Long là vị Vua hèn hạ trả thù nhà Tây Sơn và các Tướng tài đến cạn tàu ráo máng. Do đó những con cháu dòng họ Bùi ở thôn Xuân Hòa phải phân tán ở nhiều nơi, đồng thời phải đổi tên khác nhưng vẫn giữ Họ Bùi và bỏ chữ lót “đắc” chỉ có họ và tên mà thôi, vì sợ liên hệ đến Bùi đắc Tuyên chú của bà Bùi thị Xuân, sau này có người muốn dùng chữ lót nên lấy chữ “Văn, chữ Sơn hoặc chữ Gia v.v. Đến đời Vua Bảo Đại họ Bùi mới lấy lại chữ Đắc để làm chữ lót cho các con cháu duy trì dòng họ Bùi đắc...Cũng vì quá sợ nhà Vua mà làng Xuân Hòa người dân ở địa phương không dám gọi là Xuân Hòa mà nói trại ra là Xuân Huế, vì nghe nói chữ Hòa trùng tên của vợ ông Vua nào đó triều Gia Long nên sợ phạm húy Vua bắt tội, cũng như làng Dũng Hòa ở bên kia sông Côn, gọi là làng Cà Đáo, nhưng trong giấy tờ ruộng đất vẫn viết là Xuân Hòa, Dũng Hòa.

Nói về di tích của Bà Bùi thị Xuân trong làng không còn di tích nào cả, nhưng còn để lại tiếng gọi mãi cho đến ngày hôm nay như : Đất trường Võ, đất vườn Dinh, đất Đồng trại, là những nơi Bà sử dụng để tập voi và binh lính. Đất trường Võ và vườn Dinh vẫn còn quyền sở hữu của Họ Bùi.

Riêng đất truờng Võ khi người Pháp mở đường quốc lộ 19 chạy ngang qua bị chiếm mất một phần lớn, chỉ còn ở phía Nam, hiện tại khu đất nầy người ta sử dụng lấp cây xăng quán ăn. Địa thế khu đất Truờng Võ khá đặc biệt phía Bắc giáp sông Côn, phía Nam giáp núi Chóp vàng, phía Tây giáp suối Đồng sim, phía Đông giáp làng An Xuân nay là thôn Phú An. Khi tập luyện voi xong thì lùa voi ra sông tắm, nếu trời nắng nóng thì đưa voi xuống suối Đồng sim để đụt mát vì hai bên bờ suối có bờ đất cao, có cây cối um tùm nên rất mát. Cho voi ăn thì đưa vào núi Chóp vàng, núi nầy có loại cây mò-o cùng họ với cây tre, cây trúc, lồ-lô...thân cây mò-o nhỏ, mắt nhặt nên cành lá rất nhiều đủ lương thực cho voi ăn, người ta gọi chóp vàng vì từ chân núi lên đến chóp đều có màu vàng do lá cây mò-o khi già ngã màu vàng trông rất đẹp. Đất đồng trại ở phía trên suối Đồng sim, thuộc công thổ nơi này Bà Bùi cất trại để nuôi binh lính và tập luyện, sau nầy khu đất đã cải thành ruộng, nêu hiện nay người ta gọi là ruộng đồng trại là vậy. Đất vườn Dinh là của Bà Bùi, có lẽ sau khi Bà Bùi chết trong họ có lập một cái Am nhỏ tại vườn nầy để thờ vì linh thánh nên mới gọi là Dinh, (đây chỉ đoán mà thôi) khi lập Miếu Bà thì cái Am (Dinh) nầy không còn nữa.*

Địa dư Làng Xuân Hòa (Phú Xuân) nầm dọc theo sông Côn cận Bắc, phía Nam giáp cánh đồng ruộng phì nhiêu rồi tiếp đến là quốc lộ 19 và xa hơn nữa giáp núi. Nhà cửa ở đây san sát với nhau, lúc xưa đa phần là nhà cắp, nhà lá mái lợp bằng tranh rạ hoặc bằng tranh sắn, sau nầy tranh không đủ lợp hơn nữa cứ hai ba năm phải lợp lại, nên người ta thay toàn bộ bằng mái ngói, những nhà lá mái tuy lợp ngói nhưng bên trong vẫn giữ y như xưa, còn cột hàng nhất cột hàng nhì, kèo lưỡng đoạn, cối trính, chạm trỗ giàn đóng rất công phu, trước mặt nhà có nhà ngõ cũng lợp bằng ngói, hai cánh ngõ bằng gỗ rất chắc. Những nhà lá mái đa phần là nhà giàu có của họ Bùi, từ quốc lộ 19 nhìn ra thì thấy một hàng dọc nhà ngõ rất đẹp.

Tính từ Đông sang Tây gồm có nhà ngõ đầu tiên là của ông Bùi Tân, thường gọi Hương Bộ Trà, tức thân phụ của chị Bùi thị Tửu vợ Hứa tự Cư hiện ở tại Nam CA và anh Bùi đắc Bão hiện ở tại Seattle WA. Kế tiếp là nhà ngõ của ông Bùi đắc Văn, thường gọi Hương Lãm tức ông Nội của chị Bùi thị Diễn

vợ ông Trợ Hế ở Nhơn Nghĩa, Kế tiếp là nhà ngõ của ông Bùi Diệu, thường gọi Phó Tổng Cả, tức thân phụ bà Bùi thị Trước vợ Tạ đức Tân cư ngụ Santa Ana CA và là Ông Nội Bùi Chiêu ở Qui nhơn. Kế tiếp nhà ngõ của ông Bùi sơn Nhi, thường gọi Hương Bộ Bỗng, tức Bác ruột của ông Bùi gia Tưởng cư ngụ ở Houston TX. Tiếp theo nhà ngõ của ông Bùi Thích, thường gọi Xã Khâm, tức ông Nội của anh Bùi đắc Khải cư ngụ ở Sacramento CA. Kế tiếp nhà ngõ của ông Bùi Nhạc, thường gọi Chánh Yển Tê, tức Bác ruột của anh Bùi thúc Đình còn ở địa phương và là Ông Nội của Bùi thanh Thanh cư ngụ tại Durham NC. Kế tiếp là nhà ngõ của ông Bùi Phát, thường gọi Xã Nôn, tức Ông Nội của Bùi Chiếm ở Phú Phong Tây Sơn. Kế tiếp nhà ngõ của ông Trần Mô, thường gọi Giáo Đào, ông nầy dạy chữ nho nên gọi giáo, không có con, chỉ có dưỡng tử. Cuối cùng là nhà ngõ của ông Nguyễn Ôn, thường gọi Hương Bộ Hường, tức cha của Nguyễn văn Long đang ở tại địa phương. Như vậy chỉ có hai Họ khác chen được vào dãy nhà giàu có của Họ Bùi.

Đi trên quốc lộ 19 nhìn ra, cảnh những nhà nầy rất đẹp, hai bên nhà ngõ là hàng rào thẳng tắp, có những cây cau, cây dừa nhô lên cao, dưới thấp có cây chuối, cây bưởi...trông mát mắt, đường đi trong thôn rộng rãi, nhất là có những đường từ quốc lộ chạy ra thôn nối liền với đường cái quan cũ từ An Thái chạy lên Phú Phong rất thuận tiện sự đi lại.*

Chính vì cảnh đẹp, đường sá rộng rãi sạch sẽ nên Tỉnh Bình Định thập niên 70 đã chọn thôn Phú Xuân làm Ấp thông tin văn hóa kiểu mẫu. Năm 1972 nhân chuyến viếng thăm trung đội NQ ở xã Bình tường Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu có ghé đến thôn Phú Xuân để xem Ấp kiểu mẫu nầy . Hiện nay nghe kể thôn Phú Xuân đang kiến thiết nhiều, xây bờ kè dọc theo sông Côn bao quanh từ Phú Phong xuống Phú Xuân vòng vô suối Đồng sim giáp quốc lộ, trên bờ kè chia lô xây cất nhà. Để mở rộng Thị trấn người ta đã biến số ruộng màu mỡ thành đất xây dựng, làm bến xe liên tỉnh và xây đèn thờ Bà Bùi thị Xuân sát quốc lộ cho thuận tiện du khách đến tham quan./.

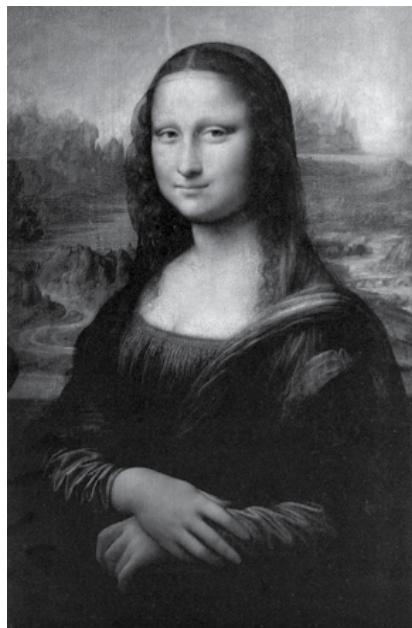
Nguyễn Diêu

Trang Sưu Tâm & Tìm Hiểu

Trang Sưu Tâm & Tìm Hiểu nhằm đón nhận những sưu tầm và tìm hiểu về nhiều lãnh vực thuộc kiến thức như khoa học, nghệ thuật, lịch sử, văn chương, y tế, âm nhạc, tôn giáo, v.v. Trang này có mục đích khuyến khích sự tò mò tìm kiếm để cống hiến bạn đọc những món ăn tinh thần hữu ích. Trong khuôn khổ và giới hạn số trang của một Đặc San, bài viết xin giới hạn 5 trang trở lại. Chúng tôi衷心 hoan đón nhận sự đóng góp của quý vị và các bạn.

■ Ban Biên Tập

LEONARDO VÀ CHÂN DUNG MONA LISA



Nước Ý trong thời kỳ Phục Hưng (Renaissance) được xem là trọng tâm của giai đoạn sáng tạo. Nó cỗ vũ một cách nhìn mới vào thế giới quanh mình, khám phá cá thể của con người và khuyến khích cá nhân làm tròn bốn phận với xã hội. Các họa sĩ lúc bấy giờ hướng về cái đẹp của thân hình con người qua tranh vẽ và điêu khắc. Năm 1860, Jacob Burckhardt, một sử gia của thời kỳ Phục Hưng, đã xem Leonardo da Vinci (1452-1519) như một con người có đa dạng kiến thức. Leonardo da Vinci đã tỏ ra xuất sắc trong nhiều lĩnh vực, từ hội họa đến điêu khắc, toán học, thực vật học. Tài năng của ông thể hiện qua sự kết hợp nghệ thuật và khoa học.

Một trong những chân dung nổi tiếng do ông vẽ là “Vẻ Đẹp Đơn Thuần” (Simple Beauty) của Mona Lisa. Tranh này được xem là biểu tượng chân dung phái nữ của thời Phục Hưng và là một trong những chân dung nổi tiếng nhất thế giới. Tranh được vẽ sơn dầu với kích thước 31x21 inches. Chân dung Mona Lisa được vẽ bằng cách phối hợp ánh sáng và bóng mờ. Leonardo đã tránh những đường nét đậm, ông kết hợp nhiều lớp mỏng màu để đưa chân dung vào chiều sâu của ba chiều làm cho người xem khó nói được Mona Lisa đang cười hay không. Gương mặt và vai của Lisa không hướng thẳng vào người xem tranh. Nét nhìn của Lisa đã lôi kéo sự chú ý của người xem và tạo nên một giao cảm tâm lý. Chân dung này cũng thể hiện được nghệ thuật tạo màu khói mờ của Leonardo.

Khác hẳn với những họa sĩ đương thời với ông lúc bấy giờ thường phô bày những tranh vẽ với quần áo và nữ trang quý giá, đắc tiền. Chính sự gạt bỏ những yếu tố này của họa sĩ đã làm cho người xem có một ấn tượng tuyệt vời về chân dung Mona Lisa.

Đề cập đến chân dung của Mona Lisa giống ai, hoặc Leonardo đã phỏng theo mẫu người nào để vẽ thì có nhiều lý thuyết: Giorgio Vasari viết trong cuốn tiểu sử của Leonardo da Vinci năm 1550, cho rằng đó chính là hình ảnh của người đàn bà, có tên là Lisa di Antonio Maria, vợ của một thương gia giàu có ở vùng Florentine nước Ý, có tên là Francesco del Giocondo. Lý thuyết này gây nên sự ngờ vực về chính xác, vì Leonardo

chưa bao giờ trao tấm tranh cho ai là người chủ mướn ông vẽ. Ông đã tự giữ cho đến khi ông qua đời năm 1519. Gần đây, Lillian Schwartz của phòng thí nghiệm Bell đã dùng phương pháp so sánh digital giữa tấm hình tự vẽ của Leonardo da Vinci và chân dung Mona Lisa. Bà tìm thấy sự trùng hợp của hai nét tương tự nhau. Do đó, Schwartz cho rằng bức tranh là chính Leonardo da Vinci tự vẽ mình qua hình dáng một người đàn bà. Lý thuyết này cũng không đứng vững, vì sự kết luận chỉ dựa trên hai đường nét giống nhau, không có gì chắc chắn. Một số các nhà phân tích tranh vẽ cho rằng chân dung Mona Lisa là chính sự tưởng tượng của Leonardo da Vinci về một người đàn bà lý tưởng (Ideal woman).

Dù theo lý thuyết nào đi nữa, bức chân dung sơn dầu này đã thể hiện cái tài siêu việt về hội họa của Leonardo. Với những đường nét phát họa nhẹ nhàng, đôi chút mờ ảo đã tạo nên một thể cách huyền bí. Ông đã thành công trong việc tạo dựng một chân dung người đàn bà mà người xem có thể thưởng thức mỗi khi nhìn tranh ở những góc độ khác nhau.

Chân dung Mona Lisa đã trải qua một lịch sử bị “hành hạ” từ khi Leonardo qua đời. Khởi đầu, bức chân dung được Vua Francis I mua với giá bốn ngàn thỏi vàng. Sau đó được treo ở Versailles, rồi được chuyển đến treo ở phòng ngủ của Napoleon Bonaparte. Kế đó chuyển về Viện Collection ở Louvre. Tại đây chân dung đã bị đánh cắp vào năm 1911. Sau đó hai năm, chân dung này lại xuất hiện trong một phòng khách sạn ở Florence. Năm 1956, kẻ xấu đã xịt acid và làm hư hại phần dưới của chân dung. Từ đó chân dung được treo sau hai lớp kính bảo vệ.

Ở đây chúng ta nhận thấy cái tương đồng số phận của người đẹp và chân dung đẹp. Đó là “Hồng nhan bạc phận”. Nàng Kiều của Nguyễn Du và Mona Lisa của Leonardo da Vinci cùng chung một định mệnh.

(*Phỏng theo The Intellectual Devotional by David S. Kidder & Noah D. Oppenheim*)

Quách Tú

Chúc Mừng

Nhận được thiệp hồng báo tin

Ông Bà: Đường Anh Kim làm lễ thành hôn cho
Trưởng Nam:

Cháu Đường Hạc Tùng

Đẹp duyên cùng

Cháu Lian Yee Lee

Hôn lễ được cử hành ngày 30 tháng 05 năm 2010

Tại Richardson, Texas, Hoa Kỳ

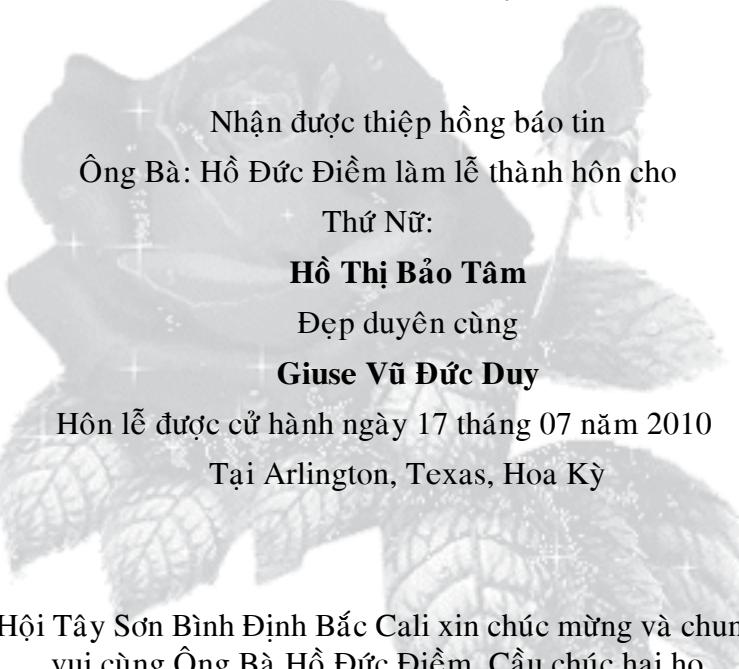
Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chúc mừng và chung vui cùng Ông Bà Đường Anh Kim. Cầu chúc hai họ Đường Lee có được dâu hiền rể thảo.

Mến chúc hai cháu Tùng và Lian

Một đời thương yêu

Trăm năm hạnh phúc

Chúc Mừng



Nhận được thiệp hồng báo tin

Ông Bà: Hồ Đức Diêm làm lễ thành hôn cho
Thứ Nữ:

Hồ Thị Bảo Tâm

Đẹp duyên cùng

Giuse Vũ Đức Duy

Hôn lễ được cử hành ngày 17 tháng 07 năm 2010
Tại Arlington, Texas, Hoa Kỳ

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chúc mừng và chung
vui cùng Ông Bà Hồ Đức Diêm. Cầu chúc hai họ
Vũ Hồ có được dâu hiền rể thảo
Mến chúc hai cháu Duy và Tâm

Một đời thương yêu ORKUT123.COM
Trăm năm hạnh phúc

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Ông Giuse **PHAN VĂN HÀM**

Sinh ngày 01 tháng 03 năm 1930 tại Bình Định
Đã tạ thế lúc: 17:45 chiều ngày 01 tháng 03 năm 2010 tại
tư gia San Francisco

HƯỚNG THỌ 80 TUỔI

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin thành kính chia buồn
cùng cụ bà Dương Thị Nhì và tang quyến. Nguyện cầu linh
hồn cụ Ông Giuse Phan Văn Hàm sớm được hưởng hương
nhan Thánh Chúa.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Anh **NGUYỄN HIỀN**

Pháp Danh: Tâm Đạo

Nguyễn Thiếu Tá Cảnh Sát Quốc Gia VNCH
Nguyễn Chỉ Huy Trưởng CSQG Tỉnh Bình Định
Đã từ trần vào lúc 2:05 sáng ngày 23 tháng 10,năm 2010
tại Stanford Hospital, Palo Alto Cafifornia.

HƯỚNG THỌ 72 TUỔI

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin thành kính chia buồn
cùng chị Nguyễn Hiền và tang quyến. Nguyện cầu hương
linh anh Hiền sớm tiêu diêu nơi miennie cực lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân mẫu của anh Trần Minh Thanh, Trần Minh Danh, Trần Thị Thu Thủy và Nhạc mẫu của anh Bùi Tú:

Bà HUỲNH THỊ NGÀ

Pháp Danh Ngọc Trì

Đã tạ thế vào lúc 4:00 giờ sáng ngày 13 tháng 11 năm 2010
tại Phước Lý, Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam

HƯỚNG THỌ 81 TUỔI

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali thành kính chia buồn
cùng các bạn Thanh, Danh, Tú và Thủy cùng tang quyến.
Nguyễn cầu hương linh cụ bà Huỳnh Thị Ngà sớm tiêu
diêu nơi miền cực lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc hay tin:

Cựu Đại Tá NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

SVSQTB Khoá 5/ Vì Dân

Trưởng Phòng 3 / Sư Đoàn 3 Dã Chiến

CHT/ Lực Lượng Cảnh Sát Dã Chiến

Chủ Sư Phòng HQ/HL Sở Kỹ Thuật

Giám Đốc Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn 2

Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Bình Định

Phụ Tá Hành Quân Sư Đoàn 5 Bộ Bin

Đã tạ thế hồi 14 giờ 23 phút ngày 26 tháng 01 năm 2011

(Nhằm ngày 23 tháng Chạp năm Canh Dần)

Hưởng Thọ 77 Tuổi.

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin thành kính phân ưu cùng
quý Huynh Đệ, Chiến Hữu QLVNCH và thân bằng quyến thuộc

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

**DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU
HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI ĐÃ ĐÓNG GÓP
CHO TANG LỄ
CỰU ĐẠI TÁ NGUYỄN MẠNH TUỜNG**

ĐỢT I

1. Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali	\$300.00
2. Ông Bà Phan Thanh Hùng	\$100.00
3. Anh Phan Minh Lượng	\$100.00
4. Đại Úy Nguyễn Văn Thường	\$50.00
5. Anh Bùi Mai	\$10.00
6. Anh Lê Doãn Trưởng	\$50.00
7. Anh Phan Minh Khiết	\$50.00
8. Đại Úy Nguyễn Cẩm Mậu	\$200.00
9. Towis Le	\$20.00
10. Đỗng Phi Luyện	\$50.00
11. Đại Úy Nguyễn Hoè	\$30.00
12. Thiếu Tá Man Văn	\$100.00
13. Đại Úy Hồ Khuynh	\$100.00
14. Trung Tá Ngô Văn Xuân	\$100.00
15. Anh Nguyễn Trọng Ngạn	\$100.00
16. Đại Úy Nguyễn Xuân Phân	\$100.00
17. Anh Chị Nguyễn Thẩn	\$40.00
18. Trung Tá Phạm Kim Bằng (ND)	\$200.00
19. Được Sĩ Phạm Ngọc Bảo	\$100.00
20. Chị Hoa Hoàng Lan	\$50.00
21. Trung Tá Nguyễn Văn Lược (ND)	\$50.00
22. Thành & Bích (Canada)	\$100.00
Kết Toán Đợt I	\$2,000.00

ĐỢT II

1. Cựu Phó Tỉnh Trưởng Phạm Hữu Độ	\$100.00
------------------------------------	----------

2. Bác Sĩ Nguyễn Trọng Nhi (ND)	\$100.00
3. Thiếu Tá Nguyễn Trực	\$100.00
4. Nguyễn Thị Vĩnh (Canada)	\$100.00
5. Nguyễn Tấn Mão (ND Canada)	\$100.00
6. Nguyễn Khắc Trung (Canada)	\$100.00
7. Thành & Bích (Canada đợt 2)	\$100.00
8. Tôn nữ Túy Phượng (vợ bạn Mậu)	\$50.00

Kết Toán Đợt II \$750.00

ĐỢT III

1. Giáo Sư Nguyễn Châu	\$30.00
2. Thiếu Tá Nguyễn Tự Quán	\$100.00
3. Bác Sĩ Đặng Phương Trạch	\$200.00
4. Chị Hoàng Lan Chi	\$100.00
5. Nguyễn Khắc Kính (Bạn anh Phần)	\$100.00
6. Bác Sĩ Phạm Đức Vượng	\$100.00
7. Trung Tá Bùi Quyền	\$100.00
8. Chị Tuyết (Em Phan Thanh Hùng)	\$100.00

Kết Toán Đợt III \$830.00

Kết Toán của Ba Đợt quyên góp: \$3,580.00

Cũng cần nói thêm về Đại Tá Nguyễn Mạnh Tường có nhiều duyên nợ với người dân Bình Định. Vào thời điểm Tướng Ngô Du làm Tư Lệnh Quân Đoàn II và Đại Tá Nguyễn Văn Chức làm Tỉnh Trưởng Tỉnh Bình Định, Nông Trường 3 Sao Vàng xua quân đánh chiếm ba quận phía Bắc Tỉnh Bình Định, Trung Tá Nguyễn Mạnh Tường được điều động từ Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn II về Tiểu Khu Bình Định để thành lập Bộ Chỉ Huy chiến thuật tại Phù Mỹ. Với tài dụng binh mưu lược Trung Tá Tường đã đóng góp vào chiến thắng lừng lẫy của Quân Dân Bình Định lúc bấy giờ...

Anh Nguyễn Cẩm Mậu sẽ đại diện Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định mang số tiền này đến Nam Cali để phúng điếu và dự tang lễ của Đại Tá Nguyễn Mạnh Tường sẽ được tổ chức tại Melrose Abbey Memorial Park & Mortuary vào hai ngày Thứ Bảy 29/1/2011 và Chủ Nhật 30/01/2011.

**DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH
BẮC CALIFORNIA**

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

Andy Lê

2937 Silverland St, San Jose, CA 95121 (408) 223-2118
Văn An

3770 Mc Kee Rd, # 17 San Jose, CA 95127(408) 254.1914
Trần Vĩnh Anh

1723 Pine Hollow Cir San Jose, CA 95133 (408) 258.3215
Từ Thị Ba

19231 Monte Vista Dr. Saratoga, Ca 95075(408) 395.2617
Đinh Thành Bài

661 Waddell Way, Modesto, CA 95357 (209) 529.2354
Nguyễn Đình Bá

2960 Sunwood Dr. San Jose, CA 95111 (408) 365.9534
Bùi Thúc Bảo

644 N. Abbott Ave. San Jose, CA (408) 945.8655
Đặng Đức Bích

4045 Chamberer Dr. San Jose, CA 95135 (408) 274.8699
Nguyễn Hòa Bình

2651 Luciana Dr., San Jose, CA95131 (408) 621.29
Nguyễn Bình

1518 Roberts Ave, San Jose, CA 95122 (408) 259.8364
Nguyễn Bình

447 Rue Le Man, San Jose, CA 95112 (408) 578.2843
Nguyễn Buồng

2828 Brook Way, San Pablo, CA 94806 (510) 222.7140
Võ Ngọc Bửu

3079 Seafield Ct, San Jose, CA 95148 (510) 668.4255
Phan Minh Châu

2725 Klen Rd., San Jose, CA 95148 (408) 528.8311
Nguyễn Tường Chi

5101 Discovery Dr., San Jose, CA 95111 (408) 362.4515
Nguyễn Chuẩn

1758 Bevin Brook Dr., San Jose, CA 95112(408) 294.6683
Phạm Chương

1341 Vance Rd., San Jose, CA 95132 (408) 923.6734
Đào Đức Chương

1519 Ivy Creek Cir, San Jose, CA 95121 (408) 238.5900

Lê Chức

1616 Troon Ct., San Jose, CA 95116 (408) 929.4948

Trần Chu

2620 Alvin Ave. #213 D San Jose, CA95121(408)239.0560

Nguyễn Doãn Cung

5270 Snow Dr. San Jose, CA95121 (408) 408.3621

Đặng Thị Kim Cúc

2744 Whispering Hills Dr. San Jose, CA (408) 238-54355

Nguyễn Cự

1468 Pomeroy Ave. San Jose, CA 95051 (408) 985-2661

Nguyễn Thị Danh

5318 Surrey Ct., Newark, CA 94560 (510) 713-2019

Trần Danh

1311 Eldamar Ct., San Jose, CA 95121 (408) 281.7640

Nguyễn Diêu

1520 E. Capital Exp. #50, San Jose, CA 951(408) 224-6807

Huỳnh Hữu Dũng

1182 Theoden Ct., San Jose, CA95121 (408) 972-1339

Phạm Đính

1623 Jupiter Dr., Milpitas, CA 95035 (408) 262-4833

Phạm Hữu Độ

1683 Hillsdale Ave., San Jose, CA 95124 (408) 486-2029

Võ Đại

1409 Bird Ave.# 6, San Jose, CA95125 (408) 393.2050

Đường Anh Đồng

2744 Whispering Dr. San Jose, CA 95148 (408) 238-5435

Nguyễn Thị Đàm

2342 William Dr., San Jose, CA 95050 (408) 243.5435

BS Cai Văn Dũng

259 Meridian Dr., San Jose, CA 95126 (408) 294-5151

Đoàn Hữu Đức

1572 Virginia Pl., San Jose, CA 95116 (408) 254-2832

Vũ Thị Đôn

4248 Silver Berry, San Jose, CA 95136 (408) 227-6794

Trần Đình Giáp

172 Echo Ave., Campell, CA 95008 (408) 866-4143

Võ Bá Hà

3990 Mount Wilson Dr., San Jose, Ca (408) 251-0490

Nguyễn Thu Hà

5748 Halleck Dr., San Jose, CA 95123 (408) 972-4581

Bùi Ngọc Hải

1301 Marry Carry Ln. San Jose, CA 95136 (408) 436-9349

Phạm Ngọc Hải

1881 Quimby Rd., San Jose, CA 95122 (408) 397-4298

Trương Hạnh

473 Cedro St., San Jose, CA 95111 (408)281.4451

Phan Văn Hàm

155 Loehr St, Apt F, San Francisco, CA (415) 656-1781

Võ Hân

206 Turner Ct., San Jose, CA 95139 (408) 226-3272

Lý Hào

2810 Cramer Cir, San Jose, CA 95110 (408) 287-7008

Trương Thị Hậu

752 Vine Ct. # 7, San Jose, CA 95110 (408)997-1686

Đặng Thị Hiên

1092 Topaz Ave. # 1, San Jose, CA 95117 (408) 985-1246

Nguyễn Thế Hiệp

2206 Country Manor, Riverbank, CA 95367(209) 869-5961

Nguyễn Hiệp

1113 Stinton Ct., Modesto, CA 95358 (209) 536-2316

Nguyễn Hoà

1703 24th Ave. # A, Oakland, CA 94601 (510) 533-9259

Nguyễn Hoà

43541 Greenhills Way, Fremont, CA 94539(510) 657-2074

Thái Văn Hoà

1455 E. Calaveras # 10, Milpitas, CA (408) 771-5146

Nguyễn Hoàng

3834 Brigadoon Way, San Jose, Ca 95121 (408) 270-7806

Nguyễn Hoè

5418 Duesemberg Dr. San Jose, CA 95123 (408) 225-8754

Hoàng Huân

2811 Glauser Dr., San Jose, CA 95133 (408)972-4581

Nguyễn Huệ

4595 Pearl Ave, San Jose, CA 95136 (408) 445-2633

Đỗ Hùng

22168 Prealta St., Hayward, CA 94541 (408) 732-6846

Nguyễn Hùng

3001 Stevens Ln, San Jose, CA 95148 (408) 292-8957

Phan Thanh Hùng

2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121	(408) 204-3921
Nguyễn Hùng	
1302 Isengard Ct., San Jose, CA 95121	(408) 292-8957
Phạm Hùng	
420 Live Oak Ct., Milpitas, CA 95035	(408) 956-8412
Võ Bá Hưng	
1105 Cantara Ct., San Jose, CA 95127	(408) 254-2030
Lê Đức Hưng	
5323 Heinessy Dr., Stockton, CA 95217	(209) 473-3093
Võ Hùng	
3416 Blue Mountain Dr., San Jose, CA	(408) 251.3741
Joseph Huỳnh	
4264 Christian Dr., San Jose, CA 95135	(408) 270-7482
Đinh Thành Hưng	
1636 Image Dr. Antica, CA 95337	(408) 520-4336
John Trần	
2987 Almond Dr., San Jose, CA 95148	(408) 270-6964
Trần Trọng Khiêm	
1624 Hollenbeck Ave. #2, Sunnyvale, CA	(408) 720-9677
Nguyễn Khoa	
2071 sheraton Dr., Santa Clara, Ca 95050	(408) 243-3806
Trần Khôi	
1863 Andrew Pl., San Jose, CA 95132	(408) 251-3035
Hà Khôi	
781 Feller Ave.,San Jose, CA 95127	(408) 259-5456
Thiếu Tướng Huỳnh Văn Lạc	
3220 Carver Rd., Modesto, CA 95350	(209) 523-0869
Huỳnh Ngọc Lan	
2155 Lanai Ave # 108 San Jose, CA 95122	(408) 937-7840
Lê Từ Nhu Lâm	
399 Spence Ave., Milpitas, CA 95035	(408) 262-6260
NguyễnÂN	
942 Valencia Dr., Milpitas, Ca 95035	(408) 946-2758
Võ Lang	
2855 Senter Rd. # 102, San Joe, CA 95122	(408) 224-1530
Lê Lợi	
15203 Shinning Star Ln. San Leandro, CA	(510) 351-4204
Trần Minh Lợi	
3153 Via Venezia Dr., San Jose, CA 95127	(408) 580-7586
Nguyễn Kim Loan	

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

563 Rudd Ct., San Jose, CA 95111	(408) 365-1126
Nguyễn Long	
532 Fifth Ave. # 6, San Francisco, CA	(415) 831-7064
Võ Thu Lương	
5207 Sturla Dr. San Jose, CA 95148	(408) 274-8186
Phan Minh Lượng	
340 Grey Ghost Ave. San Jose, CA 95111	(408) 291-9361
Bùi Mai	
3278 Flintmont Rd., San Jose, CA 95148	(408) 531-1570
Nguyễn Mai	
2566 S. King Rd. # 138, San Jose, CA	(408) 532-0114
Nguyễn Cẩm Mậu	
6283 Narcissus Ave., Newark, CA 94560	(408) 518-1707
Lê Văn Minh	
2933 Glencrow Pl. San Jose, CA 95148	(408) 274-5853
Nguyễn Mỹ	
518 Hillbright Pl., San Jose, CA 95123	(408) 365-1750
Võ Thị Nga	
1129 Shaffield Ct., Stockton, CA 95210	(209) 476-1638
Đặng Thu Nga	
2863 Reidel Dr., San Jose, CA 95135	(408) 238-6971
Huỳnh Văn Ngọc	
882 Water Walk Milpitas, Ca 95035	(408) 941-9689
Đặng Văn Ngọc	
29285 Lassen St., Hayward, CA 94544	(510) 264-9369
Võ Tuyết Nhạn	
2979 Castleton Dr., San Jose, CA 95148	(408) 238-8302
Trần Nghiêm	
5973 Surl Ct, San Jose, CA 95138	(408) 227-8302
Trần Văn Ngô	
1694 Tully Rd # 1, San Jose, CA 95122	(408) 223-1150
Phan Quang Nghịp	
469 Ezci Dr., San Jose, CA 95148	(408) 578-2938
GS Nguyễn Văn Nhuận	
2654 Bonbon Dr., San Jose, CA 95148	(408) 274-2804
BS Trương Thế Phiệt	
1670 Goldenrain Dr., San Jose, CA 95136	(408) 281-4067
Nguyễn Phong	
247 Clareview Ct. San Jose, CA 95127	(408) 258-5524
Nguyễn Văn Phú	

424 Los Encinos Ave. San Jose, CA 95134	(408) 324-1773
Lê Vĩnh Phúc	
1555 Hill Top Ct., Milpitas, CA 95035	(408) 942-9527
Vĩnh Phúc	
1197 Angmar St., San Jose, CA 95111	(408) 269-7017
Trần Thị Phúc	
5919 Liklisk Ln # 104, San Jose, CA 95119	(408) 365-7729
Dương Phụng	
411 Lewis Rd # 372, San Jose, CA 95111	(408) 629-7428
Nguyễn Phước	
778 S. Fifth St # C, San Jose, CA 95112	(408) 293-8281
Nguyễn Bá Quang	
2008 Danderhall Way, San Jose, CA 95121	(408) 238-5010
Nguyễn Đình Sang	
P.O. Box 51017 San Jose, CA 95151	(408) 454-2889
Lê Lam Sơn	
340 Martil Way, Milpitas, CA 95035	(408) 454-2889
Giả Minh Sơn	
5065 Bengal Dr., San Jose, CA 95111	(408) 281-0724
Nguyễn Tân	
2382 Bowers Ave # 4, Santa Clara, CA	(408) 247-4562
Trần Thanh	
1835 Canyon Dr., Pinole, CA 94564	(510) 274-5225
Trần Minh Thanh	
3775 Kawai Dr., San Jose, CA 95111	(408) 227-5466
Lê Xuân Thạnh	
1625 Hermocilla Way, San Jose, CA 95116	(408) 259-2802
Nguyễn Văn Thành	
1510 Mayfield St., Sacramento, CA 95835	(916) 419-7227
Võ Thật	
2517 S. King Rd., San Jose, CA 95122	(408) 274-8210
Nguyễn An Thạo	
1875 Saint Andrews Pl., San Jose, CA	(408) 580-7586
Đoàn Hữu Thạnh	
2066 Sierra Rd, San Jose, CA 95131	(408) 272-1817
Huỳnh Lương Thiện	
774 Geary St., San Francisco, CA 94109	(415) 215-3794
Đỗ Chí Thoại	
275 El Cajon Dr., San Jose, CA 95111	(408) 972-9694
Đặng Đức Thông	

2744 Whispering Hills Dr., San Jose,	(408) 238-5435
Nguyễn Bá Thủ	
1048 S. 10th St., San Jose, CA 95112	(408)293-4091
Lâm Sanh Thủ	
218 Goldernrain Ct., San Jose, CA 95111	(408) 281-4451
Ngô Thương	
1112 Park Willow Ct., Milpitas, CA 95035	(408) 263-6012
Nguyễn Thường	
2586 Declaration Dr., San Jose, CA 95116	(408) 394-2056
Nguyễn Văn Thường	
1832 Rock Spring Dr. #2 San Jose, CA	(408)297-7514
Trương Thụy	
259 Meridian Ave #18 San Jose, CA 95126	(408) 259-2394
Trần Thị Tính	
3199 Teddington Dr., San Jose, CA 95148	(408) 259-6762
Đỗ Hữu Tín	
4811 Plainfield Dr., San Jose, CA 95111	(408) 972-8080
Bảo Tố	
421 Giannotta Way San Jose, CA 95133	(408) 678-9126
Nguyễn An Toàn	
2231 Emerald Hill Dr., San Jose, CA 95131	(408) 259-6239
Trương Toại	
3565 Sunnydays Ln, Santa Clara, Ca 95051	(408) 423-8552
Phạm Trước	
968 Coventry Way, Milpitas, CA 95035	(408) 946-5686
Nguyễn Trai	
1500 Virginia Pl # 153, San Jose, CA 95116	(408) 272-4636
Lê Trần	
753 Terra Bella Dr. Milpitas, CA 95035	(408) 946-2344
Tạ Chương Trí	
259 14th St. San Pablo, CA 94806	(510) 215-9465
Nguyễn Văn Trợ	
1067 Amberly Ln, San Jose, CA 95121	(408) 528-6673
Truman Như	
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA	(408) 781-3181
Trần Trực	
2866 Las Plumas Dr. San Jose, CA 95121	(408) 227-2818
Lê Doãn Trung	
3016 Oak Bridge Dr., San Jose, CA 95121	(408) 223-6322
Đoàn Ngọc Trường	

4958 Wagonwheel Way, Richmond, CA Nguyễn Thiện Trường	(510) 222-6675
427 S. 5th St # 7, San Jose, CA 95112 Trần Cẩm Tú	(408) 920-0919
243 San Lion Dr. Vaccaville, CA 95688 Quách Tứ	(707) 451-8048
1822 Praire Ln, Stockton, CA 95209 Bùi Tú	(209) 598-9053
2976 Glen Crow Ct, San Jose, CA 95148 Phan Văn Tựu	(408) 270-4507
812 Kyle St, San Jose, CA 95127 Huỳnh Bích Vân	(408) 929-5263
1182 Theoden Ct., San Jose, CA 95121 Victor Dương	(408) 972-1542
2614 Sierra Grande Way, San Jose, CA Nguyễn Thái Vinh	(408) 729-154
422 coloney Crest Dr., San Jose, CA 95123 Dương Quang Vinh	(408) 224-3621
1509 Platt Ave. Milpitas, CA 95035 Nguyễn Vinh	(408) 956-1365
2987 Almond Ave., San Jose, CA 95148 Đinh Văn Xuân	(408) 270-6964
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA Đặng Ngọc Yến	(408) 224-7100
1539 callo Creek Dr., San Jose, CA 95127	(408) 347-1335

Trong danh sách địa chỉ và số phone của Đồng Hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali có những người đã thay đổi nhưng chưa kịp thông báo cho chúng tôi. Kính xin Quý Đồng Hương xin vui lòng cho chúng tôi biết mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc số phone để có thể có những địa chỉ và số phone chính xác vào những lần phát hành kế tiếp. Danh sách này được xem như một bản niêm giám nhỏ mà bạn bè, anh em thường dựa vào để thăm hỏi nhau. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Đồng Hương.

Muốn thay đổi địa chỉ và số phone xin liên lạc:

Đường Anh Đồng

Email: Dongduong2349@aol.com

Phone: (408) 224-7100

THƯ CẢM TẠ



Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali xin chân thành cảm ơn tất cả Quý Đồng Hương, Quý Văn, Thi Hữu đã hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi gửi bài, ủng hộ tài chánh để chúng tôi có đủ điều kiện thực hiện Đặc San Xuân Tân Mão năm 2011.

Tuy nhiên vì số lượng trang báo có giới hạn, có một số bài đã không được đăng trong mùa Xuân năm nay, chúng tôi xin phép được để dành cho Đặc San Xuân năm tới. Kính mong Quý Văn, Thi hữu thông cảm cho.

Sau đây là danh sách Quý Mạnh Thường Quân đã đóng góp trước khi tờ Đặc San Xuân Tân Mão 2011 ấn hành

STT	Ho và Tên	Số Tiền	Thành Phố
1.	Phan Minh Lượng	\$200.00	San Jose, CA
2.	Nguyễn Thị Danh	\$100.00	Hayward, CA
3.	Kelvin Nguyễn	\$100.00	Hayword, CA
4.	BS Peter Linh Nguyễn	\$100.00	San Jose, CA
5.	Đặng Hiếu Kính	\$100.00	Herndon, VA
6.	Bùi Đức Bảo	\$50.00	University, WA
7.	Bà Bùi Thị Tửu	\$50.00	San Jose, CA
8.	Cao Văn Phổ	\$50.00	San Jose, CA
9.	Tạ Chương Trí	\$50.00	San Pablo, CA
10.	Tạ Chương Can	\$50.00	Tacoma, WA
11.	Đoàn Hữu Đức	\$50.00	San Jose, CA
12.	Đỗ Hữu Hạnh	\$50.00	San Jose, CA
13.	Ngô Văn Dũng	\$30.00	Greenboro, NC
14.	Nguyễn Diêu	\$30.00	San Jose, CA
14.	Đắc Đăng & Thu Ba	\$30.00	Everett, MA
15.	Trương Toại (ứng trước)	\$350.00	San Jose, CA
Tổng Cộng		\$1490.00	

Xin chân thành cảm tạ Quý Đồng Hương, Quý mạnh thường quân đã nhiệt tình ủng hộ.

Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

BẢN ĐIỀU LỆ THÀNH LẬP HỘI

(Điều chỉnh lần thứ hai theo bản điều lệ thứ hai,
ban hành ngày 01/08/2003 do Hội trưởng Tony Định ký)

CHƯƠNG I - TỔNG QUÁT

Điều 1. Mục đích:

Đề cao và thắt chặt tình đoàn kết, tương thân tương trợ giữa đồng hương Bình Định hiện đang sống tại vùng Bắc Cali, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tuổi tác.

Điều 2 - Tôn Chỉ:

Hoạt động của Hội nhằm phát huy tinh thần đồng hương, ái hữu trong cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại hải ngoại.

Hội đồng hương Tây Sơn Bình Định Bắc California là một Hội đoàn bất vụ lợi, có lập trường quốc gia vững chắc, tham gia với các Hội đoàn bạn có chung lập trường, không chấp nhận cộng sản dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 3 - Danh xưng:

Danh xưng của Hội là:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Điều 4 - Trụ sở:

Trụ sở của Hội đặt tại địa điểm:

3111 McLaughlin Ave., San Jose, CA 95121

Điện thoại: (408)224-7100

Fax: (408)226-2782

CHƯƠNG II. HỘI VIÊN VÀ THÂN HỮU

Điều 1. Thành phần Hội viên:

Tất cả đồng hương đang sinh sống tại miền Bắc California, đủ điều kiện được xếp vào các thành phần Hội viên sau đây:

1. Hội viên chính thức: có ghi danh, có sinh hoạt,

và có đóng niêm liễm.

2. Hội viên danh dự: gồm quý vị đã đóng góp nhân lực, tài lực xuất sắc cho Hội; kể cả quí thân hữu.

Điều 2. Điều kiện gia nhập Hội:

1. Hội viên phải trên 18 tuổi.

2. Phải Hội đủ một trong các điều kiện sau:

a. Những người sinh trưởng tại Bình Định

b. Những người có cha, mẹ, vợ hoặc chồng sinh trưởng tại Bình Định.

c. Những người không thuộc hai thành phần trên nhưng đã làm việc hoặc sinh sống tại Bình Định.

d. Chấp nhận và thi hành đúng với tôn chỉ ghi ở Chương I, Điều 2 của bản điều lệ thành lập Hội này.

Điều 3. Thân hữu:

1. Những người không đủ tiêu chuẩn Hội viên nhưng có cảm tình và muốn tham gia thì được chấp nhận.

2. Thân hữu không có quyền tham gia ứng cử và bầu cử cũng như các cuộc bỏ phiếu khác.

Điều 4. Quyền lợi và nhiệm vụ:

1. Hội viên và thân hữu đều được mời tham gia các sinh hoạt chung và sự giúp đỡ của Hội trong trường hợp gấp khó khăn.

2. Hội rất hoan nghênh mọi sáng kiến, ý kiến xây dựng và sự đóng góp nhân lực, tài lực một cách tự nguyện của Hội viên và thân hữu.

3. Hội viên chính thức phải duy trì sinh hoạt và đóng niêm liễm.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH.

Điều 1. Nguyên tắc chung:

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California được tổ chức và điều hành

theo nguyên tắc dân chủ và tự nguyện; gồm có các Ban, các Cố Vấn, và các Đại Diện.

Điều 2. Ban Chấp Hành:

1. Khoản 1 - Hội trưởng:

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành và phát triển dựa trên đường lối, tôn chỉ và mục tiêu của Hội.
- Triệu tập và chủ toạ các phiên họp.
- Duyệt ký các văn thư và quyết định liên quan đến hoạt động của Hội.
- Thay mặt Hội hoặc chỉ định đại diện tham dự các sinh hoạt ngoài Hội khi có giấy mời.

2. Khoản 2 - Phó Hội trưởng nội vụ:

- Phụ tá Hội trưởng trong việc điều hành Hội.
- Triệu tập và chủ toạ các phiên họp trong trường hợp Hội Trưởng vắng mặt.
- Nếu Hội Trưởng không thể tiếp tục phần vụ vì bất cứ lý do gì, Phó Hội Trưởng nội vụ đương nhiên thay thế quyền Hội Trưởng đến khi hết nhiệm kỳ.
- Thi hành công tác do Hội Trưởng giao phó.

3. Khoản 3 - Phó Hội trưởng ngoại vụ:

- Liên lạc ngoại giao với các Hội đoàn bạn và các Hội Bình Định ở tiểu bang khác.

- Triệu tập và chủ toạ các phiên họp trong trường hợp Hội trưởng và phó Hội trưởng nội vụ vắng mặt.
- Thi hành các công tác ngoại vụ do Hội trưởng giao phó.

4. Khoản 4 - Tổng thư ký:

- Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Hội.
- Soạn thảo chương trình nghị sự và ghi biên bản các buổi họp định kỳ, bất thường.

- Duyệt ký các văn thư và các quyết định nếu được Hội trưởng uỷ nhiệm.
- Tuỳ theo nhu cầu công tác, có thể có một phó tổng thư ký giúp việc.
- 5. Khoản 5 - Thủ quỹ:
 - Quản thủ ngân quỹ và tài sản của Hội.
 - Thiết lập hệ thống sổ sách kế toán, tài chính.
 - Thu niêm liêm Hội viên và cấp biên nhận.
 - Báo cáo tài chính theo định kỳ hàng năm hoặc theo Ban Chấp Hành yêu cầu.
 - Được lưu giữ một số hiện kim là \$100.00 và số còn lại phải ký thác vào ngân hàng.
 - Mọi chi tiêu trên \$100.00 phải có sự đồng ý của Hội trưởng hoặc có sự chấp thuận trước của Ban Chấp Hành.
 - Tuỳ theo nhu cầu công tác có thể có một phó thủ quỹ giúp việc.
- 6. Khoản 6 - thành phần các ban:
 - Tiết 1: Ban thông tin, báo chí
 - Lập bản tin hoặc đặc san theo định kỳ hay trong các sinh hoạt lớn của Hội.
 - Thông tin, liên lạc trong nội bộ Hội hoặc các cơ quan thông tin báo chí Việt ngữ địa phương khi cần.
 - Tiết 2 - Ban kế hoạch và phát triển
 - Nghiên cứu các kế hoạch để phát triển Hội và tăng Hội viên.
 - Thuyết trình các kế hoạch mới trước Ban Chấp Hành và các buổi họp mở rộng của Hội.
 - Theo dõi và nhắc nhở việc thực hiện kế hoạch của các ban liên hệ khi đã chấp thuận
 - Tiết 3 - Ban văn nghệ và tiếp tân:
 - Phụ trách tiếp tân trong các sinh hoạt lớn của Hội
 - Tổ chức các buổi văn nghệ giúp vui hoặc gây quỹ cho Hội.

- Tiết 4 - ban giao tế xã Hội:
 - Tổ chức thăm viếng và giúp đỡ gia đình Hội viên khi gặp khó khăn hoặc trong các dịp Quan-Hôn-Tang-Tế
 - Giao tiếp với các Hội ái hữu bạn và tổ chức xã Hội khác để phát huy thanh thế và lợi ích của Hội.
 - Tổ chức các buổi khuyến học hằng năm để khuyến khích học vấn các con em trong gia đình Hội viên.
 - Tiết 5: Ban thanh thiếu niên:
 - Đoàn ngũ hoá thanh thiếu niên thuộc gia đình Hội viên để yểm trợ các công tác của Hội.
 - Hướng dẫn thể dục, thể thao, võ thuật cho các gia đình Hội viên.
 - Chịu trách nhiệm kỹ thuật trong các buổi thi đấu thể thao, du ngoạn hoặc sinh hoạt ngoài trời.
7. Khoản 7 - điều bổ sung:
- Thành phần các ban có thể thay đổi theo nhu cầu hoạt động.
 - Một Hội viên có thể tham gia trong nhiều ban khác nhau tùy theo khả năng và tinh thần làm việc.
 - Mỗi ban có một trưởng ban và một hay nhiều nhân viên giúp việc.

Điều 3 - Ban Giám Sát:

Khoản 1 - thành phần:

Ban Giám Sát gồm có ba (03) vị do Đại Hội bầu ra cùng kỳ với Ban Chấp Hành.

Khoản 2- nhiệm vụ:

- Thành viên Ban Giám Sát có quyền tham dự bất cứ phiên họp nào của Ban Chấp Hành.
- Theo dõi, đôn đốc, và giám sát đường lối làm việc của Ban Chấp Hành.

- Kiểm soát việc thu, chi tài chánh và sử dụng tài sản của Hội.
- Giám sát các cuộc bầu cử trong Hội.

Khoản 3 - Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Ban Giám Sát cùng nhiệm kỳ với Ban Chấp Hành.

CHƯƠNG IV - CỐ VẤN.

Điều 1:

- Cố vấn có từ 4 đến 6 vị thuộc về chuyên viên và thân hào, nhân sĩ; có đủ năng lực và tinh thần hoạt động xây dựng Hội.
- Hội trưởng Ban Chấp Hành sẽ mời các cố vấn dưới sự đồng thuận của Ban Chấp Hành.

Điều 2:

- Nhiệm kỳ cố vấn cùng nhiệm kỳ với Ban Chấp Hành.

Điều 3:

- Các cố vấn có nhiệm vụ Tư vấn cho Ban Chấp Hành trong các công tác chung của Hội. Đóng góp ý kiến để Ban Chấp Hành hoạt động, nhằm xây dựng Hội ngày càng tốt đẹp và phát triển.

CHƯƠNG V - BẦU CỬ VÀ NHIỆM KỲ.

Điều 1 - Bầu cử:

1. Tất cả Hội viên chính thức đều có quyền ứng cử và bầu cử vào Ban Chấp Hành.
2. Quyền tái ứng cử, đề cử và tình nguyện đều được hoan nghênh. Không giới hạn số lần nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành.
3. Bầu cử theo thể thức dân chủ, trực tiếp, liên danh từ 3 đến 5 người. Kết quả tính theo tỉ lệ số Hội viên tham gia bầu cử. Nếu hai người đồng phiếu, ai lớn tuổi hơn sẽ đắc cử.

Điều 2 - Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ Ban Chấp Hành, cố vấn là bốn (04) năm.

Điều 3 - Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát, ban cố vấn và các đại diện vùng có nhiệm vụ thành lập Ban bầu cử tân Ban Chấp Hành trước khi mãn nhiệm kỳ sáu (06) tháng. Kết quả bầu cử tân Ban Chấp Hành chậm nhất là một (01) tháng trước ngày mãn nhiệm của Ban Chấp Hành đương nhiệm.

Điều 4 - Ban Chấp Hành đương nhiệm phải bàn giao cho tân Ban Chấp Hành trong vòng một tháng sau ngày có kết quả bầu cử trong một buổi lễ bàn giao do ban bầu cử tổ chức.

CHƯƠNG VI - CÁC ĐẠI DIỆN VÙNG.

Tùy theo nhu cầu hoạt động, các đại diện sẽ được chọn để đại diện Ban Chấp Hành tại các địa phương để duy trì các hoạt động với Hội.

CHƯƠNG VII - KỶ LUẬT VÀ KHEN THƯỞNG.

Điều 1 - Kỷ luật:

1. Tùy theo mức độ vi phạm vào điều lệ và nội quy của Hội, thành viên Ban Chấp Hành có thể bị khai trừ.
2. Một Hội đồng gồm Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát được thành lập để cứu xét trường hợp vi phạm.

Điều 2 - Khen thưởng:

Bất cứ Hội viên, thân hữu, hay thành viên Ban Chấp Hành có công trạng đặc biệt vào hoạt động của Hội, đồng hương, cộng đồng, học đường sẽ được khen thưởng dưới nhiều hình thức.

Hình thức khen thưởng gồm có:

- a. Ghi danh vào sổ vàng của Hội.
- b. Trao bằng tưởng lục hoặc giấy khen.
- c. Trao quà hoặc hiện kim có kèm giấy khen hoặc tưởng lục.
- d. Từ mục tưởng lục trở lên, sẽ được long trọng trao

trong dịp tất niên hoặc picnic Hè hằng năm.

CHƯƠNG VIII - BÃI NHIỆM VÀ TỪ NHIỆM.

Điều 1 - Bãi nhiệm:

Bất cứ thành viên nào của Ban Chấp Hành; kể cả Hội trưởng nếu vi phạm tr?m trọng điều lệ, nội quy của Hội đều bị bãi nhiệm.

Điều 2 - Từ nhiệm:

Thành viên Ban Chấp Hành, ngoại trừ Hội trưởng, muốn xin từ nhiệm phải làm đơn, ghi rõ lý do và gửi đến Ban Chấp Hành.

Điều 3 - Cứu xét:

- § Quyết định bãi nhiệm do một Hội đồng cứu xét.
Hội đồng này gồm có: Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát và các cố vấn.
- § Quyết định từ nhiệm do Ban Chấp Hành cứu xét.
- § Quyết định bãi nhiệm, từ nhiệm phải ban hành chậm nhất là một tháng kể từ ngày xảy ra vi phạm hay nhận đơn từ nhiệm.

CHƯƠNG IX - TU CHÍNH.

Điều 1 - nhất thiết không được Tu chính điều 1 và điều 2 của Chương I. mỗi điều, khoản khác của bản điều lệ này có thể được tu chính theo đề nghị của ít nhất 15 Hội viên chính thức hoặc $\frac{3}{4}$ thành viên Ban Chấp Hành.

Điều 2 - Ban tu chính điều lệ do Ban Chấp Hành thành lập bản dự thảo phải đệ trình ra đại Hội để góp ý, biểu quyết theo đa số các thành viên tham dự.

CHƯƠNG X - GIẢI TÁN HỘI

Điều 1 - Hội có thể giải tán theo quyết định của chính quyền Hoa Kỳ hoặc $\frac{2}{3}$ tổng số Hội viên chính thức và thành viên Ban Chấp Hành yêu cầu.

Điều 2 - Phương cách giải tán và thanh lý tài sản của Hội sẽ

do một uỷ ban của Hội viên quyết định với tỷ số 2/3 tổng số Hội viên chính thức.

CHƯƠNG XI - ĐIỀU KHOẢN LINH TINH.

Điều 1 - Tài sản của Hội gồm hiện vật, hiện kim do Hội tạo ra hoặc do sự biếu tặng vô tư của các Mạnh Thường Quân.

Điều 2 - Ban Chấp Hành có quyền tham khảo ý kiến với các chuyên viên trong và ngoài Hội trên mọi lĩnh vực có lợi ích cho Hội.

Điều 3 - Số thành viên Ban Chấp Hành, Ban Giám Sát và cố vấn có thể điều khuyết sau nếu chưa đủ túc số ấn định lúc bầu cử.

Điều 4 - Bản điều lệ này được phổ biến rộng rãi trong đồng hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California.

San Jose, ngày 21 tháng 01 năm 2011

Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California.

Tony Đinh

2114 SENTER DENTISTRY



NGUYỄN KIM PHUNG, D.D.S.

2114 Senter Rd # 25, San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco, cạnh phòng mạch BS Đặng Phương Trạch)

Tel: (408) 279-2114

CHUYÊN MÔN

**NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA THẨM MỸ**

Phòng mạch mới, dụng cụ tối tân, kỹ lưỡng, nhẹ nhàng
Nhận medical, bảo hiểm, giá discount, đặc biệt cho cash.

Giờ làm việc:

Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Tư, Thứ Sáu: Từ 9:30 am-6:30 pm

Thứ Bảy: Từ 9:30- 2:00 pm

Thứ Năm, Chủ Nhật: Nghỉ.

Khi bị đau nhức, tai nạn xe cộ, trượt té, bong gân:

Xin hãy đến với:



Bác Sĩ Phạm Đức Vượng, D.C.

Liên lạc lấy hẹn ngay trong ngày:

(408) 937-1400

* Bằng hành nghề Liên-Bang và Tiểu Bang Cali *Nguyên Bác-sĩ hướng dẫn, huấn luyện sinh viên sắp tốt nghiệp, Bác sĩ (intern) tại Community Chiropractic Clinic. Đại Học nổi tiếng Dalmer West. *Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (HO 14)

CHUYÊN TRÍ

* Chấn thương do tai nạn xe cộ, thể thao, trượt té, bong gân, đau khớp xương * Nhức đầu, đau nhức vùng cổ gáy, đau nhức tê, mỏi vai, tê tay, tê chân, đau cùi chỏ, cổ tay, gót chân bị thoái.* Mệt mỏi tê cứng bắp thịt do làm việc nhiều hay tay chân khó cầm nắm

ĐẶC ĐIỂM

* Tân tâm, kinh nghiệm, uy tín, trách nhiệm, chu đáo, kỹ lưỡng.
* Phương pháp điều trị hiệu quả, nhẹ nhàng, thích hợp cho riêng từng người - Trang bị máy quang tuyến X ray, máy vật lý trị liệu, máy tập phục hồi chức năng. - Quan tâm săn sóc đến các đồng hướng gặp khó khăn, không bảo hiểm sức khoẻ, các chiến hữu QL/VNCH, lực lượng Cảnh Sát QLVNCH, các bạn cựu tù HO cùng thân nhân và gia đình.- Có nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn giấy tờ cần thiết đòi bồi thường bảo hiểm.- Tham khảo miễn phí, giải thích rõ ràng. - Cấp giấy chứng thương khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn lao động để xin nghỉ việc có lương, bị dụng xe chỉ phải trả tiền chữa bệnh sau khi được bồi thường.- Nhận bảo hiểm, PPO, POS, bệnh phí nhẹ nhàng khi trả cash, tương trưng với quý vị không có bảo hiểm hay lợi tức thấp

Vùng North San Jose: 2380 Montpellier Dr. #100 San Jose, CA 95116

Vùng South San Jose: Lewis Senter Chiropractic: 485 Lewis Dr. San Jose, CA 95111

Giờ làm việc: Thứ 2-6: 9 am-8:00 pm

Thứ Bảy: 9:00 am - 3:00 pm Chủ Nhật & Ngày Lễ: Làm hẹn



ABORN COMPOUND PHARMACY

THUỐC TÂY



Được Giao Tận Nhà... Miễn Phí!

Từ nay quý vị đồng hưởng tại San Jose và vùng phụ cận
không còn phải lo ngại đi mua thuốc Tây nữa:

Xin cử việc giao phó tất cả cho chúng tôi, là quý vị được yên tâm
có đầy đủ thuốc dùng mà không cần bước chân ra khỏi cửa!

- Nếu đã có sẵn toa thuốc:** Chỉ cần gọi số (408) 238-3968 hoặc số (408) 238-8008 là Aborn Compound Pharmacy sẽ cho người tới lấy toa và trao thuốc tận nhà sau vài giờ.
- Nếu đang đi khám bệnh:** Hãy nói với bác sĩ fax toa thuốc và thẻ Medical hay bảo hiểm của quý vị tới số Fax 238-3978 là thuốc sẽ được đưa tận nhà quý vị trong vòng vài tiếng đồng hồ.
- Trường hợp cần mua thuốc theo toa cũ (Refill),** dù trước đây đã mua tại tiệm khác, chỉ việc gọi số (408) 238-3968 hoặc số (408) 238-8008 bất cứ lúc nào, suốt 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần, thuốc sẽ được trao tới tận nhà quý vị vào ngày hôm sau.

CÁC CÔNG VIỆC PHỤC VỤ NÓI TRÊN ĐỀU HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ!
Chúng tôi nhận Medical và hầu hết các loại bảo hiểm.

ABORN COMPOUND PHARMACY

2060 Aborn Rd, #150B (Đằng sau tiệm ăn Red Lobster, góc Capitol Expwy và Aborn Road, San Jose, CA 95121)

Tel: (408) 238-3968 & (408) 238-8008 . Fax: (408) 238-3978

Bãi đậu xe chung với tiệm ăn Red Lobster

Dù trời giông, bão, nắng, mưa...
ABORN tiệm thuốc vẫn đưa tận nhà!®

ĐIỀU QUAN TRỌNG ĐẶC BIỆT:

Bồn tiệm vừa thiết lập xong một phòng bào chế theo đúng tiêu chuẩn Mỹ Quốc, đã được Bộ Y Tế tiểu bang California chuẩn duyệt, để pha chế các thứ thuốc do các bác sĩ kê toa cho bệnh nhân nhưng lại không có bán sẵn trên thị trường (compound), hay các thứ thuốc mà bệnh nhân vẫn quen dùng nhưng nay các hàng bào chế đã ngưng sản xuất vì không còn được nhiều lời, nên không thể tìm đâu ra được, dù là thuốc dùng cho người hay cho gia súc (pets), cả thuốc uống lẫn thuốc bôi ngoài da.



FARMERS[®]



Insurance Agent

Lic. # 0C75026

559 E. SANTA CLARA ST. SAN JOSE, CA. 95111

TEL: (408) 298.3562 * FAX: (408) 298.3563

CHUYÊN CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ VỀ BẢO HIỂM



SỨC KHỎE - XE CỘ - NHÀ CỬA - NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI

- as Giải đáp mọi thắc mắc về bảo hiểm
- as Chung tôi có giá thuê rẻ cho good driver, có discount cho người lái 2 xe trở lên, có bằng cấp đại học
- as Có chương trình term life 10 năm chỉ có \$15.88/tháng cho người 45 tuổi
- as Bảo hiểm sức khỏe của Blue Cross chỉ có \$60/tháng cho người từ 19-29 (basic Hospital plan)
- as **Quý vị sẽ được hài lòng khi đến với chúng tôi**

\$262/năm
cho người hội đủ
điều kiện

Có chương trình
Low Cost Insurance

Xuân
Tân
Mão

AAA là một thành phần của cộng đồng người Việt!

Auto Insurance	Motorcycle Insurance
Homeowners Insurance	Life Insurance & Annuities

Insurance Service as reliable as our trusted Emergency Road Service

- 24 hour claims service, 7 days a week
- Many discounts and other valuable Member services

Call for an insurance quote today!

AAA Oakridge

5340 Thornwood Dr., San Jose CA 95123

DOUGLAS (DUC) LE

408-574-2288

Điều kiện dễ dàng - phục vụ chuyên nghiệp



CA License # 0175868



Insurance



Bác Sĩ YKhoa **ĐĂNG PHƯƠNG TRẠCH**, M.D.
NHI KHOA VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

-Tốt nghiệp chuyên môn Nhi khoa tại King Drew Medical Center tại Los Angeles, CA.

- Hội viên Hội Hàn Lâm Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics)

CHUYÊN TRÍ

* Bệnh trẻ sơ sinh, trẻ em và thanh thiếu niên. Khám định kỳ, nhập học, chủng ngừa, giới thiệu chương trình WIC.

* Bệnh tổng quát người lớn: Bệnh tim và mạch máu, phổi và đường hô hấp, tiêu hoá, thận và đường tiểu, nội tiết và biến dưỡng, bệnh thần kinh, bệnh mắt, tai, mũi, họng, bệnh nhiễm trùng, phong thấp, bệnh máu, bệnh ngoài da, bệnh dị ứng Allergy

* Khám sức khoẻ định kỳ, truy tầm ung thư, chích ngừa

* Thủ máu và thử nước tiểu tại phòng mạch

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL- BẢO HIỂM

SENTER MEDICAL OFFICE

2114 Senter Road. Suite 24 San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco wholesale tiện đường xe bus 73)

Tel. (408) 293-2188

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM-6PM

Thứ Năm: 9AM-12 PM; Thứ Bảy: 9AM-2 PM

BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA

CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THẨM THAI, ĐỖ ĐẺ, MỔ ĐẺ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BUỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỦ CUNG VÀ CẮT TỬ CÙNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

C.P.TAX, INC.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN & CỔ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP

NGO V. TRAN

B.S. Business Administration (Accounting)

Active Member, National Society Tax Professionals

Active Member, National Society of Accountants

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer

Active Member, National Society Tax Professionals

TAX RETURNS

* Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations



ELECTRONIC
TAX FILING

FAST REFUNDS

- Bảo mật tuyệt đối
- Tiết kiệm (lì phi phải chăng)
- Chuyên nghiệp
- cho thàn chủ
- Tham khảo miễn phí
- Hoạt động quanh năm
- Thành Tin

GIÚP QUÝ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ ĐÚNG TIÊU CHUẨN
KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ, HẦU GIÚP THẦN CHỦ ĐÓ LO VỀ AUDIT

Office Hours: 9 AM to 8PM

Monday to Sunday

1694 Tully Rd., Ste. F
San Jose, CA 95122
(Góc Tully & King)

Bus. (408) 223-1150

Fax: (408) 528-0918

Toll Free: 888-NGO-9900

E-mail: Ngotran99@aol.com

NGỌC MAI IMMIGRATION SERVICES

Bảo lãnh - Du lịch - Du học - Ly dị
MAI UYÊN THỊ BÙI OWNER

1974 Aborn Rd, San Jose, CA 95121

Xin gọi: Mai Uyên

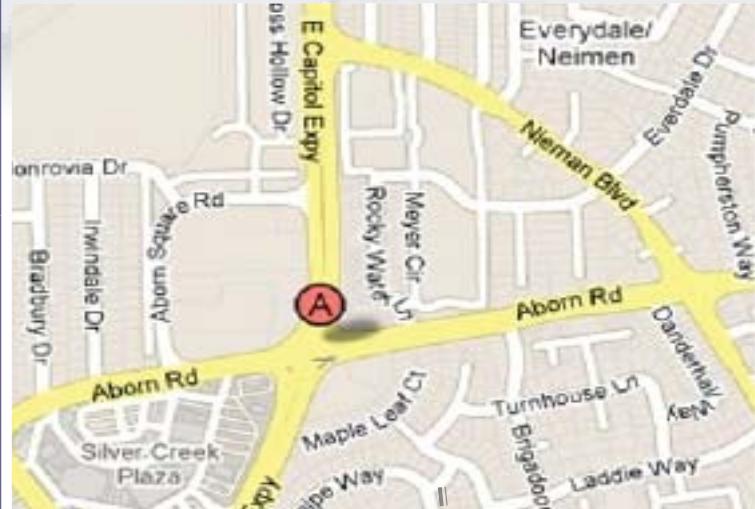
Phone: (408) 223-2813

(408)386-4370

Fax: (408) 350-2635

Email: ngocmaiservices@yahoo.com

www.baolanhangocmai.com



Universal Construction



KEVIN NGUYEN

Cung Chúc Tân Xuân

- * Xây cất nhà mới (lầu, trêch), làm thêm phòng, sửa chữa trong và ngoài.
- * Làm nhà bếp, phòng tắm, sàn nhà, sơn v.v..
- * Công ty chúng tôi có nhiều năm kinh nghiệm, tận tâm, kỹ lưỡng, giá cả phải chăng.

Xin gọi: Kevin Nguyễn

Free estimate and visit available

Licensed, bonded and insured

Licensed Number: 891279

Phone: (510) 875-4038

Email: customerservice@universalcustombuilders.com

Website: universal@universalcustombuilders.com



Bác Sĩ

Peter Linh Nguyễn



Diplomate American Board of Family Practice

Y KHOA TỔNG QUÁT- NHI KHOA- Y KHOA GIA ĐÌNH

749 Story Road, Suit 20, San Jose, CA 95122

Tel: (408) 794-2088

**Tiện đường xe Bus và cách 2 con đường từ
Trung Tâm Việt Nam Grand Century Mall**

*Stanford University School of Medicine: Adjunct Clinical Instructor
California Medical Association Leadership Academy Scholarship
Certificate of Special congressional Recognition*

Chuyên trị các bệnh:

- * Nóng sốt, ho, sưng phổi, tiêu chảy
- * Nội thương toàn khoa trẻ em và người lớn
- * Bao tử, gan, táo bón, tiểu ra máu
- * Ngoài da, mụn, phong ngứa, nấm và bướu da
- * Allergy và các chứng dị ứng, nổi mề đay
- * Áp huyết cao, dư chất mỡ
- * Thận và đường tiểu, tiểu gắt, ra máu
- * Cần giải phẫu

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 am-6:00 pm

Thứ Ba 11:00 am-8:00 pm

Thứ Bảy Bệnh nhân có hẹn trước

* Xin vui lòng hẹn trước

* Nhận Medical, Medicard và các loại bảo hiểm



CHAU PHARMACY



Dược Sĩ NGỌC HOA THỊ CHÂU

* Bán thuốc theo toa Bác Sĩ

* Nhận Medical và Bảo Hiểm

SUN PLAZA

2559 S.King Road

San Jose, CA 95122

Tel: (408) 532-1490

Fax: (408) 532-0899

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai- Thứ Sáu

10:00 Sáng- 7:00 Chiều

Thứ Bảy:

10:00 Sáng- 6:00 Chiều

Chủ Nhật: Đóng cửa



3111 Mc laughlin Ave.
San Jose, CA 95121

You choose the right one

Harrison Tran

Broker Associate / Loan Consultant

Cung Chúc Tân Xuân

- * Chuyên viên địa ốc giàu kinh nghiệm
- * Mua bán nhà, condo, townhouse, duplex, triplex, fourplex, mobile home và các cơ sở thương mại...
- * Bảo vệ quyền lợi tối đa của quý thân chủ
- * Hướng dẫn quý vị mua bán nhà tận tâm
- * Phục vụ các chương trình loan cho người mua nhà
- * Chuyên môn giúp mua, bán nhà SHORT SALES
- * Giúp mua nhà REO giá rẻ

Xin liên lạc:

Harrison Trần

Broker Associate and Loan Consultant

DRE # 01164885

Direct Phone: (408) 858-7708

Efax: (408) 213-8388

Email : harrison_tran2000@yahoo.com

LUONG GARAGE DOOR SERVICES

Cung Chúc Tân Xuân

CA STATE LIC. # 692107 AND BOND



- * Professional installed sectional doors and automatic openers cho thương mại và gia cư.
- * Bắt tất cả cái loại openers như: Lift master, Chamber land, Genee, Craftman, Jackshaft opener cho garage thấp
- * Sửa opener và thay lò xo gãy
- * Quality Workmanship at affordable price

Xin liên lạc:

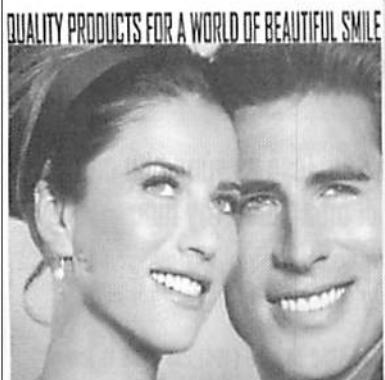
LUƠNG

Business: (408) 858-0851

Cell: (408) 207-8363

Home: (408) 281-9361

Chúc Chúc Tân Xuân



HI-TECH DENTAL SPA

General Dentistry for Adults & Children

Một Trung Tâm Nha Khoa uy tín, hiện đại,
nổi tiếng nhất vùng Bay Area.

NHA KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN & TRẺ EM:

- Chính nha orthodontic braces
- Nha Khoa Implant
- Nha Khoa và Periodontic (Giải Phẫu Nướu Răng)
- Chuyên Thẩm Mỹ Nha Khoa (Veneer, Lava, Capped, Empress)
- Các bác sĩ Nha Khoa kinh nghiệm và nổi tiếng,
đã làm hội viên Nha Khoa Quốc Tế và Hoa Kỳ.

3161 Senter Road, Suite G
San Jose, CA 95111

408.363.1787

Open: Monday - Sunday

COUPON

Time-limited ONLY
**FREE
TẨY TRẮNG
RĂNG
16 minute**

Lưu ý: Cảnh báo mòn sứ
sau khi tẩy trắng. Trong
những trường hợp đặc biệt

COUPON

Time limited ONLY
**ONLY
\$70
TEETH
WHITENING**

Giá gốc \$200
Tascaホルム ONLY

COUPON

Time limited ONLY
**\$1
CASH PATIENT**

Giá gốc \$100

FAÇADE

LONDON - PARIS - NEW YORK

NATURE OF BEAUTY



COSMETICS

1-888-FACADE or 1-888-322-2331



NATURE OF BEAUTY

Mỹ phẩm nổi tiếng và được khen ngợi với những sản phẩm sau đây:

- Hair Care: Dầu gội dầu trị rụng tóc và gầu
- Skin Care: Kem làm sáng mịn da, kem trị nám, tàn nhang, dôi môi
- Body Care: bath gel trị ngứa da
- Cosmetic: phấn, son không phai.





1 NOODLE HOUSE

OPEN 7 DAYS A WEEK

1660 E. Capitol Expwy.
San Jose, CA 95121
408/ 274-1769

2050 Concourse Dr.
San Jose, CA 95131
408/526-0880

Cung Chúc Tân Xuân



Tin chân động khách đồng hương tại San Jose và các vùng phụ cận, những vị cần mua bàn ghế, giường, tủ. Nhiều kiểu, nhiều màu mới. Phẩm chất tốt, giá rẻ không ngờ.

Sam's Carpet & Furniture đang đại lý cho các hãng nổi tiếng trên thế giới hiện nay về kỹ nghệ bàn ghế, giường, tủ bằng gỗ tốt, bền, chắc, đẹp, thời trang. Ngoài ra, Sam's Carpet & Furniture còn chuyên cung cấp thảm, sàn gỗ, laminate, ceramic tile, ... Tất cả mặt hàng hiện có tại Sam's Carpet & Furniture đều giảm giá từ 30% đến 70%. Giá mua gần như quà tặng.

Hiện Sam's Carpet & Furniture đang làm đại lý cho Hàng Nệm "Mengshen" tại vùng Bắc Cali. Phòng trưng bày rộng rãi, khang trang, đẹp mắt. Bãi đậu xe rộng rãi, an toàn, thuận tiện.

Anh Sam là người giàu kinh nghiệm trong nghề, vì đã được phục vụ quý đồng hương gần 20 năm qua tại Tully Furniture & Carpet. Nay anh Sam khai trương tiệm mới và dịch thân di chuyển tại địa điểm trên để phục vụ quý đồng hương hữu hiệu hơn. Với khách hàng cũ sẽ có giá thật đặc biệt.

Kính mời quý đồng hương đến xem hàng mẫu và chọn cho mình một sản phẩm thích hợp nhất mà tại Sam's Carpet & Furniture đang có và đại lý.

Tel: (408) 238 - 2298
Fax: (408) 238 - 2223

Mở cửa 7 ngày trong tuần:
9.00AM đến 07.00PM

Quý vị muốn đổi Furniture mới, kiểu dáng sang trọng, mới lạ với giá đặc biệt chỉ có tại:

SAM'S CARPET & FURNITURE

2298 Quimby Rd, San Jose, CA 95122
(góc Capitol Exp. đối diện Circuits City, Eastridge Shopping Center)

Chúc Mừng Năm Mới

2011



SHORT SALE &
BANK OWNED SPECIALIST



1988-2010

TONY DINH

(408) 224-7100 | (408) 590-2774

TOLL FREE: 1-800-398-9612

EMAIL: TONYDINH@AOL.COM

WEBSITE: WWW.C2IA1NETWORK.COM



Gould Shopping Center
3111 McLaughlin Ave
San Jose, CA 95121

Nhân dịp Xuân về, Tony Dinh, Kim Dinh và toàn thể nhân viên công ty địa ốc Century 21 A-1 Network và City Financial Network xin kính chúc quý vị
thân chủ, quý đồng hương một năm mới An Khang và Thịnh Vượng.

Sale Pending



Nhà đẹp, mới 12 tuổi, có 4PN, 2.5PT, rộng 2291 sf., đất rộng 5802sq.ft., có phòng khách, phòng giải trí, phòng ăn riêng, mái ngói, máy lạnh, water softener, gần trường học, park, chợ, freeway; etc

San Jose, CA

Giá: \$559,950



Apartment ở gần Campbell, 5 căn có 2 phòng ngủ, 1 phòng tắm, 3 căn có 1 phòng ngủ, 1 phòng tắm, rộng 5484 sf, có phòng giặt & sấy, có carport, parking rộng rãi, fully rented, khu vực tiện lợi dễ cho mướn.

San Jose, CA

Giá: \$919,950

QUÝ VỊ CÓ NHU CẦU MUA NHÀ BANK OWNED HOẶC BÁN NHÀ SHORT SALE HAY MUỐN
BIẾT THÊM CHI TIẾT XIN HÃY LIÊN LẠC VỚI ANH TONY DINH



KIM DINH
LOAN MANAGER
(408)828-7397

CITY FINANCIAL NETWORK

- Tiền lời rất thấp, cơ hội tốt để mua nhà hoặc làm refinance
- Làm Pre-approval trước khi làm offer mua nhà.
- Lấy tiền ra từ bất động sản để đầu tư hoặc làm Business.

Xin gọi Kim Dinh hoặc Stephanie Nguyen
Bus: 408-227-8110 or 224-7100

Fax: 408-227-8224

eMail: Cityfiancialnw@yahoo.com



STEPHANIE NGUYEN
SR. LOAN OFFICER
(408)828-3939

California Department of Real Estate, Broker License #01464909



VINH DINH
408-887-1563

Century
21®

A-1 Network
Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expw
San Jose, CA 95121
(408) 574-3878 | (408) 574-3870
Email: homes@vinhdinh.com
Website: www.vinhdinh.com



HA LE
408-667-1590

Nhân dịp Xuân về Vinh Dinh & Hà Lê xin kính chúc quý vị thân chủ, quý đồng hương một năm mới An Khang và Thịnh Vượng.

MUA NHÀ

- Bảo đảm quyền lợi tối đa cho quý thân chủ
- Tận tâm tham khảo từng ưu khuyết điểm của căn nhà sắp mua
- Mua nhà tốt với giá rẻ
- Cung cấp danh sách nhà mới nhất trên thị trường

BÁN NHÀ

- Free định giá nhà bán trên thị trường
- Bán nhà với lệ phí thật nhẹ nhàng
- List nhà trong MLS Listing
- Tận tâm làm open house để bán cho nhanh chóng

LOAN

- Có nhiều chương trình cho vay với lãi suất thấp, tiền lãi suất rẻ.
- Lãi suất đang thấp, quý vị có nhu cầu muốn trả tiền nhà hàng tháng rẻ hơn, có thể mở hồ sơ trước.
- Xin liên lạc Hà Lê để biết thêm chi tiết.

Quý vị có nhu cầu mua nhà bank owned hoặc bán nhà short sale hay muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với Vinh Dinh & Hà Lê

California Department of Real Estate, License #01352876



Allstate Insurance Company
Allstate Life Insurance Company

TRẦN THU PHƯỢNG



TRẦN THU PHƯỢNG
Senior Account Agent
Lic. #0681626



Catherine Cúc Trần
Sales Producer
Lic. #0B72168

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00am - 6:00pm
Thứ Bảy:
10:00am - 2:00pm

XE CỘ:

- Good driver discount
- Distinguished driver discount
- Home and auto discount
- Multicar discount
- Good student discount

NHÀ CỬA:

- Chúng tôi nhận bảo hiểm nhà cửa toàn tiểu bang California. Policy được issued từ văn phòng và bảo đảm gói tới Title Companies hay Mortgages trong 10 phút
- Không cần gắn valve cho động đất

NHÂN THỘ:

- Discount khi bạn có xe hoặc nhà bảo hiểm với hãng Allstate
- Perfect health discount
- Non smoker discount
- Lấy trước 50% (Call for information)

THƯƠNG MẠI:

- Bảo hiểm xe thương mại rẻ nhất vùng
- Bảo hiểm tiệm, wholesale, retail, building, office, service đủ loại

SỨC KHOẺ

- Anthem Blue Cross cho bảo hiểm sức khỏe.

**TOP AGENT FOR MORE THAN 20 YEARS!
YOU ARE IN GOOD HANDS!**



WING HOÀNG
Life Producer
Lic. #7G40050



EDWARD NGUYỄN
Sales Producer
Lic. #0D38767



Nathan Nhựt BÙI
Sales Assistant



Cung Chúc Tân Xuân



DONG DUONG

Real Estate Broker

DRE # 01342849

(408) 406-9585

Email: Dongduong2349@aol.com

Fax: (408) 227-8224

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC

NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

* Chuyên nghiệp, tận tâm, kín đáo

* Đảm trách mọi dịch vụ mua bán Nhà, Đất, Mobile Home, Town House, Duplex, Fourplex và các cơ sở thương mại

* Định giá nhà miễn phí

* Có nhiều kinh nghiệm mua, bán nhà

SHORT SALE và BANK OWNED.

You've got a family DOCTOR and a family ATTORNEY. *But do you have a family REAL ESTATE PROFESSIONAL?*

**Call TRUMAN today
for your
free copy of this
important
special report!**

**There is no
obligation!!!**

YOUR FAMILY'S CONCERNS are, no doubt, of utmost importance to you. After all, what's more important than the well-being of those you love? When a medical emergency arises, you consult a specialist. When you face a legal issue, you turn to a trusted professional with the experience and skill to handle your needs. It's the same when it comes to real estate.

BUYING OR SELLING a property is one of the most important steps your family can take. Why trust those crucial decisions to chance? The time to choose a real estate professional is before you need one. That's where Truman can help. He's been one of Century 21 A-1 Network leading agents for the better part of a decade. Helping families like yours isn't just his job, it's his commitment. Before you buy or sell your next property, don't you owe it to yourself and your family to at least find out how his unique brand of personal service and extraordinary results can make a difference?

CALL FOR YOUR COPY of Truman's personal brochure. He'll also include his free special report: **"How to avoid the most common error when selling your investment property."** Whether or not you decide to work with Truman, he simply wants to make sure you experience the kind of real estate service you deserve - the very best. Call him today. You'll be glad you did.



**Truman Nhu
408-225-2125**

California Department of Real Estate, Broker License #01110101